

Số: 237 /TTr-UBND

Thanh Hoá, ngày 29 tháng 11 năm 2019

### **TỜ TRÌNH**

**Về việc chấp thuận Danh mục dự án phải thu hồi đất, chuyển mục đích sử dụng đất trồng lúa, đất rừng phòng hộ và Quyết định chủ trương chuyển mục đích sử dụng rừng phòng hộ, rừng sản xuất trên địa bàn tỉnh Thanh Hoá năm 2020**

Kính gửi: Hội đồng nhân dân tỉnh Thanh Hóa.

Căn cứ Khoản 3, Điều 45, Khoản 1, Điều 58, Khoản 3, Điều 62, Luật Đất đai năm 2013.

Căn cứ Điều 14, Điều 19, Điều 20, Luật Lâm nghiệp năm 2017;

Căn cứ Khoản 4, Điều 9, Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai;

Căn cứ Khoản 11, Điều 2, Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06/01/2017 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số Nghị định quy định chi tiết thi hành Luật Đất đai;

Căn cứ Khoản 3, Điều 41, Điều 42, Nghị định số 156/2018/NĐ-CP ngày 16/11/2018 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Lâm nghiệp;

Căn cứ Kết luận số 45-KL/TU ngày 19/10/2016 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về tiêu chí xác định những dự án quan trọng cần xin ý kiến Ban Thường vụ Tỉnh ủy trước khi quyết định đầu tư,

Trên cơ sở Kết luận của Ban Thường vụ Tỉnh ủy tại hội nghị ngày 27/11/2019 và đề nghị của Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 1223/TTr-STNMT ngày 29/11/2019, UBND tỉnh báo cáo, trình Hội đồng nhân dân tỉnh xem xét, chấp thuận Danh mục dự án phải thu hồi đất và chuyển mục đích đất lúa, đất và rừng phòng hộ, rừng sản xuất trên địa bàn tỉnh Thanh Hoá năm 2020 với các nội dung chính sau:

#### **I. Kết quả thực hiện danh mục dự án cần thu hồi đất năm 2019**

##### **1. Các dự án được cấp thẩm quyền chấp thuận, phê duyệt**

1.1. Nghị quyết số 121/NQ-HĐND, ngày 13/12/2018 của HĐND tỉnh Khóa XVII thông qua danh mục dự án cần thu hồi đất năm 2019, theo đó: Chấp thuận việc thực hiện 1.342 công trình, dự án để phát triển kinh tế - xã hội vì lợi ích quốc gia, công cộng trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa năm 2019 mà phải thu hồi đất, diện tích 1.939,72 ha, cụ thể:

Được lấy từ các loại đất:

Đất Lúa (LUA): 1.235,99ha;

Đất rừng sản xuất (RSX): 90,43ha;

Đất nông nghiệp còn lại: 354,0ha;

Đất phi nông nghiệp: 243,48ha;

Đất chưa sử dụng (CSD): 15,81ha.

1.2. Quá trình thực hiện, để giải quyết kịp thời nhu cầu đầu tư các dự án phát triển kinh tế - xã hội mà phải thu hồi đất (các dự án này không có trong kế hoạch sử dụng đất của các huyện, thị xã, thành phố đã được phê duyệt), HĐND tỉnh đã chấp thuận bổ sung thu hồi đất 351 công trình, dự án với tổng diện tích 1.518,95 ha tại các Nghị quyết: Số 160/NQ-HĐND ngày 14/4/2019 (90 công trình, dự án với diện tích 773,04 ha); số 190/NQ-HĐND ngày 10/7/2019 (261 công trình, dự án với diện tích 785,91 ha); số 216/NQ-HĐND ngày 16/10/2019 (20 công trình, dự án với diện tích 105,57 ha); số 217/NQ-HĐND ngày 16/10/2019 (01 công trình với diện tích 33,7 ha).

Như vậy, trong năm 2019 Hội đồng nhân dân tỉnh đã chấp thuận 1.714 công trình, dự án phải thu hồi đất với tổng diện tích 3.637,94 ha.

2. Kết quả cụ thể: Theo báo cáo của UBND các huyện, thị xã, thành phố về quá trình tổ chức thực hiện thu hồi đất, kiểm kê, bồi thường để thực hiện các dự án đầu tư, dự kiến đến 31/12/2019 toàn tỉnh thu hồi đất được 1.358,83 ha đạt 37,35 % (riêng số lượng dự án được thực hiện 1.003 dự án, đạt 58,52%), cụ thể từng loại hạng mục công trình như sau:

(1). Đối với các công trình, dự án Khu dân cư, xen cư đô thị (kế hoạch 1.232,80 ha với 115 công trình, dự án); đã thu hồi đất được 146,41 ha, đạt 11,88% với 59 công trình, dự án được thực hiện, đạt 51,30 %. Một số dự án có diện tích lớn chưa thực hiện được do Thủ tướng Chính phủ đang xem xét việc chuyển mục đích sử dụng đất trồng lúa như: Khu đô thị sinh thái, vui chơi giải trí cao cấp và du lịch biển Sầm Sơn với diện tích 521,59 ha; dự án Khu dân cư trung tâm xã Đông Tân diện tích 40,5 ha; dự án Khu đô thị mới thuộc Khu đô thị Nam thành phố Thanh Hóa diện tích 67,623 ha; dự án Khu dân cư Bắc đường Nguyễn Công Trứ diện tích 32,6 ha; dự án Khu dân cư đô thị mới Nam Bim Sơn diện tích 129,24 ha; dự án Khu đô thị mới Sao Mai diện tích 43,438 tại huyện Triệu Sơn....).

(2). Đối với các công trình, dự án Khu dân cư, xen cư nông thôn (kế hoạch thu hồi đất 989,02 ha với 845 công trình, dự án); đã thu hồi đất được 460,63 ha, đạt 46,57% với 468 công trình, dự án được thực hiện, đạt 51,30 %. Một số dự án có diện tích lớn chưa triển khai được như Khu tái định cư đường Trung tâm thành phố Thanh Hóa nối với Cảng hàng không Thọ Xuân diện tích 41,000 ha tại thành phố Thanh Hóa; dự án Khai thác đất ở, thương mại dịch vụ của Công ty Cổ phần Việt Thanh diện tích 13,9 ha tại huyện Hoằng Hóa và các dự án khai thác quỹ đất để đấu giá quyền sử dụng đất trên địa bàn các huyện có diện tích nhỏ...) do nguồn ngân sách bố trí để thực hiện chưa kịp thời hoặc đang trong quá trình thẩm định phê duyệt mặt bằng quy hoạch chi tiết.

(3). Đối với dự án Trụ sở cơ quan nhà nước (kế hoạch thu hồi đất 46,23 ha với 845 công trình dự án); đã thu hồi 13,04 ha đất, đạt 28,21% với 21 công trình, dự án, đạt 56,76%. Các công trình, dự án chưa thực hiện được chủ yếu do thiếu vốn đầu tư hoặc nguồn ngân sách bố trí chưa kịp thời.

(4). Đối với dự án Trụ sở cơ quan công trình sự nghiệp (kế hoạch thu hồi 0,92 ha đất với 3 công trình, dự án); đã thu hồi đất được 0,92 ha, cho 3 công trình, đạt 100,00%;

(5). Đối với công trình, dự án Cụm công nghiệp (kế hoạch thu hồi 317,00 ha đất với 20 công trình, dự án); đã thu hồi được 167,76 ha đất, đạt 52,92% với 9 công trình, dự án thực hiện, đạt 45,00%. Một số dự án chưa triển khai như: Cụm công nghiệp và đô thị Tiên Trang 17,9 ha tại huyện Quảng Xương; cụm công nghiệp Quảng Châu – Quảng Thọ thành phố Sầm Sơn 23,8 ha, cụm công nghiệp Vĩnh Minh, huyện Vĩnh Lộc 20,57 ha....).

(6). Đối với các công trình, dự án Giao thông (kế hoạch thu hồi 368,29 ha đất với 195 công trình, dự án): Đã thu hồi được 151,35 ha đất, đạt 41,10% với 142 công trình, dự án được thực hiện, đạt 72,82%. Một số dự án chưa triển khai như: Khu bảo dưỡng bảo trì máy bay 78,15 ha huyện Thọ Xuân; mở mới tuyến đường Quốc lộ 47 với Quốc lộ 45 diện tích 23,00 ha trên địa bàn huyện Đông Sơn...); việc triển khai dự án chậm do chủ yếu chưa có vốn đầu tư.

(7). Đối với các công trình, dự án Thủy lợi (kế hoạch thu hồi 250,32 ha đất với 81 công trình, dự án): Đã thu hồi đất được 229,27 ha, đạt 91,59 % với 68 công trình, dự án được thực hiện, đạt 83,95% kế hoạch. Các công trình thủy lợi chủ yếu là công trình xử lý đê được cơ quan có thẩm quyền ghi vốn thực hiện trong năm.

(8). Đối với các công trình, dự án Năng lượng (kế hoạch diện tích thu hồi đất 38,01 ha với 83 công trình, dự án): Đã thu hồi đất được 4,20 ha, đạt 11,05% với 60 công trình, dự án được thực hiện, đạt 72,29%. Trong đó dự án Mở rộng nhà máy điện mặt trời 21,2 ha tại huyện Yên Định chưa được cơ quan có thẩm quyền cho phép chuyển mục đích đất lúa do đó chưa thực hiện.

(9). Đối với các công trình, dự án sử dụng vào mục đích đất Cơ sở văn hóa (kế hoạch thu hồi đất 21,45 ha với 27 công trình, dự án): Đã thu hồi 8,35 ha, đạt 38,93% với 6 công trình, dự án được thực hiện, đạt 22,22%. Một số huyện tỷ lệ thấp như huyện Quảng Xương, huyện Thọ Xuân..., nguyên nhân chủ yếu do các huyện chưa kịp thời phân bổ vốn để thực hiện.

(10). Đối với các công trình, dự án sử dụng vào mục đích đất Thể dục, thể thao (kế hoạch thu hồi đất 37,98 ha với 53 công trình, dự án): Đã thu hồi đất được 17,28 ha, đạt 45,50% kế hoạch với 31 công trình, dự án, đạt 58,49% kế hoạch.

(11). Đối với các công trình, dự án Cơ sở y tế (kế hoạch diện tích thu hồi 3,31 ha đất với 12 công trình, dự án): Đã thu hồi 2,46 ha đất, đạt 74,34% kế hoạch diện tích với 8 công trình, dự án được thực hiện, đạt 66,67% kế hoạch.

(12). Đối với các công trình, dự án Cơ sở giáo dục - đào tạo (kế hoạch diện tích thu hồi 112,86 ha đất với 64 công trình, dự án): Đã thu hồi 20,93 ha đất, đạt 18,54% với 36 công trình, dự án được thực hiện, đạt 56,25% kế hoạch. Riêng dự

án Thành phố Giáo dục quốc tế tại thành phố Thanh Hóa với diện tích 84,2 ha chưa triển khai thực hiện.

(13). Đối với các công trình, dự án Chợ (kế hoạch diện tích thu hồi 17,24 ha đất với 28 công trình, dự án): Đã thu hồi 5,48 ha đất, đạt 31,79% với 8 công trình, dự án được thực hiện, đạt 28,57% kế hoạch. Một số huyện chưa thực hiện như: Thị xã Bỉm Sơn và các huyện Hà Trung, Thiệu Hóa, Cẩm Thủy, Ngọc Lặc.

(14). Đối với các công trình, dự án Thu gom, xử lý chất thải (kế hoạch thu hồi 20,22 ha đất với 11 công trình, dự án): Đã thu hồi được 1,27 ha đất, đạt 6,29 % với 3 công trình, dự án được thực hiện, đạt 27,27% kế hoạch. Một số huyện chưa thực hiện hoặc đạt thấp như: Thành phố Sầm Sơn đạt 0%, huyện Thạch Thành đạt 0%, huyện Cẩm Thủy 0%, huyện Thiệu Hóa đạt 27%;

(15). Đối với các công trình, dự án Cơ sở tôn giáo (kế hoạch thu hồi 23,76 ha đất với 22 công trình, dự án): Đã thu hồi được 14,15 ha, đạt 59,56% với 8 công trình, dự án, đạt 36,36%, điển hình đạt thấp như: Thành phố Thanh Hóa, huyện Hà Trung, huyện Nông Cống, huyện Thiệu Hóa, huyện Cẩm Thủy...

(16). Đối với các công trình, dự án Sinh hoạt cộng đồng (kế hoạch thu hồi 18,22 ha đất với 79 công trình, dự án): Đã thu hồi đất được 12,18 ha, đạt 66,84% với 51 công trình, dự án, đạt 64,56% kế hoạch; điển hình đạt thấp như: Thành phố Sầm Sơn, huyện Hoằng Hóa, huyện Triệu Sơn, huyện Ngọc Lặc, huyện Mường Lát...

(17). Đối với các công trình, dự án Nghĩa trang, nghĩa địa (kế hoạch thu hồi 10,94 ha đất với 15 công trình, dự án): Đã thu hồi đất 7,83 ha, đạt 71,57% với 12 công trình, dự án, đạt 80,00% kế hoạch.

(18). Đối với các công trình, dự án Di tích lịch sử văn hóa (kế hoạch thu hồi 22,23 ha đất với 17 công trình, dự án): Đã thu hồi đất để thực hiện 15,31 ha, đạt 68,87%; số dự án thu hồi đạt được 8/17 dự án, đạt 47,06%

(19). Đối với các công trình, dự án Bru chính viễn thông (kế hoạch thu hồi 0,08 ha đất với 4 công trình): Đã thu hồi đất 0,01 ha, đạt 12,50% với 1 công trình, đạt 25,00% kế hoạch.

(20). Đối với các công trình, dự án Thăm dò khai thác khoáng sản (kế hoạch thu hồi 103,08ha đất với 2 công trình, dự án): Đã thu hồi 80,00 ha, đạt 77,61% với 1 công trình, dự án, đạt 50,00% kế hoạch. Riêng dự án khai thác mỏ sét Kaolin diện tích 23,08 ha tại huyện Lang Chánh chưa được triển khai.

(21). Đối với các công trình, dự án Chế biến nông, lâm sản tập trung (kế hoạch thu hồi 4,00ha đất với 1 dự án chế biến nông, lâm hải sản tại xã Hưng Lộc, huyện Hậu Lộc): Năm 2019 không thực hiện được, đạt 0%.

#### *Đánh giá chung:*

- Ngay từ đầu năm, UBND tỉnh đã ban hành Kế hoạch số 31/KH-UBND ngày 30/01/2019 về giải phóng mặt bằng (GPMB) để thực hiện các dự án đầu tư có sử dụng đất trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa năm 2019; hằng tháng tổ chức hội nghị giao ban để đánh giá, kiểm điểm, thống nhất biện pháp, xác định tiến độ GPMB để đẩy nhanh tiến độ triển khai thực hiện từng dự án cụ thể.

- UBND các huyện, thị xã, thành phố rà soát và xây dựng kế hoạch thực hiện GPMB của địa phương mình; đồng thời, tổ chức hội nghị đối thoại, làm việc với người dân để vận động, thuyết phục các hộ dân bàn giao mặt bằng tại các dự án đã được phê duyệt thu hồi đất, phê duyệt phương án bồi thường, GPMB, tạo sự đồng thuận, thống nhất về nhận thức, tư tưởng và hành động của các cấp ủy đảng, chính quyền và nhân dân để triển khai các dự án đúng tiến độ.

- UBND các huyện, thị xã, thành phố đã có nhiều cố gắng, chủ động tìm kiếm, kêu gọi các nguồn vốn để có thể huy động được triển khai các dự án, khai thác tốt quỹ đất đầu giá quyền sử dụng đất và hướng dẫn, cung cấp thông tin cho các nhà đầu tư vào các vị trí khu đất có trong danh mục dự án sau khi Kế hoạch sử dụng đất cấp huyện được phê duyệt. Nổi bật là các đơn vị: Huyện Quan Sơn đạt 100%, huyện Nga Sơn đạt 96,72%, huyện Quan Hóa thu hồi đạt 88,74 %, huyện huyện Nông Công đạt 86,93%, huyện Vĩnh Lộc đạt 66,48 %, huyện Bá Thước thu hồi đạt 83,06%, huyện Thường Xuân đạt 81,11 %, ...

Tuy nhiên, còn nhiều huyện, thị xã, thành phố thu hồi đất đạt tỷ lệ rất thấp như: Thành phố Thanh Hóa đạt 23,15 %, thành phố Sầm Sơn đạt 6,38%, huyện Đông Sơn đạt 24,82%, huyện Hà Trung đạt 26,55%, huyện Thọ Xuân đạt 14,58%, huyện Thiệu Hóa đạt 39,30%, huyện Như Thanh 33,85 %, huyện Lang Chánh đạt 29,01%.... Đồng thời công tác GPMB phục vụ các dự án đầu tư còn gặp khó khăn và vẫn là khâu yếu trong quá trình triển khai thực hiện dự án;

*Tuy nhiên, năm 2019, thu hồi đất thực hiện các dự án đầu tư được HĐND tỉnh thông qua chưa có sự đột phá so với năm 2018 (39,82 %), lý do:*

- Ban Bí thư Trung ương Đảng ban hành Chỉ thị số 13-CT/TW ngày 12/01/2017 về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác quản lý bảo vệ và phát triển rừng; đồng thời Luật Lâm nghiệp năm 2017 có hiệu lực ngày 01/01/2019 khi thực thi đã có những bất cập giữa Luật Đất đai năm 2013 và Luật Lâm nghiệp năm 2017 như: Thẩm quyền chuyển mục đích rừng tự nhiên trong quy hoạch rừng đặc dụng, rừng phòng hộ, rừng sản xuất sang mục đích khác hay chuyển mục đích sử dụng rừng đặc dụng thuộc thẩm quyền của Thủ tướng Chính phủ (trong khi đó, theo quy định tại Điều 58, Luật Đất đai năm 2013 thì thẩm quyền chuyển mục đích sử dụng đất rừng đặc dụng có quy mô dưới 20ha thuộc thẩm quyền của HĐND tỉnh); đồng thời, pháp luật đất đai cũng không quy định việc chuyển mục đích sử dụng đất rừng sản xuất nhưng pháp luật lâm nghiệp lại quy định thẩm quyền HĐND tỉnh chấp thuận chủ trương chuyển mục đích sử dụng rừng sản xuất dưới 50ha đã làm ảnh hưởng không nhỏ đến tiến độ, kết quả thực hiện các dự án có thu hồi đất, chuyển mục đích sử dụng đất.

- Vẫn còn một số dự án khu dân cư đô thị có diện tích lớn đưa vào danh mục dự án thu hồi 2018, 2019 do chưa lựa chọn được nhà đầu tư hoặc mới ở mức nhà đầu tư khảo sát thăm dò hay dự án mới được chấp thuận chủ trương lập quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/500 đang trong quá trình tổ chức lựa chọn nhà đầu tư có sử dụng đất. Có những công trình, dự án thuộc thẩm quyền chấp thuận chủ trương đầu tư của cấp huyện nhưng chờ kêu gọi nguồn vốn, chờ kêu gọi nhà đầu tư làm ảnh hưởng rất lớn đến tiến độ thu hồi đất, điển hình là các khu dân cư, khu đô thị lớn không triển khai được công tác GPMB theo kế hoạch sử dụng đất được phê duyệt: Dự án Khu dân cư

phía Đông đường CSEDP thuộc Khu dân cư Tây Nam đường Nguyễn Phục, phường Quảng Thắng; dự án Khu dân cư Bắc đường Nguyễn Công Trứ; dự án Khu dân cư Trung tâm xã Đông Tân; Khu đô thị mới thuộc Khu đô thị Nam thành phố Thanh Hóa; Khu dân cư đô thị mới Nam Bim Sơn; dự án Thành phố giáo dục Quốc tế tại thành phố Thanh Hóa; Khu tái định cư đường Trung tâm thành phố Thanh Hóa nối với Cảng hàng không Thọ Xuân; dự án Khu đô thị sinh thái, vui chơi giải trí cao cấp và du lịch biển Sầm Sơn tại thành phố Sầm Sơn; dự án Khu dân cư phố chợ tại khu nội thị số 2-Tây QL 1A Bim Sơn; Cụm công nghiệp và đô thị Tiên Trang tại huyện Quảng Xương... Mặt khác, một số dự án quy mô diện tích lớn, nhất là dự án có diện tích đất trồng lúa lớn hơn 10 ha phải trình Thủ tướng Chính phủ chấp thuận theo thẩm quyền nên thời gian hoàn thiện các thủ tục hồ sơ kéo dài, công tác kiểm kê xác định nguồn gốc sử dụng đất gặp nhiều khó khăn, chưa tiến hành thu hồi đất, đến nay tiếp tục đề nghị đưa vào kế hoạch sử dụng đất năm 2020 để tổ chức đấu thầu dự án có sử dụng đất theo quy định của Luật Đấu thầu, các dự án thực hiện theo hình thức BT...

- Cơ chế thu hồi đất đối với các dự án có sử dụng đất trồng lúa (lớn hơn 10 ha), đất rừng phòng hộ (lớn hơn 20ha), đất có rừng tự nhiên (không phụ thuộc quy mô) phải được Thủ tướng Chính phủ chấp thuận nên trình tự, thời gian kéo dài làm cho việc thu hồi đất mất nhiều thời gian.

- Tiến độ thực hiện một số dự án sử dụng nguồn vốn ngân sách cấp huyện, xã chậm do phụ thuộc vào nguồn thu tiền đấu giá quyền sử dụng đất hay quỹ đất bố trí tái định cư hạn chế, không còn quỹ đất để bố trí cho phù hợp khi thu hồi đất của các hộ dân.

*(Chi tiết có Biểu số I đính kèm)*

## **II. Danh mục các dự án phải thu hồi đất và danh mục chuyển mục đích đất lúa, đất và rừng phòng hộ, rừng sản xuất năm 2020.**

### **1. Về nguyên tắc, trình tự thực hiện.**

- UBND tỉnh, Chủ tịch UBND tỉnh đã chỉ đạo Sở Tài nguyên và Môi trường, các sở, ngành cấp tỉnh hướng dẫn UBND các huyện, thị xã, thành phố lập Kế hoạch sử dụng đất năm 2020 theo đúng trình tự quy định tại Thông tư số 29/2014/TT-BTNMT của Bộ Tài nguyên và Môi trường. UBND các huyện, thị xã, thành phố lập kế hoạch sử dụng đất và danh mục các dự án cần thu hồi đất theo quy định tại Khoản 3, Điều 62, Luật Đất đai năm 2013 cụ thể đến từng xã, phường, thị trấn. Sau đó rà soát, thống nhất, làm rõ tính khả thi của từng dự án (chủ trương đầu tư, cam kết về nguồn vốn, khả năng huy động các nguồn đầu tư để thực hiện...), nhu cầu thực tế của địa phương để tổng hợp, đưa vào danh mục.

- Theo quy định tại Điểm 6, Khoản 11, Điều 2, Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06/01/2017 của Chính phủ: Các công trình, dự án đã được HĐND tỉnh hoặc Thường trực HĐND tỉnh thông qua danh mục thu hồi đất, chuyển mục đích sử dụng đất của các năm trước (không quá 03 năm) thì được tiếp tục đưa vào Kế hoạch sử dụng đất năm 2020 cấp huyện theo các Nghị quyết của HĐND tỉnh: số 89/NQ-HĐND ngày 07/12/2017, số 121/NQ-HĐND ngày 13/12/2018, số 160/NQ-HĐND ngày 14/4/2019, số 190/NQ-HĐND ngày 10/7/2019; số 216/NQ-HĐND ngày

16/10/2019; số 217/NQ-HĐND ngày 16/10/2019 các Kết luận của của Thường trực HĐND tỉnh: Số 149/KL-HĐND ngày 06/3/2018, số 327/KL-HĐND ngày 04/6/2018, số 510/KL-HĐND ngày 04/9/2018, số 510/KL-HĐND ngày 04/9/2018.

- Các dự án không thuộc quy định tại Khoản 3, Điều 62, Luật đất đai năm 2013 như: Dự án an ninh, quốc phòng; các dự án trong khu công nghiệp; các dự án trong Khu Kinh tế Nghi Sơn (diện tích của 33 xã, 01 thị trấn thuộc huyện Tĩnh Gia và 03 xã thuộc huyện Như Thanh, 03 xã thuộc huyện Nông Cống đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt quy hoạch chung tại Quyết định số 18/2015/QĐ-TTg ngày 12/6/2015; dự án do Chính phủ chấp thuận chủ trương đầu tư...) theo hướng dẫn của Bộ Tài nguyên và Môi trường tại Công văn số 1690/TCQLĐĐ-CSPC ngày 21/9/2018 thì chỉ đưa vào trong Kế hoạch sử dụng đất năm 2020 cấp huyện để thực hiện.

## **2. Danh mục các công trình, dự án thu hồi đất năm 2020**

Các công trình, dự án phải thu hồi đất đã được cơ quan có thẩm quyền chấp thuận chủ trương đầu tư, chấp thuận địa điểm đầu tư; các công trình đầu tư công đã được ghi vốn thực hiện dự án, đảm bảo đúng đối tượng quy định tại Khoản 3, Điều 62, Luật Đất đai năm 2013; phù hợp với điều chỉnh Quy hoạch sử dụng đất đến năm 2020 cấp huyện đã được UBND tỉnh phê duyệt. Trên cơ sở kết quả thực hiện năm 2019 và nhu cầu thực tế trong việc thực hiện các dự án phát triển kinh tế - xã hội năm 2020 trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa, UBND tỉnh báo cáo HĐND tỉnh thông qua danh mục 1.203 công trình, dự án phải thu hồi 2.300,416 ha đất năm 2020, cụ thể:

### *a) Được lấy từ các loại đất*

- Đất Lúa (LUA): 1.062,315 ha;
- Đất rừng sản xuất (RSX): 476,765 ha;
- Đất rừng phòng hộ (RPH): 242,150 ha;
- Đất khác còn lại: 519,185 ha;

### *b) Phân theo loại công trình, dự án*

- Có 68 công trình, dự án khu dân cư, xen cư tại các đô thị, diện tích thu hồi 459,876 ha; đây là công trình, dự án phù hợp với quy hoạch chung đô thị đã được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt, nguồn vốn đầu tư chủ yếu từ nguồn đầu giá quyền sử dụng đất, mặt khác một số sự án có diện tích lớn chủ yếu là các dự án lựa chọn nhà đầu tư có sử dụng đất đã được cơ quan có thẩm quyền chấp thuận chủ trương hoặc đã được phê duyệt Quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/500.

- Có 689 công trình, dự án khu dân cư, xen cư nông thôn, diện tích thu hồi đất 627,797 ha; nguồn vốn để triển khai thực hiện dự án là nguồn thu từ đầu giá quyền sử dụng đất, đầu thầu dự án có sử dụng đất (Nhà đầu tư ứng trước tiền bồi thường giải phóng mặt bằng tái định cư, đầu tư xây dựng hạ tầng sẽ được trừ vào tiền sử dụng đất theo quy định của pháp luật), được UBND huyện chấp thuận theo thẩm quyền.

- Có 11 công trình, dự án trụ sở cơ quan, diện tích thu hồi đất 5,325 ha, trong đó đối với trụ sở UBND cấp xã nguồn kinh phí đầu tư được xác định từ ngân sách nhà nước, ở cấp xã chủ yếu lấy từ nguồn đấu giá quyền sử dụng đất; một số công trình trụ sở cơ quan đã có văn bản chấp thuận đầu tư của cơ quan có thẩm quyền.

- Có 10 công trình, dự án Cụm công nghiệp, diện tích cần thu hồi 87,545 ha, nguồn kinh phí giải phóng mặt bằng được huy động bằng vốn do nhà đầu tư cho ứng trước, nhà đầu tư bỏ vốn đầu tư hạ tầng và triển khai dự án.

- Có 127 công trình, dự án giao thông, diện tích thu hồi 287,345 ha. Đối với công trình giao thông cấp tỉnh, cấp huyện đã được ghi vốn của cơ quan có thẩm quyền; công trình giao thông nông thôn được xác định từ nguồn ngân sách cấp xã (do đấu giá quyền sử dụng đất và huy động từ nguồn xã hội hóa).

- Có 24 công trình, dự án thủy lợi, diện tích thu hồi đất 650,466 ha. Đối với công trình thủy lợi cấp tỉnh, cấp huyện đã được ghi vốn của cơ quan có thẩm quyền; công trình thủy lợi nông thôn được xác định từ nguồn ngân sách cấp xã (do đấu giá quyền sử dụng đất và huy động từ nguồn xã hội hóa).

- Có 55 công trình, dự án năng lượng, diện tích cần thu hồi đất 4,237 ha, nguồn vốn thực hiện được xác định do chủ đầu tư chi trả (Tập đoàn điện lực đã có kế hoạch vốn theo đề xuất của Tổng Công ty điện lực).

- Có 10 công trình, dự án cơ sở văn hóa, diện tích cần thu hồi 8,740 ha, nguồn kinh phí do ngân sách cấp xã do đấu giá quyền sử dụng đất; vốn xây dựng nông thôn mới và nguồn kinh phí huy động từ xã hội hóa, đã được UBND cấp huyện chấp thuận chủ trương đầu tư

- Có 46 công trình, dự án thể dục thể thao, diện tích cần thu hồi đất 40,750 ha, nguồn kinh phí do ngân sách cấp xã do đấu giá quyền sử dụng đất; vốn xây dựng nông thôn mới và nguồn kinh phí huy động từ xã hội hóa, đã được UBND cấp huyện chấp thuận chủ trương đầu tư (vốn đầu tư không lớn, chủ yếu là sử dụng đất công ích xã, sau khi bồi thường GPMB, san lấp xây dựng tường rào là hoàn thành dự án).

- Có 3 công trình, dự án cơ sở y tế, diện tích thu hồi đất 0,920 ha, nguồn kinh phí do nguồn ngân sách cấp xã, vốn xây dựng nông thôn mới đối với các công trình trạm y tế cấp xã (chủ yếu là mở rộng diện tích để đạt chuẩn quốc gia) và vốn nhà nước đối với công trình bệnh viện cấp huyện, cấp tỉnh.

- Có 46 công trình, dự án cơ sở giáo dục, diện tích thu hồi đất 20,114 ha, nguồn ngân sách cấp xã do đấu giá quyền sử dụng đất, vốn xây dựng nông thôn mới và nguồn vốn sự nghiệp giáo dục (chủ yếu là mở rộng diện tích để đạt chuẩn quốc gia, chuẩn nông thôn mới).

- Có 10 công trình, dự án chợ, diện tích thu hồi đất 7,330 ha, đây là các dự án phù hợp với Quy hoạch phát triển hệ thống chợ trên địa bàn tỉnh đến năm 2020 đã được phê duyệt theo Quyết định số 4388/QĐ-UBND ngày 09/11/2016 của UBND



ting, nguồn kinh phí từ nguồn vốn xã hội hóa (chủ yếu là vốn doanh nghiệp thực hiện theo hình thức chuyển đổi mô hình quản lý, kinh doanh chợ).

- Có 13 công trình, dự án thu gom, xử lý rác thải, diện tích cần thu hồi đất 3,070 ha, nguồn vốn ngân sách xã (được lấy từ nguồn đấu giá quyền sử dụng đất và một số dự án đầu tư lò đốt rác do các tổ chức kinh tế thực hiện).

- Có 8 công trình, dự án cơ sở tôn giáo, diện tích cần thu hồi 9,311 ha, vốn chủ yếu từ nguồn xã hội hóa.

- Có 50 dự án sinh hoạt cộng đồng, diện tích cần thu hồi 9,110 ha, vốn ngân sách xã (được lấy từ nguồn đấu giá quyền sử dụng đất);

- Có 27 dự án nghĩa trang nghĩa địa, diện tích cần thu hồi 31,840 ha, vốn ngân sách xã và nguồn xã hội hóa;

- Có 5 công trình, dự án di tích lịch sử, văn hóa, diện tích thu hồi đất 28,640 ha, nguồn vốn cấp huyện và vốn huy động hợp pháp khác, nguồn vốn xã hội hóa;

- Có 1 dự án dịch vụ công cộng, diện tích cần thu hồi 18,000 ha, Nguồn vốn cấp huyện và vốn huy động hợp pháp khác, nguồn vốn xã hội hóa.

*(Chi tiết đính kèm Biểu số II và danh mục chi tiết các dự án kèm theo)*

### **3. Danh mục chuyển mục đích đất lúa, đất và rừng phòng hộ, rừng sản xuất năm 2020**

Căn cứ Điều 58, Luật Đất đai năm 2013; Điều 14, Điều 19, Điều 20, Luật Lâm nghiệp năm 2017; Khoản 4, Điều 9, Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014, Khoản 11, Điều 2, Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06/01/2017 và Điều 41, Điều 42, Nghị định số 156/2018/NĐ-CP ngày 16/11/2018 của Chính phủ. Ban Cán sự Đảng UBND tỉnh, UBND tỉnh báo cáo Ban Thường vụ Tỉnh ủy, HĐND tỉnh thông qua danh mục chuyển mục đích đất lúa đối với 1.003 công trình, dự án phải chuyển mục đích 843,969 ha đất lúa, 3,910 ha đất và rừng phòng hộ, 179,924 ha rừng sản xuất để phát triển kinh tế - xã hội vì lợi ích quốc gia, công cộng theo quy định tại Khoản 1, Điều 58, Luật Đất đai năm 2013; Điều 14, Điều 19, Điều 20, Luật Lâm nghiệp năm 2017, gồm:

- Công trình, dự án khu dân cư, xen cư tại các đô thị: Chuyển mục đích 90,835 ha đất lúa, chuyển mục đích 0,200 ha rừng sản xuất để thực hiện 33 công trình.

- Dự án khu dân cư, xen cư nông thôn: Chuyển mục đích 474,208 ha đất lúa, chuyển mục đích 60,310 ha rừng sản xuất để thực hiện 568 công trình.

- Công trình, dự án trụ sở cơ quan nhà nước: Chuyển mục đích 3,320 ha đất lúa, chuyển mục đích 0,700 ha rừng sản xuất để thực hiện 4 công trình.

- Công trình, dự án cụm công nghiệp: Chuyển mục đích 14,000 ha đất lúa, chuyển mục đích 33,480 ha rừng sản xuất để thực hiện 7 công trình.

- Công trình, dự án giao thông: Chuyển mục đích 84,599 ha đất lúa, chuyển mục đích 1,240 ha đất và rừng trồng phòng hộ, chuyển mục đích 22,877 ha rừng sản xuất để thực hiện 109 công trình.

- Công trình, dự án thủy lợi: Chuyển mục đích 27,020 ha đất lúa, chuyển mục đích 1,270 ha đất và rừng trồng phòng hộ, chuyển mục đích 28,206 ha rừng sản xuất để thực hiện 19 công trình.

- Công trình, dự án năng lượng: Chuyển mục đích 12,224 ha đất lúa, chuyển mục đích 0,110 ha rừng sản xuất để thực hiện 53 công trình.

- Công trình, dự án cơ sở văn hóa: Chuyển mục đích 8,490 ha đất lúa, để thực hiện 10 công trình.

- Công trình, dự án thể dục, thể thao: Chuyển mục đích 31,640 ha đất lúa, chuyển mục đích 1,300 ha đất và rừng trồng phòng hộ, chuyển mục đích 1,200 ha rừng sản xuất để thực hiện 38 công trình.

- Công trình, dự án cơ sở y tế: Chuyển mục đích 0,100 ha đất lúa để thực hiện 1 công trình.

- Công trình, dự án cơ sở giáo dục - đào tạo: Chuyển mục đích 11,977 ha đất lúa, chuyển mục đích 2,435 ha rừng sản xuất để thực hiện 28 công trình.

- Công trình, dự án chợ: Chuyển mục đích 3,930 ha đất lúa, chuyển mục đích 0,530 ha rừng sản xuất để thực hiện 8 công trình.

- Công trình, dự án thu gom, xử lý chất thải: Chuyển mục đích 2,460 ha đất lúa để thực hiện 9 công trình.

- Công trình, dự án cơ sở tôn giáo: Chuyển mục đích 1,000 ha đất lúa, chuyển mục đích 0,100 ha đất và rừng trồng phòng hộ, chuyển mục đích 4,100 ha rừng sản xuất để thực hiện 4 công trình.

- Công trình, dự án sinh hoạt cộng đồng: Chuyển mục đích 6,430 ha đất lúa, chuyển mục đích 0,200 ha rừng sản xuất để thực hiện 39 công trình.

- Công trình, dự án nghĩa trang, nghĩa địa: Chuyển mục đích 11,020 ha đất lúa, chuyển mục đích 18,620 ha rừng sản xuất để thực hiện 25 công trình.

- Công trình, dự án Di tích lịch sử văn hóa: Chuyển mục đích 0,640 ha đất lúa, để thực hiện 2 công trình.

- Công trình, dự án Dịch vụ công cộng: Chuyển mục đích 8,760 ha đất lúa, để thực hiện 1 công trình.

- Công trình, dự án sản xuất phi nông nghiệp, thương mại – dịch vụ, chế biến nông, lâm, thủy sản: Chuyển mục đích 51,316 ha đất lúa, chuyển mục đích 6,956 ha rừng sản xuất để thực hiện 45 công trình.

*(Chi tiết có Biểu số III và danh mục các dự án có chuyển mục đích sử dụng các loại đất và rừng kèm theo)*

Các dự án nêu trên phù hợp với quy hoạch, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh, phù hợp với điều chỉnh Quy hoạch sử dụng đất đến năm 2020 cấp

huyện, quy hoạch xây dựng nông thôn mới, quy hoạch chi tiết xây dựng, quy hoạch ngành, lĩnh vực khác đã được cơ quan nhà nước có thẩm quyền phê duyệt.

*(Kèm dự thảo Nghị quyết của HĐND tỉnh và văn bản thẩm tra dự thảo Nghị quyết của Sở Tư pháp)*

Kính trình Hội đồng nhân dân tỉnh xem xét, chấp thuận đề UBND tỉnh chỉ đạo, tổ chức các bước tiếp theo theo đúng quy định của pháp luật./.

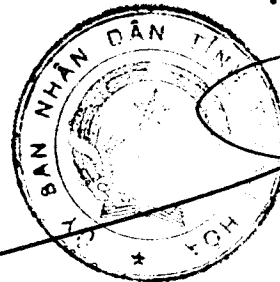
**Nơi nhận:**

- Như trên;
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- Các sở: Tài nguyên & MT, Kế hoạch & ĐT, Xây dựng, Nông nghiệp & PTNT (t/hiện);
- UBND các huyện, thị xã, TP (t/hiện);
- Lưu: VT, NN.  
(MC2020)

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN**

**KT. CHỦ TỊCH**

**PHÓ CHỦ TỊCH**



**Nguyễn Đức Quyền**

Biểu số I:



**BIỂU TỔNG HỢP KẾT QUẢ THỰC HIỆN THU HỒI ĐẤT THỰC HIỆN CÁC DỰ ÁN THEO KHOẢN 3 ĐIỀU 62 LUẬT ĐẤT ĐAI ĐƯỢC HỖND TỈNH THÔNG QUA TẠI NGHỊ QUYẾT SỐ 121/NQ-HỖND, 160/NQ-HỖND, 190/NQ-HỖND, 216/NQ-HỖND, 217/NQ-HỖND**

(Kèm theo Tờ trình số: 237 /TTr-UBND ngày 29 / 11 /2019 của UBND tỉnh)

TT	Loại dự án	Mã loại đất	Diện tích các công trình, dự án đã được HỖND tỉnh thông qua năm 2019 (ha)					Diện tích đã thực hiện (ha)	So sánh (%)	
			Tổng cộng (ha)	Nghị quyết số 121/NQ-HỖND	Nghị quyết số 160/NQ-HỖND	Nghị quyết số 190/NQ-HỖND	Nghị quyết số 216/NQ-HỖND			Nghị quyết số 217/NQ-HỖND
(1)	(2)	(3)	(4)=(5)+(7)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)=(9)/(4)*100
1	Dự án Khu dân cư đô thị	ODT	1.232,80	490,24	612,43	130,12		146,41	11,88	
2	Dự án Khu dân cư nông thôn	ONT	989,02	786,54	13,94	185,04	3,50	460,63	46,57	
3	Dự án Trụ sở cơ quan	TSC	46,23	37,61	0,83	7,53	0,26	13,04	28,21	
4	Dự án Trụ sở cơ quan tổ chức sự nghiệp	DTS	0,92	0,92				0,92	100,00	
5	Cụm công nghiệp	SKN	317,00	112,03	24,54	160,17	20,26	167,76	52,92	
6	Công trình giao thông	DGT	368,29	255,44	15,72	63,43		33,70	151,35	41,10
7	Công trình thủy lợi	DTL	250,32	74,74	16,12	159,46		229,27	91,59	
8	Dự án năng lượng	DNL	38,01	13,40	1,94	22,14	0,53	4,20	11,05	
9	Công trình văn hóa	DVH	21,45	21,45				8,35	38,93	
10	Công trình thể dục thể thao	DTT	37,98	31,51		6,47		17,28	45,50	
11	Dự án cơ sở y tế	DYT	3,31	2,72	0,39	0,20		2,46	74,34	
12	Dự án cơ sở giáo dục	DGD	112,86	25,32	85,30	2,24		20,93	18,54	
13	Dự án chợ	DCH	17,24	14,63	1,43	1,18		5,48	31,79	
14	Dự án thu gom xử lý chất thải	DRA	20,22	11,86		8,36		1,27	6,29	
15	Dự án cơ sở tôn giáo	TON	23,76	16,91		5,82	1,03	14,15	59,56	
16	Đất sinh hoạt cộng đồng	DSH	18,22	14,90		3,32		12,18	66,84	
17	Công trình nghĩa trang nghĩa địa	NTD	10,94	7,98		2,96		7,83	71,57	
18	Dự án Di tích lịch sử - văn hóa	DDT	22,23	21,44	0,40	0,39		15,31	68,87	
19	Buru chính viễn thông	DBV	0,08	0,08				0,01	12,50	
20	Dự án thăm dò khai thác khoáng sản	SKS	103,08			23,08	80,00	80,00	77,61	
21	Dự án chế biến nông, lâm sản tập trung		4,00			4,00				
<b>Tổng</b>			<b>3.637,94</b>	<b>1.939,72</b>	<b>773,04</b>	<b>785,91</b>	<b>105,57</b>	<b>33,70</b>	<b>1.358,83</b>	<b>37,35</b>

Phụ biểu I.1: Thành phố Thanh Hóa

**KẾT QUẢ THỰC HIỆN THU HỒI ĐẤT THỰC HIỆN CÁC DỰ ÁN THEO KHOẢN 3 ĐIỀU 62 LUẬT ĐẤT ĐAI ĐƯỢC HỖND TỈNH THÔNG QUA TẠI NGHỊ QUYẾT SỐ 121/NQ-HỖND, 160/NQ-HỖND, 190/NQ-HỖND, 216/NQ-HỖND**

TT	Loại dự án	Mã loại đất	Diện tích các công trình, dự án đã được HỖND tỉnh thông qua năm 2019 (ha)					Kết quả thực hiện năm 2019 (*)		Ghi chú
			Tổng cộng	Nghị quyết số 121/NQ-HỖND	Nghị quyết số 160/NQ-HỖND	Nghị quyết số 190/NQ-HỖND	Nghị quyết số 216/NQ-HỖND	Diện tích (ha)	Tỷ lệ (%)	
(1)	(2)	(3)	(4)=(5)+..(7)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	$\frac{(10)-(9)}{(4)} \times 100$	(11)
1	Dự án Khu dân cư đô thị	ODT	218,27	141,93	67,62	8,73		76,48	35,04	
2	Dự án Khu dân cư nông thôn	ONT	150,71	68,70		82,01		22,59	14,99	
3	Dự án Trụ sở cơ quan	TSC	7,74	0,31		7,43		0,31	4,01	
4	Dự án Trụ sở cơ quan tổ chức sự nghiệp	DTS								
5	Cụm công nghiệp	SKN								
6	Công trình giao thông	DGT	8,33	1,10		0,93	6,30	7,30	87,66	
7	Công trình thủy lợi	DTL								
8	Dự án năng lượng	DNL	0,16		0,16			0,16	100,00	
9	Công trình văn hóa	DVH								
10	Công trình thể dục thể thao	DTT								
11	Dự án cơ sở y tế	DYT								
12	Dự án cơ sở giáo dục	DGD	88,54	4,34	84,20			2,34	2,64	
13	Dự án chợ	DCH	2,61		1,43	1,18		1,43	54,79	
14	Dự án thu gom xử lý chất thải	DRA								
15	Dự án cơ sở tôn giáo	TON	1,30			1,30				
16	Đất sinh hoạt cộng đồng	DSH								
17	Công trình nghĩa trang nghĩa địa	NTD								
18	Dự án Di tích lịch sử - văn hóa	DDT	0,20			0,20				
19	Bưu chính viễn thông	DBV								
20	Dự án thăm dò khai thác khoáng sản	SKS								
21	Dự án chế biến nông, lâm sản tập trung									
<b>Tổng</b>			<b>477,86</b>	<b>216,38</b>	<b>153,41</b>	<b>101,77</b>	<b>6,30</b>	<b>110,61</b>	<b>23,15</b>	

(\*): Kết quả đã giải phóng mặt bằng để triển khai thực hiện dự án

Phụ biểu I.2: Thành phố Sầm Sơn

KẾT QUẢ THỰC HIỆN THU HỒI ĐẤT THỰC HIỆN CÁC DỰ ÁN THEO KHOẢN 3 ĐIỀU 62 LUẬT ĐẤT ĐAI ĐƯỢC HĐND TỈNH THÔNG QUA TẠI NGHỊ QUYẾT SỐ 121/NQ-HĐND, 160/NQ-HĐND, 190/NQ-HĐND, 216/NQ-HĐND

TT	Loại dự án	Mã loại đất	Diện tích các công trình, dự án đã được HĐND tỉnh thông qua năm 2019 (ha)				Diện tích đã thực hiện (ha)	So sánh (%)	Ghi chú	
			Tổng cộng	Nghị quyết số 121/NQ-HĐND	Nghị quyết số 160/NQ-HĐND	Nghị quyết số 190/NQ-HĐND				Nghị quyết số 216/NQ-HĐND
(1)	(2)	(3)	(4)=(5)+..(7)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	$\frac{(10)-(9)}{(4)} \times 100$	(11)
1	Dự án Khu dân cư đô thị	ODT	680,12	139,26	533,96	6,90		29,03	4,27	
2	Dự án Khu dân cư nông thôn	ONT	11,81	8,21		3,60		6,31	53,43	
3	Dự án Trụ sở cơ quan	TSC	25,83	25,00	0,83			5,10	19,74	
4	Dự án Trụ sở cơ quan tổ chức sự nghiệp	DTS								
5	Cụm công nghiệp	SKN	23,80		23,80					
6	Công trình giao thông	DGT	15,07	8,07	7,00					
7	Công trình thủy lợi	DTL	9,00	9,00				3,50	38,89	
8	Dự án năng lượng	DNL	0,04			0,04		0,02	36,59	
9	Công trình văn hóa	DVH	15,28	15,28				6,75	44,18	
10	Công trình thể dục thể thao	DTT	2,45			2,45				
11	Dự án cơ sở y tế	DYT	0,70	0,50		0,20				
12	Dự án cơ sở giáo dục	DGD	1,30	0,74	0,50	0,06				
13	Dự án chợ	DCH								
14	Dự án thu gom xử lý chất thải	DRA	8,00			8,00				
15	Dự án cơ sở tôn giáo	TON								
16	Đất sinh hoạt cộng đồng	DSH	0,90			0,90				
17	Công trình nghĩa trang nghĩa địa	NTD								
18	Dự án Di tích lịch sử - văn hóa	DDT								
19	Bru chính viễn thông	DBV								
20	Dự án thăm dò khai thác khoáng sản	SKS								
21	Dự án chế biến nông, lâm sản tập trung									
<b>Tổng</b>			<b>794,31</b>	<b>206,06</b>	<b>566,09</b>	<b>22,16</b>		<b>50,71</b>	<b>6,38</b>	

Phụ biểu I.3: Thị xã Bim Sơn

**KẾT QUẢ THỰC HIỆN THU HỒI ĐẤT THỰC HIỆN CÁC DỰ ÁN THEO KHOẢN 3 ĐIỀU 62 LUẬT ĐẤT ĐAI ĐƯỢC HĐND TỈNH THÔNG QUA TẠI NGHỊ QUYẾT SỐ 121/NQ-HĐND, 160/NQ-HĐND, 190/NQ-HĐND, 216/NQ-HĐND**

TT	Loại dự án	Mã loại đất	Diện tích các công trình, dự án đã được HĐND tỉnh thông qua năm 2019 (ha)				Diện tích đã thực hiện (ha)	So sánh (%)	Ghi chú	
			Tổng cộng	Nghị quyết số 121/NQ-HĐND	Nghị quyết số 160/NQ-HĐND	Nghị quyết số 190/NQ-HĐND				Nghị quyết số 216/NQ-HĐND
(1)	(2)	(3)	(4)=(5)+...(7)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)=(9)/(4)* 100	(11)
1	Dự án Khu dân cư đô thị	ODT	170,94	144,11		26,83		21,35	12,49	
2	Dự án Khu dân cư nông thôn	ONT	0,35	0,23		0,12		0,35	99,72	
3	Dự án Trụ sở cơ quan	TSC								
4	Dự án Trụ sở cơ quan tổ chức sự nghiệp	DTS								
5	Cụm công nghiệp	SKN								
6	Công trình giao thông	DGT	0,21	0,21						
7	Công trình thủy lợi	DTL						0,11	104,76	
8	Dự án năng lượng	DNL	0,11	0,11						
9	Công trình văn hóa	DVH								
10	Công trình thể dục thể thao	DTT								
11	Dự án cơ sở y tế	DYT						2,10	100,00	
12	Dự án cơ sở giáo dục	DGD	2,10	2,10						
13	Dự án chợ	DCH	0,50	0,50						
14	Dự án thu gom xử lý chất thải	DRA						1,20	100,00	
15	Dự án cơ sở tôn giáo	TON	1,20	1,20						
16	Đất sinh hoạt cộng đồng	DSH								
17	Công trình nghĩa trang nghĩa địa	NTD								
18	Dự án Di tích lịch sử - văn hóa	DDT								
19	Bưu chính viễn thông	DBV					80,00	80,00	100,00	
20	Dự án thăm dò khai thác khoáng sản	SKS	80,00							
21	Dự án chế biến nông, lâm sản tập trung									
<b>Tổng</b>			<b>255,40</b>	<b>148,45</b>		<b>26,95</b>		<b>105,11</b>	<b>41,15</b>	

**Phụ biểu I.4: Huyện Đông Sơn**

**KẾT QUẢ THỰC HIỆN THU HỒI ĐẤT THỰC HIỆN CÁC DỰ ÁN THEO KHOẢN 3 ĐIỀU 62 LUẬT ĐẤT ĐAI ĐƯỢC HỖND TỈNH THÔNG QUA TẠI NGHỊ QUYẾT SỐ 121/NQ-HỖND, 160/NQ-HỖND, 190/NQ-HỖND, 216/NQ-HỖND**

TT	Loại dự án	Mã loại đất	Diện tích các công trình, dự án đã được HỖND tỉnh thông qua năm 2019 (ha)					Kết quả thực hiện năm 2019(*)		Ghi chú
			Tổng cộng	Nghị quyết số 121/NQ-HỖND	Nghị quyết số 160/NQ-HỖND	Nghị quyết số 190/NQ-HỖND	Nghị quyết số 216/NQ-HỖND	Diện tích (ha)	Tỷ lệ (%)	
(1)	(2)	(3)	(4)=(5)+...(7)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)=(9)/(4)*100	(11)
1	Dự án Khu dân cư đô thị	ODT	170,94	144,11		26,83		0,79	0,46	
2	Dự án Khu dân cư nông thôn	ONT	54,97	24,98		29,99		24,28	44,17	
3	Dự án Trụ sở cơ quan	TSC								
4	Dự án Trụ sở cơ quan tổ chức sự nghiệp	DTS								
5	Cụm công nghiệp	SKN	22,04	21,30	0,74			22,30	101,19	
6	Công trình giao thông	DGT	44,37	7,05		37,32	13,00	21,00	47,33	
7	Công trình thủy lợi	DTL								
8	Dự án năng lượng	DNL	0,03	0,02		0,01		0,02	66,67	
9	Công trình văn hóa	DVH								
10	Công trình thể dục thể thao	DTT								
11	Dự án cơ sở y tế	DYT								
12	Dự án cơ sở giáo dục	DGD	5,17	5,17				5,08	98,26	
13	Dự án chợ	DCH	0,20	0,20				0,20	100,00	
14	Dự án thu gom xử lý chất thải	DRA	0,01	0,01				0,01	100,00	
15	Dự án cơ sở tôn giáo	TON								
16	Đất sinh hoạt cộng đồng	DSH								
17	Công trình nghĩa trang nghĩa địa	NTD	0,30	0,30				0,30	100,00	
18	Dự án Di tích lịch sử - văn hóa	DDT								
19	Bưu chính viễn thông	DBV								
20	Dự án thăm dò khai thác khoáng sản	SKS								
21	Dự án chế biến nông, lâm sản tập trung									
<b>Tổng</b>			<b>298,02</b>	<b>203,14</b>	<b>0,74</b>	<b>94,15</b>		<b>73,98</b>	<b>24,82</b>	

(\*): Kết quả đã giải phóng mặt bằng để triển khai thực hiện dự án



Phụ biểu I.5: Huyện Hoàng Hóa

KẾT QUẢ THỰC HIỆN THU HỒI ĐẤT THỰC HIỆN CÁC DỰ ÁN THEO KHOẢN 3 ĐIỀU 62 LUẬT ĐẤT ĐAI ĐƯỢC HĐND TỈNH THÔNG QUA TẠI NGHỊ QUYẾT SỐ 121/NQ-HĐND, 160/NQ-HĐND, 190/NQ-HĐND, 216/NQ-HĐND

TT	Loại dự án	Mã loại đất	Diện tích các công trình, dự án đã được HĐND tỉnh thông qua năm 2019 (ha)				Kết quả thực hiện năm 2019 (*)		Ghi chú	
			Tổng cộng	Nghị quyết số 121/NQ-HĐND	Nghị quyết số 160/NQ-HĐND	Nghị quyết số 190/NQ-HĐND	Nghị quyết số 216/NQ-HĐND	Diện tích (ha)		Tỷ lệ (%)
(1)	(2)	(3)	(4)=(5)+..(7)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)=(9)/(4)*100	(11)
1	Dự án Khu dân cư đô thị	ODT								
2	Dự án Khu dân cư nông thôn	ONT	101,91	90,76		11,15		74,93	73,53	
3	Dự án Trụ sở cơ quan	TSC	2,20	2,20						
4	Dự án Trụ sở cơ quan tổ chức sự nghiệp	DTS								
5	Cụm công nghiệp	SKN	30,77	30,77				24,80	80,60	
6	Công trình giao thông	DGT	39,54	39,54				16,36	41,38	
7	Công trình thủy lợi	DTL	4,89	4,89				2,89	59,10	
8	Dự án năng lượng	DNL	0,64	0,28			0,36	0,64	100,00	
9	Công trình văn hóa	DVH								
10	Công trình thể dục thể thao	DTT	3,10	3,10				1,77	57,10	
11	Dự án cơ sở y tế	DYT	0,50	0,50				0,50	100,00	
12	Dự án cơ sở giáo dục	DGD	1,36	1,36				1,36	100,00	
13	Dự án chợ	DCH	1,79	1,79				1,79	100,00	
14	Dự án thu gom xử lý chất thải	DRA								
15	Dự án cơ sở tôn giáo	TON	3,23	3,23				1,95	60,37	
16	Đất sinh hoạt cộng đồng	DSH	2,40	1,04		1,36		1,40	58,33	
17	Công trình nghĩa trang nghĩa địa	NTD	2,75	2,75				1,04	37,82	
18	Dự án Di tích lịch sử - văn hóa	DDT	0,03			0,03				
19	Bưu chính viễn thông	DBV								
20	Dự án thăm dò khai thác khoáng sản	SKS								
21	Dự án chế biến nông, lâm sản tập trung									
<b>Tổng</b>			<b>195,11</b>	<b>182,21</b>		<b>12,54</b>		<b>129,43</b>	<b>66,34</b>	

(\*): Kết quả đã giải phóng mặt bằng để triển khai thực hiện dự án

**Phụ biểu I.6: Huyện Quảng Xương**

**KẾT QUẢ THỰC HIỆN THU HỒI ĐẤT THỰC HIỆN CÁC DỰ ÁN THEO KHOẢN 3 ĐIỀU 62 LUẬT ĐẤT ĐAI ĐƯỢC HĐND TỈNH THÔNG QUA TẠI NGHỊ QUYẾT SỐ 121/NQ-HĐND, 160/NQ-HĐND, 190/NQ-HĐND, 216/NQ-HĐND**

TT	Loại dự án	Mã loại đất	Diện tích các công trình, dự án đã được HĐND tỉnh thông qua năm 2019 (ha)					Kết quả thực hiện năm 2019 (*)		Ghi chú
			Tổng cộng	Nghị quyết số 121/NQ-HĐND	Nghị quyết số 160/NQ-HĐND	Nghị quyết số 190/NQ-HĐND	Nghị quyết số 216/NQ-HĐND	Diện tích (ha)	Tỷ lệ (%)	
(1)	(2)	(3)	(4)=(5)+...(7)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)=(9)/(4)*100	(11)
1	Dự án Khu dân cư đô thị	ODT								
2	Dự án Khu dân cư nông thôn	ONT	62,60	62,60				41,90	66,93	
3	Dự án Trụ sở cơ quan	TSC	0,40	0,40				0,40	100,00	
4	Dự án Trụ sở cơ quan tổ chức sự nghiệp	DTS								
5	Cụm công nghiệp	SKN	35,80	17,90		17,90				
6	Công trình giao thông	DGT	9,81	9,81				9,52	97,00	
7	Công trình thủy lợi	DTL								
8	Dự án năng lượng	DNL	1,49	0,98	0,31	0,20		0,50	33,65	
9	Công trình văn hóa	DVH	0,25	0,25						
10	Công trình thể dục thể thao	DTT								
11	Dự án cơ sở y tế	DYT								
12	Dự án cơ sở giáo dục	DGD								
13	Dự án chợ	DCH								
14	Dự án thu gom xử lý chất thải	DRA								
15	Dự án cơ sở tôn giáo	TON								
16	Đất sinh hoạt cộng đồng	DSH								
17	Công trình nghĩa trang nghĩa địa	NTD								
18	Dự án Di tích lịch sử - văn hóa	DDT								
19	Bưu chính viễn thông	DBV								
20	Dự án thăm dò khai thác khoáng sản	SKS								
21	Dự án chế biến nông, lâm sản tập trung									
<b>Tổng</b>			<b>110,35</b>	<b>91,94</b>	<b>0,31</b>	<b>18,10</b>		<b>52,32</b>	<b>47,41</b>	

(\*): Kết quả đã giải phóng mặt bằng để triển khai thực hiện dự án

Phụ biểu I.7: Huyện Nga Sơn

**KẾT QUẢ THỰC HIỆN THU HỒI ĐẤT THỰC HIỆN CÁC DỰ ÁN THEO KHOẢN 3 ĐIỀU 62 LUẬT ĐẤT ĐAI ĐƯỢC HĐND TỈNH THÔNG QUA TẠI NGHỊ QUYẾT SỐ 121/NQ-HĐND, 160/NQ-HĐND, 190/NQ-HĐND**

TT	Loại dự án	Mã loại đất	Diện tích các công trình, dự án đã được HĐND tỉnh thông qua năm 2019 (ha)					Kết quả thực hiện năm 2019 (*)		Ghi chú
			Tổng cộng	Nghị quyết số 121/NQ-HĐND	Nghị quyết số 160/NQ-HĐND	Nghị quyết số 190/NQ-HĐND	Nghị quyết số 216/NQ-HĐND	Diện tích (ha)	Tỷ lệ (%)	
(1)	(2)	(3)	(4)=(5)+..(7)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)=(9)/(4)*100	(11)
1	Dự án Khu dân cư đô thị	ODT	3,92	3,92				3,92	100,00	
2	Dự án Khu dân cư nông thôn	ONT	50,09	50,09				47,37	94,57	
3	Dự án Trụ sở cơ quan	TSC	1,04	1,04				0,74	71,15	
4	Dự án Trụ sở cơ quan tổ chức sự nghiệp	DTS								
5	Cụm công nghiệp	SKN								
6	Công trình giao thông	DGT	41,37	41,07		0,30		36,76	88,86	
7	Công trình thủy lợi	DTL	3,10		1,60	1,50		3,10	100,00	
8	Dự án năng lượng	DNL	0,05		0,02	0,03		0,05	100,00	
9	Công trình văn hóa	DVH	0,10	0,10				0,10	100,00	
10	Công trình thể dục thể thao	DTT	1,10	1,10				1,10	100,00	
11	Dự án cơ sở y tế	DYT	0,09	0,09				0,09	100,00	
12	Dự án cơ sở giáo dục	DGD	0,09	0,09				0,09	100,00	
13	Dự án chợ	DCH								
14	Dự án thu gom xử lý chất thải	DRA								
15	Dự án cơ sở tôn giáo	TON	0,83	0,83				0,83	100,00	
16	Đất sinh hoạt cộng đồng	DSH								
17	Công trình nghĩa trang nghĩa địa	NTD								
18	Dự án Di tích lịch sử - văn hóa	DDT	2,57	2,57				2,57	100,00	
19	Bưu chính viễn thông	DBV								
20	Dự án thăm dò khai thác khoáng sản	SKS								
21	Dự án chế biến nông, lâm sản tập trung									
<b>Tổng</b>			<b>104,35</b>	<b>100,90</b>	<b>1,62</b>	<b>1,83</b>		<b>96,72</b>	<b>92,69</b>	

(\*): Kết quả đã giải phóng mặt bằng để triển khai thực hiện dự án

**Phụ biểu I.8: Huyện Hậu Lộc**

**KẾT QUẢ THỰC HIỆN THU HỒI ĐẤT THỰC HIỆN CÁC DỰ ÁN THEO KHOẢN 3 ĐIỀU 62 LUẬT ĐẤT ĐAI ĐƯỢC HĐND TỈNH THÔNG QUA TẠI NGHỊ QUYẾT SỐ 121/NQ-HĐND, 160/NQ-HĐND, 190/NQ-HĐND**

TT	Loại dự án	Mã loại đất	Diện tích các công trình, dự án đã được HĐND tỉnh thông qua năm 2019 (ha)					Kết quả thực hiện năm 2019 (*)		Ghi chú
			Tổng cộng	Nghị quyết số 121/NQ-HĐND	Nghị quyết số 160/NQ-HĐND	Nghị quyết số 190/NQ-HĐND	Nghị quyết số 216/NQ-HĐND	Diện tích (ha)	Tỷ lệ (%)	
(1)	(2)	(3)	(4)=(5)+..(7)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)=(9)/(4)*100	(11)
1	Dự án khu dân cư đô thị	ODT	3,33	3,33				3,33	100,00	
2	Dự án khu dân cư nông thôn	ONT	76,58	76,58				27,87	36,39	
3	Dự án trụ sở cơ quan	TSC								
4	Dự án trụ sở cơ quan tổ chức sự nghiệp	DTS								
5	Cụm công nghiệp	SKN	6,00			6,00				
6	Công trình giao thông	DGT	4,51	4,37		0,14		1,04	23,06	
7	Công trình thủy lợi	DTL	5,83	2,50	3,33			5,09	87,31	
8	Dự án năng lượng	DNL	0,08		0,08			0,08	100,00	
9	Công trình văn hóa	DVH								
10	Công trình thể dục thể thao	DTT	4,48	3,48		1,00		4,48	100,00	
11	Dự án cơ sở y tế	DYT	0,25	0,25				0,25	100,00	
12	Dự án cơ sở giáo dục	DGD	2,31	2,31						
13	Dự án chợ	DCH	0,25	0,25				0,25	100,00	
14	Dự án thu gom xử lý chất thải	DRA	1,29	1,29						
15	Dự án cơ sở tôn giáo	TON								
16	Đất sinh hoạt cộng đồng	DSH	3,89	3,69		0,20		2,77	71,21	
17	Công trình nghĩa trang nghĩa địa	NTD	2,23	0,45		1,78		2,23	100,00	
18	Dự án di tích lịch sử - văn hóa	DDT	1,33	1,33				0,36	27,07	
19	Bưu chính viễn thông	DBV								
20	Dự án thăm dò khai thác khoáng sản	SKS								
21	Dự án chế biến nông, lâm sản tập trung		4,00			4,00				
<b>Tổng</b>			<b>116,36</b>	<b>99,83</b>	<b>3,41</b>	<b>13,12</b>		<b>47,75</b>	<b>41,04</b>	

(\*): Kết quả đã giải phóng mặt bằng để triển khai thực hiện dự án

Phụ biểu I.9: Huyện Hà Trung

KẾT QUẢ THỰC HIỆN THU HỒI ĐẤT THỰC HIỆN CÁC DỰ ÁN THEO KHOẢN 3 ĐIỀU 62 LUẬT ĐẤT ĐAI ĐƯỢC HĐND TỈNH THÔNG QUA TẠI NGHỊ QUYẾT SỐ 121/NQ-HĐND, 160/NQ-HĐND, 190/NQ-HĐND

TT	Loại dự án	Mã loại đất	Diện tích các công trình, dự án đã được HĐND tỉnh thông qua năm 2019 (ha)					Kết quả thực hiện năm 2019 (*)		Ghi chú
			Tổng cộng	Nghị quyết số 121/NQ-HĐND	Nghị quyết số 160/NQ-HĐND	Nghị quyết số 190/NQ-HĐND	Nghị quyết số 216/NQ-HĐND	Diện tích (ha)	Tỷ lệ (%)	
(1)	(2)	(3)	(4)=(5)+..(7)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)=(9)/(4)*100	(11)
1	Dự án khu dân cư đô thị	ODT	1,23	1,23				0,51	41,46	
2	Dự án khu dân cư nông thôn	ONT	67,90	56,47		11,43	3,50	11,14	16,41	
3	Dự án trụ sở cơ quan	TSC	0,40	0,40				0,40	100,00	
4	Dự án trụ sở cơ quan tổ chức sự nghiệp	DTS								
5	Cụm công nghiệp	SKN	5,00	5,00						
6	Công trình giao thông	DGT	5,61	5,61				4,75	84,67	
7	Công trình thủy lợi	DTL	3,89	3,89				2,44	62,72	
8	Dự án năng lượng	DNL	0,02		0,02		0,06			
9	Công trình văn hóa	DVH	1,54	1,54				0,57	37,01	
10	Công trình thể dục thể thao	DTT	1,69	1,69				1,49	88,17	
11	Dự án cơ sở y tế	DYT	0,42	0,42				0,42	100,00	
12	Dự án cơ sở giáo dục	DGD	1,07	1,07				0,92	85,98	
13	Dự án chợ	DCH	6,45	6,45						
14	Dự án thu gom xử lý chất thải	DRA								
15	Dự án cơ sở tôn giáo	TON	2,87	2,67		0,20		0,50	17,42	
16	Đất sinh hoạt cộng đồng	DSH								
17	Công trình nghĩa trang nghĩa địa	NTD								
18	Dự án di tích lịch sử - văn hóa	DDT	6,33	6,33				4,58	72,35	
19	Bưu chính viễn thông	DBV								
20	Dự án thăm dò khai thác khoáng sản	SKS								
21	Dự án chế biến nông, lâm sản tập trung									
<b>Tổng</b>			<b>104,42</b>	<b>92,77</b>	<b>0,02</b>	<b>11,63</b>	<b>3,56</b>	<b>27,72</b>	<b>26,55</b>	

(\*): Kết quả đã giải phóng mặt bằng để triển khai thực hiện dự án

**Phụ biểu I.10: Huyện Nông Công**

**KẾT QUẢ THỰC HIỆN THU HỒI ĐẤT THỰC HIỆN CÁC DỰ ÁN THEO KHOẢN 3 ĐIỀU 62 LUẬT ĐẤT ĐAI ĐƯỢC HĐND TỈNH THÔNG QUA TẠI NGHỊ QUYẾT SỐ 121/NQ-HĐND, 160/NQ-HĐND, 190/NQ-HĐND, 216/NQ-HĐND**

TT	Loại dự án	Mã loại đất	Diện tích các công trình, dự án đã được HĐND tỉnh thông qua năm 2019 (ha)					Kết quả thực hiện năm 2019 (*)		Ghi chú
			Tổng cộng	Nghị quyết số 121/NQ-HĐND	Nghị quyết số 160/NQ-HĐND	Nghị quyết số 190/NQ-HĐND	Nghị quyết số 216/NQ-HĐND	Diện tích (ha)	Tỷ lệ (%)	
(1)	(2)	(3)	(4)=(5)+...(7)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)=(9)/(4)* 100	(11)
1	Dự án khu dân cư đô thị	ODT	13,84	13,84				3,86	27,89	
2	Dự án khu dân cư nông thôn	ONT	41,80	37,28		4,52		32,90	78,72	
3	Dự án trụ sở cơ quan	TSC	1,60	1,60				1,60	100,00	
4	Dự án trụ sở cơ quan tổ chức sự nghiệp	DTS								
5	Cụm công nghiệp	SKN								
6	Công trình giao thông	DGT	5,30	5,30				2,21	41,70	
7	Công trình thủy lợi	DTL	157,72	15,90		141,82		154,07	97,69	
8	Dự án năng lượng	DNL	2,15	2,13			0,02	0,53	24,65	
9	Công trình văn hóa	DVH								
10	Công trình thể dục thể thao	DTT	2,53	2,53				2,10	83,00	
11	Dự án cơ sở y tế	DYT	0,48	0,48				0,48	100,00	
12	Dự án cơ sở giáo dục	DGD	1,74	1,74				1,62	93,10	
13	Dự án chợ	DCH	2,42	2,42				1,45	59,92	
14	Dự án thu gom xử lý chất thải	DRA								
15	Dự án cơ sở tôn giáo	TON	1,16			0,16	1,00			
16	Đất sinh hoạt cộng đồng	DSH	3,10	2,50		0,60		2,20	70,97	
17	Công trình nghĩa trang nghĩa địa	NTD	1,89	1,74		0,15		1,89	100,00	
18	Dự án di tích lịch sử - văn hóa	DDT								
19	Bưu chính viễn thông	DBV	0,01	0,01				0,01	100,00	
20	Dự án thăm dò khai thác khoáng sản	SKS								
21	Dự án chế biến nông, lâm sản tập trung									
<b>Tổng</b>			<b>235,74</b>	<b>87,47</b>		<b>147,25</b>		<b>204,92</b>	<b>86,93</b>	

(\*): Kết quả đã giải phóng mặt bằng để triển khai thực hiện dự án

Phụ biểu I.11: Huyện Triệu Sơn

KẾT QUẢ THỰC HIỆN THU HỒI ĐẤT THỰC HIỆN CÁC DỰ ÁN THEO KHOẢN 3 ĐIỀU 62 LUẬT ĐẤT ĐAI ĐƯỢC HĐND TỈNH THÔNG QUA TẠI NGHỊ QUYẾT SỐ 121/NQ-HĐND, 160/NQ-HĐND, 190/NQ-HĐND, 216/NQ-HĐND

TT	Loại dự án	Mã loại đất	Diện tích các công trình, dự án đã được HĐND tỉnh thông qua năm 2019 (ha)					Kết quả thực hiện năm 2019 (*)		Ghi chú
			Tổng cộng	Nghị quyết số 121/NQ-HĐND	Nghị quyết số 160/NQ-HĐND	Nghị quyết số 190/NQ-HĐND	Nghị quyết số 216/NQ-HĐND	Diện tích (ha)	Tỷ lệ (%)	
(1)	(2)	(3)	(4)=(5)+..(7)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)=(9)/(4)*100	(11)
1	Dự án khu dân cư đô thị	ODT	59,18	0,36		58,82		0,36	0,61	
2	Dự án khu dân cư nông thôn	ONT	81,35	67,44		13,91		49,26	60,55	
3	Dự án trụ sở cơ quan	TSC	1,42	1,42				1,27	89,44	
4	Dự án trụ sở cơ quan tổ chức sự nghiệp	DTS								
5	Cụm công nghiệp	SKN								
6	Công trình giao thông	DGT	13,82	6,15	1,05	6,62	14,40	27,15	196,44	
7	Công trình thủy lợi	DTL								
8	Dự án năng lượng	DNL	0,38	0,11		0,27		0,27	71,05	
9	Công trình văn hóa	DVH								
10	Công trình thể dục thể thao	DTT	3,69	3,69				2,92	79,13	
11	Dự án cơ sở y tế	DYT								
12	Dự án cơ sở giáo dục	DGD								
13	Dự án chợ	DCH								
14	Dự án thu gom xử lý chất thải	DRA								
15	Dự án cơ sở tôn giáo	TON								
16	Đất sinh hoạt cộng đồng	DSH	0,60	0,60				0,18	30,00	
17	Công trình nghĩa trang nghĩa địa	NTD	0,70	0,70						
18	Dự án di tích lịch sử - văn hóa	DDT								
19	Buru chính viễn thông	DBV	0,02	0,02				0,02	100,00	
20	Dự án thăm dò khai thác khoáng sản	SKS								
21	Dự án chế biến nông, lâm sản tập trung									
<b>Tổng</b>			<b>161,16</b>	<b>80,49</b>	<b>1,05</b>	<b>79,62</b>		<b>81,43</b>	<b>50,53</b>	

(\*): Kết quả đã giải phóng mặt bằng để triển khai thực hiện dự án

**Phụ biểu I.12: Huyện Thọ Xuân**

**KẾT QUẢ THỰC HIỆN THU HỒI ĐẤT THỰC HIỆN CÁC DỰ ÁN THEO KHOẢN 3 ĐIỀU 62 LUẬT ĐẤT ĐAI ĐƯỢC HĐND TỈNH THÔNG QUA TẠI NGHỊ QUYẾT SỐ 121/NQ-HĐND, 160/NQ-HĐND, 190/NQ-HĐND**

TT	Loại dự án	Mã loại đất	Diện tích các công trình, dự án đã được HĐND tỉnh thông qua năm 2019 (ha)				Kết quả thực hiện năm 2019 (*)		Ghi chú	
			Tổng cộng	Nghị quyết số 121/NQ-HĐND	Nghị quyết số 160/NQ-HĐND	Nghị quyết số 190/NQ-HĐND	Nghị quyết số 216/NQ-HĐND	Diện tích (ha)		Tỷ lệ (%)
(1)	(2)	(3)	(4)=(5)+..(7)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)=(9)/(4)* 100	(11)
1	Dự án khu dân cư đô thị	ODT	3,02	3,02				0,48	15,89	
2	Dự án khu dân cư nông thôn	ONT	39,28	39,28				13,81	35,16	
3	Dự án trụ sở cơ quan	TSC	0,53	0,53				0,53	100,00	
4	Dự án trụ sở cơ quan tổ chức sự nghiệp	DTS								
5	Cụm công nghiệp	SKN								
6	Công trình giao thông	DGT	79,33	79,33				0,35	0,44	
7	Công trình thủy lợi	DTL	0,03	0,03				0,03	100,00	
8	Dự án năng lượng	DNL	0,04		0,04			0,04	100,00	
9	Công trình văn hóa	DVH	0,88	0,88						
10	Công trình thể dục thể thao	DTT	0,30	0,30				0,30	100,00	
11	Dự án cơ sở y tế	DYT								
12	Dự án cơ sở giáo dục	DGD	0,88	0,88				0,55	62,50	
13	Dự án chợ	DCH								
14	Dự án thu gom xử lý chất thải	DRA								
15	Dự án cơ sở tôn giáo	TON								
16	Đất sinh hoạt cộng đồng	DSH	0,41	0,41				0,35	85,37	
17	Công trình nghĩa trang nghĩa địa	NTD	2,04	2,04				2,04	100,00	
18	Dự án di tích lịch sử - văn hóa	DDT								
19	Bru chính viễn thông	DBV								
20	Dự án thăm dò khai thác khoáng sản	SKS								
21	Dự án chế biến nông, lâm sản tập trung									
<b>Tổng</b>			<b>126,74</b>	<b>126,70</b>	<b>0,04</b>			<b>18,48</b>	<b>14,58</b>	

(\*): Kết quả đã giải phóng mặt bằng để triển khai thực hiện dự án



Phụ biểu I.13: Huyện Thiệu Hóa

KẾT QUẢ THỰC HIỆN THU HỒI ĐẤT THỰC HIỆN CÁC DỰ ÁN THEO KHOẢN 3 ĐIỀU 62 LUẬT ĐẤT ĐAI ĐƯỢC HĐND TỈNH THÔNG QUA TẠI NGHỊ QUYẾT SỐ 121/NQ-HĐND, 160/NQ-HĐND, 190/NQ-HĐND

TT	Loại dự án	Mã loại đất	Diện tích các công trình, dự án đã được HĐND tỉnh thông qua năm 2019 (ha)				Kết quả thực hiện năm 2019(*)		Ghi chú	
			Tổng cộng	Nghị quyết số 121/NQ-HĐND	Nghị quyết số 160/NQ-HĐND	Nghị quyết số 190/NQ-HĐND	Nghị quyết số 216/NQ-HĐND	Diện tích (ha)		Tỷ lệ (%)
(1)	(2)	(3)	(4)=(5)+..(7)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)=(9)/(4)*100	(11)
1	Dự án khu dân cư đô thị	ODT	10,86	0,01	10,85			1,36	12,52	
2	Dự án khu dân cư nông thôn	ONT	43,64	28,12	13,94	1,58		17,15	39,30	
3	Dự án trụ sở cơ quan	TSC								
4	Dự án trụ sở cơ quan tổ chức sự nghiệp	DTS								
5	Cụm công nghiệp	SKN	17,50			17,50				
6	Công trình giao thông	DGT	11,36	3,54	7,67	0,15		7,03	61,91	
7	Công trình thủy lợi	DTL	16,80	4,09	11,19	1,52		15,73	93,63	
8	Dự án năng lượng	DNL	0,02		0,02			0,02	100,00	
9	Công trình văn hóa	DVH								
10	Công trình thể dục thể thao	DTT	5,90	4,53		1,37		0,56	9,50	
11	Dự án cơ sở y tế	DYT								
12	Dự án cơ sở giáo dục	DGD	1,50	0,90	0,60			1,50	100,00	
13	Dự án chợ	DCH	0,80	0,80						
14	Dự án thu gom xử lý chất thải	DRA	0,91	0,55		0,36		0,25	27,47	
15	Dự án cơ sở tôn giáo	TON	1,50	1,50				0,26	17,33	
16	Đất sinh hoạt cộng đồng	DSH	0,61	0,35		0,26		0,35	57,10	
17	Công trình nghĩa trang nghĩa địa	NTD	0,70			0,70				
18	Dự án di tích lịch sử - văn hóa	DDT	0,40		0,40					
19	Bưu chính viễn thông	DBV								
20	Dự án thăm dò khai thác khoáng sản	SKS								
21	Dự án chế biến nông, lâm sản tập trung									
<b>Tổng</b>			<b>112,50</b>	<b>44,39</b>	<b>44,67</b>	<b>23,44</b>		<b>44,21</b>	<b>39,30</b>	

(\*): Kết quả đã giải phóng mặt bằng để triển khai thực hiện dự án

**Phụ biểu I.14: huyện Yên Định**

**KẾT QUẢ THỰC HIỆN THU HỒI ĐẤT THỰC HIỆN CÁC DỰ ÁN THEO KHOẢN 3 ĐIỀU 62 LUẬT ĐẤT ĐAI ĐƯỢC HỖND TỈNH THÔNG QUA TẠI NGHỊ QUYẾT SỐ 121/NQ-HỖND, 160/NQ-HỖND, 190/NQ-HỖND**

TT	Loại dự án	Mã loại đất	Diện tích các công trình, dự án đã được HỖND tỉnh thông qua năm 2019 (ha)					Kết quả thực hiện năm 2019(*)		Ghi chú
			Tổng cộng	Nghị quyết số 121/NQ-HỖND	Nghị quyết số 160/NQ-HỖND	Nghị quyết số 190/NQ-HỖND	Nghị quyết số 216/NQ-HỖND	Diện tích (ha)	Tỷ lệ (%)	
(1)	(2)	(3)	(4)=(5)+..(7)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)=(9)/(4)*100	(11)
1	Dự án khu dân cư đô thị	ODT	0,40	0,40				0,40	100,00	
2	Dự án khu dân cư nông thôn	ONT	76,10	53,29		22,81		50,34	66,15	
3	Dự án trụ sở cơ quan	TSC								
4	Dự án trụ sở cơ quan tổ chức sự nghiệp	DTS								
5	Cụm công nghiệp	SKN	40,80			40,80		40,80	100,00	
6	Công trình giao thông	DGT	8,34	8,34				2,33	27,94	
7	Công trình thủy lợi	DTL	5,70	5,70				2,10	36,84	
8	Dự án năng lượng	DNL	25,85	4,40	0,16	21,20	0,09	0,56	2,17	
9	Công trình văn hóa	DVH								
10	Công trình thể dục thể thao	DTT	0,21			0,21		0,21	100,00	
11	Dự án cơ sở y tế	DYT								
12	Dự án cơ sở giáo dục	DGD	0,70			0,70		0,70	100,00	
13	Dự án chợ	DCH								
14	Dự án thu gom xử lý chất thải	DRA								
15	Dự án cơ sở tôn giáo	TON								
16	Đất sinh hoạt cộng đồng	DSH								
17	Công trình nghĩa trang nghĩa địa	NTD	0,33			0,33		0,33	100,00	
18	Dự án di tích lịch sử - văn hóa	DDT	5,26	5,20		0,06		5,20	98,86	
19	Bru chính viễn thông	DBV								
20	Dự án thăm dò khai thác khoáng sản	SKS								
21	Dự án chế biến nông, lâm sản tập trung									
<b>Tổng</b>			<b>163,69</b>	<b>77,33</b>	<b>0,16</b>	<b>86,11</b>	<b>0,09</b>	<b>102,97</b>	<b>62,91</b>	

(\*): Kết quả đã giải phóng mặt bằng để triển khai thực hiện dự án

Phụ biểu L15: Huyện Vĩnh Lộc

**KẾT QUẢ THỰC HIỆN THU HỒI ĐẤT THỰC HIỆN CÁC DỰ ÁN THEO KHOẢN 3 ĐIỀU 62 LUẬT ĐẤT ĐAI ĐƯỢC HĐND TỈNH THÔNG QUA TẠI NGHỊ QUYẾT SỐ 121/NQ-HĐND, 160/NQ-HĐND, 190/NQ-HĐND**

TT	Loại dự án	Mã loại đất	Diện tích các công trình, dự án đã được HĐND tỉnh thông qua năm 2019 (ha)					Kết quả thực hiện năm 2019 (*)		Ghi chú
			Tổng cộng	Nghị quyết số 121/NQ-HĐND	Nghị quyết số 160/NQ-HĐND	Nghị quyết số 190/NQ-HĐND	Nghị quyết số 216/NQ-HĐND	Diện tích (ha)	Tỷ lệ (%)	
(1)	(2)	(3)	(4)=(5)+..(7)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)=(9)/(4)*100	(11)
1	Dự án khu dân cư đô thị	ODT						36,45	79,14	
2	Dự án khu dân cư nông thôn	ONT	46,05	46,05				0,10	100,00	
3	Dự án trụ sở cơ quan	TSC	0,10	0,10						
4	Dự án trụ sở cơ quan tổ chức sự nghiệp	DTS								
5	Cụm công nghiệp	SKN	20,57	20,57						
6	Công trình giao thông	DGT	11,58	4,78		6,80		11,58	100,00	
7	Công trình thủy lợi	DTL	12,47	3,31		9,16		12,47	100,00	
8	Dự án năng lượng	DNL	0,28	0,19		0,09		0,27	96,35	
9	Công trình văn hóa	DVH	0,22	0,22						
10	Công trình thể dục thể thao	DTT	1,27	1,27				0,67	52,76	
11	Dự án cơ sở y tế	DYT								
12	Dự án cơ sở giáo dục	DGD	0,46	0,46				0,40	87,22	
13	Dự án chợ	DCH								
14	Dự án thu gom xử lý chất thải	DRA	1,01	1,01				1,01	100,00	
15	Dự án cơ sở tôn giáo	TON	0,34	0,28		0,03	0,03	0,28	82,35	
16	Đất sinh hoạt cộng đồng	DSH	0,65	0,65				0,65	100,00	
17	Công trình nghĩa trang nghĩa địa	NTD								
18	Dự án di tích lịch sử - văn hóa	DDT	5,90	5,90				2,60	44,07	
19	Bưu chính viễn thông	DBV								
20	Dự án thăm dò khai thác khoáng sản	SKS								
21	Dự án chế biến nông, lâm sản tập trung									
<b>Tổng</b>			<b>100,90</b>	<b>84,80</b>		<b>16,07</b>	<b>0,03</b>	<b>66,48</b>	<b>65,88</b>	

(\*): Kết quả đã giải phóng mặt bằng để triển khai thực hiện dự án

**Phụ biểu I.16: Huyện Thạch Thành**

**KẾT QUẢ THỰC HIỆN THU HỒI ĐẤT THỰC HIỆN CÁC DỰ ÁN THEO KHOẢN 3 ĐIỀU 62 LUẬT ĐẤT ĐAI ĐƯỢC HĐND TỈNH THÔNG QUA TẠI NGHỊ QUYẾT SỐ 121/NQ-HĐND, 160/NQ-HĐND, 190/NQ-HĐND**

TT	Loại dự án	Mã loại đất	Diện tích các công trình, dự án đã được HĐND tỉnh thông qua năm 2019 (ha)					Kết quả thực hiện năm 2019 (*)		Ghi chú
			Tổng cộng	Nghị quyết số 121/NQ-HĐND	Nghị quyết số 160/NQ-HĐND	Nghị quyết số 190/NQ-HĐND	Nghị quyết số 216/NQ-HĐND	Diện tích (ha)	Tỷ lệ (%)	
(1)	(2)	(3)	(4)=(5)+..(7)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)=(9)/(4)*100	(11)
1	Dự án Khu dân cư đô thị	ODT	4,68			4,68		4,68	100,00	
2	Dự án Khu dân cư nông thôn	ONT	15,33	12,63		2,70		5,50	35,88	
3	Dự án Trụ sở cơ quan	TSC	1,55	1,55				1,55	100,00	
4	Dự án Trụ sở cơ quan tổ chức sự nghiệp	DTS								
5	Cụm công nghiệp	SKN								
6	Công trình giao thông	DGT	8,86	3,20		5,66		8,86	100,00	
7	Công trình thủy lợi	DTL	4,72	4,72				4,72	100,00	
8	Dự án năng lượng	DNL	0,12	0,06	0,06			0,12	100,00	
9	Công trình văn hóa	DVH								
10	Công trình thể dục thể thao	DTT	1,88	1,88				0,11	5,85	
11	Dự án cơ sở y tế	DYT	0,77	0,38	0,39			0,50	65,02	
12	Dự án cơ sở giáo dục	DGD	0,91	0,61		0,30		0,36	39,74	
13	Dự án chợ	DCH								
14	Dự án thu gom xử lý chất thải	DRA	2,00	2,00						
15	Dự án cơ sở tôn giáo	TON								
16	Đất sinh hoạt cộng đồng	DSH	1,40	1,40				1,40	100,00	
17	Công trình nghĩa trang nghĩa địa	NTD								
18	Dự án Di tích lịch sử - văn hóa	DDT								
19	Bưu chính viễn thông	DBV								
20	Dự án thăm dò khai thác khoáng sản	SKS								
21	Dự án chế biến nông, lâm sản tập trung									
<b>Tổng</b>			<b>42,22</b>	<b>28,43</b>	<b>0,45</b>	<b>13,34</b>		<b>27,80</b>	<b>65,85</b>	

(\*): Kết quả đã giải phóng mặt bằng để triển khai thực hiện dự án

Phụ biểu I.17: Huyện Cẩm Thủy

KẾT QUẢ THỰC HIỆN THU HỒI ĐẤT THỰC HIỆN CÁC DỰ ÁN THEO KHOẢN 3 ĐIỀU 62 LUẬT ĐẤT ĐAI ĐƯỢC HĐND TỈNH THÔNG QUA TẠI NGHỊ QUYẾT SỐ 121/NQ-HĐND, 160/NQ-HĐND, 190/NQ-HĐND

TT	Loại dự án	Mã loại đất	Diện tích các công trình, dự án đã được HĐND tỉnh thông qua năm 2019 (ha)				Kết quả thực hiện năm 2019 (*)		Ghi chú	
			Tổng cộng	Nghị quyết số 121/NQ-HĐND	Nghị quyết số 160/NQ-HĐND	Nghị quyết số 190/NQ-HĐND	Nghị quyết số 216/NQ-HĐND	Diện tích (ha)		Tỷ lệ (%)
(1)	(2)	(3)	(4)=(5)+..(7)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)=(9)/(4)*100	(11)
1	Dự án Khu dân cư đô thị	ODT								
2	Dự án Khu dân cư nông thôn	ONT	19,38	19,27		0,11		10,48	54,07	
3	Dự án Trụ sở cơ quan	TSC	0,35	0,35				0,35	100,00	
4	Dự án Trụ sở cơ quan tổ chức sự nghiệp	DTS								
5	Cụm công nghiệp	SKN	8,00	8,00						
6	Công trình giao thông	DGT	1,36			1,36		1,36	100,00	
7	Công trình thủy lợi	DTL	18,15	18,15				18,15	100,00	
8	Dự án năng lượng	DNL	0,31		0,01	0,30		0,31	100,00	
9	Công trình văn hóa	DVH								
10	Công trình thể dục thể thao	DTT								
11	Dự án cơ sở y tế	DYT								
12	Dự án cơ sở giáo dục	DGD	0,53	0,53				0,53	100,00	
13	Dự án chợ	DCH	1,36	1,36						
14	Dự án thu gom xử lý chất thải	DRA	7,00	7,00						
15	Dự án cơ sở tôn giáo	TON	2,20	2,20						
16	Đất sinh hoạt cộng đồng	DSH								
17	Công trình nghĩa trang nghĩa địa	NTD								
18	Dự án Di tích lịch sử - văn hóa	DDT								
19	Bưu chính viễn thông	DBV								
20	Dự án thăm dò khai thác khoáng sản	SKS								
21	Dự án chế biến nông, lâm sản tập trung									
<b>Tổng</b>			<b>58,64</b>	<b>56,86</b>	<b>0,01</b>	<b>1,77</b>		<b>31,18</b>	<b>53,17</b>	

(\*): Kết quả đã giải phóng mặt bằng để triển khai thực hiện dự án

**Phụ biểu I.18: Huyện Ngọc Lặc**

**KẾT QUẢ THỰC HIỆN THU HỒI ĐẤT THỰC HIỆN CÁC DỰ ÁN THEO KHOẢN 3 ĐIỀU 62 LUẬT ĐẤT ĐAI ĐƯỢC HĐND TỈNH THÔNG QUA TẠI NGHỊ QUYẾT SỐ 121/NQ-HĐND, 160/NQ-HĐND, 190/NQ-HĐND**

TT	Loại dự án	Mã loại đất	Diện tích các công trình, dự án đã được HĐND tỉnh thông qua năm 2019 (ha)					Kết quả thực hiện năm 2019(*)		Ghi chú
			Tổng cộng	Nghị quyết số 121/NQ-HĐND	Nghị quyết số 160/NQ-HĐND	Nghị quyết số 190/NQ-HĐND	Nghị quyết số 216/NQ-HĐND	Diện tích (ha)	Tỷ lệ (%)	
(1)	(2)	(3)	(4)=(5)+..(7)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)=(9)/(4)*100	(11)
1	Dự án Khu dân cư đô thị	ODT	38,00	38,00						
2	Dự án Khu dân cư nông thôn	ONT	20,02	20,02				14,14	70,63	
3	Dự án Trụ sở cơ quan	TSC	0,20	0,20						
4	Dự án Trụ sở cơ quan tổ chức sự nghiệp	DTS								
5	Cụm công nghiệp	SKN	49,97			49,97		49,97	100,00	
6	Công trình giao thông	DGT	1,09	1,09				0,37	33,94	
7	Công trình thủy lợi	DTL								
8	Dự án năng lượng	DNL	0,83		0,83					
9	Công trình văn hóa	DVH	0,13	0,13						
10	Công trình thể dục thể thao	DTT	2,42	2,42						
11	Dự án cơ sở y tế	DYT								
12	Dự án cơ sở giáo dục	DGD	0,38	0,38						
13	Dự án chợ	DCH	0,50	0,50						
14	Dự án thu gom xử lý chất thải	DRA								
15	Dự án cơ sở tôn giáo	TON								
16	Đất sinh hoạt cộng đồng	DSH	1,06	1,06				0,32	30,19	
17	Công trình nghĩa trang nghĩa địa	NTD								
18	Dự án Di tích lịch sử - văn hóa	DDT								
19	Bưu chính viễn thông	DBV								
20	Dự án thăm dò khai thác khoáng sản	SKS								
21	Dự án chế biến nông, lâm sản tập trung									
<b>Tổng</b>			<b>114,60</b>	<b>63,80</b>	<b>0,83</b>	<b>49,97</b>		<b>64,80</b>	<b>56,54</b>	

(\*): Kết quả đã giải phóng mặt bằng để triển khai thực hiện dự án

Phụ biểu I.19: Huyện Như Thanh

KẾT QUẢ THỰC HIỆN THU HỒI ĐẤT THỰC HIỆN CÁC DỰ ÁN THEO KHOẢN 3 ĐIỀU 62 LUẬT ĐẤT ĐAI ĐƯỢC HĐND TỈNH THÔNG QUA TẠI NGHỊ QUYẾT SỐ 121/NQ-HĐND, 160/NQ-HĐND, 190/NQ-HĐND

TT	Loại dự án	Mã loại đất	Diện tích các công trình, dự án đã được HĐND tỉnh thông qua năm 2019 (ha)					Kết quả thực hiện năm 2019(*)		Ghi chú
			Tổng cộng	Nghị quyết số 121/NQ-HĐND	Nghị quyết số 160/NQ-HĐND	Nghị quyết số 190/NQ-HĐND	Nghị quyết số 216/NQ-HĐND	Diện tích (ha)	Tỷ lệ (%)	
(1)	(2)	(3)	(4)=(5)+..(7)	(5)	(6)	(7)		(8)	(9)=(8)/(4)*100	(10)
1	Dự án khu dân cư đô thị	ODT	7,18	7,18						
2	Dự án khu dân cư nông thôn	ONT	12,33	11,22		1,11		11,58	93,92	
3	Dự án trụ sở cơ quan	TSC	0,26				0,26	0,26	100,00	
4	Dự án trụ sở cơ quan tổ chức sự nghiệp	DTS								
5	Cụm công nghiệp	SKN	24,50	24,50						
6	Công trình giao thông	DGT	1,84	1,76		0,08		0,64	34,78	
7	Công trình thủy lợi	DTL	2,65	2,19		0,46		2,35	88,68	
8	Dự án năng lượng	DNL	1,67	1,66		0,01		0,60	36,04	
9	Công trình văn hóa	DVH	1,18	1,18						
10	Công trình thể dục thể thao	DTT	2,30	1,91		0,39		1,61	70,00	
11	Dự án cơ sở y tế	DYT								
12	Dự án cơ sở giáo dục	DGD	0,95	0,50		0,45		0,95	100,00	
13	Dự án chợ	DCH								
14	Dự án thu gom xử lý chất thải	DRA								
15	Dự án cơ sở tôn giáo	TON								
16	Đất sinh hoạt cộng đồng	DSH	1,55	1,55				1,12	72,26	
17	Công trình nghĩa trang nghĩa địa	NTD								
18	Dự án di tích lịch sử - văn hóa	DDT								
19	Bru chính viễn thông	DBV								
20	Dự án thăm dò khai thác khoáng sản	SKS	0,05	0,05						
21	Dự án chế biến nông, lâm sản tập trung									
<b>Tổng</b>			<b>56,46</b>	<b>53,70</b>		<b>2,50</b>	<b>0,26</b>	<b>19,11</b>	<b>33,85</b>	

(\*): Kết quả đã giải phóng mặt bằng để triển khai thực hiện dự án

**Phụ biểu L.20: Huyện Lang Chánh**

**KẾT QUẢ THỰC HIỆN THU HỒI ĐẤT THỰC HIỆN CÁC DỰ ÁN THEO KHOẢN 3 ĐIỀU 62 LUẬT ĐẤT ĐAI ĐƯỢC HĐND TỈNH THÔNG QUA TẠI NGHỊ QUYẾT SỐ 121/NQ-HĐND, 160/NQ-HĐND, 190/NQ-HĐND**

TT	Loại dự án	Mã loại đất	Diện tích các công trình, dự án đã được HĐND tỉnh thông qua năm 2019 (ha)				Kết quả thực hiện năm 2019(*)		Ghi chú
			Tổng cộng	Nghị quyết số 121/NQ-HĐND	Nghị quyết số 160/NQ-HĐND	Nghị quyết số 190/NQ-HĐND	Nghị quyết số 216/NQ-HĐND	Diện tích (ha)	
(1)	(2)	(3)	(4)=(5)+..(7)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)=(8)/(4)*100	(10)
1	Dự án Khu dân cư đô thị	ODT							
2	Dự án Khu dân cư nông thôn	ONT	1,36	1,36			1,36	100,00	
3	Dự án Trụ sở cơ quan	TSC	0,48	0,48			0,48	100,00	
4	Dự án Trụ sở cơ quan tổ chức sự nghiệp	DTS	0,75	0,75			0,75	100,00	
5	Cụm công nghiệp	SKN							
6	Công trình giao thông	DGT	6,14	4,94		1,20	6,22	101,30	
7	Công trình thủy lợi	DTL							
8	Dự án năng lượng	DNL	0,08		0,04		0,04	100,00	
9	Công trình văn hóa	DVH							
10	Công trình thể dục thể thao	DTT							
11	Dự án cơ sở y tế	DYT	0,22	0,22			0,22	100,00	
12	Dự án cơ sở giáo dục	DGD	0,33	0,33			0,33	100,00	
13	Dự án chợ	DCH							
14	Dự án thu gom xử lý chất thải	DRA							
15	Dự án cơ sở tôn giáo	TON							
16	Đất sinh hoạt cộng đồng	DSH							
17	Công trình nghĩa trang nghĩa địa	NTD							
18	Dự án Di tích lịch sử - văn hóa	DDT	0,10			0,10			
19	Bưu chính viễn thông	DBV							
20	Dự án thăm dò khai thác khoáng sản	SKS	23,08			23,08			
21	Dự án chế biến nông, lâm sản tập trung								
<b>Tổng</b>			<b>32,54</b>	<b>8,08</b>	<b>0,04</b>	<b>24,38</b>	<b>0,04</b>	<b>9,44</b>	<b>29,01</b>

(\*): Kết quả đã giải phóng mặt bằng để triển khai thực hiện dự án



Phụ biểu I.21: Huyện Bá Thước

KẾT QUẢ THỰC HIỆN THU HỒI ĐẤT THỰC HIỆN CÁC DỰ ÁN THEO KHOẢN 3 ĐIỀU 62 LUẬT ĐẤT ĐAI ĐƯỢC HĐND TỈNH THÔNG QUA TẠI NGHỊ QUYẾT SỐ 121/NQ-HĐND, 160/NQ-HĐND, 190/NQ-HĐND

TT	Loại dự án	Mã loại đất	Diện tích các công trình, dự án đã được HĐND tỉnh thông qua năm 2019 (ha)				Nghị quyết số 216/NQ-HĐND	Kết quả thực hiện năm 2019(*)		Ghi chú
			Tổng cộng	Nghị quyết số 121/NQ-HĐND	Nghị quyết số 160/NQ-HĐND	Nghị quyết số 190/NQ-HĐND		Diện tích (ha)	Tỷ lệ (%)	
(1)	(2)	(3)	(4)=(5)+..(7)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)=(8)/(4)*100	(10)	
1	Dự án Khu dân cư đô thị	ODT								
2	Dự án Khu dân cư nông thôn	ONT	5,09	5,09			5,08	99,73		
3	Dự án Trụ sở cơ quan	TSC								
4	Dự án Trụ sở cơ quan tổ chức sự nghiệp	DTS	0,17	0,17			0,17	100,00		
5	Cụm công nghiệp	SKN								
6	Công trình giao thông	DGT	3,95	2,96		0,99	3,10	78,37		
7	Công trình thủy lợi	DTL	0,22	0,22			0,22	100,00		
8	Dự án năng lượng	DNL	0,06		0,06		0,06	100,00		
9	Công trình văn hóa	DVH								
10	Công trình thể dục thể thao	DTT	1,25	0,20		1,05	0,20	16,00		
11	Dự án cơ sở y tế	DYT								
12	Dự án cơ sở giáo dục	DGD	0,58	0,58			0,58	100,17		
13	Dự án chợ	DCH								
14	Dự án thu gom xử lý chất thải	DRA								
15	Dự án cơ sở tôn giáo	TON								
16	Đất sinh hoạt cộng đồng	DSH								
17	Công trình nghĩa trang nghĩa địa	NTD								
18	Dự án Di tích lịch sử - văn hóa	DDT								
19	Bưu chính viễn thông	DBV								
20	Dự án thăm dò khai thác khoáng sản	SKS								
21	Dự án chế biến nông, lâm sản tập trung									
<b>Tổng</b>			<b>11,32</b>	<b>9,22</b>	<b>0,06</b>	<b>2,04</b>	<b>9,40</b>	<b>83,06</b>		

(\*): Kết quả đã giải phóng mặt bằng để triển khai thực hiện dự án

**Phụ biểu I.22: Huyện Thường Xuân**

**KẾT QUẢ THỰC HIỆN THU HỒI ĐẤT THỰC HIỆN CÁC DỰ ÁN THEO KHOẢN 3 ĐIỀU 62 LUẬT ĐẤT ĐAI ĐƯỢC HĐND TỈNH THÔNG QUA TẠI NGHỊ QUYẾT SỐ 121/NQ-HĐND, 160/NQ-HĐND, 190/NQ-HĐND**

TT	Loại dự án	Mã loại đất	Diện tích các công trình, dự án đã được HĐND tỉnh thông qua năm 2019 (ha)					Kết quả thực hiện năm 2019 (*)		Ghi chú
			Tổng cộng	Nghị quyết số 121/NQ-HĐND	Nghị quyết số 160/NQ-HĐND	Nghị quyết số 190/NQ-HĐND	Nghị quyết số 216/NQ-HĐND	Diện tích (ha)	Tỷ lệ (%)	
(1)	(2)	(3)	(4)=(5)+...(7)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)=(8)/(4)*100	(10)	
1	Dự án khu dân cư đô thị	ODT	3,18	1,18		2,00				
2	Dự án khu dân cư nông thôn	ONT	6,15	6,15			3,55	57,71		
3	Dự án trụ sở cơ quan	TSC	0,60	0,50		0,10	0,49	81,67		
4	Dự án trụ sở cơ quan tổ chức sự nghiệp	DTS								
5	Cụm công nghiệp	SKN	28,00			28,00	28,00	100,00		
6	Công trình giao thông	DGT								
7	Công trình thủy lợi	DTL								
8	Dự án năng lượng	DNL	0,04		0,04					
9	Công trình văn hóa	DVH	0,94	0,94						
10	Công trình thể dục thể thao	DTT	0,42	0,42			0,37	87,89		
11	Dự án cơ sở y tế	DYT	0,26	0,26						
12	Dự án cơ sở giáo dục	DGD	0,49	0,49			0,10	20,41		
13	Dự án chợ	DCH								
14	Dự án thu gom xử lý chất thải	DRA								
15	Dự án cơ sở tôn giáo	TON								
16	Đất sinh hoạt cộng đồng	DSH								
17	Công trình nghĩa trang nghĩa địa	NTD								
18	Dự án di tích lịch sử - văn hóa	DDT								
19	Buru chính viễn thông	DBV								
20	Dự án thăm dò khai thác khoáng sản	SKS								
21	Dự án chế biến nông, lâm sản tập trung									
<b>Tổng</b>			<b>40,08</b>	<b>9,94</b>	<b>0,04</b>	<b>30,10</b>	<b>32,51</b>	<b>81,11</b>		

(\*): Kết quả đã giải phóng mặt bằng để triển khai thực hiện dự án

**Phụ biểu I.23: Huyện Như Xuân**

**KẾT QUẢ THỰC HIỆN THU HỒI ĐẤT THỰC HIỆN CÁC DỰ ÁN THEO KHOẢN 3 ĐIỀU 62 LUẬT ĐẤT ĐAI ĐƯỢC HĐND TỈNH THÔNG QUA TẠI NGHỊ QUYẾT SỐ 121/NQ-HĐND, 160/NQ-HĐND, 190/NQ-HĐND**

TT	Loại dự án	Mã loại đất	Diện tích các công trình, dự án đã được HĐND tỉnh thông qua năm 2019 (ha)					Kết quả thực hiện năm 2019(*)		Ghi chú
			Tổng cộng	Nghị quyết số 121/NQ-HĐND	Nghị quyết số 160/NQ-HĐND	Nghị quyết số 190/NQ-HĐND	Nghị quyết số 216/NQ-HĐND	Diện tích (ha)	Tỷ lệ (%)	
(1)	(2)	(3)	(4)=(5)+..(7)	(5)	(6)	(7)		(8)	(9)=(8)/(4)*100	(10)
1	Dự án Khu dân cư đô thị	ODT	0,13	0,13				0,13	100,00	
2	Dự án Khu dân cư nông thôn	ONT	3,15	3,15				1,36	43,17	
3	Dự án Trụ sở cơ quan	TSC								
4	Dự án Trụ sở cơ quan tổ chức sự nghiệp	DTS								
5	Cụm công nghiệp	SKN	20,00				20,00			
6	Công trình giao thông	DGT	4,60	3,60		1,00		3,60	78,26	
7	Công trình thủy lợi	DTL	2,60	2,60				0,10	3,85	
8	Dự án năng lượng	DNL	3,54	3,54	0,00			0,02	0,56	
9	Công trình văn hóa	DVH								
10	Công trình thể dục thể thao	DTT	1,98	1,98				0,31	15,66	
11	Dự án cơ sở y tế	DYT								
12	Dự án cơ sở giáo dục	DGD	1,04	1,04				0,69	66,35	
13	Dự án chợ	DCH								
14	Dự án thu gom xử lý chất thải	DRA								
15	Dự án cơ sở tôn giáo	TON								
16	Đất sinh hoạt cộng đồng	DSH	0,27	0,27				0,27	100,00	
17	Công trình nghĩa trang nghĩa địa	NTD								
18	Dự án Di tích lịch sử - văn hóa	DDT								
19	Bưu chính viễn thông	DBV								
20	Dự án thăm dò khai thác khoáng sản	SKS								
21	Dự án chế biến nông, lâm sản tập trung									
<b>Tổng</b>			<b>37,31</b>	<b>16,31</b>	<b>0,00</b>	<b>1,00</b>	<b>20,00</b>	<b>6,48</b>	<b>17,37</b>	

(\*): Kết quả đã giải phóng mặt bằng để triển khai thực hiện dự án

Phụ biểu I.24: huyện Quan Hóa

KẾT QUẢ THỰC HIỆN THU HỒI ĐẤT THỰC HIỆN CÁC DỰ ÁN THEO KHOẢN 3 ĐIỀU 62 LUẬT ĐẤT ĐAI ĐƯỢC HĐND TỈNH THÔNG QUA TẠI NGHỊ QUYẾT SỐ 121/NQ-HĐND, 160/NQ-HĐND, 190/NQ-HĐND

TT	Loại dự án	Mã loại đất	Diện tích các công trình, dự án đã được HĐND tỉnh thông qua năm 2019 (ha)				Kết quả thực hiện năm 2019(*)		Ghi chú
			Tổng cộng	Nghị quyết số 121/NQ-HĐND	Nghị quyết số 160/NQ-HĐND	Nghị quyết số 190/NQ-HĐND	Nghị quyết số 216/NQ-HĐND	Diện tích (ha)	
(1)	(2)	(3)	(4)=(5)+..(7)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)=(8)/(4)*100	(10)
1	Dự án khu dân cư đô thị	ODT							
2	Dự án khu dân cư nông thôn	ONT	0,16	0,16			0,16	100,00	
3	Dự án trụ sở cơ quan	TSC							
4	Dự án trụ sở cơ quan tổ chức sự nghiệp	DTS							
5	Cụm công nghiệp	SKN	1,89	1,89			1,89	100,00	
6	Công trình giao thông	DGT	1,58	1,58			1,58	100,00	
7	Công trình thủy lợi	DTL							
8	Dự án năng lượng	DNL	0,01		0,01		0,01	71,43	
9	Công trình văn hóa	DVH							
10	Công trình thể dục thể thao	DTT	0,40	0,40					
11	Dự án cơ sở y tế	DYT							
12	Dự án cơ sở giáo dục	DGD							
13	Dự án chợ	DCH	0,06	0,06			0,06	100,00	
14	Dự án thu gom xử lý chất thải	DRA							
15	Dự án cơ sở tôn giáo	TON							
16	Đất sinh hoạt cộng đồng	DSH	0,35	0,35			0,35	100,00	
17	Công trình nghỉ trang nghỉ địa	NTD							
18	Dự án di tích lịch sử - văn hóa	DDT	0,11	0,11					
19	Bưu chính viễn thông	DBV							
20	Dự án thăm dò khai thác khoáng sản	SKS							
21	Dự án chế biến nông, lâm sản tập trung								
<b>Tổng</b>			<b>4,56</b>	<b>4,55</b>	<b>0,01</b>		<b>4,05</b>	<b>88,74</b>	

(\*): Kết quả đã giải phóng mặt bằng để triển khai thực hiện dự án

Phụ biểu I.25: Huyện Quan Sơn

**KẾT QUẢ THỰC HIỆN THU HỒI ĐẤT THỰC HIỆN CÁC DỰ ÁN THEO KHOẢN 3 ĐIỀU 62 LUẬT ĐẤT ĐAI ĐƯỢC HĐND TỈNH THÔNG QUA TẠI NGHỊ QUYẾT SỐ 121/NQ-HĐND, 160/NQ-HĐND, 190/NQ-HĐND**

TT	Loại dự án	Mã loại đất	Diện tích các công trình, dự án đã được HĐND tỉnh thông qua năm 2019 (ha)				Kết quả thực hiện năm 2019(*)		Ghi chú
			Tổng cộng	Nghị quyết số 121/NQ-HĐND	Nghị quyết số 160/NQ-HĐND	Nghị quyết số 190/NQ-HĐND	Nghị quyết số 216/NQ-HĐND	Diện tích (ha)	
(1)	(2)	(3)	(4)=(5)+..(7)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)=(8)/(4)*100	(10)
1	Dự án khu dân cư đô thị	ODT							
2	Dự án khu dân cư nông thôn	ONT							
3	Dự án trụ sở cơ quan	TSC							
4	Dự án trụ sở cơ quan tổ chức sự nghiệp	DTS							
5	Cụm công nghiệp	SKN							
6	Công trình giao thông	DGT	0,887			0,887	0,887	100,00	
7	Công trình thủy lợi	DTL							
8	Dự án năng lượng	DNL	0,005		0,005		0,005	100,00	
9	Công trình văn hóa	DVH							
10	Công trình thể dục thể thao	DTT	0,800	0,800			0,800	100,00	
11	Dự án cơ sở y tế	DYT							
12	Dự án cơ sở giáo dục	DGD							
13	Dự án chợ	DCH							
14	Dự án thu gom xử lý chất thải	DRA							
15	Dự án cơ sở tôn giáo	TON	4,130			4,130	4,130	100,00	
16	Đất sinh hoạt cộng đồng	DSH							
17	Công trình nghĩa trang nghĩa địa	NTD							
18	Dự án di tích lịch sử - văn hóa	DDT							
19	Bưu chính viễn thông	DBV							
20	Dự án thăm dò khai thác khoáng sản	SKS							
21	Dự án chế biến nông, lâm sản tập trung								
<b>Tổng</b>			<b>5,822</b>	<b>0,800</b>	<b>0,005</b>	<b>5,017</b>	<b>5,822</b>	<b>100,00</b>	

(\*): Kết quả đã giải phóng mặt bằng để triển khai thực hiện dự án

Phụ biểu I.26: huyện Mùong Lát

KẾT QUẢ THỰC HIỆN THU HỒI ĐẤT THỰC HIỆN CÁC DỰ ÁN THEO KHOẢN 3 ĐIỀU 62 LUẬT ĐẤT ĐAI ĐƯỢC HĐND TỈNH THÔNG QUA TẠI NGHỊ QUYẾT SỐ 121/NQ-HĐND, 160/NQ-HĐND, 190/NQ-HĐND

TT	Loại dự án	Mã loại đất	Diện tích các công trình, dự án đã được HĐND tỉnh thông qua năm 2019 (ha)				Kết quả thực hiện năm 2019(*)		Ghi chú
			Tổng cộng	Nghị quyết số 121/NQ-HĐND	Nghị quyết số 160/NQ-HĐND	Nghị quyết số 190/NQ-HĐND	Nghị quyết số 216/NQ-HĐND	Diện tích (ha)	
(1)	(2)	(3)	(4)=(5)+..(7)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)=(8)/(4)*100	(10)
1	Dự án khu dân cư đô thị	ODT	0,09	0,09			0,09	100,00	
2	Dự án khu dân cư nông thôn	ONT	0,03	0,03			0,03	100,00	
3	Dự án trụ sở cơ quan	TSC	0,73	0,73			0,73	100,00	
4	Dự án trụ sở cơ quan tổ chức sự nghiệp	DTS							
5	Cụm công nghiệp	SKN							
6	Công trình giao thông	DGT	4,51	4,51			4,51	100,00	
7	Công trình thủy lợi	DTL	6,20	1,20		5,00	2,31	37,25	
8	Dự án năng lượng	DNL	0,07		0,07				
9	Công trình văn hóa	DVH	0,93	0,93			0,93	100,00	
10	Công trình thể dục thể thao	DTT	1,76	1,76			1,20	68,18	
11	Dự án cơ sở y tế	DYT							
12	Dự án cơ sở giáo dục	DGD	0,73			0,73	0,73	100,55	
13	Dự án chợ	DCH	0,30	0,30			0,30	100,00	
14	Dự án thu gom xử lý chất thải	DRA							
15	Dự án cơ sở tôn giáo	TON	5,00	5,00			5,00	100,00	
16	Đất sinh hoạt cộng đồng	DSH	1,00	1,00			1,00	100,00	
17	Công trình nghĩa trang nghĩa địa	NTD							
18	Dự án di tích lịch sử - văn hóa	DDT							
19	Bưu chính viễn thông	DBV							
20	Dự án thăm dò khai thác khoáng sản	SKS							
21	Dự án chế biến nông, lâm sản tập trung								
<b>Tổng</b>			<b>21,35</b>	<b>15,55</b>	<b>0,07</b>	<b>5,73</b>	<b>16,83</b>	<b>78,84</b>	

(\*): Kết quả đã giải phóng mặt bằng để triển khai thực hiện dự án

**Biểu số II:**

**TỔNG HỢP NHU CẦU SỬ DỤNG ĐẤT CÁC DỰ ÁN MỚI THUỘC TRƯỜNG HỢP PHẢI THU HỒI ĐẤT NĂM 2020  
THEO QUY ĐỊNH TẠI KHOẢN 3 ĐIỀU 62 LUẬT ĐẤT ĐAI NĂM 2013**

*(Kèm theo Tờ trình số: 237 /TTr-UBND ngày 29 / 11 /2019 của UBND tỉnh)*

TT	Loại dự án	Mã loại đất	Số công trình dự án	Diện tích thu hồi (ha)	Lấy từ các loại đất				
					LUA	RSX	RPH	RDD	Đất khác còn lại
1	Dự án khu dân cư đô thị	ODT	68	459,876	258,225	0,200			201,451
2	Dự án khu dân cư nông thôn	ONT	689	627,797	484,358	60,310			83,129
3	Dự án trụ sở cơ quan	TSC	11	5,325	3,320	0,700			1,305
4	Dự án trụ sở cơ quan tổ chức sự nghiệp	DTS							
5	Dự án cụm công nghiệp	SKN	10	87,545	52,885	3,480			31,180
6	Công trình giao thông	DGT	127	287,345	126,329	25,464	1,240		134,312
7	Công trình thủy lợi	DTL	24	650,466	27,020	356,416	239,510		27,520
8	Dự án năng lượng	DNL	55	4,237	3,731	0,110			0,395
9	Công trình văn hóa	DVH	10	8,740	8,490				0,250
10	Công trình thể dục thể thao	DTT	46	40,750	31,640	1,200	1,300		6,610
11	Dự án cơ sở y tế	DYT	3	0,920	0,100				0,820
12	Dự án cơ sở giáo dục	DGD	46	20,114	11,977	2,435			5,702
13	Dự án chợ	DCH	10	7,330	3,930	0,530			2,870
14	Dự án thu gom xử lý chất thải	DRA	13	3,070	2,460				0,610
15	Dự án cơ sở tôn giáo	TON	8	9,311	1,000	7,100	0,100		1,111
16	Đất sinh hoạt cộng đồng	DSH	50	9,110	6,430	0,200			2,480
17	Công trình nghĩa trang nghĩa địa	NTD	27	31,840	11,020	18,620			2,200
18	Dự án di tích lịch sử - văn hóa	DDT	5	28,640	20,640				8,000
19	Dịch vụ công cộng	DKV	1	18,000	8,760				9,240
20	Bưu chính viễn thông	DBV							
<b>Tổng</b>			<b>1.203</b>	<b>2.300,416</b>	<b>1.062,315</b>	<b>476,765</b>	<b>242,150</b>		<b>519,185</b>

*(Có phụ biểu chi tiết các dự án phải thu hồi đất năm 2020 kèm theo)*

Phụ biểu II.1

DANH MỤC CÔNG TRÌNH, DỰ ÁN THU HỒI ĐẤT TRONG NĂM 2020 THÀNH PHỐ THANH HÓA

TT	Hạng mục	Diện tích cần thu hồi (ha)	Được thu hồi từ các loại đất					Địa điểm (đến cấp xã)	Sự phù hợp điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất đến năm 2020	Chủ trương; nguồn vốn đầu tư	Ghi chú
			LUA	RSX	RPH	RDD	Các loại đất còn lại				
(1)	(2)	(3)=(4)+... (8)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)
	<b>Tổng cộng</b>	<b>343,684</b>	<b>156,520</b>				<b>187,164</b>				
<b>I</b>	<b>Dự án Khu dân cư đô thị</b>	<b>335,054</b>	<b>149,720</b>				<b>185,334</b>				
1	Khu xen cư phố Thành Yên	0,090	0,090					Quảng Thành	Phù hợp	Quyết định số 242/UBND-CN, 08/01/2018 của UBND tỉnh	
2	Khu dân cư Đông nam Khu đô thị Đông Phát	4,270					4,270	Quảng Thành	Phù hợp	Quyết định số 479/QĐ-UBND, 30/01/2019 của Chủ tịch UBND tỉnh	
3	Khu xen cư 14 Dã Tượng	0,120					0,120	Đông Sơn	Phù hợp	Quyết định số 479/QĐ-UBND, 30/01/2019 của Chủ tịch UBND tỉnh	
4	Khu dân cư Bắc sông Hạc	1,200					1,200	Đông Thọ	Phù hợp	Công văn số 9621/UBND-CN, 10/8/2018 của UBND tỉnh	
5	Khu dân cư phố 5 và đường nối với đường vành đai phía Tây thành phố Thanh Hoá	6,410	5,000				1,410	Đông Cương	Phù hợp	Quyết định số 5697/QĐ-UBND, 02/7/2019 của Chủ tịch UBND tỉnh	
6	Khu dân cư xóm Bắc Sơn 1	6,170	2,000				4,170	An Hoạch	Phù hợp	Quyết định số 3298/QĐ-UBND, 05/10/2012 của Chủ tịch UBND tỉnh	
7	Khu dân cư phường Quảng Hưng	0,740	0,740					Quảng Hưng	Phù hợp	Quyết định số 1556/QĐ-UBND, 26/4/2019 của Chủ tịch UBND tỉnh	
8	Nhà ở xã hội tại phường Quảng Thắng	0,934					0,934	Quảng Thắng	Phù hợp	Công văn số 11001/UBND-CN ngày 23/8/2019 của UBND tỉnh về việc chấp thuận chủ trương đầu tư	
9	Khu đô thị mới xã Hoằng Quang và xã Hoằng Long	299,230	129,890				169,340	Xã Hoằng Quang, xã Hoằng Long	Phù hợp	Công văn số 5035/CV/VPTU ngày 08/11/2019 của Văn phòng Tỉnh ủy về danh mục dự án đầu tư có sử dụng đất cần lựa chọn nhà đầu tư	
10	Dự án số 4 thuộc Khu đô thị mới trung tâm TPTH	15,890	12,000				3,890	Đông Hải	Phù hợp	Công văn số 5035/CV/VPTU ngày 08/11/2019 của Văn phòng Tỉnh ủy về danh mục dự án đầu tư có sử dụng đất cần lựa chọn nhà đầu tư	



TT	Hạng mục	Diện tích cần thu hồi (ha)	Được thu hồi từ các loại đất					Địa điểm (đến cấp xã)	Sự phù hợp điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất đến năm 2020	Chủ trương; nguồn vốn đầu tư	Ghi chú
			LUA	RSX	RPH	RDD	Các loại đất còn lại				
(1)	(2)	(3)=(4)+... (8)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)
<b>II</b>	<b>Dự án khu dân cư nông thôn</b>	<b>2,730</b>	<b>2,000</b>				<b>0,730</b>				
1	Khu xen cư thôn Đình Cường	2,730	2,000				0,730	Quảng Tâm	Phù hợp	Quyết định số 7258/QĐ-UBND, 12/8/2019 của Chủ tịch UBND tỉnh	
<b>III</b>	<b>Công trình giao thông</b>	<b>3,850</b>	<b>2,950</b>				<b>0,900</b>				
1	Đường giao thông từ MB 2122 kết nối vào đường gom đại lộ Hùng Vương, hệ thống kênh tiêu ra sông Thống Nhất	1,600	1,200				0,400	Đông Hải	Phù hợp	Quyết định số 1490/QĐ-UBND, 01/02/2019 của Chủ tịch UBND tỉnh	
2	Tuyến đường giao thông nối đường Đông Lễ từ Trung tâm Y tế phường Đông Hải với MBQH 199	0,250	0,250					Đông Hải	Phù hợp	Quyết định số 1491/QĐ-UBND, 01/02/2019 của Chủ tịch UBND tỉnh	
3	Đường nối KCN Tây bắc ga với đường vành đai phía Tây	2,000	1,500				0,500	Đông Lĩnh	Phù hợp	Quyết định số 2711/QĐ-UBND, 05/7/2019 của Chủ tịch UBND tỉnh	
<b>IV</b>	<b>Công trình văn hóa</b>	<b>2,050</b>	<b>1,850</b>				<b>0,200</b>				
1	Công viên tưởng niệm các giáo viên và học sinh đã hy sinh ngày 14/6/1972	2,050	1,850				0,200	Nam Ngạn	Phù hợp	Quyết định số 6533/QĐ-UBND, 25/7/2019 của Chủ tịch UBND tỉnh	

## DANH MỤC CÔNG TRÌNH, DỰ ÁN THU HỒI ĐẤT TRONG NĂM 2020 THÀNH PHỐ SẦM SƠN

TT	Hạng mục	Diện tích cần thu hồi (ha)	Được thu hồi từ các loại đất					Địa điểm (đến cấp xã)	Sự phù hợp điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất đến năm 2020	Chủ trương; nguồn vốn đầu tư	Ghi chú
			LUA	RSX	RPH	RDD	Các loại đất còn lại				
(1)	(2)	(3)=(4)+... (8)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)
	<b>Tổng cộng</b>	<b>24,684</b>	<b>7,665</b>				<b>17,019</b>				
<b>I</b>	<b>Dự án Khu dân cư đô thị</b>	<b>8,032</b>	<b>2,355</b>				<b>5,677</b>				
1	Khu xen cư, tái định cư trường mầm non Hoa Mai	0,089					0,089	Phường Bắc Sơn	Phù hợp	Nghị quyết số 15/NQ-HĐND ngày 24/7/2019 của Hội đồng nhân dân thành phố Sầm Sơn về việc bổ sung kế hoạch sử dụng đất năm 2019	
2	Khu xen cư, tái định cư NVH khu phố Đồng Xuân	0,030					0,030	Phường Bắc Sơn	Phù hợp		
3	Khu xen cư, tái định cư NVH khu phố Minh Hải	0,012					0,012	Phường Bắc Sơn	Phù hợp		
4	Khu xen cư, tái định cư NVH khu phố Khánh Sơn	0,013					0,013	Phường Bắc Sơn	Phù hợp		
5	Khu xen cư, tái định cư NVH khu phố Lương Thiện (cũ)	0,020					0,020	Phường Trung Sơn	Phù hợp	Nghị quyết số 15/NQ-HĐND ngày 24/7/2019 của HĐND thành phố Sầm Sơn về việc bổ sung kế hoạch sử dụng đất năm 2019	
6	Khu xen cư NVH khu phố Hồng Thắng (cũ)	0,058					0,058	Phường Quảng Cư	Phù hợp		
7	Khu xen cư khu phố Hồng Thắng	0,040					0,040	Phường Quảng Cư	Phù hợp		
8	Khu xen cư khu phố Công Vinh	0,030	0,015				0,015	Phường Quảng Cư	Phù hợp		
9	Khu xen cư Nhà văn hóa Thọ Kinh (cũ)	0,035					0,035	Phường Quảng Thọ	Phù hợp		
10	Khu xen cư Nhà văn hóa Thọ Đồn (cũ)	0,046					0,046	Phường Quảng Thọ	Phù hợp		
11	Khu xen cư Nhà văn hóa Thọ Vinh (cũ)	0,041					0,041	Phường Quảng Thọ	Phù hợp		
12	Khu dân cư tây đường Ven biển	6,900	2,300				4,600	Phường Quảng Châu	Phù hợp		
13	Khu xen cư Yên Trạch (Khu 1)	0,090	0,040				0,050	Phường Quảng Châu	Phù hợp		
14	Khu xen cư Yên Trạch (Khu 2)	0,200					0,200	Phường Quảng Châu	Phù hợp		
15	Khu xen cư Yên Trạch (Khu 3)	0,100					0,100	Phường Quảng Châu	Phù hợp		

TT	Hạng mục	Diện tích cần thu hồi (ha)	Được thu hồi từ các loại đất					Địa điểm (đến cấp xã)	Sự phù hợp điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất đến năm 2020	Chủ trương; nguồn vốn đầu tư	Ghi chú
			LUA	RSX	RPH	RDD	Các loại đất còn lại				
(1)	(2)	(3)=(4)+... (8)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)
16	Khu xen cư Yên Trạch (Khu 4)	0,040					0,040	Phường Quảng Châu	Phù hợp	Nghị Quyết số 15/NQ-HĐND ngày 24/7/2019 của HĐND thành phố Sầm Sơn về việc bổ sung kế hoạch sử dụng đất năm 2019	
17	Khu xen cư Yên Trạch (Khu 5)	0,040					0,040	Phường Quảng Châu	Phù hợp		
18	Khu xen cư Yên Trạch (Khu 6)	0,080					0,080	Phường Quảng Châu	Phù hợp		
19	Khu xen cư Kiều Đại (Khu 1)	0,080					0,080	Phường Quảng Châu	Phù hợp		
20	Khu xen cư nhà văn hóa khu phố Thanh Minh 2 (cũ)	0,029					0,029	Phường Quảng Vinh	Phù hợp		
21	Khu xen cư nhà văn hóa khu phố Đông Đức 1 (cũ)	0,059					0,059	Phường Quảng Vinh	Phù hợp		
<b>II</b>	<b>Khu dân cư nông thôn</b>	<b>0,800</b>					<b>0,800</b>				
1	Khu xen cư, tái định cư Quảng Hùng	0,020					0,020	Xã Quảng Hùng	Phù hợp	Nghị quyết số 15/NQ-HĐND ngày 24/7/2019 của HĐND thành phố Sầm Sơn về việc bổ sung kế hoạch sử dụng đất năm 2019	
2	Khu xen cư, tái định cư Thôn 3 (khu 1)	0,010					0,010	Xã Quảng Hùng	Phù hợp		
3	Khu xen cư, tái định cư Thôn 3 (khu 2)	0,100					0,100	Xã Quảng Hùng	Phù hợp		
4	Khu xen cư, tái định cư Thôn 3 (khu 3)	0,130					0,130	Xã Quảng Hùng	Phù hợp		
5	Khu xen cư, tái định cư Thôn 3 (khu 4)	0,010					0,010	Xã Quảng Hùng	Phù hợp		
6	Khu xen cư, tái định cư Thôn 6	0,050					0,050	Xã Quảng Hùng	Phù hợp		
7	Khu xen cư Nhà văn hóa thôn 4 cũ	0,220					0,220	Xã Quảng Minh	Phù hợp	Nghị quyết số 15/NQ-HĐND ngày 24/7/2019 của HĐND thành phố Sầm Sơn về việc bổ sung kế hoạch sử dụng đất năm 2019	
8	Khu xen cư Nhà văn hóa thôn 6 cũ	0,260					0,260	Xã Quảng Minh	Phù hợp		
<b>III</b>	<b>Công trình giao thông</b>	<b>14,892</b>	<b>4,700</b>				<b>10,192</b>				
1	Cải tạo nút giao đường Quốc lộ 47	0,122					0,122	Phường Trường Sơn	Phù hợp	Công văn số 915/SGTVT-QLGT ngày 15/3/2019 của Sở Giao thông vận tải	

TT	Hạng mục	Diện tích cần thu hồi (ha)	Được thu hồi từ các loại đất					Địa điểm (đến cấp xã)	Sự phù hợp điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất đến năm 2020	Chủ trương; nguồn vốn đầu tư	Ghi chú
			LUA	RSX	RPH	RDD	Các loại đất còn lại				
(1)	(2)	(3)=(4)+... (8)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)
2	Đường Hai Bà Trưng	2,270	0,700				1,570	Phường Quảng Tiến	Phù hợp	Nghị quyết số 154/NQ-HĐND ngày 04/4/2019 HĐND tỉnh về việc quyết định chủ trương đầu tư xây dựng tuyến đường Tây Sầm Sơn 5 và tuyến đường Hai Bà Trưng	
3	Đường giao thông nối trung tâm văn hóa với thôn 4+5	0,500					0,500	Xã Quảng Hùng	Phù hợp	Nghị quyết số 15/NQ-HĐND ngày 24/7/2019 của HĐND thành phố Sầm Sơn về việc bổ sung kế hoạch sử dụng đất năm 2019	
4	Hạ tầng kỹ thuật khu du lịch sinh thái FLC Sầm Sơn (đường Đông Tây 2, đường Đông Tây 3)	12,000	4,000				8,000	Phường Quảng Cư	Phù hợp	Quyết định 739/QĐ-UBND ngày 07/3/2019 của UBND tỉnh về việc điều chỉnh dự án đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật khu du lịch sinh thái Quảng Cư	
<b>IV</b>	<b>Công trình sinh hoạt cộng đồng</b>	<b>0,960</b>	<b>0,610</b>				<b>0,350</b>				
1	Nhà văn hóa thôn 3	0,150	0,150					Xã Quảng Hùng	Phù hợp	Quyết định 2186/QĐ-UBND ngày 23/5/2019 của UBND thành phố	
2	Nhà văn hóa thôn 5	0,150	0,150					Xã Quảng Hùng	Phù hợp	Quyết định 3732/QĐ-UBND ngày 20/8/2019 của UBND thành phố	
7	Mở rộng NVH thôn Huệ Nghiêm	0,060	0,010				0,050	Xã Quảng Đại	Phù hợp	Quyết định 3948/QĐ-UBND ngày 03/9/2019 của UBND thành phố	
9	Nhà Văn Hóa khu phố Hồng Hải	0,150	0,150					Phường Quảng Vinh	Phù hợp	Nghị quyết số 15/NQ-HĐND ngày 24/7/2019 của HĐND thành phố Sầm Sơn về việc bổ sung kế hoạch sử dụng đất năm 2019	
10	Nhà Văn Hóa khu phố Thượng Du	0,150					0,150	Phường Quảng Vinh	Phù hợp		
11	Nhà Văn Hóa khu phố Phú Khang	0,150					0,150	Phường Quảng Vinh	Phù hợp		
12	Nhà Văn Hóa khu phố Nam Bắc	0,150	0,150					Phường Quảng Vinh	Phù hợp		

## DANH MỤC CÔNG TRÌNH, DỰ ÁN CẦN PHẢI THU HỒI ĐẤT TRONG NĂM 2020 THỊ XÃ BÌM SƠN

TT	Hạng mục	Diện tích cần thu hồi (ha)	Được thu hồi từ các loại đất					Địa điểm (đến cấp xã)	Sự phù hợp điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất đến năm 2020	Chủ trương; nguồn vốn đầu tư	Ghi chú
			LUA	RSX	RPH	RDD	Các loại đất còn lại				
(1)	(2)	(3)=(4)+... (8)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)
	<b>Tổng cộng</b>	<b>20,425</b>	<b>0,720</b>	<b>15,000</b>			<b>4,705</b>				
<b>I</b>	<b>Công trình giao thông</b>	<b>1,810</b>	<b>0,020</b>				<b>1,790</b>				
1	Cải tạo đường Trần Phú	0,050	0,020				0,030	P. Ba Đình, Lam Sơn, Đông Sơn	phù hợp	Công văn số 10282/UBND-TCKH ngày 07/8/2019 của UBND tỉnh	
2	Cải tạo, nâng cấp đường Nguyễn Đức Cảnh	1,760					1,760	P. Ba Đình	phù hợp	Nghị quyết số 55/NQ-HĐND ngày 17/7/2019 của HĐND thị xã Bim Sơn điều chỉnh Kế hoạch đầu tư công trung hạn 2016-2020.	
<b>II</b>	<b>Công trình thủy lợi</b>	<b>1,440</b>	<b>0,600</b>				<b>0,840</b>				
1	Sửa chữa, cải tạo đê Tam Điệp	0,840					0,840	P. Ba Đình, Ngọc Trạo	phù hợp	Quyết định số 4260/QĐ-UBND ngày 30/10/2018 của UBND tỉnh Thanh Hóa phê duyệt danh mục chủ trương sửa chữa cải tạo công trình thuộc nguồn vốn an toàn hồ đập, xử lý đê địa phương giai đoạn 2019-2021	
2	Trạm bơm Triết Giang	0,600	0,600					Xã Hà Lan	phù hợp	Công văn số 15628/UBND-NN ngày 12/12/2018 của UBND tỉnh Thanh Hóa	
<b>III</b>	<b>Dự án năng lượng</b>	<b>0,005</b>					<b>0,005</b>				

TT	Hạng mục	Diện tích cần thu hồi (ha)	Được thu hồi từ các loại đất					Địa điểm (đến cấp xã)	Sự phù hợp điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất đến năm 2020	Chủ trương; nguồn vốn đầu tư	Ghi chú
			LUA	RSX	RPH	RDD	Các loại đất còn lại				
(1)	(2)	(3)=(4)+... (8)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)
1	Xây dựng ĐZ và TBA thôn Đông Thôn, Phường Đông Sơn CQT cho TBA 320kVA HTX Đông Sơn - ĐL Bim Sơn	0,005					0,01	P. Đông Sơn	phù hợp	Quyết định số 2619/QĐ-EVNNPC ngày 29/8/2019 của Tổng Công ty điện lực Miền Bắc	
<b>IV</b>	<b>Dự án cơ sở y tế</b>	<b>0,170</b>	<b>0,100</b>				<b>0,070</b>				
1	Trung tâm y tế Thị xã Bim Sơn	0,170	0,100				0,070	P. Lam Sơn	phù hợp	Quyết định số 2838/QĐ-UBND ngày 16/7/2019 của UBND tỉnh Thanh Hóa phê duyệt điều chỉnh chủ trương đầu tư công trình	
<b>V</b>	<b>Dự án cơ sở giáo dục</b>	<b>2,000</b>					<b>2,000</b>				
1	Mở rộng trường THPT Lê Hồng Phong	2,000					2,000	P. Lam Sơn	phù hợp	Quyết định số 433/QĐ-UBND ngày 31/01/2018 của UBND thị xã Bim Sơn phân bổ kinh phí thực hiện dự án	
<b>VI</b>	<b>Công trình nghĩa trang , nghĩa địa</b>	<b>15,000</b>		<b>15,000</b>							
1	Nghĩa trang nhân dân phường Bắc Sơn	15,000		15,000				p. Bắc Sơn	phù hợp	Nghị quyết số 55/NQ-HĐND ngày 17/7/2019 của HĐND thị xã Bim Sơn điều chỉnh Kế hoạch đầu tư công trung hạn 2016-2020.	

Phụ biểu II.4

DANH MỤC CÔNG TRÌNH, DỰ ÁN CẦN PHẢI THU HỒI ĐẤT TRONG NĂM 2020 HUYỆN ĐÔNG SƠN

TT	Hạng mục	Diện tích cần thu hồi (ha)	Được thu hồi từ các loại đất					Địa điểm (đến cấp xã)	Sự phù hợp điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất đến năm 2020	Chủ trương; nguồn vốn đầu tư	Ghi chú
			LUA	RSX	RPH	RDD	Các loại đất còn lại				
(1)	(2)	(3)=(4)+...+(8)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)
	<b>Tổng cộng</b>	<b>149,790</b>	<b>141,190</b>				<b>8,600</b>				
<b>I</b>	<b>Khu dân cư đô thị</b>	<b>22,390</b>	<b>22,390</b>								
1	Điểm dân cư OM -16	5,120	5,120					Thị trấn Rừng Thông	Phù hợp	Quyết định số 2589/QĐ-UBND ngày 14/8/2019 của UBND huyện Đông Sơn về việc chủ trương đầu tư xây dựng dự án khu dân cư đô thị	
2	Khu dân cư mới HH-16 (trước bệnh viện)	2,520	2,520					Thị trấn Rừng Thông	Phù hợp		
3	Khu dân cư OM42,OM43,OM44	7,750	7,750					Thị trấn Rừng Thông	Phù hợp		
4	Đấu giá QSDĐ tại Đồng Nhung	2,000	2,000					Thị trấn Rừng Thông	Phù hợp	Quyết định số 2589/QĐ-UBND ngày 14/8/2019 của UBND huyện Đông Sơn về việc chủ trương đầu tư xây dựng dự án khu dân cư đô thị trên địa bàn huyện Đông Sơn.	
5	Đấu giá QSDĐ tại khu giáp trường cấp III(HH17)	5,000	5,000					Thị trấn Rừng Thông	Phù hợp		
<b>II</b>	<b>Khu dân cư nông thôn</b>	<b>106,670</b>	<b>100,400</b>				<b>6,270</b>				
1	Điểm dân cư Cồn U thôn 2	0,450	0,450					Xã Đông Anh	Phù hợp	Quyết định số 2590/QĐ-UBND ngày 14/8/2019 của UBND huyện Đông Sơn về việc chủ trương đầu tư xây dựng dự án khu dân cư nông thôn	
2	Điểm dân cư Đồng Chùa thôn Phú Bình (Phú Bật)	0,240	0,240					Xã Đông Phú	Phù hợp		
3	Điểm dân cư thôn Yên Trường	0,160	0,160					Xã Đông Yên	Phù hợp		
4	Điểm dân cư Yên Cầm 2	0,470	0,470					Xã Đông Yên	Phù hợp		
5	Điểm dân cư thôn Yên Trường	0,320	0,320					Xã Đông Yên	Phù hợp		
6	Điểm dân cư thôn Triệu Tiên 1	1,900	1,900					Xã Đông Tiến	Phù hợp		
7	Điểm dân cư Đồng Quán thôn Triệu Xa 1	2,220	2,220					Xã Đông Tiến	Phù hợp		
8	Điểm dân cư Đồng Ngổ thôn 6	1,200	1,200					Xã Đông Thanh	Phù hợp		
9	Điểm dân cư Thôn 10 (giáp hộ ông Lê Văn Vinh)	0,300	0,100				0,200	Xã Đông Thanh	Phù hợp		

TT	Hạng mục	Diện tích cần thu hồi (ha)	Được thu hồi từ các loại đất					Địa điểm (đến cấp xã)	Sự phù hợp điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất đến năm 2020	Chủ trương; nguồn vốn đầu tư	Ghi chú
			LUA	RSX	RPH	RDD	Các loại đất còn lại				
(1)	(2)	(3)=(4)+...+(8)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)
10	Điểm dân cư thôn Thế Giới (thôn 1)	0,400	0,400					Xã Đông Ninh	Phù hợp	Quyết định số 2590/QĐ-UBND ngày 14/8/2019 của UBND huyện Đông Sơn về việc chủ trương đầu tư xây dựng dự án khu dân cư nông thôn	
11	Điểm Dân cư thôn Thành Huy (Cồn Pheo thôn 9)	0,570	0,570					Xã Đông Ninh	Phù hợp		
12	Điểm dân cư thôn Hòa Bình (thôn 4) (sau nhà máy may Ikungvina)	4,500	4,500					Xã Đông Ninh	Phù hợp		
13	Điểm dân cư khu Đồng Hới	1,100	1,100					Xã Đông Ninh	Phù hợp		
14	Xen cư đầu giá xã Đông Ninh (thôn thành huy (thôn 9)	0,020					0,020	Xã Đông Ninh	Phù hợp		
15	Điểm dân cư khu Đồng Trật thôn Thọ Phật (thôn 3)	0,960	0,960					Xã Đông Hoàng	Phù hợp		
16	Điểm dân cư khu Mã Tổ thôn Thọ Phật (thôn 3)	0,880	0,880					Xã Đông Hoàng	Phù hợp		
17	Điểm dân cư khu Cống Thông - Ông Cá thôn Hoàng Học (thôn 4)	0,280	0,280					Xã Đông Hoàng	Phù hợp		
18	Điểm dân cư đường vào Xóm Thượng đi về Sông hoàng	0,400	0,400					Xã Đông Hòa	Phù hợp		
19	Điểm dân cư Vùng 7 đến vùng 8 thôn Phú Minh	0,400	0,400					Xã Đông Hòa	Phù hợp		
20	Đất ở xen cư đầu giá	0,200					0,200	Xã Đông Hòa	Phù hợp		
21	Xen cư đầu giá đất ở xã Đông Văn	0,020					0,020	Xã Đông Văn	Phù hợp		
22	Điểm tái định cư (Thuộc dự án tái định cư tuyến đường nối với đường cao tốc nghi sơn sao vàng)	1,800	1,800					Xã Đông Văn	Phù hợp		
23	Điểm dân cư Đồng Thịnh+Đồng Bản thôn Đức Thắng 1	0,700	0,700					Xã Đông Quang	Phù hợp		



TT	Hạng mục	Diện tích cần thu hồi (ha)	Được thu hồi từ các loại đất					Địa điểm (đến cấp xã)	Sự phù hợp điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất đến năm 2020	Chủ trương; nguồn vốn đầu tư	Ghi chú
			LUA	RSX	RPH	RDD	Các loại đất còn lại				
(1)	(2)	(3)=(4)+...+( 8)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)
24	Điểm dân cư khu Đồng dọc đọ thôn 3 Thịnh Trị	0,300	0,300					Xã Đông Quang	Phù hợp		
25	Điểm dân cư Đồng Quán Sài thôn Đức Thắng	0,150	0,150					Xã Đông Quang	Phù hợp		
26	Điểm dân cư Khu xen cư ao thôn 4 Đức thắng, thôn Minh Thành	0,100					0,100	Xã Đông Quang	Phù hợp		
27	Xen cư thôn Đức Thắng xã Đông Quang	0,200	0,200					Xã Đông Quang	Phù hợp		
28	Điểm dân cư khu Đồng Đà thôn Đại từ 2,3 (Cạnh trường mầm non)	2,140	2,140					Xã Đông Thịnh	Phù hợp		
29	Điểm dân cư Cồn Trôi - Cống Tây thôn Đại Từ 1,2, Đà Ninh (thôn 3,4)	2,030	2,030					Xã Đông Thịnh	Phù hợp		
30	Điểm dân cư khu Dọc Nổ Hóc thôn Đại Từ 2 (giáp trường tiểu học)	0,200	0,140				0,060	Xã Đông Thịnh	Phù hợp	Quyết định số 2590/QĐ-UBND ngày 14/8/2019 của UBND huyện Đông Sơn về việc chủ trương đầu tư xây dựng dự án khu dân cư nông thôn	
31	Điểm dân cư Đồng Bái thôn Đoàn Kết	0,200	0,200					Xã Đông Thịnh	Phù hợp		
32	Khu dân sau trường tiểu học( mở rộng)	0,780	0,780					Xã Đông Thịnh	Phù hợp		
33	Điểm dân cư thôn Tân Chính	1,070	1,010				0,060	Xã Đông Nam	Phù hợp		
34	Đấu giá QSD đất tại đồng Miếu thôn 1,2	0,410	0,410					Đông Khê	Phù hợp		
35	Đấu giá QSD đất tại khu của trại Mặng Vân đố, đồng xin thôn 4,5	1,000	1,000					Đông Khê	Phù hợp		
36	Đấu giá QSDĐ tại thôn Yên Doãn	0,540	0,540					Xã Đông Yên	Phù hợp		
37	Đấu giá QSDĐ tại khu ao thôn Ngọc Tích (thôn 9)	1,000					1,000	Xã Đông Thanh	Phù hợp		
38	Đấu giá QSDĐ tại khu đất trường tiểu học cũ	0,550					0,550	Xã Đông Thanh	Phù hợp		

TT	Hạng mục	Diện tích cần thu hồi (ha)	Được thu hồi từ các loại đất					Địa điểm (đến cấp xã)	Sự phù hợp điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất đến năm 2020	Chủ trương; nguồn vốn đầu tư	Ghi chú
			LUA	RSX	RPH	RDD	Các loại đất còn lại				
(1)	(2)	(3)=(4)+...+(8)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)
39	Đấu giá QSDĐ tại thôn Phù Bình (thôn 11)	0,090	0,090					Xã Đông Ninh	Phù hợp	Quyết định số 2590/QĐ-UBND ngày 14/8/2019 của UBND huyện Đông Sơn về việc chủ trương đầu tư xây dựng dự án khu dân cư nông thôn trên địa bàn huyện Đông Sơn.	
40	Xen cư đấu giá xã Đông Ninh (thôn Phù Chấn)	0,010	0,010					Xã Đông Ninh	Phù hợp		
41	Đấu giá QSDĐ tại Đông Khê( giáp khu quy hoạch thị tứ)	2,000	2,000					Xã Đông Khê +Xã Đông Ninh	Phù hợp	Quyết định số 479/QĐ-UBND ngày 30/01/2019 của tỉnh Thanh Hóa; Công văn số 10161/UBND-CN V/v chủ trương lập quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/500 khu dân cư mới xã Đông Khê, Đông Ninh huyện Đông Sơn	
42	Đấu giá QSDĐ tại thôn Hoàng học (Thôn 4)	2,000	2,000					Xã Đông Hoàng	Phù hợp	Quyết định số 2590/QĐ-UBND ngày 14/8/2019 của UBND huyện Đông Sơn về việc chủ trương đầu tư xây dựng dự án khu dân cư nông thôn trên địa bàn huyện Đông Sơn.	
43	Đấu giá QSDĐ tại đấu giá xã Đông Hoàng	1,200	1,200					Xã Đông Hoàng	Phù hợp	Quyết định số 1427/QĐ-UBND huyện Đông Sơn phê duyệt chủ trương đầu tư (Nghị quyết 190/NQ-HĐND)	
44	Đấu giá QSDĐ tại Đông trước thôn Văn Nam	0,700	0,700					Xã Đông Văn	Phù hợp	Quyết định số 2590/QĐ-UBND ngày 14/8/2019 của UBND huyện Đông Sơn về việc chủ trương đầu tư xây dựng dự án khu dân cư nông thôn trên địa bàn huyện Đông Sơn.	
45	Đấu giá QSDĐ tại Ó Kha thôn Văn Thắng	0,700	0,700					Xã Đông Văn	Phù hợp		
46	Đấu giá QSDĐ tại Đông Cách thôn Văn Châu	1,000	1,000					Xã Đông Văn	Phù hợp		
47	Dự án khu dân cư đấu giá xã Đông Quang	0,800	0,800					Xã Đông Quang	Phù hợp	Quyết định số 1423/QĐ-UBND huyện Đông Sơn phê duyệt chủ trương đầu tư (Nghị quyết số 190/NQ-HĐND)	
48	Dự án Khu xen cư đấu giá chính trang chuyển mục đích xã Đông Quang	0,500	0,500					Xã Đông Quang	Phù hợp		

TT	Hạng mục	Diện tích cần thu hồi (ha)	Được thu hồi từ các loại đất					Địa điểm (đến cấp xã)	Sự phù hợp điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất đến năm 2020	Chủ trương; nguồn vốn đầu tư	Ghi chú
			LUA	RSX	RPH	RDD	Các loại đất còn lại				
(1)	(2)	(3)=(4)+...+(8)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)
49	Đầu giá QSDĐ tại Ngọc Lậu xã Đông Thịnh giáp mặt bằng Nhuệ Sâm	3,000	3,000					Xã Đông Thịnh	Phù hợp	Quyết định số 2590/QĐ-UBND ngày 14/8/2019 của UBND huyện Đông Sơn về việc chủ trương đầu tư xây dựng dự án khu dân cư nông thôn trên địa bàn huyện Đông Sơn.	
50	Đầu giá QSDĐ tại khu dọc 2 bên đường tỉnh lộ 517 đi ngã ba Đông Văn	9,000	9,000				Xã Đông Thịnh	Phù hợp			
51	Đầu giá QSDĐ tại khu dọc 2 bên đường nối từ khu dân cư Nhuệ Sâm đi tỉnh lộ 517	6,000	6,000				Xã Đông Thịnh	Phù hợp			
52	Đầu giá QSDĐ tại khu mở rộng mặt bằng Nhuệ Sâm	4,000	4,000				Xã Đông Thịnh	Phù hợp			
53	Đầu giá QSDĐ tại xã Đông Thịnh (gần trường cấp 3)	5,000	5,000					Xã Đông Thịnh	Phù hợp	Quyết định số 2590/QĐ-UBND ngày 14/8/2019 của UBND huyện Đông Sơn về việc chủ trương đầu tư xây dựng dự án khu dân cư nông thôn trên địa bàn huyện Đông Sơn.	
54	Đầu giá QSDĐ tại thôn Phúc Đoàn thôn Hạnh Phúc Đoàn (thôn Phúc Đoàn)	1,390	1,330				0,060	Xã Đông Nam	Phù hợp	Quyết định số 2590/QĐ-UBND ngày 14/8/2019 của UBND huyện Đông Sơn về việc chủ trương đầu tư xây dựng dự án khu dân cư nông thôn trên địa bàn huyện Đông Sơn.	
55	Đầu giá QSDĐ tại Đồng Xin thôn 1	1,40	1,20				0,20	Đông Minh	Phù hợp	Quyết định số 2590/QĐ-UBND ngày 14/8/2019 của UBND huyện Đông Sơn về việc chủ trương đầu tư xây dựng dự án khu dân cư nông thôn trên địa bàn huyện Đông Sơn.	
56	Đầu giá QSDĐ tại thôn Hoàng Thịnh (thôn Hoàng Lạp)	0,09	0,09					Đông Phú	Phù hợp	Quyết định số 2590/QĐ-UBND ngày 14/8/2019 của UBND huyện Đông Sơn về việc chủ trương đầu tư xây dựng dự án khu dân cư nông thôn trên địa bàn huyện Đông Sơn.	

TT	Hạng mục	Diện tích cần thu hồi (ha)	Được thu hồi từ các loại đất					Địa điểm (đến cấp xã)	Sự phù hợp điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất đến năm 2020	Chủ trương; nguồn vốn đầu tư	Ghi chú
			LUA	RSX	RPH	RDD	Các loại đất còn lại				
(1)	(2)	(3)=(4)+...(8)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)
57	Đầu giá QSDĐ tại Cồn Căng Cao thôn Phú Bình (Phú Bát)	0,45	0,45					Đông Phú	Phù hợp	Quyết định số 2590/QĐ-UBND ngày 14/8/2019 của UBND huyện Đông Sơn về việc chủ trương đầu tư xây dựng dự án khu dân cư nông thôn trên địa bàn huyện Đông Sơn.	
58	Đầu giá QSDĐ tại Đồng Đồi thôn Phú Bình	0,49	0,49					Đông Phú	Phù hợp	Quyết định số 2590/QĐ-UBND ngày 14/8/2019 của UBND huyện Đông Sơn về việc chủ trương đầu tư xây dựng dự án khu dân cư nông thôn trên địa bàn huyện Đông Sơn.	
59	Đầu giá QSDĐ tại Đồng Dọc Thúi thôn Phú Bình	0,30	0,30					Đông Phú	Phù hợp	Quyết định số 2590/QĐ-UBND ngày 14/8/2019 của UBND huyện Đông Sơn về việc chủ trương đầu tư xây dựng dự án khu dân cư nông thôn trên địa bàn huyện Đông Sơn.	
60	Đầu giá QSDĐ tại Đồng Bồn thôn Phú Bình	0,11	0,11					Đông Phú	Phù hợp	Quyết định số 2590/QĐ-UBND ngày 14/8/2019 của UBND huyện Đông Sơn về việc chủ trương đầu tư xây dựng dự án khu dân cư nông thôn trên địa bàn huyện Đông Sơn.	
61	Đầu giá QSDĐ tại thôn Hoàng Văn	0,08	0,08					Đông Phú	Phù hợp	Quyết định số 2590/QĐ-UBND ngày 14/8/2019 của UBND huyện Đông Sơn về việc chủ trương đầu tư xây dựng dự án khu dân cư nông thôn trên địa bàn huyện Đông Sơn.	
62	Điểm dân cư Yên Thành xã Đông Yên	1,20	1,00				0,20	Đông Yên	Phù hợp	Quyết định số 2590/QĐ-UBND ngày 14/8/2019 của UBND huyện Đông Sơn về việc chủ trương đầu tư xây dựng dự án khu dân cư nông thôn trên địa bàn huyện Đông Sơn.	

TT	Hạng mục	Diện tích cần thu hồi (ha)	Được thu hồi từ các loại đất					Địa điểm (đến cấp xã)	Sự phù hợp điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất đến năm 2020	Chủ trương; nguồn vốn đầu tư	Ghi chú
			LUA	RSX	RPH	RDD	Các loại đất còn lại				
(1)	(2)	(3)=(4)+...+(8)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)
63	Điểm dân cư Yên Doãn 2 xã Đông Yên	1,30	1,20				0,10	Đông Yên	Phù hợp	Quyết định số 2590/QĐ-UBND ngày 14/8/2019 của UBND huyện Đông Sơn về việc chủ trương đầu tư xây dựng dự án khu dân cư nông thôn trên địa bàn huyện Đông Sơn.	
64	Điểm dân cư thôn Chiếu Thượng xã Đông Phú	1,40	1,30				0,10	Đông Phú	Phù hợp	Quyết định số 2590/QĐ-UBND ngày 14/8/2019 của UBND huyện Đông Sơn về việc chủ trương đầu tư xây dựng dự án khu dân cư nông thôn trên địa bàn huyện Đông Sơn.	
65	Điểm dân cư Thôn Phú Bình xã Đông Phú	1,70	1,50				0,20	Đông Phú	Phù hợp	Quyết định số 2590/QĐ-UBND ngày 14/8/2019 của UBND huyện Đông Sơn về việc chủ trương đầu tư xây dựng dự án khu dân cư nông thôn trên địa bàn huyện Đông Sơn.	
66	Điểm dân cư nông thôn thôn 4 xã Đông Anh phía sau cây xăng Minh Hương	2,20	2,00				0,20	Đông Anh	Phù hợp	Quyết định số 2590/QĐ-UBND ngày 14/8/2019 của UBND huyện Đông Sơn về việc chủ trương đầu tư xây dựng dự án khu dân cư nông thôn trên địa bàn huyện Đông Sơn.	
67	Điểm dân cư nông thôn giáp mặt bằng Nhuệ Sâm	1,60	1,40				0,20	Đông Anh	Phù hợp	Quyết định số 2590/QĐ-UBND ngày 14/8/2019 của UBND huyện Đông Sơn về việc chủ trương đầu tư xây dựng dự án khu dân cư nông thôn trên địa bàn huyện Đông Sơn.	
68	Điểm dân cư thôn Đà Ninh Đông Thịnh ( Giáp công ty Quang Vinh)	1,80	1,50				0,30	Đông Thịnh	Phù hợp	Quyết định số 2590/QĐ-UBND ngày 14/8/2019 của UBND huyện Đông Sơn về việc chủ trương đầu tư xây dựng dự án khu dân cư nông thôn trên địa bàn huyện Đông Sơn.	

TT	Hạng mục	Diện tích cần thu hồi (ha)	Được thu hồi từ các loại đất					Địa điểm (đến cấp xã)	Sự phù hợp điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất đến năm 2020	Chủ trương; nguồn vốn đầu tư	Ghi chú
			LUA	RSX	RPH	RDD	Các loại đất còn lại				
(1)	(2)	(3)=(4)+...+( 8)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)
69	Điểm dân cư Đông Anh sau doanh nghiệp Ngọc Ân	1,30	1,20				0,10	Đông Anh	Phù hợp	Quyết định số 2590/QĐ-UBND ngày 14/8/2019 của UBND huyện Đông Sơn về việc chủ trương đầu tư xây dựng dự án khu dân cư nông thôn trên địa bàn huyện Đông Sơn.	
70	Điểm dân cư Đông Anh cạnh khu dân cư cồn U Đông Anh	1,60	1,40				0,20	Đông Anh	Phù hợp	Quyết định số 2590/QĐ-UBND ngày 14/8/2019 của UBND huyện Đông Sơn về việc chủ trương đầu tư xây dựng dự án khu dân cư nông thôn trên địa bàn huyện Đông Sơn.	
71	Điểm dân cư cạnh Trường mầm non Đông Anh	1,10	1,00				0,10	Đông Anh	Phù hợp	Quyết định số 2590/QĐ-UBND ngày 14/8/2019 của UBND huyện Đông Sơn về việc chủ trương đầu tư xây dựng dự án khu dân cư nông thôn trên địa bàn huyện Đông Sơn.	
72	Điểm dân cư phía Bắc thôn Đà Ninh Đông Thịnh	2,20	2,10				0,10	Đông Thịnh	Phù hợp	Quyết định số 2590/QĐ-UBND ngày 14/8/2019 của UBND huyện Đông Sơn về việc chủ trương đầu tư xây dựng dự án khu dân cư nông thôn trên địa bàn huyện Đông Sơn.	
73	Điểm dân cư xã Đông Thịnh phía Nam trường mầm non Đông Thịnh	2,20	2,00				0,20	Đông Thịnh	Phù hợp	Quyết định số 2590/QĐ-UBND ngày 14/8/2019 của UBND huyện Đông Sơn về việc chủ trương đầu tư xây dựng dự án khu dân cư nông thôn trên địa bàn huyện Đông Sơn.	
74	Điểm dân cư Đông Thịnh ( Giáp khu dân cư dịch vụ phía nam QL 47)	2,30	2,20				0,10	Đông Thịnh	Phù hợp	Quyết định số 2590/QĐ-UBND ngày 14/8/2019 của UBND huyện Đông Sơn về việc chủ trương đầu tư xây dựng dự án khu dân cư nông thôn trên địa bàn huyện Đông Sơn.	

TT	Hạng mục	Diện tích cần thu hồi (ha)	Được thu hồi từ các loại đất					Địa điểm (đến cấp xã)	Sự phù hợp điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất đến năm 2020	Chủ trương; nguồn vốn đầu tư	Ghi chú
			LUA	RSX	RPH	RDD	Các loại đất còn lại				
(1)	(2)	(3)=(4)+...(8)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)
75	Khu dân cư thị tứ xã Đông Khê (giai đoạn 2)	4,60	3,60				1,00	Đông Khê	Phù hợp	Quyết định số 2590/QĐ-UBND ngày 14/8/2019 của UBND huyện Đông Sơn về việc chủ trương đầu tư xây dựng dự án khu dân cư nông thôn trên địa bàn huyện Đông Sơn.	
76	Khu dân cư Đồng Xín Đông Khê	2,20	2,00				0,20	Đông Khê	Phù hợp	Quyết định số 2590/QĐ-UBND ngày 14/8/2019 của UBND huyện Đông Sơn về việc chủ trương đầu tư xây dựng dự án khu dân cư nông thôn trên địa bàn huyện Đông Sơn.	
77	Khu dân cư trường mầm non Đông Tiến	0,60	0,50				0,10	Đông Tiến	Phù hợp	Quyết định số 2590/QĐ-UBND ngày 14/8/2019 của UBND huyện Đông Sơn về việc chủ trương đầu tư xây dựng dự án khu dân cư nông thôn trên địa bàn huyện Đông Sơn.	
78	Khu dân cư thôn Hiệp Khởi giáp thị trấn Rừng Thông	1,30	1,20				0,10	Đông Tiến	Phù hợp	Quyết định số 2590/QĐ-UBND ngày 14/8/2019 của UBND huyện Đông Sơn về việc chủ trương đầu tư xây dựng dự án khu dân cư nông thôn trên địa bàn huyện Đông Sơn.	
79	Khu dân cư giáp sân vận động Đông Hoàng	1,30	1,20				0,10	Đông Hoàng	Phù hợp	Quyết định số 2590/QĐ-UBND ngày 14/8/2019 của UBND huyện Đông Sơn về việc chủ trương đầu tư xây dựng dự án khu dân cư nông thôn trên địa bàn huyện Đông Sơn.	
80	Khu dân cư nông thôn đối diện công ty Thái Long	2,10	2,00				0,10	Đông Tiến	Phù hợp	Quyết định số 2590/QĐ-UBND ngày 14/8/2019 của UBND huyện Đông Sơn về việc chủ trương đầu tư xây dựng dự án khu dân cư nông thôn trên địa bàn huyện Đông Sơn.	

TT	Hạng mục	Diện tích cần thu hồi (ha)	Được thu hồi từ các loại đất					Địa điểm (đến cấp xã)	Sự phù hợp điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất đến năm 2020	Chủ trương; nguồn vốn đầu tư	Ghi chú
			LUA	RSX	RPH	RDD	Các loại đất còn lại				
(1)	(2)	(3)=(4)+...+(8)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)
81	Điểm dân cư xã Đông Thịnh ( Giáp trường THCS xã Đông Thịnh)	2,20	2,10				0,10	Đông Thịnh	Phù hợp	Quyết định số 2590/QĐ-UBND ngày 14/8/2019 của UBND huyện Đông Sơn về việc chủ trương đầu tư xây dựng dự án khu dân cư nông thôn trên địa bàn huyện Đông Sơn.	
<b>III</b>	<b>Cụm công nghiệp</b>	<b>8,500</b>	<b>7,200</b>				<b>1,300</b>				
1	Cụm công nghiệp Vực	5,000	4,200				0,800	Đông Quang	Phù hợp	Quyết định số 2578/QĐ-UBND ngày 12/8/2019 của UBND huyện Đông Sơn về việc chủ trương đầu tư xây dựng dự án	
2	Cụm công nghiệp Đông Tiến CN-2-CN3	3,500	3,000				0,500	Đông Nam	Phù hợp	Quyết định số 2578/QĐ-UBND ngày 12/8/2019 của UBND huyện Đông Sơn về việc chủ trương đầu tư xây dựng dự án	
<b>IV</b>	<b>Công trình giao thông</b>	<b>6,190</b>	<b>5,310</b>				<b>0,880</b>				
1	Bến xe thị trấn rừng thông	2,700	2,700					Thị trấn Rừng Thông	Phù hợp	Quyết định số 2588/QĐ-UBND ngày 14/8/2019 của UBND huyện Đông Sơn	
2	Mở mới đường trục chính đầu nối trung tâm huyện Đông Sơn nối đại lộ Đông Tây Thành Phố Thanh hóa	1,500	0,800				0,700	Thị trấn Rừng Thông	Phù hợp	Quyết định số 2588/QĐ-UBND ngày 14/8/2019 của UBND huyện Đông Sơn	
3	DA xây dựng Cầu Bôn xã Đông Thanh	0,180					0,180	Xã Đông Thanh	Phù hợp	Quyết định số 2588/QĐ-UBND ngày 14/8/2019 của UBND huyện Đông Sơn	
4	Mở mới tuyến đường đoạn vào khu di tích Nguyễn Như Soạn, rộng 13,5m, dài 500m	0,680	0,680					Xã Đông Yên	Phù hợp	Quyết định số 2588/QĐ-UBND ngày 14/8/2019 của UBND huyện Đông Sơn	
5	Mở mới tuyến đường Đông Minh đi Đông Hòa, đoạn từ quốc lộ 47 cũ đi trường học THCS xã Đông Hòa)	1,000	1,000					Xã Đông Minh, Đông Hòa	Phù hợp	Quyết định số 2588/QĐ-UBND ngày 14/8/2019 của UBND huyện Đông Sơn	
6	Mở rộng tuyến đường đoạn từ nhà văn hóa thôn 2 đi Bãi Mã Nàng	0,130	0,130					Xã Đông Khê	Phù hợp	Quyết định số 2588/QĐ-UBND ngày 14/8/2019 của UBND huyện Đông Sơn	



TT	Hạng mục	Diện tích cần thu hồi (ha)	Được thu hồi từ các loại đất					Địa điểm (đến cấp xã)	Sự phù hợp điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất đến năm 2020	Chủ trương; nguồn vốn đầu tư	Ghi chú
			LUA	RSX	RPH	RDD	Các loại đất còn lại				
(1)	(2)	(3)=(4)+...(8)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)
<b>VI</b>	<b>Công trình thể dục thể thao</b>	<b>1,320</b>	<b>1,260</b>				<b>0,060</b>				
1	Mở mới sân thể thao thôn 1 (khu Nguyễn Nghi)	0,200	0,200					Xã Đông Thanh	Phù hợp	Quyết định số 2580/QĐ-UBND ngày 12/8/2019 của UBND huyện Đông Sơn về việc chủ trương đầu tư xây dựng dự án	
2	Mở mới sân TT thôn 3	0,240	0,240					Xã Đông Thanh	Phù hợp		
3	Mở mới sân TT Thôn 1 tại Đa Tán (giáp khuôn viên đất NVH)	0,100	0,100					Xã Đông Hoàng	Phù hợp		
4	Mở mới sân TT thôn 4 (tại Đồng Chim)	0,180	0,120				0,060	Xã Đông Hoàng	Phù hợp		
5	Mở rộng đất trung tâm văn hóa thể thao xã	0,400	0,400					Xã Đông Hoàng	Phù hợp		
6	Mở rộng sân thể thao	0,200	0,200					Đông Ninh	Phù hợp		
<b>VII</b>	<b>Dự án cơ sở giáo dục</b>	<b>3,230</b>	<b>3,140</b>				<b>0,090</b>				
1	Mở rộng trường THCS	0,500	0,410				0,090	Xã Đông Thanh	Phù hợp	Quyết định số 2577/QĐ-UBND ngày 12/8/2019 của UBND huyện Đông Sơn về việc chủ trương đầu tư xây dựng dự án	
2	Mở rộng đất trường mầm non	0,600	0,600					Xã Đông Minh	Phù hợp		
3	Mở rộng Khu trường Mầm Non xã Đông Phú	0,040	0,040					Xã Đông Phú	Phù hợp		
4	Mở rộng trường cấp 1+2	0,470	0,470					Xã Đông Hoàng	Phù hợp		
5	Mở rộng đất trường mầm non	0,220	0,220					Xã Đông Hoàng	Phù hợp		
6	Mở rộng trường cấp 3 Đông Sơn (GD-4)	0,800	0,800					Thị trấn Rừng Thông	Phù hợp		
7	Mở rộng trường tiểu học	0,600	0,600					Thị trấn Rừng Thông	Phù hợp		
<b>VIII</b>	<b>Dự án chợ</b>	<b>0,800</b>	<b>0,800</b>								
1	Mở mới đất chợ khu vực Trung tâm thị trấn	0,800	0,800					Thị trấn Rừng Thông	Phù hợp	Quyết định số 2579/QĐ-UBND ngày 12/8/2019 của UBND huyện Đông Sơn về việc chủ trương đầu tư xây dựng dự án	
<b>IX</b>	<b>Dự án thu gom xử lý rác thải</b>	<b>0,020</b>	<b>0,020</b>								

TT	Hạng mục	Diện tích cần thu hồi (ha)	Được thu hồi từ các loại đất					Địa điểm (đến cấp xã)	Sự phù hợp điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất đến năm 2020	Chủ trương; nguồn vốn đầu tư	Ghi chú
			LUA	RSX	RPH	RDD	Các loại đất còn lại				
(1)	(2)	(3)=(4)+...(8)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)
1	Điểm tập kết xe trở rác	0,010	0,010					Xã Đông Phú	Phù hợp	Quyết định số 2578/QĐ-UBND ngày 12/8/2019 của UBND huyện Đông Sơn về việc chủ trương đầu tư xây dựng dự án	
2	Điểm tập kết xe trở rác	0,010	0,010					Xã Đông Ninh	Phù hợp	Quyết định số 2578/QĐ-UBND ngày 12/8/2019 của UBND huyện Đông Sơn về việc chủ trương đầu tư xây dựng dự án	
<b>X</b>	<b>Công trình sinh hoạt cộng đồng</b>	<b>0,170</b>	<b>0,170</b>								
1	Mở mới đất NVH thôn 3 tại Trục Sen	0,170	0,170					Xã Đông Thịnh	Phù hợp	Quyết định số 2579/QĐ-UBND ngày 12/8/2019 của UBND huyện Đông Sơn về việc chủ trương đầu tư xây dựng dự án	
<b>XI</b>	<b>Công trình nghĩa trang, NĐ</b>	<b>0,500</b>	<b>0,500</b>								
1	Mở rộng nghĩa địa tại Lò Vôi - Chùa Thường thôn 4	0,500	0,500					Xã Đông Hòa	Phù hợp	Quyết định số 2578/QĐ-UBND ngày 12/8/2019 của UBND huyện Đông Sơn về việc chủ trương đầu tư xây dựng dự án	

## DANH MỤC CÔNG TRÌNH, DỰ ÁN CẦN PHẢI THU HỒI ĐẤT TRONG NĂM 2020 HUYỆN HOÀNG HÓA

TT	Hạng mục	Diện tích cần thu hồi (ha)	Được thu hồi từ các loại đất					Địa điểm (đến cấp xã)	Sự phù hợp điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất đến năm 2020	Chủ trương; nguồn vốn đầu tư	Ghi chú
			LUA	RSX	RPH	RDD	Các loại đất còn lại				
(1)	(2)	(3)=(4)+... (10)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)
	<b>Tổng cộng</b>	<b>110,180</b>	<b>45,370</b>		<b>0,200</b>		<b>18,710</b>				
<b>I</b>		<b>1,52</b>	<b>1,52</b>								
1	Khu dân cư đô thị	1,52	1,52					Thị trấn	phù hợp	Quyết định số 5534/QĐ-UBND ngày 13/9/2019 của UBND huyện Hoàng Hóa	
<b>I</b>	<b>Dự án Khu dân cư nông thôn</b>	<b>36,530</b>	<b>27,580</b>				<b>8,950</b>				
1	Khu dân cư nông thôn xã Hoàng Giang	0,450	0,450					Hoàng Giang	phù hợp	Phê duyệt chủ trương tại Quyết định số 5535/QĐ-UBND ngày 13/9/2019	
2	Khu dân cư nông thôn xã Hoàng Xuân	1,150	1,150					Hoàng Xuân	phù hợp	Phê duyệt chủ trương tại Quyết định số 5536/QĐ-UBND ngày 13/9/2019	
3	Khu dân cư nông thôn xã Hoàng Khánh	1,400	1,150				0,250	Hoàng Khánh	phù hợp	Phê duyệt chủ trương tại Quyết định số 5537/QĐ-UBND ngày 13/9/2019	
4	Khu dân cư nông thôn xã Hoàng Phương	0,900	0,900					Hoàng Phương	phù hợp	Phê duyệt chủ trương tại Quyết định số 5538/QĐ-UBND ngày 13/9/2019	
5	Khu dân cư nông thôn xã Hoàng Phú	0,460	0,460					Hoàng Phú	phù hợp	Phê duyệt chủ trương tại Quyết định số 5539/QĐ-UBND ngày 13/9/2019	
6	Khu dân cư nông thôn xã Hoàng Quý	0,300	0,300					Hoàng Quý	phù hợp	Phê duyệt chủ trương tại Quyết định số 5540/QĐ-UBND ngày 13/9/2019	
7	Khu dân cư nông thôn xã Hoàng Trung	0,390	0,390					Hoàng Trung	phù hợp	Phê duyệt chủ trương tại Quyết định số 5541/QĐ-UBND ngày 13/9/2019	
8	Khu dân cư nông thôn xã Hoàng Trinh	1,000	1,000					Hoàng Trinh	phù hợp	Phê duyệt chủ trương tại Quyết định số 5542/QĐ-UBND ngày 13/9/2019	
9	Khu dân cư nông thôn xã Hoàng Sơn	0,720	0,600				0,120	Hoàng Sơn	phù hợp	Phê duyệt chủ trương tại Quyết định số 5543/QĐ-UBND ngày 13/9/2019	
10	Khu dân cư nông thôn xã Hoàng Lương	0,630	0,630					Hoàng Lương	phù hợp	Phê duyệt chủ trương tại Quyết định số 5544/QĐ-UBND ngày 13/9/2019	
11	Khu dân cư nông thôn xã Hoàng Cát	1,380	1,380					Hoàng Cát	phù hợp	Phê duyệt chủ trương tại Quyết định số 5545/QĐ-UBND ngày 13/9/2019	
12	Khu dân cư nông thôn xã Hoàng Khê	0,540	0,540					Hoàng Khê	phù hợp	Phê duyệt chủ trương tại Quyết định số 5546/QĐ-UBND ngày 13/9/2019	

TT	Hạng mục	Diện tích cần thu hồi (ha)	Được thu hồi từ các loại đất					Địa điểm (đến cấp xã)	Sự phù hợp điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất đến năm 2020	Chủ trương; nguồn vốn đầu tư	Ghi chú
			LUA	RSX	RPH	RDD	Các loại đất còn lại				
(1)	(2)	(3)=(4)+ ...(10)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)
13	Khu dân cư nông thôn xã Hoàng Quý	0,610	0,610					Hoàng Quý	phù hợp	Phê duyệt chủ trương tại Quyết định số 5547/QĐ-UBND ngày 13/9/2019	
14	Khu dân cư nông thôn xã Hoàng Hợp	0,440	0,440					Hoàng Hợp	phù hợp	Phê duyệt chủ trương tại Quyết định số 5548/QĐ-UBND ngày 13/9/2019	
15	Khu dân cư nông thôn xã Hoàng Minh	1,000	1,000					Hoàng Minh	phù hợp	Phê duyệt chủ trương tại Quyết định số 5549/QĐ-UBND ngày 13/9/2019	
16	Khu dân cư nông thôn xã Hoàng Phúc	0,500	0,500					Hoàng Phúc	phù hợp	Phê duyệt chủ trương tại Quyết định số 5550/QĐ-UBND ngày 13/9/2019	
17	Khu dân cư nông thôn xã Hoàng Đức	1,000	1,000					Hoàng Đức	phù hợp	Phê duyệt chủ trương tại Quyết định số 5551/QĐ-UBND ngày 13/9/2019	
18	Khu dân cư nông thôn xã Hoàng Hà	0,400	0,400					Hoàng Hà	phù hợp	Phê duyệt chủ trương tại Quyết định số 5572/QĐ-UBND ngày 13/9/2019	
19	Khu dân cư nông thôn xã Hoàng Đạt	1,520	1,350				0,170	Hoàng Đạt	phù hợp	Phê duyệt chủ trương tại Quyết định số 5552/QĐ-UBND ngày 13/9/2019	
20	Khu dân cư nông thôn xã Hoàng Vinh	0,520	0,520					Hoàng Vinh	phù hợp	Phê duyệt chủ trương tại Quyết định số 5553/QĐ-UBND ngày 13/9/2019	
21	Khu dân cư nông thôn xã Hoàng Đạo	0,890					0,890	Hoàng Đạo	phù hợp	Phê duyệt chủ trương tại Quyết định số 5554/QĐ-UBND ngày 13/9/2019	
22	Khu dân cư nông thôn xã Hoàng Thăng	1,500	0,200				1,300	Hoàng Thăng	phù hợp	Phê duyệt chủ trương tại Quyết định số 5555/QĐ-UBND ngày 13/9/2019	
23	Khu dân cư nông thôn xã Hoàng Đồng	0,880					0,880	Hoàng Đồng	phù hợp	Phê duyệt chủ trương tại Quyết định số 5556/QĐ-UBND ngày 13/9/2019	
24	Khu dân cư nông thôn xã Hoàng Thái	1,000	1,000					Hoàng Thái	phù hợp	Phê duyệt chủ trương tại Quyết định số 5557/QĐ-UBND ngày 13/9/2019	
25	Khu dân cư nông thôn xã Hoàng Thịnh	1,320	1,320					Hoàng Thịnh	phù hợp	Phê duyệt chủ trương tại Quyết định số 5558/QĐ-UBND ngày 13/9/2019	
26	Khu dân cư nông thôn xã Hoàng Thành	1,000					1,000	Hoàng Thành	phù hợp	Phê duyệt chủ trương tại Quyết định số 5559/QĐ-UBND ngày 13/9/2019	

TT	Hạng mục	Diện tích cần thu hồi (ha)	Được thu hồi từ các loại đất					Địa điểm (đến cấp xã)	Sự phù hợp điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất đến năm 2020	Chủ trương; nguồn vốn đầu tư	Ghi chú
			LUA	RSX	RPH	RDD	Các loại đất còn lại				
(1)	(2)	(3)=(4)+... (10)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)
27	Khu dân cư nông thôn xã Hoàng Lộc	1,000	1,000					Hoàng Lộc	phù hợp	Phê duyệt chủ trương tại Quyết định số 5560/QĐ-UBND ngày 13/9/2019	
28	Khu dân cư nông thôn xã Hoàng Trạch	1,700	0,540				1,160	Hoàng Trạch	phù hợp	Phê duyệt chủ trương tại Quyết định số 5561/QĐ-UBND ngày 13/9/2019	
29	Khu dân cư nông thôn xã Hoàng Lưu	1,440	1,210				0,230	Hoàng Lưu	phù hợp	Phê duyệt chủ trương tại Quyết định số 5562/QĐ-UBND ngày 13/9/2019	
30	Khu dân cư nông thôn xã Hoàng Châu	1,000	1,000					Hoàng Châu	phù hợp	Phê duyệt chủ trương tại Quyết định số 5563/QĐ-UBND ngày 13/9/2019	
31	Khu dân cư nông thôn xã Hoàng Tân	0,430	0,430					Hoàng Tân	phù hợp	Phê duyệt chủ trương tại Quyết định số 5564/QĐ-UBND ngày 13/9/2019	
32	Khu dân cư nông thôn xã Hoàng Yên	0,800					0,800	Hoàng Yên	phù hợp	Phê duyệt chủ trương tại Quyết định số 5565/QĐ-UBND ngày 13/9/2019	
33	Khu dân cư nông thôn xã Hoàng Tiến	1,000	1,000					Hoàng Tiến	phù hợp	Phê duyệt chủ trương tại Quyết định số 5566/QĐ-UBND ngày 13/9/2019	
34	Khu dân cư nông thôn xã Hoàng Ngọc	0,500	0,500					Hoàng Ngọc	phù hợp	Phê duyệt chủ trương tại Quyết định số 5567/QĐ-UBND ngày 13/9/2019	
35	Khu dân cư nông thôn xã Hoàng Đông	1,460	1,460					Hoàng Đông	phù hợp	Phê duyệt chủ trương tại Quyết định số 5568/QĐ-UBND ngày 13/9/2019	
36	Khu dân cư nông thôn xã Hoàng Thanh	1,570	0,920				0,650	Hoàng Thanh	phù hợp	Phê duyệt chủ trương tại Quyết định số 5569/QĐ-UBND ngày 13/9/2019	
37	Khu dân cư nông thôn xã Hoàng Phụ	2,000	1,380				0,620	Hoàng Phụ	phù hợp	Phê duyệt chủ trương tại Quyết định số 5570/QĐ-UBND ngày 13/9/2019	
38	Khu dân cư nông thôn xã Hoàng Trường	1,730	0,850				0,880	Hoàng Trường	phù hợp	Phê duyệt chủ trương tại Quyết định số 5571/QĐ-UBND ngày 13/9/2019	
<b>II</b>	<b>Công trình giao thông</b>	<b>69,870</b>	<b>14,610</b>			<b>0,200</b>	<b>9,160</b>				
1	Đường giao thông Phú Quý Phụng	1,500	1,500					Hoàng Phú	phù hợp	Quyết định số 223a/QĐ-UBND ngày 24/01/2018	
2	Đường giao thông từ nhà bà Thu thôn 8 đến sông Gông	0,090	0,090					Hoàng Đức	phù hợp	Quyết định số 37/QĐ-UBND ngày 27/5/2019 của UBND xã Hoàng Đức	

TT	Hạng mục	Diện tích cần thu hồi (ha)	Được thu hồi từ các loại đất					Địa điểm (đến cấp xã)	Sự phù hợp điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất đến năm 2020	Chủ trương; nguồn vốn đầu tư	Ghi chú
			LUA	RSX	RPH	RDD	Các loại đất còn lại				
(1)	(2)	(3)=(4)+... (10)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)
3	Đường nội đồng từ Hà cáo đi Xoai	0,140	0,100				0,040	Hoàng Đức	phù hợp	Quyết định số số 38/QĐ-UBND ngày 27/5/2019 của UBND xã Hoàng Đức	
4	Mở rộng đường giao thông ao cá đi đường tránh QL10 (đường giao thông đi thôn 9;10 xã Hoàng Đức)	0,260	0,190				0,070	Hoàng Đức	phù hợp	Quyết định số số 32/QĐ-UBND ngày 03/5/2019 của UBND xã Hoàng Đức	
5	Cải tạo tuyến đường từ thôn Phú Thịnh đi Đồng Thù thôn Phúc Thọ	0,500	0,500					Hoàng Đức	phù hợp	Quyết định số số 58/QĐ-UBND ngày 27/6/2019 của UBND xã Hoàng Đức	
6	Tuyến đường từ Cống đá thôn Khang Thọ Hưng đến Đồng thù thôn Phúc Thọ	0,400	0,400					Hoàng Đức	phù hợp	Quyết định số số 54/QĐ-UBND ngày 23/6/2019 của UBND xã Hoàng Đức	
7	Nâng cấp, mở rộng đường Bút Sơn - Hoàng Trường đi đê hữu sông Lạch Trường huyện Hoàng Hóa	1,600	1,500				0,100	Hoàng Đạt	phù hợp	Quyết định số 3899/QĐ- UBND của UBND huyện Thanh Hóa ngày 25/6/2018	
8	Đường Thành - Tân huyện Hoàng Hóa	1,600	0,740				0,860	Hoàng Thành	phù hợp	Quyết định số 842/QĐ-UBND ngày 02/02/2018 của Chủ tịch UBND huyện Hoàng Hóa về việc phê duyệt chủ trương đầu tư xây dựng Công trình: Đường Hoàng Thành - Hoàng Tân, huyện Hoàng Hóa; Quyết định số 4949/QĐ-UBND ngày 10/8/2018 của Chủ tịch UBND huyện Hoàng Hóa về việc phê duyệt Thiết kế bản vẽ thi công và dự toán công trình: Đường Hoàng Thành - Hoàng Tân, huyện Hoàng Hóa	
		2,200	1,620				0,580	Hoàng Trạch	phù hợp		
		2,210	1,870				0,340	Hoàng Châu	phù hợp		
		2,700	0,800				1,900	Hoàng Tân	phù hợp		

TT	Hạng mục	Diện tích cần thu hồi (ha)	Được thu hồi từ các loại đất					Địa điểm (đến cấp xã)	Sự phù hợp điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất đến năm 2020	Chủ trương; nguồn vốn đầu tư	Ghi chú
			LUA	RSX	RPH	RDD	Các loại đất còn lại				
(1)	(2)	(3)=(4)+ ...(10)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)
9	Đường từ bến cá đi Đài chiến thắng (Lạch Trường)	1,590					1,590	Hoàng Trường	phù hợp	Quyết định số 993/QĐ-UBND ngày 26/02/2018 của UBND huyện Hoằng Hóa về việc phê duyệt BCKTKT XD công trình: Đường từ bến cá đi Đài chiến thắng (Lạch Trường) xã Hoàng Trường, huyện Hoằng Hóa, tỉnh Thanh Hóa.	
10	Đường giao thông liên xã Hoằng Tân - Hoằng Châu, huyện Hoằng Hóa. Hạng mục: Tuyến đường từ WB2 xã Hoằng Tân đi cầu qua kênh Thành Châu, xã Hoằng Châu tại xã Hoằng Tân.	0,370	0,370					Hoằng Tân	phù hợp	Quyết định số 986/QĐ-UBND ngày 23/02/2018 của Chủ tịch UBND huyện Hoằng Hóa về việc phê duyệt Báo cáo kinh tế - kỹ thuật xây dựng và kế hoạch lựa chọn nhà thầu	
11	Đường giao thông đến khu du lịch sinh thái biển Hải Tiến	0,530					0,530	Hoằng Hải	phù hợp	Quyết định số 3808/QĐ-UBND ngày 30/10/2013 của UBND tỉnh Thanh Hóa	
12	Nâng cấp, sửa chữa cục bộ đường Bút - Trinh (ĐH-HH.05), huyện Hoằng Hóa	0,070	0,070					Hoằng Cát	phù hợp	Quyết định số 7208/QĐ-UBND ngày 27/12/2017 của Chủ tịch UBND huyện Hoằng Hóa về việc phê duyệt chủ trương đầu tư XD	
		0,080	0,080					Hoằng Khê	phù hợp		
		0,480	0,480					Hoằng Trinh	phù hợp		
13	Đường vào cụm công nghiệp Hoằng Phụ	0,550			0,200		0,350	Hoằng Phụ	phù hợp	Quyết định số 2442/QĐ-UBND ngày 08/5/2018 của UBND huyện Hoằng Hóa về việc phê duyệt chủ trương đầu tư xây dựng công trình: Đường vào cụm công nghiệp Hoằng Phụ, huyện Hoằng Hóa.	
14	Đường từ Ngã 5 Gòng - ngã 4 Quảng	0,400					0,400	Bút Sơn	phù hợp	Quyết định số 3988/QĐ-UBND ngày 9/7/2019 về việc phê duyệt điều chỉnh chủ trương đầu tư xây dựng dự án	
		0,200					0,200	Hoằng Vinh	phù hợp		
		0,600	0,500				0,100	Hoằng Đồng	phù hợp		
		0,600	0,400				0,200	Hoằng Thịnh	phù hợp		

TT	Hạng mục	Diện tích cần thu hồi (ha)	Được thu hồi từ các loại đất					Địa điểm (đến cấp xã)	Sự phù hợp điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất đến năm 2020	Chủ trương; nguồn vốn đầu tư	Ghi chú
			LUA	RSX	RPH	RDD	Các loại đất còn lại				
(1)	(2)	(3)=(4)+... (10)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)
		0,300					0,300	Hoàng Lộc	phù hợp		
15	Đường từ Ngã 4 Hoàng Minh đến ngã 5 Gòong	0,500	0,400				0,100	Hoàng Minh	phù hợp	Được HĐND huyện phê duyệt chủ trương tại Nghị Quyết số 2046/NQ-HĐND ngày 08/7/2019	
		4,000	3,000				1,000	Hoàng Vinh	phù hợp		
		0,500					0,500	Bút Sơn	phù hợp		
16	Đường bộ ven biển đoạn Ngã Sơn Hoàng Hóa	45,900									
<b>III</b>	<b>Công trình thủy lợi</b>	<b>0,020</b>					<b>0,020</b>				
1	Rãnh thoát nước thôn Phúc Thọ đi Quốc lộ 10	0,020					0,020	Hoàng Đức	phù hợp	Quyết định số 82/QĐ-UBND ngày 3/8/2019 phê duyệt chủ trương đầu tư	
<b>IV</b>	<b>Dự án năng lượng</b>	<b>0,080</b>	<b>0,050</b>				<b>0,030</b>				
1	Cải tạo 971 E9.14 trạm 110 kV Hoàng Hóa (E9.14) lên vận hành 22 kV	0,030	0,020				0,010	Hoàng Vinh, Hoàng Đồng, Hoàng Thịnh, Hoàng Thái, Hoàng Lộc, Hoàng Thành, Hoàng Trạch, Hoàng Tân	phù hợp	Công văn số 09/ĐLHH-KH-KT ngày 22/7/2019 của Công ty Điện lực Hoàng Hóa	
2	Cải tạo lộ 973 E9.14 trạm 110kV Hoàng Hóa (E9.14) lên vận hành 22kV	0,020	0,010				0,010	Hoàng Vinh, Hoàng Đồng, Hoàng Thịnh, Hoàng Lộc	phù hợp	Công văn số 09/ĐLHH-KH-KT ngày 22/7/2019 của Công ty Điện lực Hoàng Hóa	



TT	Hạng mục	Diện tích cần thu hồi (ha)	Được thu hồi từ các loại đất					Địa điểm (đến cấp xã)	Sự phù hợp điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất đến năm 2020	Chủ trương; nguồn vốn đầu tư	Ghi chú
			LUA	RSX	RPH	RDD	Các loại đất còn lại				
(1)	(2)	(3)=(4)+... (10)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)
3	Cải tạo lộ 975 E9.14 trạm 110kV Hoàng Hóa (E9.14) lên vận hành 22kV	0,030	0,020				0,010	Hoàng Vinh, TT Bút Sơn, Hoàng Đạo, Hoàng Phúc, Hoàng Đạt, Hoàng Hà	phù hợp	Công văn số 09/ĐLHH-KH-KT ngày 22/7/2019 của Công ty Điện lực Hoàng Hóa	
<b>V</b>	<b>Dự án cơ sở thể dục thể thao</b>	<b>0,300</b>					<b>0,300</b>				
1	Khu thể thao xã Hoàng Ngọc	0,300					0,300	Hoàng Ngọc	phù hợp	Công văn số 1348/UBND-TNMT ngày 29/8/2018 của UBND huyện Hoàng Hóa	
<b>VI</b>	<b>Dự án cơ sở giáo dục</b>	<b>0,940</b>	<b>0,690</b>				<b>0,250</b>				
1	Trường mầm non Hoàng Thanh	0,940	0,690				0,250	Hoàng Thanh	phù hợp	Công văn số 1347/UBND-TNMT ngày 29/8/2018	
<b>VII</b>	<b>Dự án sinh hoạt cộng đồng</b>	<b>0,420</b>	<b>0,420</b>								
1	Nhà văn hóa thôn Vĩnh Gia 1; Vĩnh Gia 2; Vĩnh Gia 3	0,420	0,420					Hoàng Phượng	phù hợp	Chấp thuận địa điểm thực hiện dự án tại các Công văn số 1443; 1444; 1445/UBND-TNMT ngày 04/9/2019	
<b>VIII</b>	<b>Công trình nghĩa trang nghĩa địa</b>	<b>0,500</b>	<b>0,500</b>								
1	Mở rộng nghĩa địa xã Hoàng Phú	0,500	0,500					Hoàng Phú	phù hợp	Công văn số 2074/UBND-TNMT ngày 27/12/2018 của UBND huyện Hoàng Hóa về việc chấp thuận địa điểm đầu tư xây dựng	

DANH MỤC CÔNG TRÌNH, DỰ ÁN CẦN PHẢI THU HỒI ĐẤT TRONG NĂM 2020 HUYỆN QUẢNG XƯƠNG

TT	Hạng mục	Diện tích cần thu hồi (ha)	Được thu hồi từ các loại đất					Địa điểm (đến cấp xã)	Sự phù hợp điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất đến năm 2020	Chủ trương; nguồn vốn đầu tư	Ghi chú
			LUA	RSX	RPH	RDD	Các loại đất còn lại				
(1)	(2)	(3)=(4)+...+(10)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)
<b>Tổng cộng</b>		<b>112,194</b>	<b>95,594</b>	<b>3,000</b>			<b>13,599</b>				
<b>I</b>	<b>Dự án khu dân cư đô thị</b>	<b>5,500</b>	<b>5,500</b>								
1	Xây dựng khu dân cư mới	5,500	5,500					Thị trấn	Phù hợp	Công văn số 1616/UBND-TNMT ngày 10/10/2019 của UBND huyện	
<b>II</b>	<b>Dự án khu dân cư nông thôn</b>	<b>90,222</b>	<b>83,202</b>				<b>7,019</b>				
1	Xây dựng khu dân cư mới Thôn Trung Đình xã Quảng Định, huyện Quảng Xương	3,220	3,190				0,030	Quảng Định	Phù hợp	Công văn số 1616/UBND-TNMT ngày 10/10/2019 của UBND huyện	
2	Xây dựng khu dân cư mới khu vực Đòng giữa đòng thôn Trung Đình	0,550	0,490				0,059	Quảng Định	Phù hợp		
3	Xây dựng khu dân cư mới Đồn cây cạy giữa đòng Thôn Tiên Vệ, xã Quảng Định, huyện Quảng Xương	1,660	1,250				0,410	Quảng Định	Phù hợp quy hoạch		
4	Xây dựng khu dân cư mới	3,500	3,500					Quảng Giao	Phù hợp		
5	Xây dựng khu dân cư mới	0,850	0,850					Quảng Hòa	Phù hợp		
6	Xây dựng khu dân cư mới thôn Linh Hưng	1,200					1,200	Quảng Hợp	Phù hợp		
7	Xây dựng khu dân cư mới thôn Bình Danh	0,200	0,200					Quảng Hợp	Phù hợp		
8	Xây dựng khu dân cư mới thôn Hợp Lực	1,100	1,100					Quảng Hợp	Phù hợp		
9	Xây dựng khu dân cư mới thôn Hợp Gia	0,800	0,800					Quảng Hợp	Phù hợp		
10	Xây dựng khu dân cư mới	1,400	1,400					Quảng Lĩnh	Phù hợp		
11	Xây dựng khu dân cư mới tại thôn Triều Công, Nga Linh, Linh Hương	1,300	0,900				0,400	Quảng Lộc	Phù hợp		
12	Xây dựng khu dân cư mới phía bắc đường Lưu Bình	2,100	2,100					Quảng Lưu	Phù hợp		

TT	Hạng mục	Diện tích cần thu hồi (ha)	Được thu hồi từ các loại đất					Địa điểm (đến cấp xã)	Sự phù hợp điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất đến năm 2020	Chủ trương; nguồn vốn đầu tư	Ghi chú
			LUA	RSX	RPH	RDD	Các loại đất còn lại				
(1)	(2)	(3)=(4)+...+(10)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)
13	Xây dựng khu dân cư mới thôn Giang Tây	2,000	2,000					Quảng Lưu	Phù hợp	Công văn số 1616/UBND-TNMT ngày 10/10/2019 của UBND huyện	
14	Xây dựng khu dân cư mới	3,000	3,000					Quảng Ngọc	Phù hợp		
15	Xây dựng khu dân cư mới thôn 1	1,000	0,700			0,300		Quảng Nhân	Phù hợp		
16	Xây dựng khu dân cư mới thôn 3	0,800	0,800					Quảng Nhân	Phù hợp		
17	Xây dựng khu dân cư mới thôn 2	1,100	1,100					Quảng Nhân	Phù hợp		
18	Xây dựng khu dân cư mới thôn Đông Đa	3,000	2,500			0,500		Quảng Phong	Phù hợp		
19	Xây dựng khu dân cư mới thôn Xuân Uyên	2,000	1,800			0,200		Quảng Phong	Phù hợp		
20	Xây dựng khu dân cư mới thôn Ngọc Đới	0,600	0,600					Quảng Phúc	Phù hợp		
21	Xây dựng khu dân cư mới thôn Ngọc Đới	0,400	0,400					Quảng Phúc	Phù hợp		
22	Xây dựng khu dân cư mới	1,030	0,470			0,560		Quảng Thạch	Phù hợp		
23	Xây dựng khu dân cư mới thôn 4	1,200	1,200					Quảng Thái	Phù hợp		
24	Xây dựng khu dân cư mới thôn 10	1,200	1,200					Quảng Thái	Phù hợp		
25	Xây dựng khu dân cư mới thôn Mỹ Trạch	3,200	3,000			0,200		Quảng Trạch	Phù hợp		
26	Xây dựng khu dân cư mới thôn Câu Đông	1,000	1,000					Quảng Trạch	Phù hợp		
27	Xây dựng khu dân cư mới thôn Mỹ Trạch	1,900	1,800			0,100		Quảng Trạch	Phù hợp		
28	Xây dựng khu dân cư mới thôn Mỹ Khê	2,000	2,000					Quảng Trạch	Phù hợp		
29	Xây dựng khu dân cư mới thôn Thạch Tiến	3,000				3,000		Quảng Trung	Phù hợp		
30	Xây dựng khu dân cư mới	2,500	2,500					Quảng Trường	Phù hợp		
31	Xây dựng khu dân cư mới	1,500	1,500					Quảng Văn	Phù hợp		
32	Xây dựng khu dân cư mới	2,600	2,600					Quảng Vọng	Phù hợp		
33	Xây dựng khu dân cư mới	2,500	2,500					Quảng Yên	Phù hợp		

TT	Hạng mục	Diện tích cần thu hồi (ha)	Được thu hồi từ các loại đất					Địa điểm (đến cấp xã)	Sự phù hợp điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất đến năm 2020	Chủ trương; nguồn vốn đầu tư	Ghi chú
			LUA	RSX	RPH	RDD	Các loại đất còn lại				
(1)	(2)	(3)=(4)+...+(10)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)
34	Xây dựng khu dân cư mới thôn Xa Thụ	3,500	3,500					Quảng Bình	Phù hợp	Công văn số 1616/UBND-TNMT ngày 10/10/2019 của UBND huyện	
35	Xây dựng khu dân cư mới thôn Trần Cầu	2,700	2,700					Quảng Bình	Phù hợp		
36	Xây dựng khu dân cư mới	1,800	1,800					Quảng Khê	Phù hợp		
37	Xây dựng khu dân cư mới thôn Ngưu Phương	0,800	0,800					Quảng Khê	Phù hợp		
38	Xây dựng khu dân cư mới	2,500	2,500					Quảng Chính	Phù hợp		
39	Xây dựng khu dân cư mới	3,700	3,700					Quảng Đức	Phù hợp		
40	Xây dựng khu dân cư mới	1,800	1,800					Quảng Ninh	Phù hợp		
41	Xây dựng khu dân cư mới	0,800	0,800					Quảng Long	Phù hợp		
42	Xây dựng khu dân cư mới	7,500	7,500					Quảng Tân	Phù hợp		
43	Xây dựng khu xen cư	0,030					0,030	Quảng Tân	Phù hợp		
44	Xây dựng khu dân cư mới	5,500	5,500					Quảng Lợi	Phù hợp		
45	Xây dựng xen cư thôn Phúc Thành	0,030					0,030	Quảng Lợi	Phù hợp		
46	Khu dân cư thôn Ước Thành	0,950	0,950					Quảng Ninh	Phù hợp	Công văn số 1616/UBND-TNMT ngày 10/10/2019 của UBND huyện	
47	Khu dân cư thôn Ninh Phúc	2,092	2,092					Quảng Ninh	Phù hợp		
48	Khu dân cư thôn Ninh Phạm	0,165	0,165					Quảng Ninh	Phù hợp		
49	Khu dân cư thôn Thọ Thái	0,945	0,945					Quảng Ninh	Phù hợp		
<b>III</b>	<b>Dự án Trụ sở cơ quan</b>	<b>0,220</b>	<b>0,220</b>								
1	Mở rộng trụ sở UBND xã	0,220	0,220					Quảng Đức	Phù hợp	Công văn số 1616/UBND-TNMT ngày 10/10/2019 của UBND huyện	
<b>VI</b>	<b>Công trình giao thông</b>	<b>11,722</b>	<b>5,572</b>				<b>6,150</b>				
1	Đường giao thông thôn 4	0,082	0,082					Quảng Hòa	Phù hợp	Công văn số 1616/UBND-TNMT ngày 10/10/2019 của UBND huyện	
2	Đường giao thông thôn 3	0,140	0,140					Quảng Hòa	Phù hợp		
3	Đường giao thông thôn Mỹ Khê- Mỹ Trạch	1,000	0,800				0,200	Quảng Trạch	Phù hợp		
4	Đường giao thông thôn Câu Đồng - Trạch Hồng	0,400	0,400					Quảng Trạch	Phù hợp		
5	Đường GT từ cầu Sông Hoàng đến UBND Quảng Phúc	2,000	1,800				0,200	Quảng Vọng, Phúc	Phù hợp		

TT	Hạng mục	Diện tích cần thu hồi (ha)	Được thu hồi từ các loại đất					Địa điểm (đến cấp xã)	Sự phù hợp điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất đến năm 2020	Chủ trương; nguồn vốn đầu tư	Ghi chú
			LUA	RSX	RPH	RDD	Các loại đất còn lại				
(1)	(2)	(3)=(4)+...+(10)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)
6	Đường GT Quảng Phong đi Quảng Hòa	0,400	0,350				0,050	Quảng Phong, Hòa	Phù hợp		
7	Đường giao thông từ Quốc lộ 1A đi khu du lịch sinh thái biển Tiên Trang (đoạn từ cổng Công ty TNHH Soto đến đường 4C) xã Quảng Lợi	7,700	2,000				5,700	Quảng Lợi	Phù hợp	Công văn số 1616/UBND-TNMT ngày 10/10/2019 của UBND huyện	
<b>IX</b>	<b>Công trình văn hóa</b>	<b>0,220</b>	<b>0,220</b>								
1	Dự án xây dựng tượng đài Liệt Sỹ	0,220	0,220					Quảng Vọng	Phù hợp		
<b>XII</b>	<b>Dự án cơ sở giáo dục</b>	<b>0,320</b>					<b>0,320</b>				
1	Trường mầm non Quảng Hải	0,100					0,100	Quảng Hải	Phù hợp	Công văn số 1616/UBND-TNMT ngày 10/10/2019 của UBND huyện	
2	Mở rộng trường THCS	0,080					0,080	Quảng Văn	Phù hợp		
3	Mở rộng trường THCS	0,040					0,040	Quảng Lợi	Phù hợp		
4	Mở rộng trường THCS	0,100					0,100	Quảng Lưu	Phù hợp		
<b>XIV</b>	<b>Dự án thu gom rác thải</b>	<b>0,160</b>	<b>0,050</b>				<b>0,110</b>				
1	Xây dựng bãi tập kết rác thải	0,050					0,050	Quảng Trung	Phù hợp	Công văn số 1616/UBND-TNMT ngày 10/10/2019 của UBND huyện	
2	Xây dựng bãi tập kết rác thải	0,060					0,060	Quảng Vọng	Phù hợp		
3	Xây dựng bãi tập kết rác thải	0,050	0,050					Quảng Văn	Phù hợp		
<b>XV</b>	<b>Dự án cơ sở tôn giáo</b>	<b>3,000</b>		<b>3,000</b>							
1	Mở rộng Chùa Đồng (Chùa Linh Ứng)	3,000		3,000				Quảng Thạch	Phù hợp	CV số 12324/UBND-NN ngày 16/9/2019 của UBND tỉnh,	
<b>XVI</b>	<b>Công trình nghĩa trang nghĩa địa</b>	<b>0,830</b>	<b>0,830</b>								
1	Mở rộng nghĩa địa Bãi Cây Cọc	0,330	0,330					Quảng Văn	Phù hợp	Công văn số 1616/UBND-TNMT ngày 10/10/2019 của UBND huyện	
2	Mở rộng nghĩa địa	0,500	0,500					Quảng Tân	Phù hợp		

Phụ biểu II.7

DANH MỤC CÔNG TRÌNH, DỰ ÁN CẢN PHẢI THU HỒI ĐẤT TRONG NĂM 2020 HUYỆN NGA SƠN

TT	Hạng mục	Diện tích cần thu hồi (ha)	Được thu hồi từ các loại đất					Địa điểm (đến cấp xã)	Sự phù hợp điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất đến năm 2020	Chủ trương; nguồn vốn đầu tư	Ghi chú
			LUA	RSX	RPH	RDD	Các loại đất còn lại				
(1)	(2)	(3)=(4)+... (8)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)
	<b>Tổng cộng</b>	96,284	57,454				38,830				
<b>I</b>	<b>Dự án Khu dân cư đô thị</b>	0,670	0,670								
1	Dự án khu dân cư Thị trấn	0,670	0,670					Thị Trấn	phù hợp	Công văn số; 1142/UBND-TNMT ngày 27/9/2019 của UBND huyện Nga Sơn	
<b>II</b>	<b>Dự án Khu dân cư nông thôn</b>	24,390	19,920				4,470				
1	Khu dân cư nông thôn	0,900					0,900	Nga Thanh	phù hợp	Công văn số 1142/UBND-TNMT ngày 27/9/2019 của UBND huyện Nga Sơn	
2	Khu dân cư nông thôn	0,700	0,700					Nga Phú	phù hợp		
3	Khu dân cư nông thôn	1,050	1,050					Nga Hưng	phù hợp		
4	Khu dân cư nông thôn	0,990	0,990					Nga Trung	phù hợp		
5	Khu dân cư nông thôn	0,680	0,680					Nga Yên	phù hợp		
6	Khu dân cư nông thôn	1,310	1,250				0,060	Nga Văn	phù hợp		
7	Khu dân cư nông thôn	0,900	0,900					Nga Thắng	phù hợp		
8	Khu dân cư nông thôn	1,050	1,050					Nga Bạch	phù hợp		
9	Khu dân cư nông thôn	0,700	0,700					Nga Nhân	phù hợp		
10	Khu dân cư nông thôn	0,900	0,900					Nga Trường	phù hợp		
11	Khu dân cư nông thôn	0,870	0,870					Nga Vịnh	phù hợp		
12	Khu dân cư nông thôn	0,870	0,870					Nga Thạch	phù hợp		
13	Khu dân cư nông thôn	0,820	0,820					Ba Đình	phù hợp		
14	Khu dân cư nông thôn	0,900	0,900					Nga Lĩnh	phù hợp		
15	Khu dân cư nông thôn	0,900	0,900					Nga Điền	phù hợp		
16	Khu dân cư nông thôn	0,800	0,600				0,200	Nga Thành	phù hợp		

TT	Hạng mục	Diện tích cần thu hồi (ha)	Được thu hồi từ các loại đất					Địa điểm (đến cấp xã)	Sự phù hợp điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất đến năm 2020	Chủ trương; nguồn vốn đầu tư	Ghi chú
			LUA	RSX	RPH	RDD	Các loại đất còn lại				
(1)	(2)	(3)=(4)+... (8)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)
17	Khu dân cư nông thôn	1,200	1,200					Nga Giáp	phù hợp	Công văn số; 1142/UBND-TNMT ngày 27/9/2019 của UBND huyện Nga Sơn	
18	Khu dân cư nông thôn	1,540	1,240				0,300	Nga Thiện	phù hợp		
19	Khu dân cư nông thôn	0,900	0,600				0,300	Nga Thái	phù hợp		
20	Khu dân cư nông thôn	0,700	0,200				0,500	Nga Tiến	phù hợp		
21	Khu dân cư nông thôn	0,950	0,950					Nga An	phù hợp		
22	Khu dân cư nông thôn	0,750	0,650				0,100	Nga Hải	phù hợp		
23	Khu dân cư nông thôn	1,310	1,000				0,310	Nga Liên	phù hợp		
24	Khu dân cư nông thôn	0,900					0,900	Nga Tân	phù hợp		
25	Khu dân cư nông thôn	0,900	0,900					Nga Mỹ	phù hợp		
26	Khu dân cư nông thôn	0,900					0,900	Nga Thủy	phù hợp		
<b>III</b>	<b>Cụm công nghiệp</b>	<b>39,625</b>	<b>32,165</b>				<b>7,460</b>				
1	Cụm công nghiệp Tam Linh	39,625	32,165				7,460	Nga Văn, Nga Mỹ	phù hợp	Quyết định số 1362/QĐ-UBND ngày 18/4/2018 của UBND tỉnh về thành lập cụm công nghiệp	
<b>IV</b>	<b>Công trình giao thông</b>	<b>29,770</b>	<b>3,770</b>				<b>26,000</b>				
1	Đường Từ Thước đi QL 10	0,200	0,200					Nga Hải	phù hợp	Công văn số; 1142/UBND-TNMT ngày 27/9/2019 của UBND huyện Nga Sơn	
2	Đường giao thông Nga Yên	2,270	2,270					xã Nga Yên	phù hợp		
3	Đường giao thông Nga Lĩnh	1,000	1,000					xã Nga Lĩnh	phù hợp		
4	Đường giao thông Nga Phú	0,300	0,300					xã Nga Phú	phù hợp		
5	Đường bộ ven biển Nga Sơn - Hoàng Hóa	9,000					9,000	Nga Tân	phù hợp	Nghị quyết số 156/NQ-HĐND tỉnh ngày 04/4/2019 của HĐND tỉnh	
		6,000					6,000	Nga Tiến	phù hợp		
		11,000					11,000	Nga Thủy	phù hợp		
<b>V</b>	<b>Công trình năng lượng</b>	<b>0,289</b>	<b>0,289</b>								
1	Xây dựng TBA Nga Điền 9 chống quá tải cho TBA Nga Điền 1	0,0214	0,0214					Nga Điền	phù hợp		

TT	Hạng mục	Diện tích cần thu hồi (ha)	Được thu hồi từ các loại đất					Địa điểm (đến cấp xã)	Sự phù hợp điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất đến năm 2020	Chủ trương; nguồn vốn đầu tư	Ghi chú
			LUA	RSX	RPH	RDD	Các loại đất còn lại				
(1)	(2)	(3)=(4)+ ... (8)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)
2	Xây dựng TBA Nga Trung 5 chống quá tải cho TBA Nga Trung 3	0,0226	0,0226					Nga Trung	phù hợp		
3	Xây dựng TBA Nga Phú 7 chống quá tải cho TBA Nga Phú 1	0,0234	0,0234					Nga Phú	phù hợp		
4	Xây dựng TBA Nga Thắng 6 chống quá tải cho TBA Nga Thắng 5 và Nga Thắng 2	0,0414	0,0414					Nga Thắng	phù hợp		
5	Xây dựng TBA Nga Nhân 9 chống quá tải cho TBA Nga Nhân 1	0,0122	0,0122					Nga Nhân	phù hợp		
6	Xây dựng TBA Nga Thái 9 chống quá tải cho TBA Nga Thái 5	0,0132	0,0132					Nga Thái	phù hợp		
7	Xây dựng TBA Nga Hải 7 chống quá tải cho TBA Nga Hải 1	0,0244	0,0244					Nga Hải	phù hợp		
8	Xây dựng Đường dây 0,4 kv sau TBA Nga Tân 4	0,0024	0,0024					Nga Tân	phù hợp		
9	Xây dựng TBA Ba Đình 7 chống quá tải cho TBA Ba Đình 5	0,0112	0,0112					Ba Đình	phù hợp		
10	Xây dựng TBA Nga Thành 6 chống quá tải cho TBA Nga Thành 3	0,0114	0,0114					Nga Thành	phù hợp		
11	Xây dựng TBA Nga Giáp 7 chống quá tải cho TBA Nga Giáp 5	0,0204	0,0204					Nga Giáp	phù hợp		
12	Xây dựng TBA Nga Bạch 6 chống quá tải cho TBA Nga Bạch 1	0,007	0,007					Nga Bạch	phù hợp		



TT	Hạng mục	Diện tích cần thu hồi (ha)	Được thu hồi từ các loại đất					Địa điểm (đến cấp xã)	Sự phù hợp điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất đến năm 2020	Chủ trương; nguồn vốn đầu tư	Ghi chú
			LUA	RSX	RPH	RDD	Các loại đất còn lại				
(1)	(2)	(3)=(4)+... (8)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)
13	Xây dựng TBA Nga Trường 6 chống quá tải cho TBA Nga Trường 4	0,0108	0,0108					Nga Trường	phù hợp		
14	Xây dựng TBA Trung gian chống quá tải cho TBA Trung gian Nga Sơn	0,0672	0,0672					Nga Thạch	phù hợp		
<b>VI</b>	<b>Dự án cơ sở giáo dục</b>	<b>0,400</b>	<b>0,400</b>								
1	Trường Mầm non Nga Phú	0,400	0,400					xã Nga Phú	phù hợp	Công văn số; 1142/UBND-TNMT	
<b>VII</b>	<b>Dự án chợ</b>	<b>0,240</b>	<b>0,240</b>								
1	Chợ xã Ba Đình	0,240	0,240					xã Ba Đình	phù hợp	Công văn số; 1142/UBND-TNMT của UBND huyện Nga Sơn	
<b>VIII</b>	<b>Dự án cơ sở tôn giáo</b>	<b>0,900</b>					<b>0,900</b>				
1	Khôi phục, tôn tạo chùa Hợp Long	0,900					0,900	xã Nga Trường	phù hợp	Công văn số 15056/UBND-NN, ngày 06/11/2019.	

Phụ biểu II.8

DANH MỤC CÔNG TRÌNH, DỰ ÁN CẦN PHẢI THU HỒI ĐẤT TRONG NĂM 2020 HUYỆN HẬU LỘC

TT	Hạng mục	Diện tích cần thu hồi (ha)	Được thu hồi từ các loại đất					Địa điểm (đến cấp xã)	Sự phù hợp điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất đến năm 2020	Chủ trương; nguồn vốn đầu tư	Ghi chú
			LUA	RSX	RPH	RDD	Các loại đất còn lại				
(1)	(2)	(3)=(4)+...+(8)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)
<b>Tổng cộng</b>		<b>69,240</b>	<b>55,010</b>				<b>14,230</b>				
<b>I</b>	<b>Dự án Khu dân cư đô thị</b>	<b>5,030</b>	<b>5,030</b>								
1	Quy hoạch đất ở đô thị dọc đường vành đai hướng nam khu còn Dưa khu 4	1,800	1,800					TT Hậu Lộc	phù hợp	Công văn 947/UBND-TNMT ngày 05/8/2019 của UBND huyện Hậu Lộc	
2	Quy hoạch đất ở đô thị khu nhà vườn còn nhân đồng bễ khu 3	2,500	2,500					TT Hậu Lộc	phù hợp		
3	Quy hoạch đất ở đô thị khu liên kề còn nhân đồng bễ khu 3	0,730	0,730					TT Hậu Lộc	phù hợp		
<b>II</b>	<b>Dự án Khu dân cư nông thôn</b>	<b>27,220</b>	<b>22,090</b>				<b>5,130</b>				
1	Quy hoạch đất ở nông thôn thôn Sơn	0,460	0,460					Tiến Lộc	phù hợp	Công văn 947/UBND-TNMT ngày 05/8/2019 của UBND huyện Hậu Lộc	
2	Quy hoạch đất ở nông thôn tập trung	2,000	2,000					Tiến Lộc	phù hợp		
3	Quy hoạch đất ở nông thôn Đồng Tiến	0,200	0,200					Tuy Lộc	phù hợp		
4	Quy hoạch đất ở nông thôn thôn Trung Hà	0,100	0,100					Tuy Lộc	phù hợp		
5	Quy hoạch đất ở nông thôn thôn Phú Thọ	0,150	0,150					Tuy Lộc	phù hợp		
6	Quy hoạch đất ở nông thôn thôn Thành Tuy	0,100	0,100					Tuy Lộc	phù hợp		
7	Quy hoạch đất ở nông thôn thôn 2	0,170	0,170					Liên lộc	phù hợp		
8	Quy hoạch đất ở nông thôn thôn 5	0,070					0,070	Liên lộc	phù hợp		
9	Quy hoạch đất ở nông thôn thôn 4	0,100					0,100	Liên lộc	phù hợp		

TT	Hạng mục	Diện tích cần thu hồi (ha)	Được thu hồi từ các loại đất					Địa điểm (đến cấp xã)	Sự phù hợp điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất đến năm 2020	Chủ trương; nguồn vốn đầu tư	Ghi chú
			LUA	RSX	RPH	RDD	Các loại đất còn lại				
(1)	(2)	(3)=(4)+... (8)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)
10	Khu dân cư Bái Vinh thôn Yên Minh	1,200					1,200	Quang Lộc	phù hợp	Công văn 947/UBND-TNMT ngày 05/8/2019 của UBND huyện Hậu Lộc	
11	Khu dân cư Công Bạch Hiến Vinh thôn Hiến Vinh	0,180	0,180					Quang Lộc	phù hợp		
12	Khu dân cư Cây Gác Tường Lộc thôn Tường Lộc	0,200					0,200	Quang Lộc	phù hợp		
13	Khu dân cư Bãi Ná Đường mới thôn Quang Tân	0,200					0,200	Quang Lộc	phù hợp		
14	Khu dân cư tập trung Bắc thôn Đại Hữu	5,260	4,000				1,260	Mỹ Lộc	phù hợp		
15	Quy hoạch đất ở nông thôn thôn Sơn Thượng	0,150	0,150					Triệu Lộc	phù hợp		
16	Quy hoạch đất ở nông thôn thôn Sơn Thượng	0,500	0,500					Triệu Lộc	phù hợp		
17	Quy hoạch đất ở nông thôn thôn Phú Minh	0,200	0,200					Triệu Lộc	phù hợp		
18	Quy hoạch đất ở nông thôn	0,340	0,340					Cầu Lộc	phù hợp		
19	Quy hoạch đất ở nông thôn thôn Thiều Xá 2	0,560	0,560					Cầu Lộc	phù hợp		
20	Quy hoạch đất ở nông thôn thôn Cầu Thôn	0,470	0,470					Cầu Lộc	phù hợp		
21	Quy hoạch đất ở nông thôn thôn Kiến Long, Yên Hòa, Hưng Phú	1,400					1,400	Hung Lộc	phù hợp		
22	Quy hoạch đất ở nông thôn Nam sau đàng thôn 3 Bái Trung	1,000	1,000					Hòa Lộc	phù hợp		
23	Quy hoạch đất ở nông thôn	0,940	0,940					Thuần Lộc	phù hợp		
24	Quy hoạch đất ở nông thôn thôn Đại Sơn	1,500	1,500					Đại Lộc	phù hợp		
25	Quy hoạch đất ở nông thôn thôn Linh Long	1,380	1,380					Lộc Sơn	phù hợp		
26	Khu dân cư nông thôn Phú Mỹ	0,490	0,490					Xuân Lộc	phù hợp		
27	Khu dân cư nông thôn Phú Mỹ	0,600	0,600					Xuân Lộc	phù hợp		

TT	Hạng mục	Diện tích cần thu hồi (ha)	Được thu hồi từ các loại đất					Địa điểm (đến cấp xã)	Sự phù hợp điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất đến năm 2020	Chủ trương; nguồn vốn đầu tư	Ghi chú
			LUA	RSX	RPH	RDD	Các loại đất còn lại				
(1)	(2)	(3)=(4)+... (8)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)
28	Khu dân cư nông thôn Đông Thịnh	0,500	0,500					Xuân Lộc	phù hợp	Công văn 947/UBND-TNMT ngày 05/8/2019 của UBND huyện Hậu Lộc	
29	Khu dân cư nông thôn Đông Thịnh	0,020	0,020					Xuân Lộc	phù hợp		
30	Khu dân cư nông thôn Đông Thịnh	0,020	0,020					Xuân Lộc	phù hợp		
31	Quy hoạch đất ở nông thôn	1,000	0,880				0,120	Châu Lộc	phù hợp		
32	Quy hoạch đất ở nông thôn thôn Lộc Động	0,300	0,300					Phong Lộc	phù hợp		
33	Quy hoạch đất ở nông thôn thôn Hòa Bình	0,200	0,200					Thịnh Lộc	phù hợp		
34	Quy hoạch đất ở nông thôn thôn Yên Nội	0,250	0,250					Thịnh Lộc	phù hợp		
35	Quy hoạch đất ở nông thôn thôn Yên Nội	0,080	0,080					Thịnh Lộc	phù hợp		
36	Quy hoạch đất ở nông thôn thôn Trung Phú	0,180	0,180					Thịnh Lộc	phù hợp		
37	Quy hoạch đất ở nông thôn thôn Trung Phú	0,290	0,290					Thịnh Lộc	phù hợp		
38	Quy hoạch đất ở nông thôn thôn Tinh Hoa	0,860	0,860					Văn Lộc	phù hợp		
39	Quy hoạch đất ở nông thôn thôn Tinh anh	0,190	0,190					Văn Lộc	phù hợp		
40	Quy hoạch đất ở nông thôn thôn Phương Lĩnh	0,180	0,180					Đông Lộc	phù hợp		
41	Quy hoạch đất ở nông thôn thôn Nhân Hậu	0,450	0,450					Đông Lộc	phù hợp		
42	Quy hoạch đất ở nông thôn thôn Phương Độ	0,200	0,200					Đông Lộc	phù hợp		
43	Quy hoạch đất ở nông thôn thôn Nhân Hậu, Đại Phú	2,000	2,000					Đông Lộc	phù hợp		

TT	Hạng mục	Diện tích cần thu hồi (ha)	Được thu hồi từ các loại đất					Địa điểm (đến cấp xã)	Sự phù hợp điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất đến năm 2020	Chủ trương; nguồn vốn đầu tư	Ghi chú
			LUA	RSX	RPH	RDD	Các loại đất còn lại				
(1)	(2)	(3)=(4)+... (8)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)
44	Quy hoạch đất ở xen cư xú đồng Mận thôn Minh Đức	0,580					0,580	Minh Lộc	phù hợp	Công văn 947/UBND-TNMT ngày 05/8/2019 của UBND huyện Hậu Lộc	
<b>III</b>	<b>Công trình trụ sở cơ quan</b>	<b>2,500</b>	<b>2,500</b>								
1	Xây dựng trụ sở cơ quan huyện (Cồn nhà, Đồng bê Khu 2)	1,800	1,800					TT Hậu Lộc	phù hợp	Công văn 948/UBND-TNMT ngày 05/8/2019 của UBND huyện Hậu Lộc	
2	Khuôn viên công sở UBND xã	0,700	0,700					Câu Lộc	phù hợp		
<b>VI</b>	<b>Công trình giao thông</b>	<b>24,970</b>	<b>16,870</b>				<b>8,100</b>				
1	Mở rộng đường Cầu Đọ đi Đồng Cun	0,500	0,500					Tuy Lộc	phù hợp	Nghị quyết số 06/NQ-HĐND ngày 17/7/2019 của HĐND huyện Hậu Lộc	
2	Đất giao thông nội đồng 6 thôn	1,020	1,020					Câu Lộc	phù hợp	Công văn 948/UBND-TNMT ngày 05/8/2019 của UBND huyện Hậu Lộc	
3	Mở rộng đường quan quận ranh giới giữa 2 xã Đa Lộc và Hưng Lộc	0,640	0,640					Hưng Lộc	phù hợp	Nghị quyết số 06/NQ-HĐND ngày 17/7/2019 của HĐND huyện Hậu Lộc	
4	Giao thông nội đồng	0,300	0,300					Thuần Lộc	phù hợp	Công văn 948/UBND-TNMT ngày 05/8/2019 của UBND huyện Hậu Lộc	
5	Quy hoạch đất giao thông	1,040	1,000				0,040	Thuần Lộc	phù hợp		
6	Đất giao thông nông thôn	0,750	0,750					Xuân Lộc	phù hợp		
7	Giao thông quy hoạch dân cư	0,340	0,280				0,060	Châu Lộc	phù hợp		
8	Giao thông nội đồng	0,160	0,160					Châu Lộc	phù hợp		
9	Giao thông trong khu đấu giá đất ở	0,480	0,480					Thịnh Lộc	phù hợp		
10	Quy hoạch giao thông nắn quốc lộ 10	2,500	2,500					Văn Lộc, Mỹ Lộc	phù hợp		
11	Quy hoạch tuyến Đồng Lộc đi Đại Lộc mới	1,730	1,730					Đồng Lộc	phù hợp		
12	Hạ tầng trong khu đất ở tập trung	0,510	0,510					Tiến Lộc	phù hợp		

TT	Hạng mục	Diện tích cần thu hồi (ha)	Được thu hồi từ các loại đất					Địa điểm (đến cấp xã)	Sự phù hợp điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất đến năm 2020	Chủ trương; nguồn vốn đầu tư	Ghi chú
			LUA	RSX	RPH	RDD	Các loại đất còn lại				
(1)	(2)	(3)=(4)+... (8)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)
13	Đường bộ ven biển đoạn Nga Sơn - Hoằng Hóa	15,000	7,000				8,000	Đa Lộc, Minh Lộc, Hưng Lộc, Hải Lộc, Hòa Lộc	phù hợp	Nghị quyết số 156/NQ-HĐND tỉnh ngày 04/4/2019	
<b>VII</b>	<b>Công trình thủy lợi</b>	<b>2,500</b>	<b>1,500</b>				<b>1,000</b>				
1	Nâng cấp đê Trung Ương	2,500	1,500				1,000	Quang Lộc	phù hợp	Công văn 948/UBND-TNMT ngày 05/8/2019 của UBND huyện Hậu Lộc	
<b>VIII</b>	<b>Công trình năng lượng</b>	<b>0,100</b>	<b>0,100</b>								
1	Chống quá tải lưới điện	0,100	0,100					Phù Lộc, Hòa Lộc, Hoa Lộc, Thị trấn, lộc sơn, lộc tân, mỹ lộc, tiến Lộc, thành lộc, Liên lộc	phù hợp		
<b>IX</b>	<b>Công trình thể dục thể thao</b>	<b>3,700</b>	<b>3,700</b>								
1	Sân thể thao thôn Bùi	3,000	3,000					Tiến Lộc	phù hợp	Công văn 948/UBND-TNMT ngày 05/8/2019 của UBND huyện Hậu Lộc	
2	Đất sân vận động thể dục thể thao thôn Đông Thịnh	0,700	0,700					Xuân Lộc	phù hợp		
<b>X</b>	<b>Dự án sinh hoạt cộng đồng</b>	<b>0,160</b>	<b>0,160</b>								
1	Quy hoạch nhà văn hóa thôn Nhân Hậu	0,080	0,080					Đồng Lộc	phù hợp	Công văn 948/UBND-TNMT ngày 05/8/2019 của UBND huyện Hậu Lộc	
2	Quy hoạch nhà văn hóa thôn Phương Lĩnh	0,080	0,080					Đồng Lộc	phù hợp		
<b>XI</b>	<b>Công trình nghĩa trang, NĐ</b>	<b>3,060</b>	<b>3,060</b>								
1	Mở rộng nghĩa địa thôn Bùi	0,700	0,700					Tiến Lộc	phù hợp	Công văn 948/UBND-TNMT ngày 05/8/2019 của UBND huyện Hậu Lộc	
2	Quy hoạch nghĩa địa Mã Phú thôn Tam Hòa	0,660	0,660					Hòa Lộc	phù hợp		
3	Mở rộng nghĩa địa(thôn Tân Lộc, Đa Phạm)	1,700	1,700					Hải Lộc	phù hợp		

## Phụ biểu III.9

## DANH MỤC CÔNG TRÌNH, DỰ ÁN CẦN PHẢI THU HỒI ĐẤT TRONG NĂM 2020 HUYỆN HÀ TRUNG

TT	Hạng mục	Diện tích cần thu hồi (ha)	Được lấy từ các loại đất					Địa điểm (đến cấp xã)	Sự phù hợp điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất đến năm 2020	Chủ trương; nguồn vốn đầu tư	Ghi chú
			Đất NN								
			LUA	RSX	RPH	RDD	Các loại đất còn lại				
(1)	(2)	(3)=(4)+ ...(10)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)
	<b>Tổng cộng</b>	<b>120,555</b>	<b>78,505</b>	<b>4,780</b>	<b>0,100</b>		<b>37,170</b>				
<b>I</b>	<b>Dự án Khu dân cư nông thôn</b>	<b>35,745</b>	<b>28,525</b>	<b>0,080</b>			<b>7,140</b>				
1	Khu dân cư Sau Làng thôn Nam Thôn	0,060					0,060	Hà Hải	Phù hợp	Công văn số 758/UBND-KTHT, ngày 18/4/2019 của UBND huyện Hà Trung v/v chấp thuận chủ trương quy hoạch chi tiết đất ở dân cư xã Hà Hải	
2	Khu dân cư Đà Bịa	0,250	0,250					Hà Hải	Phù hợp	Quyết định số 3428/QĐ-UBND ngày 11/09/2019 của UBND huyện Hà Trung về việc phê duyệt điều chỉnh quy hoạch đất ở xen cư khu Đà Bịa, thôn Đông yên, xã Hà Hải, huyện Hà Trung	
3	Khu xen cư Tùng Thi	0,020					0,020	Hà Hải	Phù hợp	Công văn số 758/UBND-KTHT, ngày 18/4/2019 của UBND huyện Hà Trung v/v chấp thuận chủ trương quy hoạch chi tiết đất ở dân cư xã Hà Hải	
4	Khu xen cư Bãi Cống	0,100	0,100					Hà Hải	Phù hợp		
5	Khu dân cư Nhà Thần Lô 2	0,030	0,030					Hà Thái	Phù hợp	Quyết định số 1801/QĐ-UBND ngày 23/05/2019 của UBND huyện Hà Trung về việc phê duyệt mặt bằng chi tiết tỉ lệ 1/500 điểm dân cư khu đồng Nhà Nhân Lô 2, xã Hà Thái, huyện Hà Trung	
6	Khu dân cư Bàn Tọa	0,120	0,120					Hà Thái	Phù hợp	Công văn 2357/CV-UBND ngày 16/11/2018 của UBND huyện Hà Trung về việc chấp thuận chủ trương quy hoạch chi tiết tỉ lệ 1/500 các điểm dân cư xã Hà Thái; Quyết định số 3730/QĐ-UBND ngày 03/10/2019 của UBND huyện Hà Trung quyết định phê duyệt MBQH chi tiết tỉ lệ 1/500 điểm dân cư đồng Bàn Tọa, xã Hà Thái, huyện Hà Trung	
7	Khu dân cư Ao Hồ Thôn 2	0,060	0,060					Hà Thái	Phù hợp	Quyết định số 1924/QĐ-UBND ngày 14/6/2017 của UBND huyện Hà Trung về việc phê duyệt chi tiết mặt bằng đất ở khu dân cư Ao Hồ Thôn 2, xã Hà Thái	
8	Khu dân cư khu Trung Tâm Xã	0,200	0,200					Hà Thái	Phù hợp	Quyết định số 2146/QĐ-UBND ngày 4/8/2014 của UBND huyện về việc phê duyệt điều chỉnh quy hoạch tỉ lệ 1/500 khu Trung Tâm xã Hà Thái	

TT	Hạng mục	Diện tích cần thu hồi (ha)	Được lấy từ các loại đất					Địa điểm (đến cấp xã)	Sự phù hợp điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất đến năm 2020	Chủ trương; nguồn vốn đầu tư	Ghi chú
			Đất NN								
			LUA	RSX	RPH	RDD	Các loại đất còn lại				
(1)	(2)	(3)=(4)+... (10)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)
9	Khu dân cư Nhà Thần Ô1	0,040	0,040					Hà Thái	Phù hợp	Quyết định số 1651/QĐ-UBND ngày 27/1/2018 của UBND huyện Hà Trung về việc phê duyệt chi tiết mặt bằng đất ở khu dân cư Nhà Thần, thôn 6, xã Hà Thái, huyện Hà Trung; Quyết định số 2230/QĐ-UBND ngày 16/6/2018 của UBND huyện Hà Trung về việc phê duyệt chi tiết mặt bằng đất ở khu dân cư Nhà Thần Ô1	
10	Khu dân cư đồng Gốc Gạo	0,015	0,015					Hà Thái	Phù hợp	Quyết định số 1925/QĐ-UBND ngày 14/06/2017 của UBND huyện Hà Trung về việc phê duyệt mặt bằng quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/500 điểm xen cư khu đồng Gốc Gạo, xã Hà Thái, huyện Hà Trung	
11	Khu đất ở dền Phú Mỗ	0,600					0,600	Hà Thái	Phù hợp	Quyết định 2512/QĐ-UBND ngày 01-11-2019 về việc chấp thuận chủ trương quy hoạch đất ở xã Hà Thái, huyện Hà Trung	
12	Khu dân cư khu trang trại Đồng Đường Cây	1,000	1,000					Hà Thái	Phù hợp		
13	Khu dân cư Đồng Giữa thôn 3	0,220	0,220					Hà Lai	Phù hợp	Quyết định 4059/QĐ-UBND ngày 24/10/2019 của UBND huyện Hà Trung về việc phê duyệt mặt bằng chi tiết tỷ lệ 1/500 điểm dân cư Đồng Giữa thôn 3, xã Hà Lai, huyện Hà Trung	
14	Khu dân cư Mả Nác thôn 1	0,500	0,280				0,220	Hà Lai	Phù hợp	Quyết định 4060/QĐ-UBND ngày 24/10/2019 của UBND huyện Hà Trung về việc phê duyệt mặt bằng chi tiết tỷ lệ 1/500 khu dân cư Mả Nác, xã Hà Lai, huyện Hà Trung	
15	Khu dân cư khu trung tâm xã Hà Lai	0,630					0,630	Hà Lai	Phù hợp	Quyết định số 236/QĐ - UBND ngày 20/2/2014 về việc phê duyệt MBQH chi tiết khu trung tâm xã Hà Lai	
16	Khu dân cư Gò Sừng, Ao Làng	0,200	0,200					Hà Lai	Phù hợp	Quyết định số 10075/QĐ - UBND ngày 19/12/2016 về việc phê duyệt MBQH chi tiết khu Ao Làng 1, thôn 6, xã Hà Lai; Quyết định số 838/QĐ-UBND ngày 10/04/2017 của UBND huyện Hà Trung về việc phê duyệt mặt bằng quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/500 điểm xen cư khu đồng Gò Sừng trên, xã Hà Lai, huyện Hà Trung	
17	Khu dân cư trung tâm xã Hà Toại	0,210	0,210					Hà Toại	Phù hợp	Quyết định số 6795/QĐ-UBND ngày 08/09/2015 của UBND huyện Hà Trung về việc phê duyệt quy hoạch MB khu trung tâm, xã Hà Toại	



TT	Hạng mục	Diện tích cần thu hồi (ha)	Được lấy từ các loại đất					Địa điểm (đến cấp xã)	Sự phù hợp điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất đến năm 2020	Chủ trương; nguồn vốn đầu tư	Ghi chú
			Đất NN								
			LUA	RSX	RPH	RDD	Các loại đất còn lại				
(1)	(2)	(3)=(4)+... (10)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)
18	Khu dân cư Đồng Đăng	0,760	0,680				0,080	Hà Lâm	Phù hợp	Quyết định 4171/QĐ-UBND ngày 10/10/2018 về việc phê duyệt chủ trương đầu tư XD công trình: Xây dựng hạ tầng kỹ thuật đất ở KDC Đồng Đăng thôn 8, xã Hà Lâm; Quyết định số 3028/QĐ-UBND ngày 31/08/2017 của UBND huyện Hà Trung về việc phê duyệt quy hoạch MB khu dân cư Đồng Đăng, xã Hà Lâm	
19	Khu dân cư Bãi Lan	0,300					0,300	Hà Yên	Phù hợp	Quyết định số 5699/QĐ-UBND ngày 24/12/2018 của UBND huyện Hà Trung Về việc phê duyệt mặt bằng quy hoạch chi tiết đất ở khu Bãi Lan xã Hà Yên tỷ lệ 1/500	
20	Khu dân cư trung tâm xã	1,500	1,500					Hà Yên	Phù hợp	Quyết định số 2649/QĐ-UBND ngày 27/7/2017 của UBND huyện Hà Trung Về việc phê duyệt mặt bằng điều chỉnh quy hoạch chi tiết khu trung tâm chính trị - văn hoá - thể thao xã Hà Yên tỷ lệ 1/500	
21	Khu dân cư Đồng Cổ Be thôn 7	0,140	0,140					Hà Ngọc	Phù hợp	Quyết định số 3020/QĐ-UBND ngày 02/8/2018 của UBND huyện Hà Trung Về việc phê duyệt mặt bằng quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/500 khu TTHC xã Hà Ngọc	
22	Khu dân cư Mạ Bặc Nương thôn 2	0,240	0,240					Hà Ngọc	Phù hợp	Quyết định 2592/QĐ-UBND ngày 04/04/2019 của UBND huyện về việc xin chấp thuận của UBND huyện xin chấp thuận chủ trương quy hoạch chi tiết khu dân cư xã Hà Ngọc, huyện Hà Trung	
23	Khu dân cư đồng Bồng thôn 6	0,200	0,200					Hà Ngọc	Phù hợp		
24	Khu dân cư Đồng Đỗ thôn Kim Phú Na	0,300	0,300					Hà Ngọc	Phù hợp		
25	Khu dân cư Thạch Lễ	0,580	0,580					Hà Châu	Phù hợp	Quyết định số 2757/QĐ-UBND ngày 10/10/2014 của UBND huyện Hà Trung về việc phê duyệt MBQH chi tiết đất ở phân lô khu dân cư làng Thạch Lễ	
26	Đất ở xen cư khu Đồi Dồi thôn Vân Hưng	0,100		0,080			0,020	Hà Vân	Phù hợp	Công văn số 759/UBND-KTHT ngày 18/4/2019 của UBND huyện Hà Trung Về việc chấp thuận chủ trương quy hoạch đất ở xen cư xã Hà Vân	
27	Khu dân cư thôn Vân Hưng (khu trung tâm)	0,200					0,200	Hà Vân	Phù hợp	Quyết định số 2094/QĐ-UBND ngày 19/6/2019 của UBND huyện Hà Trung Về việc phê duyệt mặt bằng khu trung tâm hành chính văn hoá thể thao và khu dân cư xã Hà Vân tỷ lệ 1/500	
28	Khu dân cư trung tâm - Thùng đấu ao Gạo	1,000	1,000					Hà Bình	Phù hợp	Quyết định số 1411/QĐ-UBND ngày 4/4/2016 của UBND huyện Hà Trung Về việc phê duyệt đồ án điều	

TT	Hạng mục	Diện tích cân thu hồi (ha)	Được lấy từ các loại đất					Địa điểm (đến cấp xã)	Sự phù hợp điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất đến năm 2020	Chủ trương; nguồn vốn đầu tư	Ghi chú
			Đất NN								
			LUA	RSX	RPH	RDD	Các loại đất còn lại				
(1)	(2)	(3)=(4)+ ...(10)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)
29	Khu dân cư trung tâm văn hóa cũ	0,320	0,320					Hà Bình	Phù hợp	chính quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/500 khu trung tâm xã Hà Bình, huyện Hà Trung, tỉnh Thanh Hoá	
30	Khu dân cư trung tâm văn hóa huyện	10,000	10,000					Hà Bình	Phù hợp	Nghị quyết số 08/NQ-HĐND của HĐND huyện ngày 19/8/2019 về việc quyết định chủ trương điều chỉnh, bổ sung dự án: Hạ tầng khu dân cư trung tâm văn hóa thể thao huyện Hà Trung	
31	Khu xen cư đất ở lô 2 khu Đầm Sen	0,200					0,200	Hà Dương	Phù hợp	Quyết định số 1579/QĐ-UBND ngày 26/5/2017 của UBND huyện Hà Trung phê duyệt mặt bằng điều chỉnh quy hoạch chi tiết xen cư đất ở lô 2 khu Đầm Sen, xã Hà Dương, huyện Hà Trung	
32	Khu Tái định cư đường cao tốc Bắc - Nam xã Hà Tiến	0,400	0,400					Hà Tiến	Phù hợp	Công văn số 1024/UBND-KTHT ngày 18/6/2018 của UBND huyện Hà Trung về việc chấp thuận chủ trương lập quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/500 khu dân cư mới dọc đường Long Sơn xã Hà Tiến; Quyết định số 2594/QĐ-UBND của UBND huyện ngày 11/7/2019 về việc phê duyệt chủ trương đầu tư Hạ tầng kỹ thuật khu tái định cư xã Hà Tiến	
33	Khu dân cư Đồi	4,300	4,300					Hà Long	Phù hợp	Quyết định số: 2091/QĐ - UBND ngày 4/6/2018 về việc phê duyệt mặt bằng quy hoạch tỷ lệ 1/500 khu dân cư Đồi, xã Hà Long	
34	Khu dân cư Dọc Chuông thôn 11	2,000	1,800				0,200	Hà Lĩnh	Phù hợp	Công văn số 776/UBND-KTHT ngày 24/5/2017 của UBND huyện Hà Trung về việc chấp thuận chủ trương lập quy hoạch chi tiết xây dựng các khu dân cư Hà Lĩnh.	
35	Khu dân cư Cồn Quy	0,700	0,700					Hà Lĩnh	Phù hợp	Công văn số 776/UBND-KTHT ngày 24/5/2017 của UBND huyện Hà Trung về việc chấp thuận chủ trương lập quy hoạch chi tiết xây dựng các khu dân cư Hà Lĩnh.	
36	Khu dân cư Dọc Thôn 2 (Quốc Lộ 217)	0,400	0,400					Hà Lĩnh	Phù hợp	Công văn số 776/UBND-KTHT ngày 24/5/2017 của UBND huyện Hà Trung về việc chấp thuận chủ trương lập quy hoạch chi tiết xây dựng các khu dân cư Hà Lĩnh.	

TT	Hạng mục	Diện tích cần thu hồi (ha)	Được lấy từ các loại đất					Địa điểm (đến cấp xã)	Sự phù hợp điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất đến năm 2020	Chủ trương; nguồn vốn đầu tư	Ghi chú
			Đất NN								
			LUA	RSX	RPH	RDD	Các loại đất còn lại				
(1)	(2)	(3)=(4)+ ... (10)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)
37	Khu dân cư thôn Kim Hưng	1,000	1,000					Hà Đông	Phù hợp	Quyết định số 1789/QĐ-UBND của UBND huyện Hà Trung ngày 25/7/2013 về việc phê duyệt quy hoạch chi tiết 1/500 các điểm dân cư xã Hà Đông, huyện Hà Trung	
38	Khu dân cư thôn Kim Hưng, Kim Phát	1,000	1,000					Hà Đông	Phù hợp	Quyết định của UBND huyện Hà Trung ngày 13/7/2011 về việc phê duyệt của mặt bằng quy hoạch chi tiết xây dựng khu dân cư Kim Hưng, Kim Phát xã Hà Đông- huyện Hà Trung	
39	Khu dân cư Đồng Mới thôn Kim Phát	0,350	0,350					Hà Đông	Phù hợp	Quyết định số 1905/QĐ-UBND của UBND huyện Hà Trung ngày 14/6/2017 về việc phê duyệt chi tiết mặt bằng khu dân cư Đồng Mới thôn Kim Phát tỷ lệ 1/500	
40	Khu dân cư Núi Quán thôn Kim Hưng	0,330	0,330					Hà Đông	Phù hợp	Quyết định của UBND huyện Hà Trung ngày 26/1/2005 về việc phê duyệt chi tiết mặt bằng khu dân cư Núi Quán thôn Kim Hưng	
41	Khu dân cư Đồng Méo (khu dân cư thôn Kim Sơn 2)	0,050	0,050					Hà Đông	Phù hợp	Quyết định số 1904/QĐ-UBND của UBND huyện Hà Trung ngày 14/6/2017 về việc phê duyệt quy hoạch mặt bằng chi tiết xen cư đất ở thôn Kim Sơn 2 tỷ lệ 1/500	
42	Khu dân cư thôn 1 (Mỹ Dương- Khu Bia Làng)	0,190					0,190	Hà Giang	Phù hợp	Quyết định số 3765/QĐ-UBND, ngày 17/10/2019 của UBND huyện Hà Trung về việc phê duyệt điều chỉnh mặt bằng quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/500 các điểm xen cư Thôn 1, xã Hà Giang, huyện Hà Trung	
43	Khu dân cư trung tâm xã Hà Giang	1,510	0,510				1,000	Hà Giang	Phù hợp	Quyết định số 1792/QĐ-UBND ngày 22/5/2019 của UBND huyện Hà Trung về việc phê duyệt quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/500 khu trung tâm xã Hà Giang, huyện Hà Trung	
44	Khu xen cư Ao Nông Dân	0,040					0,040	Hà Giang	Phù hợp	Quyết định số 631/QĐ-UBND ngày 27/10/2016 của UBND huyện Hà Trung về việc phê duyệt quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/500 xen cư đất ở khu Ao Nông Dân, xã Hà Giang, huyện Hà Trung	
45	Khu xen cư Đồng Bớt	0,100					0,100	Hà Giang	Phù hợp	Quyết định của UBND huyện Hà Trung về việc phê duyệt quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/500 xen cư đất ở khu Đồng Bớt, xã Hà Giang, huyện Hà Trung	

TT	Hạng mục	Diện tích cần thu hồi (ha)	Được lấy từ các loại đất					Địa điểm (đến cấp xã)	Sự phù hợp điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất đến năm 2020	Chủ trương; nguồn vốn đầu tư	Ghi chú
			Đất NN				Các loại đất còn lại				
			LUA	RSX	RPH	RDD					
(1)	(2)	(3)=(4)+ ...(10)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)
46	Dự án khu dân cư Giang Sơn 9	0,250					0,250	Hà Sơn	Phù hợp	Quyết định số 7058/QĐ-UBND ngày 08 tháng 11 năm 2016 của UBND huyện Hà Trung về việc phê duyệt mặt bằng điều chỉnh quy hoạch chi tiết tỉ lệ 1/500 điểm xen cư thôn Giang Sơn 9, xã Hà Sơn, huyện Hà Trung	
47	Dự án khu dân cư Đồng Ấp Ngọc Sơn	0,410					0,410	Hà Sơn	Phù hợp	Quyết định số 2579/QĐ-UBND ngày 19/7/2017 của UBND huyện Hà Trung về việc phê duyệt chi tiết mặt bằng khu dân cư Đồng Ấp Ngọc Sơn, xã Hà Sơn	
48	Dự án khu dân cư Bái Cầm Xi Ngọc Sơn	0,410					0,410	Hà Sơn	Phù hợp	Quyết định số 2577/QĐ-UBND ngày 19/7/2018 của Chủ tịch UBND huyện Hà Trung về việc phê duyệt chi tiết mặt bằng khu dân cư Bái Cầm Xi Ngọc Sơn, xã Hà Sơn	
49	Khu xen cư Hà Hợp (khu tái định cư đường cao tốc Bắc - Nam)	1,200					1,200	Hà Sơn	Phù hợp	Quyết định 2576/QĐ-UBND ngày 19/07/2017 của UBND huyện Hà Trung về việc phê duyệt mặt bằng chi tiết khu xen cư thôn Hà Hợp, xã Hà Sơn, huyện Hà Trung tỉ lệ 1/500	
50	Dự án khu dân cư thôn Chí Cường	0,250					0,250	Hà Sơn	Phù hợp	Quyết định số 3443/QĐ-UBND ngày 02/8/2016 của Chủ tịch UBND huyện Hà Trung về việc phê duyệt chi tiết mặt bằng khu dân cư thôn Chí Cường, xã Hà Sơn	
51	Dự án khu dân cư Tứ Quý (Dự án mở rộng đền Hà Sơn và các công trình phụ trợ)	0,760					0,760	Hà Sơn	Phù hợp	Quyết định số 1401/UBND-UBND ngày 12/04/2018 của UBND huyện Hà Trung về việc phê duyệt chủ trương đầu tư xây dựng công trình xây dựng hạ tầng đất ở khu dân cư thôn Tứ Quý, xã Hà Sơn, huyện Hà Trung	
<b>II</b>	<b>Cụm công nghiệp</b>	<b>22,800</b>	<b>3,800</b>				<b>19,000</b>				
1	Cụm công nghiệp Hà Lĩnh	20,000	1,000				19,000	Hà Lĩnh	Phù hợp	Quyết định số 3751/QĐ-UBND ngày 19/9/2019 của UBND tỉnh về việc thành lập cụm công nghiệp Hà Lĩnh II, huyện Hà Trung	

TT	Hạng mục	Diện tích cần thu hồi (ha)	Được lấy từ các loại đất					Địa điểm (đến cấp xã)	Sự phù hợp điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất đến năm 2020	Chủ trương; nguồn vốn đầu tư	Ghi chú
			Đất NN								
			LUA	RSX	RPH	RDD	Các loại đất còn lại				
(1)	(2)	(3)=(4)+ ...(10)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)
2	Mở rộng cụm công nghiệp làng nghề Hà Phong	2,800	2,800					Hà Đông	Phù hợp	Quyết định số 4355/QĐ-UBND ngày 23/10/2019 của UBND tỉnh về việc chấp thuận chủ trương đầu tư dự án Nhà máy sản xuất đồ gỗ nội thất tổng hợp, cán tôn và vật liệu xây dựng tại cụm công nghiệp làng nghề Hà Phong, xã Hà Đông, huyện Hà Trung	
<b>III</b>	<b>Công trình giao thông</b>	<b>11,840</b>	<b>7,800</b>	<b>2,000</b>			<b>2,040</b>				
1	Mở rộng đường Tỉnh lộ 508 đi Đồng Và	0,060	0,060					Hà Phú	Phù hợp	Quyết định số 5800/QĐ-UBND ngày 28/12/2018 của chủ tịch UBND huyện Hà Trung về việc phê duyệt điều chỉnh chủ trương đầu tư các công trình giao thông nông thôn năm 2018 trên địa bàn huyện Hà Trung	
2	Mở rộng đường Tỉnh lộ 508 đi Trường Tiểu học	0,060	0,060					Hà Phú	Phù hợp	Quyết định số 5800/QĐ-UBND ngày 28/12/2018 của chủ tịch UBND huyện Hà Trung về việc phê duyệt điều chỉnh chủ trương đầu tư các công trình giao thông nông thôn năm 2018 trên địa bàn huyện Hà Trung	
3	Mở rộng đường Tỉnh lộ 508 đi Góc Bạng và vòng về đường 202	0,260	0,260					Hà Phú	Phù hợp	Quyết định số 5800/QĐ-UBND ngày 28/12/2018 của chủ tịch UBND huyện Hà Trung về việc phê duyệt điều chỉnh chủ trương đầu tư các công trình giao thông nông thôn năm 2018 trên địa bàn huyện Hà Trung	
4	Mở rộng đường đê Lèn qua trạm xá đến đường D6	0,700	0,700					Hà Ngọc	Phù hợp	Quyết định số 58/QĐ-UBND ngày 01/10/2019 của UBND xã Hà Ngọc về việc đầu tư xây dựng tuyến đường giao thông nội đồng từ đê Lèn qua trạm xá đến đường D6	
5	Đường giao thông nội đồng từ Bái Lớn đến mương tiêu trạm bơm thôn Đô Mỹ	0,360	0,360					Hà Tân	Phù hợp	Quyết định số 95/QĐ-UBND ngày 15/01/2018 của UBND huyện Hà Trung về việc phê duyệt giao kế hoạch kinh phí hỗ trợ cho các địa phương thực hiện cơ chế khuyến khích phát triển giao thông nông thôn của tỉnh năm 2018	
6	Đường giao thông nội đồng thôn Quan Tương dọc từ nhà ông Hiến đến hang Trú	0,400	0,400					Hà Tân	Phù hợp	Quyết định số 95/QĐ-UBND ngày 15/01/2018 của UBND huyện Hà Trung về việc phê duyệt giao kế hoạch kinh phí hỗ trợ cho các địa phương thực hiện cơ chế khuyến khích phát triển giao thông nông thôn của tỉnh năm 2019	

TT	Hạng mục	Diện tích cần thu hồi (ha)	Được lấy từ các loại đất					Địa điểm (đến cấp xã)	Sự phù hợp điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất đến năm 2020	Chủ trương; nguồn vốn đầu tư	Ghi chú
			Đất NN								
			LUA	RSX	RPH	RDD	Các loại đất còn lại				
(1)	(2)	(3)=(4)+ ...(10)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)
7	Đường giao thông nội thôn từ cống xéo đến mương Z(thôn Tam Quy, Tân Sơn)	0,300	0,300					Hà Tân	Phù hợp	Quyết định số 95/QĐ-UBND ngày 15/01/2018 của UBND huyện HÀ Trung về việc phê duyệt giao kế hoạch kinh phí hỗ trợ cho các địa phương thực hiện cơ chế khuyến khích phát triển giao thông nông thôn của tỉnh năm 2020	
8	Đất giao thông khu trung tâm xã Hà Giang	1,800	1,000				0,800	Hà Giang	Phù hợp	Quyết định số 1792/QĐ-UBND ngày 22/5/2019 của UBND huyện Hà Trung về việc phê duyệt quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/500 khu trung tâm xã Hà Giang, huyện Hà Trung	
9	Đường giao thông ngã ba Trung Dung đi đường Đảng bộ	0,100	0,040				0,060	Hà Sơn	Phù hợp	Quyết định số 111/QĐ-UBND ngày 30/10/2019 của UBND xã Hà Sơn về việc phê duyệt chủ trương đầu tư xây dựng công trình mở rộng đường giao thông nội đồng từ ngã ba nhà Trung Dung đi đường Đảng bộ, xã Hà Sơn, huyện Hà Trung	
10	Đường giao thông nội đồng từ nhà ông Tăng đến đường Giang Sơn 9 đi trường Mầm non, xã Hà Sơn	0,250	0,020				0,230	Hà Sơn	Phù hợp	Quyết định số 110/QĐ-UBND ngày 30/10/2019 của UBND xã Hà Sơn về việc phê duyệt chủ trương đầu tư xây dựng công trình mở rộng đường giao thông nội đồng từ nhà ông Tăng đến đường Giang Sơn 9 đi trường Mầm non, xã Hà Sơn, huyện Hà Trung	
11	Đường giao thông đi chùa Cao - Hà Lĩnh	2,000		2,000				Hà Lĩnh	Phù hợp	Công văn số 13811/UBND-NN của UBND tỉnh Thanh Hóa về việc giải quyết đề nghị chấp thuận địa điểm và cho phép các công trình, dự án bị ảnh hưởng bởi đường cao tốc Bắc - Nam được thực hiện trong năm 2019, cập nhật kế hoạch sử dụng đất năm 2020, huyện Hà Trung	
12	Đường giao thông Hà Bình - Hà Lai	1,000	1,000					Hà Dương	Phù hợp	Quyết định số 2476/QĐ-UBND ngày 29/6/2018 của UBND tỉnh về việc phê duyệt dự án đầu tư nâng cấp, xây dựng đường gom cụm công nghiệp Hà Bình, huyện Hà Trung	
13	Đường gom phía Tây đường sắt	0,400	0,400					Hà Bình	Phù hợp	Quyết định số 2708/QĐ-BGTVT ngày 17/12/2018 của Bộ Giao thông vận tải về việc phê duyệt chủ trương đầu tư dự án "Cải tạo, nâng cấp các công trình thiết yếu đoạn Hà Nội - Vinh, tuyến đường sắt Hà Nội - TP. Hồ Chí Minh"	
		1,000	1,000					Hà Yên	Phù hợp		
		1,000	1,000					Hà Ninh	Phù hợp		
		1,200	1,200					Hà Ninh	Phù hợp		

TT	Hạng mục	Diện tích cần thu hồi (ha)	Được lấy từ các loại đất					Địa điểm (đến cấp xã)	Sự phù hợp điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất đến năm 2020	Chủ trương; nguồn vốn đầu tư	Ghi chú
			Đất NN								
			LUA	RSX	RPH	RDD	Các loại đất còn lại				
(1)	(2)	(3)=(4)+... (10)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)
14	Đường giao thông khu Đồng Hạng	0,950					0,950	Hà Sơn	Phù hợp	Quyết định số 2301/UBND-TCKH ngày 03/10/2019 của UBND huyện Hà Trung về việc điều chỉnh chủ trương đầu tư xây dựng công trình: Xây dựng hạ tầng kỹ thuật đất ở khu dân cư mới Đồng Hạng giai đoạn 1 xã Hà Sơn	
<b>IV</b>	<b>Công trình thủy lợi</b>	<b>1,500</b>	<b>1,300</b>				<b>0,200</b>				
1	Nâng cấp, mở rộng 02 tuyến mương trước núi Ông	1,000	1,000					Hà Ngọc	Phù hợp	Quyết định số 59/QĐ-UBND ngày 01/10/2019 của UBND xã Hà Ngọc về việc nâng cấp, mở rộng 02 tuyến mương trước núi Ông xã Hà Ngọc, huyện Hà Trung	
2	Mương tiêu nước vùng Liên Hợp (khu dân cư mới Đồng Hạng)	0,300	0,300					Hà Sơn	Phù hợp	Quyết định số 131a/QĐ-UBND ngày 08/12/2018 của UBND xã Hà Sơn về việc phê duyệt chủ trương đầu tư xây dựng công trình: Nắn dòng kênh mương và mương tiêu nước khu dân cư mới Đồng Hạng, xã Hà Sơn, huyện Hà Trung	
4	Rãnh thoát nước từ trạm y tế đi cầu Tứ Quý	0,200					0,200	Hà Sơn	Phù hợp	Quyết định số 4393/QĐ-UBND ngày 26/10/2018 của UBND huyện Hà Trung về việc phê duyệt báo cáo kinh tế kỹ thuật và kế hoạch lựa chọn nhà thầu công trình: Rãnh thoát nước dọc đường từ trạm y tế xã đi cầu Tứ Quý, xã Hà Sơn	
<b>V</b>	<b>Công trình năng lượng</b>	<b>0,020</b>	<b>0,010</b>				<b>0,010</b>				
1	Xây dựng đường dây 35KV và trạm biến áp 250KVA-35/0,4 KV	0,020	0,010				0,010	Hà Hải, Hà Ninh, Hà Bắc, Hà Tân	Phù hợp	Quyết định số 2601/QĐ-EVNNPC ngày 29/08/2019 của Tổng công ty Điện lực miền Bắc về việc giao danh mục kế hoạch đầu tư xây dựng năm 2020 cho công ty điện lực Thanh Hóa	
<b>VI</b>	<b>Công trình văn hóa</b>	<b>1,890</b>	<b>1,890</b>								
1	Xây dựng đài tưởng niệm các anh hùng liệt sĩ	0,130	0,130					Hà Ngọc	Phù hợp	Quyết định số 3020/QĐ-UBND ngày 02/8/2018 của UBND huyện Hà Trung về việc phê duyệt mặt bằng quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/500 khu TTHC xã Hà Ngọc	

TT	Hạng mục	Diện tích cần thu hồi (ha)	Được lấy từ các loại đất					Địa điểm (đến cấp xã)	Sự phù hợp điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất đến năm 2020	Chủ trương; nguồn vốn đầu tư	Ghi chú
			Đất NN								
			LUA	RSX	RPH	RDD	Các loại đất còn lại				
(1)	(2)	(3)=(4)+... (10)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)
2	Đài tưởng niệm liệt sỹ xã Hà Lĩnh (Công trình hoàn trả đường cao tốc Bắc - Nam)	1,500	1,500					Hà Lĩnh	Phù hợp	Công văn số 13811/UBND-NN của UBND tỉnh Thanh Hóa về việc giải quyết đề nghị chấp thuận địa điểm và cho phép các công trình, dự án bị ảnh hưởng bởi đường cao tốc Bắc - Nam được thực hiện trong năm 2019, cập nhật kế hoạch sử dụng đất năm 2020, huyện Hà Trung	
3	Trung tâm văn hóa thể thao xã	0,260	0,260					Hà Giang	Phù hợp	Quyết định số 1297/QĐ-UBND ngày 22/5/2019 của UBND huyện Hà Trung về việc phê duyệt quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/500 khu trung tâm xã Hà Giang, huyện Hà Trung	
<b>VII</b>	<b>Công trình thể dục thể thao</b>	<b>12,610</b>	<b>12,310</b>				<b>0,300</b>				
1	Sân thể thao xã Hà Hải	1,110	0,890				0,220	Hà Hải	Phù hợp	Quyết định 1569/QĐ-UBND ngày 26/04/2019 của chủ tịch UBND tỉnh Thanh Hóa về việc phê duyệt kế hoạch sử dụng đất năm 2019 huyện Hà Trung; Công văn số 2158/UBND-KTHT, ngày 06/12/2016 của UBND huyện Hà Trung v/v chủ trương Quy hoạch chi tiết khu trung tâm xã Hà Hải	
2	Xây dựng sân thể thao Trung tâm xã Hà Yên	1,460	1,460					Hà Yên	Phù hợp	Quyết định số 2649/QĐ-UBND ngày 27/7/2017 của UBND huyện Hà Trung về việc phê duyệt mặt bằng điều chỉnh quy hoạch chi tiết khu trung tâm chính trị - văn hoá - thể thao xã Hà Yên tỷ lệ 1/500	
3	Xây dựng sân thể thao Trung tâm xã Hà Dương	0,960	0,960					Hà Dương	Phù hợp	Quyết định số 2656/QĐ-UBND ngày 29/6/2019 của UBND huyện Hà Trung phê duyệt điều chỉnh quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/500 khu trung tâm xã Hà Dương, huyện Hà Trung	
4	Sân vận động xã Hà Giang	1,080	1,000				0,080	Hà Giang	Phù hợp	Quyết định số 1792/QĐ-UBND ngày 22/5/2019 của UBND huyện Hà Trung về việc phê duyệt quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/500 khu trung tâm xã Hà Giang, huyện Hà Trung	



TT	Hạng mục	Diện tích cần thu hồi (ha)	Được lấy từ các loại đất					Địa điểm (đến cấp xã)	Sự phù hợp điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất đến năm 2020	Chủ trương; nguồn vốn đầu tư	Ghi chú
			Đất NN								
			LUA	RSX	RPH	RDD	Các loại đất còn lại				
(1)	(2)	(3)=(4)+ ...(10)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)
5	Trung tâm văn hóa thể dục thể thao huyện	8,000	8,000					Hà Bình	Phù hợp	Nghị Quyết số 08/NQ-HĐND của HĐND huyện ngày 19/8/2019 về việc Quyết định chủ trương điều chỉnh, bổ sung dự án: Hạ tầng khu dân cư trung tâm văn hóa thể thao huyện Hà Trung; Nghị Quyết số 07/NQ-HĐND của UBND huyện ngày 02/7/2019 về việc phê duyệt chủ trương đầu tư Hạ tầng khu trung tâm văn hóa thể thao huyện	
<b>VIII</b>	<b>Dự án cơ sở giáo dục</b>	<b>2,500</b>	<b>2,500</b>								
1	Trường Mầm Non, Trường Tiểu Học Hà Lĩnh (Công trình hoàn đường cao tốc)	2,500	2,500					Hà Lĩnh	Phù hợp	Công văn số 13811/UBND-NN của UBND tỉnh Thanh Hóa về việc giải quyết đề nghị chấp thuận địa điểm và cho phép các công trình, dự án bị ảnh hưởng bởi đường cao tốc Bắc - Nam được thực hiện trong năm 2019, cập nhật kế hoạch sử dụng đất năm 2020, huyện Hà Trung	
<b>IX</b>	<b>Công trình cơ sở tôn giáo</b>	<b>0,600</b>		<b>0,500</b>	<b>0,100</b>						
1	Mở rộng Chùa Cao - Thị trấn Hà Trung, xã Hà Ninh	0,100			0,100			TT Hà Trung	Phù hợp	Quyết định số: 3499/QĐ - UBND ngày 15/6/2018 của UBND tỉnh Thanh Hóa về việc phê duyệt phương án nộp tiền trồng rừng thay thế khi chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích trùng tu tôn tạo Chùa Vĩnh Phúc tại TT Hà Trung, huyện Hà Trung của ban trị sự chùa Vĩnh Phúc	
		0,500		0,500				Hà Ninh	Phù hợp		
<b>X</b>	<b>Công trình sinh hoạt cộng đồng</b>	<b>0,530</b>	<b>0,330</b>								
1	Nhà văn hóa thôn Tiên Hòa 2 (Công trình hoàn trả đường cao tốc Bắc - Nam Bắc - Nam)	0,200	0,200					Hà Lĩnh	Phù hợp	Công văn số 13811/UBND-NN của UBND tỉnh Thanh Hóa về việc giải quyết đề nghị chấp thuận địa điểm và cho phép các công trình, dự án bị ảnh hưởng bởi đường cao tốc Bắc - Nam được thực hiện trong năm 2019, cập nhật kế hoạch sử dụng đất năm 2020, huyện Hà Trung	
2	Nhà Văn Hóa thôn Quan Chiếm	0,130	0,130					Hà Giang	Phù hợp	Quyết định số 1792/QĐ-UBND ngày 22/5/2019 của UBND huyện Hà Trung về việc phê duyệt quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/500 khu trung tâm xã Hà Giang, huyện Hà Trung	

TT	Hạng mục	Diện tích cần thu hồi (ha)	Được lấy từ các loại đất					Địa điểm (đến cấp xã)	Sự phù hợp điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất đến năm 2020	Chủ trương; nguồn vốn đầu tư	Ghi chú
			Đất NN								
			LUA	RSX	RPH	RDD	Các loại đất còn lại				
(1)	(2)	(3)=(4)+ ...(10)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)
3	Nhà văn hóa thôn Gia Miếu 2 (Công trình hoàn đường cao tốc)	0,200					0,200	Hà Long	Phù hợp	Công văn số 13811/UBND-NN của UBND tỉnh Thanh Hóa về việc giải quyết đề nghị chấp thuận địa điểm và cho phép các công trình, dự án bị ảnh hưởng bởi đường cao tốc Bắc - Nam được thực hiện trong năm 2019, cập nhật kế hoạch sử dụng đất năm 2020, huyện Hà Trung	
<b>XI</b>	<b>Công trình nghĩa trang nghĩa địa</b>	<b>2,980</b>		<b>2,200</b>			<b>0,780</b>				
1	Mở rộng nghĩa địa thôn Mỹ Dương	0,780					0,780	Hà Giang	Phù hợp	Công văn số 13811/UBND-NN của UBND tỉnh Thanh Hóa về việc giải quyết đề nghị chấp thuận địa điểm và cho phép các công trình, dự án bị ảnh hưởng bởi đường cao tốc Bắc - Nam được thực hiện trong năm 2019, cập nhật kế hoạch sử dụng đất năm 2020, huyện Hà Trung	
2	Nghĩa địa thôn Hà Hợp	1,200		1,200				Hà Sơn	Phù hợp		
3	Nghĩa địa Hà Lĩnh	1,000		1,000				Hà Lĩnh	Phù hợp		
<b>XII</b>	<b>Di tích lịch sử - văn hóa</b>	<b>27,540</b>	<b>20,040</b>				<b>7,500</b>				
1	Lăng miếu Triệu Tường	27,000	20,000				7,000	Hà Long	Phù hợp	Nghị quyết số 165/NQ-HĐND ngày 04/04/2019 của Hội đồng nhân dân tỉnh Thanh Hóa về việc quyết định chủ trương đầu tư dự án lăng miếu Triệu Tường; Quyết định số: 2291/QĐ - UBND ngày 15/6/2018 của UBND tỉnh Thanh Hóa về việc phê duyệt nhiệm vụ và dự toán lập điều chỉnh quy hoạch tổng thể bảo tồn, tôn tạo và phát huy giá trị di tích Lăng Miếu Triệu Tường, xã Hà Long	
2	Xây dựng nhà thờ họ Lại Thế Khanh	0,040	0,040					Hà Giang	Phù hợp	Công văn số 599/UBND-THKH ngày 16/01/2017 của UBND tỉnh Thanh Hóa về việc cấp thuận địa điểm thực hiện dự án xây dựng Tu Bó và tôn tạo Đền thờ Lại Thế Khanh của UBND xã Hà Giang; Văn bản số 12456/UBND ngày 18/09/2019 của UBND tỉnh Thanh Hóa về việc chủ trương đầu tư, tu bổ, tôn tạo đền thờ Lại Thế Khanh, xã Hà Giang, huyện Hà Trung	

TT	Hạng mục	Diện tích cần thu hồi (ha)	Được lấy từ các loại đất					Địa điểm (đến cấp xã)	Sự phù hợp điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất đến năm 2020	Chủ trương; nguồn vốn đầu tư	Ghi chú
			Đất NN				Các loại đất còn lại				
			LUA	RSX	RPH	RDD					
(1)	(2)	(3)=(4)+ ... (10)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)
3	Mở rộng đền Hàn Sơn	0,500					0,500	Hà Sơn	Phù hợp	Căn cứ quyết định số 4809/QĐ-UBND ngày 29/12/2017 của UBND huyện Hà Trung về việc phê duyệt điều chỉnh quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/500 khu danh lam thắng cảnh đền Hàn Sơn, xã Hà Sơn, huyện Hà Trung, tỉnh Thanh Hóa	

Phụ biểu II.10

DANH MỤC CÔNG TRÌNH, DỰ ÁN CẦN PHẢI THU HỒI ĐẤT TRONG NĂM 2020 HUYỆN NÔNG CỐNG

TT	Hạng mục	Diện tích cần thu hồi (ha)	Được thu hồi từ các loại đất					Địa điểm (đến cấp xã)	Sự phù hợp điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất đến năm 2020	Chủ trương; nguồn vốn đầu tư	Ghi chú
			LUA	RSX	RPH	RDD	Các loại đất còn lại				
(1)	(2)	(3)=(4)+...+(8)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)
	<b>Tổng cộng</b>	<b>69,690</b>	<b>52,840</b>	<b>2,050</b>	<b>1,120</b>		<b>13,680</b>				
<b>I</b>	<b>Dự án Khu dân cư đô thị</b>	<b>11,760</b>	<b>11,570</b>				<b>0,190</b>				
1	Khu dân cư trung tâm Minh Thọ (Giai đoạn 4)	7,660	7,520				0,140	Thị trấn Nông Cống	Phù hợp	Quyết định số 2951/QĐ-UBND ngày 04/11/2019 của Chủ tịch UBND huyện Nông Cống	
2	Khu dân cư Nam thị trấn Nông Cống (Giai đoạn 3)	4,100	4,050				0,050	Thị trấn Nông Cống	Phù hợp		
<b>II</b>	<b>Dự án Khu dân cư nông thôn</b>	<b>28,380</b>	<b>25,290</b>				<b>3,090</b>				
1	Đầu giá điểm dân cư mới thôn Vân Thạch	1,000	1,000					Tượng Sơn	Phù hợp	Quyết định số 2950/QĐ-UBND ngày 04/11/2019 của UBND huyện	
2	Đầu giá các điểm dân cư mới	1,480	1,120				0,360	Thăng Long	Phù hợp		
3	Đầu giá các điểm dân cư mới	2,000	1,960				0,040	Tân Thọ	Phù hợp		
4	Đầu giá các điểm dân cư mới	1,200	1,200					Thăng Bình	Phù hợp		
5	Đầu giá các điểm dân cư mới	0,300	0,030				0,270	Tế Nông	Phù hợp		
6	Đầu giá các điểm dân cư mới	1,180	1,000				0,180	Trung Chính	Phù hợp		
7	Đầu giá các điểm dân cư mới	1,630	1,630					Tế Lợi	Phù hợp		
8	Đầu giá các điểm dân cư mới	1,080					1,080	Tế Tân	Phù hợp		
9	Đầu giá các điểm dân cư mới	0,900	0,900					Minh Khôi	Phù hợp		
10	Đầu giá các điểm dân cư mới	2,000	2,000					Vạn Thắng	Phù hợp		
11	Đầu giá các điểm dân cư mới	0,830	0,830					Hoàng Sơn	Phù hợp		
12	Đầu giá các điểm dân cư mới	1,000	1,000					Trường Giang	Phù hợp		
13	Đầu giá các điểm dân cư mới	0,720	0,720					Tân Phúc	Phù hợp		
14	Đầu giá các điểm dân cư mới	0,830	0,610				0,220	Minh nghĩa	Phù hợp		
15	Điểm dân cư thôn Yên Lãng	0,700	0,700					Trường Trung	Phù hợp		
16	Đầu giá các điểm dân cư mới	0,880	0,860				0,020	Thăng Thọ	Phù hợp		
17	Đầu giá các điểm dân cư mới	1,200	1,170				0,030	Trường Minh	Phù hợp		
18	Đầu giá các điểm dân cư mới	0,950	0,700				0,250	Tân Khang	Phù hợp		
19	Đầu giá các điểm dân cư mới	1,200	1,200					Vạn Hòa	Phù hợp		
20	Đầu giá điểm dân cư thôn Cao Nhuận	0,680	0,680					Vạn Thiện	Phù hợp		
21	Đầu giá các điểm dân cư mới	1,600	1,550				0,050	Hoàng Giang	Phù hợp		

TT	Hạng mục	Diện tích cần thu hồi (ha)	Được thu hồi từ các loại đất					Địa điểm (đến cấp xã)	Sự phù hợp điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất đến năm 2020	Chủ trương; nguồn vốn đầu tư	Ghi chú
			LUA	RSX	RPH	RDD	Các loại đất còn lại				
(1)	(2)	(3)=(4)+...+(8)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)
22	Đầu giá các điểm dân cư mới	1,500	1,330				0,170	Tượng Lĩnh	Phù hợp	Quyết định số 2950/QĐ-UBND ngày 04/11/2019 của UBND huyện	
23	Đầu giá các điểm dân cư mới	0,600	0,600					Trung Thành	Phù hợp		
24	Đầu giá các điểm dân cư mới	1,000	1,000					Công Liêm	Phù hợp		
25	Đầu giá các điểm dân cư mới	1,500	1,500					Trường Sơn	Phù hợp		
26	Khu tái định cư đường cao tốc Bắc Nam	0,420					0,420	Tế Lợi	Phù hợp		
<b>VI</b>	<b>Công trình giao thông</b>	<b>3,170</b>	<b>2,570</b>				<b>0,600</b>				
.1	Mở rộng đường vào Tịnh xá Linh Sơn	0,040					0,040	Trung Thành	Phù hợp	Công văn số 1998/UBND-TNMT ngày 04/11/2019	
2	Mở rộng đường giao thông nội đồng từ QL 47C đến đường Nghi Sơn - Sao Vàng	0,200	0,200					Tân Thọ	Phù hợp		
3	Mở rộng đường vào sân thể thao trung tâm xã	0,060	0,060					Minh Nghĩa	Phù hợp		
4	Xây dựng đường vào chợ Trung Ý	0,040					0,040	Trung Ý	Phù hợp		
5	Mở rộng tuyến đường vào Cụm công nghiệp thị trấn Nông Công	1,880	1,860				0,020	Thị trấn Nông Công	Phù hợp		
6	Mở rộng đường giao thôn nội đồng	0,050	0,050					Tượng Sơn	Phù hợp		
7	Mở rộng đường giao thôn nội đồng thôn Nhuyễn Phú Lâm	0,900	0,400				0,500	Xã Tượng Lĩnh	Phù hợp		
<b>III</b>	<b>Công trình thủy lợi</b>	<b>17,640</b>	<b>7,850</b>		<b>1,120</b>		<b>8,670</b>				
1	Mở rộng kênh mương nội đồng	0,350	0,350					Công Liêm	Phù hợp	Công văn số 1998/UBND-TNMT ngày 04/11/2019	
2	Bổ sung, điều chỉnh dự án Tiêu úng vùng III huyện Nông Công, tỉnh Thanh Hóa	15,000	7,500				7,500	Thăng Bình, Thăng Long, Vạn Thiện	Phù hợp	QĐ 1064/QĐ-BNN-KH ngày 30/3/2017; Công văn số 207/BNN-XD ngày 31/10/2019	
2	Nâng cấp, sửa chữa đảm bảo an toàn hồ Khe Than	2,290			1,120		1,170	Tượng Sơn	Phù hợp	Quyết định số 3898/QĐ-UBND ngày 09/10/2018	
<b>IV</b>	<b>Dự án năng lượng</b>	<b>0,300</b>	<b>0,200</b>				<b>0,100</b>				
		0,020	0,010				0,010	TT Nông Công		Quyết định số 1780/QĐ-EVN NPC của Tổng Công ty điện lực	
		0,010	0,010					Thăng Long			
		0,010	0,010					Vạn Thiện			
		0,020	0,010				0,010	Tế Lợi			
		0,010	0,010					Vạn Hòa			
		0,020	0,010				0,010	Minh Nghĩa			

TT	Hạng mục	Diện tích cần thu hồi (ha)	Được thu hồi từ các loại đất					Địa điểm (đến cấp xã)	Sự phù hợp điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất đến năm 2020	Chủ trương; nguồn vốn đầu tư	Ghi chú
			LUA	RSX	RPH	RDD	Các loại đất còn lại				
(1)	(2)	(3)=(4)+...+(8)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)
1	Cải tạo đường dây 10Kv cấp điện 22kv các lộ đường dây 971,972,976 trạm 110KV Nông Cống E9.8	0,010	0,010					Trường Sơn	Phù hợp	Quyết định số 1780/QĐ-EVN NPC của Tổng Công ty điện lực	
		0,010	0,010					Trường Minh			
		0,010	0,010					Tượng Văn			
		0,020	0,010				0,010	Tế Nông			
		0,010	0,010					Tế Thắng			
		0,020	0,010				0,010	Trung Thành			
		0,010	0,010					Tân Khang			
		0,020	0,010				0,010	Trung Chính			
		0,010	0,010				Trung Ý				
2	Cải tạo đường dây 10Kv cấp điện 22kv các lộ đường dây 972, 974, 976 trạm 110 kv Nông Cống E9.8	0,020	0,010				0,010		Phù hợp	Quyết định số 1780/QĐ-EVN NPC của Tổng Công ty điện lực	
3	Dự án chống quá tải điện	0,010	0,010					Thăng Long	Phù hợp	Quyết định số 1780/QĐ-EVN NPC của Tổng Công ty điện lực	
		0,010	0,010					Vạn Hòa			
		0,010					0,010	Công Bình			
		0,010					0,010	Công Chính			
		0,010	0,010					Trường Sơn			
		0,010	0,010					Tượng Văn			
		0,010					0,010	Trường Giang			
<b>IX</b>	<b>Đất cơ sở văn hóa</b>	<b>0,400</b>	<b>0,350</b>				<b>0,050</b>				
1	XD khu Công sở và Trung tâm học tập cộng đồng xã Thăng Bình	0,400	0,350				0,050	Thăng Bình	Phù hợp	Công văn số 1997/UBND-TNMT ngày 04/11/2019	
<b>X</b>	<b>Công trình thể dục thể thao</b>	<b>0,620</b>	<b>0,620</b>								
1	Sân thể thao thôn Giản Hiền	0,500	0,500					Vạn Thắng	Phù hợp	Công văn số 2001/UBND-TNMT ngày 04/11/2019	
2	Mở rộng sân vận động xã Minh Nghĩa	0,120	0,120					Minh Nghĩa	Phù hợp		
<b>V</b>	<b>Công trình tôn giáo</b>	<b>2,000</b>		<b>2,000</b>							
1	Mở rộng, tôn tạo Tịnh xá Linh Sơn	2,000		2,000				Trung Thành	Phù hợp	Công văn số 9626/UBND-NN ngày 26/7/2019 của UBND tỉnh Thanh Hóa	
<b>XVI</b>	<b>Dự án sinh hoạt cộng đồng</b>	<b>3,610</b>	<b>3,000</b>	<b>0,050</b>			<b>0,560</b>				
1	XD nhà văn hóa thôn Lý Đông, Lý Bắc, Thái Lai, Hồng Sơn	0,800	0,800					Thăng Bình	Phù hợp		

TT	Hạng mục	Diện tích cần thu hồi (ha)	Được thu hồi từ các loại đất					Địa điểm (đến cấp xã)	Sự phù hợp điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất đến năm 2020	Chủ trương; nguồn vốn đầu tư	Ghi chú
			LUA	RSX	RPH	RDD	Các loại đất còn lại				
(1)	(2)	(3)=(4)+...+(8)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)
2	Mở rộng NVH thôn Mỹ Giang, Ngọ Hạ, Ngọ Thượng	0,200		0,050			0,150	Thăng Bình	Phù hợp	Công văn số 2000/UBND-TNMT ngày 04/11/2019	
3	XD nhà văn hóa thôn Đông Thắng, Thanh Sơn, Tổng Sở	0,240	0,200				0,040	Trung Chính	Phù hợp		
4	Nhà văn hóa thôn Thống Nhất	0,200	0,200					Minh Khôi	Phù hợp		
5	Nhà văn hóa thôn Tiên Lược	0,220	0,220					Minh Khôi	Phù hợp	Công văn số 2000/UBND-TNMT ngày 04/11/2019	
6	Nhà văn hóa thôn Cộng Hòa	0,220	0,200				0,020	Minh Khôi	Phù hợp		
7	Nhà văn hóa thôn Tân Thắng	0,120	0,120					Minh Khôi	Phù hợp		
8	Nhà văn hóa thôn Yên Tuấn	0,100	0,100					Trường Giang	Phù hợp		
9	Nhà văn hóa thôn Trường Thành	0,100	0,100					Trường Giang	Phù hợp		
10	Nhà văn hóa thôn Đông Hòa	0,200					0,200	Trường Giang	Phù hợp		
11	Nhà văn hóa thôn Thượng Hòa	0,100	0,100					Trường Giang	Phù hợp		
12	Nhà văn hóa thôn Tân Ngọc	0,080	0,080					Trường Giang	Phù hợp		
13	Nhà văn hóa thôn Nguyên Ngọc	0,120	0,120					Trường Giang	Phù hợp		
14	Nhà văn hóa thôn Quỳnh Tiến	0,310	0,190				0,120	Tượng Văn	Phù hợp		
15	Nhà văn hóa thôn Phúc Đới	0,300	0,270				0,030	Trường Minh	Phù hợp		
16	Nhà văn hóa thôn Đặng Đới	0,300	0,300					Trường Minh	Phù hợp		
<b>XVII</b>	<b>Công trình nghĩa trang, NĐ</b>	<b>1,810</b>	<b>1,390</b>				<b>0,420</b>				
1	Quy hoạch mở rộng nghĩa trang	1,010	0,590				0,420	Trung Ý	Phù hợp	Công văn số 1999/UBND-TNMT ngày 04/11/2019	
2	Mở rộng nghĩa địa thôn Mau Giáp	0,800	0,800					Trung Chính	Phù hợp		

Phụ biểu II.11

DANH MỤC CÔNG TRÌNH, DỰ ÁN CẦN PHẢI THU HỒI ĐẤT TRONG NĂM 2020 HUYỆN TRIỆU SON

TT	Hạng mục	Diện tích cần thu hồi (ha)	Được lấy từ các loại đất					Địa điểm (đến cấp xã)	Sự phù hợp điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất đến năm 2020	Chủ trương; nguồn vốn đầu tư	Ghi chú
			Đất NN								
			LUA	RSX	RPH	RDD	Các loại đất khác				
(1)	(2)	(3)=(4)+ ...(10)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)
	<b>Tổng cộng</b>	<b>128,264</b>	<b>81,624</b>	<b>3,700</b>			<b>43,420</b>				
<b>I</b>	<b>Dự án Khu dân cư nông thôn</b>	<b>43,017</b>	<b>41,377</b>	<b>0,520</b>			<b>1,300</b>				
1	Quy hoạch đất ở khu ao Đê Thịnh	0,050					0,050	Xã An Nông	Phù hợp	Công văn số 2194/UBND-TNMT, ngày 09/9/2019 của UBND H. Triệu Sơn	
2	Quy hoạch đất ở khu Đồng Quan Tiên Mọc	1,500	1,500					Xã Dân Lực	Phù hợp		
3	Quy hoạch đất ở khu Đồng Mới thôn 10	2,210	2,150				0,060	Xã Dân Lý	Phù hợp		
4	Dân cư thôn Đồng Xá 1	1,500	1,300				0,200	Xã Đồng Tiến	Phù hợp		
5	Dân cư thôn Trúc chuẩn 4	0,300	0,300					Xã Đồng Tiến	Phù hợp		
6	Khu dân cư Đồng Xuân (Khu đường tàu)	0,200	0,200					Xã Đồng Thắng	Phù hợp		
7	Quy hoạch đất ở khu cửa Ông Sự	0,200	0,200					Xã Hợp Lý	Phù hợp		
8	Mở rộng khu dân cư thôn 1	0,540	0,540					Xã Hợp Tiến	Phù hợp		
9	Đất ở xen cư thôn Diển Ngoại	0,200	0,060				0,140	Xã Hợp Thành	Phù hợp		
10	Khu dân cư thôn Châu Cương (Thôn 4 cũ)	0,700	0,700					Xã Hợp Thắng	Phù hợp		
11	Khu dân cư thôn Quần Thanh 1	0,350	0,350					Xã Khuyến Nông	Phù hợp		
12	Khu dân cư thôn Tường Thôn	0,180					0,360	Xã Khuyến Nông	Phù hợp		
13	Khu dân cư thôn Doãn Thái (thôn 7)	0,700	0,550				0,150	Xã Khuyến Nông	Phù hợp		
14	Quy hoạch đất ở thôn 7	0,600	0,600					Xã Minh Dân	Phù hợp		
15	Quy hoạch đất ở tại khu Đồng Rọc	0,600	0,600					Xã Nông Trường	Phù hợp		
16	Khu dân cư đô thị mới kết hợp thương mại dịch vụ	9,750	9,750					Xã Tân Ninh	Phù hợp		
17	Đất ở nông thôn	0,200	0,200					Xã Thọ Bình	Phù hợp		
18	Khu dân cư thôn 5,3	1,000	1,000					Xã Thọ Cường	Phù hợp		
19	Khu dân cư thôn 5	0,400	0,400					Xã Thọ Cường	Phù hợp		



TT	Hạng mục	Diện tích cần thu hồi (ha)	Được lấy từ các loại đất					Địa điểm (đến cấp xã)	Sự phù hợp điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất đến năm 2020	Chủ trương; nguồn vốn đầu tư	Ghi chú
			Đất NN								
			LUA	RSX	RPH	RDD	Các loại đất khác				
(1)	(2)	(3)=(4)+... (10)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)
20	Khu dân cư mới	0,500	0,500					Xã Thọ Dân	Phù hợp	Công văn số 2194/UBND-TNMT, ngày 09/9/2019 của UBND H. Triệu Sơn	
21	Khu dân cư thôn 1,7	1,210	1,210					Xã Thọ Sơn	Phù hợp		
22	Khu xen cư thôn 2	0,520		0,520				Xã Thọ Tân	Phù hợp		
23	Dự án khu dân cư Đồng Chẹ	0,530	0,530					Xã Thọ Tiến	Phù hợp		
24	Khu dân cư Hòa xa (Khu Đồng Mãng + Khu Đồng Hào)	0,400	0,400					Xã Thọ Tiến	Phù hợp		
25	Quy hoạch đất ở	0,030	0,030					Xã Thọ Thế	Phù hợp		
26	Quy hoạch đất ở	1,500	1,500					Xã Thọ Thế	Phù hợp		
27	Quy hoạch đất ở	0,230					0,230	Xã Thọ Thế	Phù hợp		
28	Khu dân cư thôn 7 (thôn 9 cũ)	0,750	0,750					Xã Văn Sơn	Phù hợp		
29	Đất ở từ cầu đến QL 47C	1,200	1,200					Xã Xuân Lộc	Phù hợp		
30	Dự án khu dân cư	0,210	0,100				0,110	Xã Xuân Thịnh	Phù hợp		
31	Khu dân cư thôn 4	0,740	0,740					Xã Xuân Thịnh	Phù hợp		
32	Khu dân cư thôn 6,7	0,400	0,400					Xã Xuân Thọ	Phù hợp		
33	Khu dân cư thôn 3	1,100	1,100					Xã Xuân Thọ	Phù hợp		
34	Quy hoạch đất ở khu Đa Toàn thôn 4	0,150	0,150					Xã Thọ Vực	Phù hợp		
35	Khu dân cư Bồn Dòn	0,300	0,300					Xã Bình Sơn	Phù hợp		
36	Khu dân cư thôn 10	0,400	0,400					Xã Dân Lý	Phù hợp		
37	Khu dân cư thôn 5	2,840	2,840					Xã Dân Lý	Phù hợp		
38	Quy hoạch đất ở khu đường tàu thôn 2 (Đồng Nhón)	0,200	0,200					Xã Đồng Thắng	Phù hợp		
39	khu dân cư thôn Quần Nham 2, Thọ Lộc	1,500	1,500					Xã Đồng Lợi	Phù hợp		
40	Khu dân cư thôn Châu Cương (Thôn 3 cũ)	0,350	0,350					Xã Hợp Thắng	Phù hợp		
41	Khu dân cư thôn Liên Châu (Thôn 2 cũ)	1,350	1,350					Xã Hợp Thắng	Phù hợp		
42	Khu dân cư từ NVH thôn 4 di Làng Dừa	0,700	0,700					Xã Hợp Thắng	Phù hợp		
43	Khu dân cư Nam Đồng Năn 2	0,660	0,660					Xã Minh Châu	Phù hợp	8362/QĐ-UBND ngày 14/12/2018 của UBND H. Triệu Sơn	

TT	Hạng mục	Diện tích cần thu hồi (ha)	Được lấy từ các loại đất					Địa điểm (đến cấp xã)	Sự phù hợp điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất đến năm 2020	Chủ trương; nguồn vốn đầu tư	Ghi chú
			Đất NN								
			LUA	RSX	RPH	RDD	Các loại đất khác				
(1)	(2)	(3)=(4)+... (10)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)
44	Khu dân cư thôn 12 cũ (thôn 5 mới)	0,600	0,600					Xã Nông Trường	Phù hợp	Công văn số 2194/UBND-TNMT, ngày 09/9/2019 của UBND H. Triệu Sơn	
45	Khu dân cư thôn 1	0,230	0,230					Xã Tiến Nông	Phù hợp		
46	Khu dân cư thôn Nga My Thượng và khu dân cư thôn Hòa Triều	2,090	2,090					Xã Tiến Nông	Phù hợp		
47	Khu dân cư thôn 3	0,800	0,800					Xã Triệu Thành	Phù hợp		
48	Khu dân cư thôn 10	0,060	0,060					Xã Vân Sơn	Phù hợp		
49	Khu dân cư thôn 9,10	0,287	0,287					Xã Xuân Thọ	Phù hợp		
<b>II</b>	<b>Dự án Trụ sở cơ quan</b>	<b>0,210</b>					<b>0,210</b>				
1	Mở rộng trụ sở ủy ban xã	0,210					0,210	Xã Thọ Bình	Phù hợp	Công văn số 2194/UBND-TNMT, ngày 09/9/2019 của UBND H. Triệu Sơn	
<b>III</b>	<b>Công trình giao thông</b>	<b>68,337</b>	<b>25,157</b>	<b>3,180</b>			<b>40,200</b>				
1	Đường nối thành phố Thanh Hóa với Cảng hàng không Thọ Xuân, đoạn từ đường tỉnh 514 đến đường vào Cảng hàng không Thọ Xuân (Quy mô dự án 101,54 ha. Trong đó hiện trạng 35 ha)	66,540	23,360	3,180			40,000	Thọ Sơn, Thọ Tiến, Hợp Lý, Hợp Tiến, Hợp Thành, Hợp Thắng, Vân Sơn, Đồng Lợi, Khuyến Nông	Phù hợp	Nghị quyết 177,178,179/NQ-HĐND tỉnh Thanh Hóa ngày 10/7/2019	
2	Dự án mở rộng bến xe, bãi đỗ xe Huyện Hồng	0,230	0,230					TT Triệu Sơn	Phù hợp	Công văn số 12292/UBND-NN, ngày 04/10/2018 của UBND tỉnh	
3	Mở rộng đường giao thông từ đường Nghi Sơn đi thôn 6	0,100	0,100					Xã Vân Sơn	Phù hợp	Công văn số 2194/UBND-TNMT, ngày 09/9/2019 của UBND H. Triệu Sơn	
4	Mở rộng đường giao thông nông thôn 4	0,020	0,020					Xã Vân Sơn	Phù hợp		
5	Mở rộng đường giao thông nông thôn 2	0,100	0,100					Xã Vân Sơn	Phù hợp		
6	Mở rộng đường từ đầu cầu đến QL47	0,060	0,060					Xã Xuân Lộc	Phù hợp		
7	Đất giao thông khu dân cư thôn 8 (thôn 10 cũ) xã Tân Ninh	0,182	0,182				0,200	Xã Tân Ninh	Phù hợp		

TT	Hạng mục	Diện tích cần thu hồi (ha)	Được lấy từ các loại đất					Địa điểm (đến cấp xã)	Sự phù hợp điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất đến năm 2020	Chủ trương; nguồn vốn đầu tư	Ghi chú
			Đất NN								
			LUA	RSX	RPH	RDD	Các loại đất khác				
(1)	(2)	(3)=(4)+ ... (10)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)
8	Bến xe Anh Phương Cổ Định	0,980	0,980					Xã Tân Ninh	Phù hợp	Quyết định số 6214/QĐ-UBND, ngày 20/8/2019 của UBND huyện	
9	Nâng cấp, cải tạo đường tỉnh 515C Đu - Thọ Vực	0,125	0,125					Xã Thọ Vực	Phù hợp	Quyết định số 3850/QĐ-UBND ngày 10/10/2017 của UBND tỉnh về phê duyệt chủ trương đầu tư.	
<b>IV</b>	<b>Công trình thủy lợi</b>	<b>0,820</b>	<b>0,700</b>				<b>0,120</b>				
1	Quy hoạch tuyến kênh tưới tiêu Đồng Khang	0,820	0,700				0,120	Xã Hợp Thắng	Phù hợp	Công văn số 2194/UBND-TNMT, ngày 09/9/2019 của UBND H. Triệu Sơn	
<b>VI</b>	<b>Công trình thể dục thể thao</b>	<b>5,850</b>	<b>5,210</b>				<b>0,640</b>				
1	Quy hoạch sân thể thao xã	2,100	2,100					Xã Nông Trường	Phù hợp	Công văn số 2194/UBND-TNMT, ngày 09/9/2019 của UBND H. Triệu Sơn	
2	Sân vận động thôn 9	0,100	0,100					Xã Thọ Dân	Phù hợp		
3	Sân vận động	0,900	0,680				0,220	Xã Thọ Thế	Phù hợp		
4	Sân thể thao thôn 1	0,220					0,220	Xã Triệu Thành	Phù hợp		
5	Sân thể thao thôn 2	0,200	0,200					Xã Triệu Thành	Phù hợp		
6	Sân thể thao thôn 6	0,370	0,370					Xã Triệu Thành	Phù hợp		
7	Khu thể thao thôn 3	0,320	0,320					Xã Dân Quyền	Phù hợp		
8	NVH Nam Đồng Năn 2	0,080	0,080					TT Triệu Sơn	Phù hợp	Quyết định số 8362/QĐ-UBND ngày 14/12/2018 của UBND H. Triệu Sơn	
9	NVH Nam Đồng Năn 1	0,090	0,090					TT Triệu Sơn	Phù hợp		
10	NVH thôn 5	0,070	0,070					Xã Dân Lý	Phù hợp		
11	Quy hoạch nhà văn hoá thôn 2	0,200					0,200	Xã Đồng Thắng	Phù hợp	Công văn số 2194/UBND-TNMT, ngày 09/9/2019 của UBND H. Triệu Sơn	
12	Quy hoạch Nhà văn hoá thôn Nhạ Lộc	0,210	0,210					Xã Đồng Thắng	Phù hợp		
13	NVH Nam Cống Chéo	0,090	0,090					Xã Minh Dân	Phù hợp	Quyết định số 8362/QĐ-UBND ngày 14/12/2018 của UBND H. Triệu Sơn	
14	NVH Nam Đồng Thiều	0,100	0,100					Xã Minh Dân	Phù hợp		
15	Nhà văn hóa thôn 7	0,800	0,800					Xã Tiến Nông	Phù hợp	Công văn số 2194/UBND-TNMT, ngày 09/9/2019 của UBND H. Triệu Sơn	
<b>VII</b>	<b>Công trình giáo dục</b>	<b>3,220</b>	<b>3,220</b>								
1	Mở rộng trường THCS	0,070	0,070					Xã Hợp Thành	Phù hợp		

TT	Hạng mục	Diện tích cần thu hồi (ha)	Được lấy từ các loại đất					Địa điểm (đến cấp xã)	Sự phù hợp điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất đến năm 2020	Chủ trương; nguồn vốn đầu tư	Ghi chú
			Đất NN								
			LUA	RSX	RPH	RDD	Các loại đất khác				
(1)	(2)	(3)=(4)+... (10)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)
2	Mở rộng trường mầm non	0,490	0,490					Xã Nông Trường	Phù hợp	Công văn số 2194/UBND-TNMT, ngày 09/9/2019 của UBND H.Triệu Sơn	
3	Mở rộng trường Tiểu học và Trung học cơ sở	0,480					0,480	Xã Nông Trường	Phù hợp		
4	Quy hoạch trường mầm non tập trung	0,430	0,430					Xã Thọ Ngọc	Phù hợp		
5	Quy hoạch trường mầm non xã Thọ Thề	0,420	0,420					Xã Thọ Thề	Phù hợp	Quyết định số 4254/QĐ-UBND, ngày 08/8/2017 của UBND huyện	
	Trường Tiểu học Thị trấn	2,800	2,800					TT Triệu Sơn, Xã Minh Châu	Phù hợp	Quyết định số 8362/QĐ-UBND ngày 14/12/2018 của UBND H.Triệu Sơn	
XIII	<b>Công trình chợ</b>	<b>1,010</b>	<b>1,010</b>								
1	Xây dựng chợ xã Hợp Lý	1,010	1,010					Xã Hợp Lý	Phù hợp	Công văn số 2194/UBND-TNMT, ngày 09/9/2019 của UBND H.Triệu Sơn	
XIV	<b>Công trình bãi thải, xử lý rác thải</b>	<b>1,680</b>	<b>1,680</b>								
1	Quy hoạch đất chôn lấp, xử lý rác thải	0,500	0,500					Xã Nông Trường	Phù hợp	Công văn số 2194/UBND-TNMT, ngày 09/9/2019 của UBND H.Triệu Sơn	
2	Quy hoạch bãi rác tập trung	0,500	0,500					Xã Thọ Tiến	Phù hợp		
3	Quy hoạch bãi rác	0,180	0,180					Xã Xuân Lộc	Phù hợp		
4	Đất bãi thải, xử lý chất thải	0,500	0,500					Xã Xuân Thịnh	Phù hợp		
VIII	<b>Dự án sinh hoạt cộng đồng</b>	<b>1,020</b>	<b>0,770</b>				<b>0,250</b>				
1	Nhà văn hóa Thôn Vĩnh Thọ	0,100	0,100					Xã An Nông	Phù hợp	Công văn số 2194/UBND-TNMT, ngày 09/9/2019 của UBND H.Triệu Sơn	
2	Nhà văn hóa Thôn Đô Thịnh	0,250					0,250	Xã An Nông	Phù hợp		
3	Nhà Văn Hóa, sân thể dục thể thao thôn Niệm Thôn 1	0,050	0,050					Xã Khuyến Nông	Phù hợp		
4	Nhà văn hóa thôn Thu Đông	0,200	0,200					Xã Xuân Thịnh	Phù hợp		
5	Nhà văn hóa thôn Hùng Cường	0,200	0,200					Xã Xuân Thịnh	Phù hợp		
6	Nhà văn hóa thôn Khang Thịnh	0,220	0,220					Xã Xuân Thịnh	Phù hợp		
XVII	<b>Công trình nghĩa trang, NĐ</b>	<b>3,100</b>	<b>2,500</b>				<b>0,700</b>				
1	Cải tạo mở rộng nghĩa địa Nổ Củi	2,500	2,100				0,500	TT Triệu Sơn	Phù hợp	Công văn số 2194/UBND-TNMT, ngày 09/9/2019 của UBND H.Triệu Sơn	
2	Quy hoạch đất nghĩa địa	0,600	0,400				0,200	Xã Xuân Thịnh	Phù hợp		

## DANH MỤC CÔNG TRÌNH, DỰ ÁN CẦN PHẢI THU HỒI ĐẤT TRONG NĂM 2020 HUYỆN THỌ XUÂN

TT	Hạng mục	Diện tích cần thu hồi (ha)	Được thu hồi từ các loại đất					Địa điểm (đến cấp xã)	Sự phù hợp điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất đến năm 2020	Chủ trương; nguồn vốn đầu tư	Ghi chú
			LUA	RSX	RPH	RDD	Các loại đất còn lại				
(1)	(2)	(3)=(4)+...+(8)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)
	<b>Tổng cộng</b>	<b>100,281</b>	<b>74,450</b>	<b>1,710</b>			<b>24,121</b>				
<b>I</b>	<b>Dự án Khu dân cư đô thị</b>	<b>30,200</b>	<b>23,600</b>				<b>6,600</b>				
1	Khu dân cư tập trung (đồng Cò)	2,80					2,80	TT. Sao Vàng	Phù hợp	Quyết định số 1761/QĐ-UBND ngày 9/9/2019 của UBND huyện về việc chấp thuận chủ trương đầu tư	
2	Khu dân cư thôn Đoàn Kết	1,00	0,70				0,30	TT. Lam Sơn	Phù hợp	Quyết định số 1761/QĐ-UBND ngày 9/9/2019 của UBND huyện về việc chấp thuận chủ trương đầu tư	
3	Khu đô thị thị trấn Lam Sơn (Khu dân cư phía Tây đường mòn)	10,40	8,40				2,00	Thọ Xương	Phù hợp	Quyết định số 3065/QĐ-UBND ngày 30/7/2019 của UBND tỉnh Thanh Hóa về việc phê duyệt kết quả lựa chọn nhà đầu tư thực hiện dự án đầu tư có sử dụng đất, Dự án KĐT thị trấn Lam Sơn, huyện Thọ Xuân, tỉnh Thanh Hóa-GĐ2	
4	Khu đô thị thị trấn Lam Sơn, huyện Thọ Xuân, tỉnh Thanh Hóa - giai đoạn 1	11,00	9,50				1,50	Thọ Xương	Phù hợp	Quyết định số 3243/QĐ-UBND về việc phê duyệt kết quả lựa chọn nhà đầu tư thực hiện dự án đầu tư có sử dụng đất, dự án: Khu đô thị thị trấn Lam Sơn, huyện Thọ Xuân (giai đoạn 1)	
5	Khu dân cư tập trung	5,00	5,00					Hạnh Phúc	Phù hợp	Quyết định số 1761/QĐ-UBND ngày 9/9/2019 của UBND huyện về việc chấp thuận chủ trương đầu tư	
<b>II</b>	<b>Dự án Khu dân cư nông thôn</b>	<b>44,410</b>	<b>34,600</b>	<b>1,710</b>			<b>8,100</b>				
1	Khu xen cư hội người mù	0,08					0,08	Xuân Trường	Phù hợp	Quyết định số 1761/QĐ-UBND ngày 9/9/2019 của UBND huyện về việc chấp thuận chủ trương đầu tư	
2	Khu dân cư Cầu Đá	1,85	1,85					Xuân Hoà	Phù hợp		
3	Khu dân cư công làng Phúc Thượng	0,60	0,40				0,20	Xuân Hoà	Phù hợp		
4	Khu xen cư thôn Phú Hậu 1	0,12	0,12					Xuân Vinh	Phù hợp		
5	Khu dân cư thôn Cao Phú	1,05	0,35				0,70	Xuân Vinh	Phù hợp		

TT	Hạng mục	Diện tích cần thu hồi (ha)	Được thu hồi từ các loại đất					Địa điểm (đến cấp xã)	Sự phù hợp điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất đến năm 2020	Chủ trương; nguồn vốn đầu tư	Ghi chú
			LUA	RSX	RPH	RDD	Các loại đất còn lại				
(1)	(2)	(3)=(4)+... (8)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)
6	Khu dân cư thôn Cốc Thôn	0,40	0,40					Xuân Vinh	Phù hợp	Quyết định số 1761/QĐ-UBND ngày 9/9/2019 của UBND huyện về việc chấp thuận chủ trương đầu tư	
7	Khu dân cư Trạm Trộn	0,46	0,46					Xuân Tân	Phù hợp		
8	Khu dân cư Lòng Thuyền thôn Phong Cốc năm 2018	0,14	0,14					Xuân Minh	Phù hợp		
9	khu vực Chùa Lào thôn Hoa Lộc năm 2019	0,04	0,04					Xuân Minh	Phù hợp		
10	Khu xen cư ao Thôn 2 năm 2014	0,24				0,24		Xuân Lai	Phù hợp		
11	Khu dân cư thôn 1	0,27	0,20			0,07		Phú Yên	Phù hợp		
12	Khu dân cư Ao Bê thôn 4	0,20	0,20					Phú Yên	Phù hợp		
13	Khu dân cư đất cát thôn 2 mới	0,30	0,30					Phú Yên	Phù hợp		
14	Khu dân cư đồng Lảnh thôn 5; 10	1,73	1,73					Phú Yên	Phù hợp		
15	Khu dân cư mới Cồn Phụng, Cồn Quan, Bờ Đại xã Thọ Lộc	2,70	2,70					Thọ Lộc	Phù hợp		
16	Khu dân cư đồng lò gạch xóm 23	0,70	0,70					Xuân Tín	Phù hợp		
17	Khu dân cư xóm 19;20	0,50	0,50					Xuân Tín	Phù hợp		
18	Khu dân cư xóm 26	0,85	0,85					Xuân Tín	Phù hợp		
19	Khu dân cư đồng công Dưới, đồng Nèng xóm 18;19;20	1,00	1,00					Xuân Tín	Phù hợp		
20	Khu xen cư các nhà văn hóa cũ	0,14				0,14		Xuân Bái	Phù hợp		
21	Khu dân cư Mực Núi thôn 4	1,50	1,50					Xuân Bái	Phù hợp		
22	Khu xen cư Ao Rau thôn 4	0,06	0,06					Xuân Thành	Phù hợp		
23	Khu dân cư tập trung Công Xóm, Lò Gạch	1,00				1,00		Xuân Thành	Phù hợp		
24	Khu dân cư tập trung Đồng Nấn, thôn 4	1,30				1,30		Xuân Thành	Phù hợp		
25	Khu dân cư đồng Mon	0,53	0,53					Xuân Yên	Phù hợp		
26	Khu xen cư xã Xuân Yên	0,21	0,21					Xuân Yên	Phù hợp		
27	Khu dân cư thôn 4	0,53	0,30			0,23		Xuân Yên	Phù hợp		
28	Khu dân cư đồng Cửa Chùa thôn 2	1,10	1,10					Xuân Khánh	Phù hợp		
29	Khu dân cư đồng Ớn Màu	0,50	0,50					Xuân Phong	Phù hợp		
30	Khu dân cư tập trung Cửa Thường thôn Vũ Hạ	0,50	0,50					Xuân Lập	Phù hợp		

TT	Hạng mục	Diện tích cần thu hồi (ha)	Được thu hồi từ các loại đất					Địa điểm (đến cấp xã)	Sự phù hợp điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất đến năm 2020	Chủ trương; nguồn vốn đầu tư	Ghi chú
			LUA	RSX	RPH	RDD	Các loại đất còn lại				
(1)	(2)	(3)=(4)+...+(8)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)
31	Khu dân cư Cửa Lãng - Nai Hạ thôn Trung Lập 2 năm 2018	0,90	0,90					Xuân Lập	Phù hợp	Quyết định số 1761/QĐ-UBND ngày 9/9/2019 của UBND huyện về việc chấp thuận chủ trương đầu tư	
32	Khu xen cư Đồng Trước thôn Phú Xá 2	0,05	0,05					Xuân Lập	Phù hợp		
33	Khu xen thôn Trung Lập 1	0,02	0,02					Xuân Lập	Phù hợp		
34	Khu dân cư sân bóng thôn Trung Lập 1	0,53					0,53	Xuân Lập	Phù hợp		
35	Khu dân cư mới Đồng Hồ	0,34	0,34					Xuân Giang	Phù hợp		
36	Khu dân cư mới Ngọn Khoai	0,46	0,46					Xuân Giang	Phù hợp		
37	Khu dân cư mới đồng Xoa	0,12	0,12					Xuân Giang	Phù hợp		
38	Khu dân cư mới đồng Chùa, đồng Đình	1,00	1,00					Xuân Giang	Phù hợp		
39	Khu dân cư mới đồng Khuá Thầy Lão	0,71	0,71					Xuân Giang	Phù hợp		
40	Khu dân cư mới thôn Mỹ Hạ	0,80	0,80					Bắc Lương	Phù hợp		
41	Khu xen cư thôn Mỹ Thượng	0,03	0,03					Bắc Lương	Phù hợp		
42	Khu dân cư thôn Thống Nhất	0,26					0,26	Xuân Hưng	Phù hợp		
43	Khu dân cư phía nam thôn 4	0,26	0,26					Xuân Thắng	Phù hợp		
44	Khu dân cư hồ Quang Minh thôn 7	0,58					0,58	Xuân Thắng	Phù hợp		
45	Khu dân cư đồng Trước làng thôn 7	1,10	1,10					Xuân Thắng	Phù hợp		
46	Khu dân cư Cửa Trát (Giáp đường 4)	0,40	0,40					Xuân Phú	Phù hợp		
47	Khu dân cư thôn Bàn Lai (giáp đường 4)	0,30	0,30					Xuân Phú	Phù hợp		
48	Khuôn dân cư thôn Bàn Lai (trong đường 4)	1,60	1,60					Xuân Phú	Phù hợp		
49	Khu dân cư Đồng Tro (giáp đường 4)	1,32		0,82			0,50	Xuân Phú	Phù hợp		
50	Khu ao ông Long, thôn Hội Hiền	0,23					0,23	Tây Hồ	Phù hợp		
51	Khu xen cư công bệnh viện đa khoa	0,04					0,04	Tây Hồ	Phù hợp		
52	Khu xen cư thôn Đồng Nãi	0,04					0,04	Tây Hồ	Phù hợp		

TT	Hạng mục	Diện tích cần thu hồi (ha)	Được thu hồi từ các loại đất					Địa điểm (đến cấp xã)	Sự phù hợp điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất đến năm 2020	Chủ trương; nguồn vốn đầu tư	Ghi chú
			LUA	RSX	RPH	RDD	Các loại đất còn lại				
(1)	(2)	(3)=(4)+...+(8)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)
53	Khu Bàng tin Vườn Nan, thôn Hội Hiền	0,60					0,60	Tây Hồ	Phù hợp	Quyết định số 1761/QĐ-UBND ngày 9/9/2019 của UBND huyện về việc chấp thuận chủ trương đầu tư	
54	Khu Ao Doãng, Ao Bến thôn Hội Hiền	0,60					0,60	Tây Hồ	Phù hợp		
55	Khu công bộ đội thôn 6	0,60					0,60	Tây Hồ	Phù hợp		
56	Khu xen cư Vườn Rảnh, thôn Hội Hiền	0,08	0,08					Tây Hồ	Phù hợp		
57	Khu xen cư Cốc Pheo, thôn Hội Hiền	0,07					0,07	Tây Hồ	Phù hợp		
58	Khu dân cư Đồng Bò, thôn Nam Thượng	0,60	0,60					Tây Hồ	Phù hợp		
59	Khu dân cư Đồng Rạc, thôn Vân Lộ	1,50	1,50					Thọ Nguyên	Phù hợp		
60	Khu dân cư Đồng Sen, thôn Căng Trung	0,06	0,06					Thọ Nguyên	Phù hợp		
61	Khu xen cư Cầu đất thôn 1 Yên trường	0,01	0,01					Thọ Lập	Phù hợp		
62	Khu dân cư Dọc hàng thôn 3 Phúc bồi	1,08	1,08					Thọ Lập	Phù hợp		
63	Khu dân cư Đường ngang thôn 2 phúc bồi	0,35	0,35					Thọ Lập	Phù hợp		
64	Khu dân cư Dọc Triệu thôn 1 Yên trường	0,20	0,20					Thọ Lập	Phù hợp		
65	Khu dân cư Trước nhà văn hóa thôn 2 phúc bồi	0,09					0,09	Thọ Lập	Phù hợp		
66	Khu dân cư Ao vuông thôn 2 Yên trường	0,70	0,70					Thọ Lập	Phù hợp		
67	Khu dân cư Ngã tư ông Tâm thôn 1 Phúc bồi	0,50	0,50					Thọ Lập	Phù hợp		
68	Khu xen cư Sau kho thôn 2 Phúc bồi	0,15	0,15					Thọ Lập	Phù hợp		
69	Khu dân cư Cửa Hồ thôn 3 phúc bồi	0,20	0,20					Thọ Lập	Phù hợp		
70	Khu dân cư Đồng Hà, thôn Phó Neo	1,10	1,10					Nam Giang	Phù hợp		
71	Khu dân cư mới Đồng Tường, Mã Chừa thôn 8 mới	0,80	0,80					Nam Giang	Phù hợp		



TT	Hạng mục	Diện tích cần thu hồi (ha)	Được thu hồi từ các loại đất					Địa điểm (đến cấp xã)	Sự phù hợp điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất đến năm 2020	Chủ trương; nguồn vốn đầu tư	Ghi chú
			LUA	RSX	RPH	RDD	Các loại đất còn lại				
(1)	(2)	(3)=(4)+...+(8)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)
72	Khu dân cư tập trung (thôn 4,5,6 đường Quế Sơn)	0,50	0,50					Hạnh Phúc	Phù hợp		
73	Khu dân cư Đồng Chấn, thôn Bọt Thượng	0,64	0,64					Xuân Sơn	Phù hợp	Quyết định số 1761/QĐ-UBND ngày 9/9/2019 của UBND huyện về việc chấp thuận chủ trương đầu tư	
74	Khu dân cư Vững Cao, thôn Bọt Thượng	0,80	0,80					Xuân Sơn	Phù hợp		
75	Khu dân cư đồi Thù Y, xóm 17	0,89		0,89				Quảng Phú	Phù hợp		
76	Khu dân cư đồng Bông, thôn Giao Xá	0,60	0,60					Xuân Lam	Phù hợp		
<b>V</b>	<b>Cụm công nghiệp</b>	<b>3,000</b>	<b>3,000</b>								
1	Nhà máy may sản xuất chăn ga gối đệm xuất khẩu (trong cụm công nghiệp)	3,000	3,000					Xã Thọ Nguyên	Phù hợp	Quyết định số 2246/QĐ-UBND ngày 11/6/2019 của UBND tỉnh về việc chấp thuận chủ trương đầu tư dự án	
<b>III</b>	<b>Công trình giao thông</b>	<b>17,550</b>	<b>9,050</b>				<b>8,500</b>				
1	Mở rộng đường giao thông Xuân Thành - Thọ Nguyên	0,200	0,200					Xuân Thắng	Phù hợp	Quyết định số 1761/QĐ-UBND ngày 9/9/2019 của UBND huyện về việc chấp thuận chủ trương đầu tư	
2	Giao thông trong khu dân cư	0,850	0,850					Thọ Lập	Phù hợp		
3	Mở mới tuyến đường nối Quốc lộ 217 với Quốc lộ 45 và Quốc lộ 47	1,70	1,70					Xuân Khánh	Phù hợp	Công văn số 6204/UBND-THKH ngày 01/6/2019 về chủ trương đầu tư dự án nối Quốc lộ 217 với QL 45 và QL47	
		1,50	1,50					Thọ Trường	Phù hợp		
		0,50	0,50					Thọ Nguyên	Phù hợp		
		0,30	0,30					Xuân Phong	Phù hợp		
		2,00	2,00					Nam Giang	Phù hợp		
		2,00	2,00					Thọ Lộc	Phù hợp		
4	Đường nối thành phố Thanh Hóa với Cảng hàng không Thọ Xuân, đoạn từ đường tỉnh 514 đến đường vào Cảng hàng không Thọ Xuân	8,500				8,500	Xuân Thắng, Xuân Sơn	Phù hợp	Nghị quyết 177/NQ-HĐND của HĐND tỉnh Thanh Hóa ngày 10/7/2019 về chủ trương đầu tư		
<b>IV</b>	<b>Công trình thủy lợi</b>	<b>0,370</b>	<b>0,270</b>								
1	Thủy lợi trong khu dân cư	0,270	0,270					Thọ Lập	Phù hợp	Quyết định số 1761/QĐ-UBND ngày 9/9/2019 của UBND huyện về việc chấp thuận chủ trương đầu tư	

TT	Hạng mục	Diện tích cần thu hồi (ha)	Được thu hồi từ các loại đất					Địa điểm (đến cấp xã)	Sự phù hợp điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất đến năm 2020	Chủ trương; nguồn vốn đầu tư	Ghi chú
			LUA	RSX	RPH	RDD	Các loại đất còn lại				
(1)	(2)	(3)=(4)+...+(8)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)
2	Tiểu dự án 1 tỉnh Thanh Hóa thuộc dự án sửa chữa nâng cấp an toàn đập (WB8) do ngân hàng thế giới tài trợ của Ban QLDA ĐTXD các công trình nông nghiệp và PTNT	0,100					0,100	Quảng Phú	Phù hợp	Quyết định số 3494/QĐ-UBND ngày 30/8/2019 của UBND tỉnh về việc phê duyệt thiết kế bản vẽ thi công và dự toán xây dựng công trình 6 hồ chứa (Kim Giao, Đồi Dốc, Bai Mạ, Bái Đền, Bai Ngọc, Làng Mọ) giai đoạn 1, Tiểu dự án 1 tỉnh Thanh Hoá thuộc dự án sửa chữa và nâng cao an toàn đập (WB8) do ngân hàng thế giới tài trợ	
<b>VI</b>	<b>Công trình thể dục thể thao</b>	<b>0,500</b>	<b>0,500</b>								
1	Sân thể thao trung tâm xã	0,500	0,500					Bắc Lương	Phù hợp	Quyết định số 1761/QĐ-UBND ngày 9/9/2019 của UBND huyện về việc chấp thuận chủ trương đầu tư	
<b>VII</b>	<b>Dự án cơ sở giáo dục</b>	<b>0,060</b>					<b>0,060</b>				
1	Mở rộng trường Mầm non	0,060					0,060	Xuân Thắng	Phù hợp	Quyết định số 1761/QĐ-UBND ngày 9/9/2019 của UBND huyện về việc chấp thuận chủ trương đầu tư	
<b>VIII</b>	<b>Dự án, công trình chợ</b>	<b>0,500</b>	<b>0,300</b>				<b>0,200</b>				
1	Xây dựng chợ xã Xuân Phú	0,500	0,300				0,200	Xuân Phú	Phù hợp	Quyết định số 1761/QĐ-UBND ngày 9/9/2019 của UBND huyện về việc chấp thuận chủ trương đầu tư	
<b>LX</b>	<b>Dự án thu gom, xử lý rác thải</b>	<b>0,100</b>					<b>0,100</b>				
1	Bãi rác thải xã Xuân Thành	0,100					0,100	Xuân Thành	Phù hợp	Quyết định số 1761/QĐ-UBND ngày 9/9/2019 của UBND huyện về việc chấp thuận chủ trương đầu tư	
<b>X</b>	<b>Dự án cơ sở tôn giáo</b>	<b>1,211</b>	<b>1,000</b>				<b>0,211</b>				
1	Khôi phục tôn tạo Chùa Linh Ngọc	1,000	1,000					Thọ Diên	Phù hợp	Công văn số 12941/UBND-NN ngày 26/9/2019 của UBND tỉnh Thanh Hoá V/v đồng ý cho Ban trị sự Phật giáo huyện Thọ Xuân khôi phục, tôn tạo và mở rộng chùa Linh Ngọc	

TT	Hạng mục	Diện tích cần thu hồi (ha)	Được thu hồi từ các loại đất					Địa điểm (đến cấp xã)	Sự phù hợp điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất đến năm 2020	Chủ trương; nguồn vốn đầu tư	Ghi chú
			LUA	RSX	RPH	RDD	Các loại đất còn lại				
(1)	(2)	(3)=(4)+...+(8)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)
2	Mở rộng chùa Linh Cảnh	0,106					0,106	Xuân Bái	Phù hợp	Công văn số 7982/UBND-NN ngày 09/7/2018 của UBND tỉnh Thanh Hoá đồng ý cho Chùa linh Cảnh	
3	Khôi phục tôn tạo chùa Thiên Phúc	0,105					0,105	Phú Yên	Phù hợp	Công văn số 9329/UBND-NN ngày 22/7/2019 của UBND tỉnh Thanh Hoá đồng ý cho Chùa Thiên Phúc xã Phú Yên được tôn tạo, khôi phục chùa	
<b>XI</b>	<b>Dự án sinh hoạt cộng đồng</b>	<b>0,420</b>	<b>0,170</b>				<b>0,250</b>				
1	Xây dựng mới NVH thôn 4	0,100					0,100	Nam Giang	Phù hợp	Quyết định số 1761/QĐ-UBND ngày 9/9/2019 của UBND huyện về việc chấp thuận chủ trương đầu tư	
2	Xây dựng mới nhà văn hóa thôn 7	0,150					0,150	Xuân Thắng	Phù hợp	Quyết định số 1761/QĐ-UBND ngày 9/9/2019 của UBND huyện về việc chấp thuận chủ trương đầu tư	
3	Xây dựng mới nhà văn hóa thôn 9	0,170	0,170					Xuân Thắng	Phù hợp	Quyết định số 1761/QĐ-UBND ngày 9/9/2019 của UBND huyện về việc chấp thuận chủ trương đầu tư	
<b>XII</b>	<b>Công trình nghĩa trang, NĐ</b>	<b>1,360</b>	<b>1,360</b>								
1	Mở rộng nghĩa địa khu Gò Mẩn	0,150	0,150					Xuân Thành	Phù hợp	Quyết định số 1761/QĐ-UBND ngày 9/9/2019 của UBND huyện về việc chấp thuận chủ trương đầu tư	
2	Mở rộng nghĩa địa khu Khúc Đản	0,090	0,090					Xuân Thành	Phù hợp		
3	Mở rộng nghĩa địa khu Đồng Cồn Dài, Chông Phú Cao, xã Xuân Trường	0,950	0,950					Xuân Trường	Phù hợp		
4	Mở rộng nghĩa trang, nghĩa địa khu Bàn Canh	0,170	0,170					Phú Yên	Phù hợp		
<b>XVIII</b>	<b>Dự án Di tích lịch sử - văn hóa</b>	<b>0,600</b>	<b>0,600</b>								
1	Xây dựng di tích đền Bà	0,600	0,600					Xuân Hòa	Phù hợp	Quyết định số 1761/QĐ-UBND ngày 9/9/2019 của UBND huyện về việc chấp thuận chủ trương đầu tư	

## DANH MỤC CÔNG TRÌNH, DỰ ÁN CẦN PHẢI THU HỒI ĐẤT TRONG NĂM 2020 HUYỆN THIỆU HÓA

TT	Hạng mục	Diện tích cần thu hồi (ha)	Được thu hồi từ các loại đất					Địa điểm (đến cấp xã)	Sự phù hợp điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất đến năm 2020	Chủ trương; nguồn vốn đầu tư	Ghi chú
			LUA	RSX	RPH	RDD	Các loại đất còn lại				
(1)	(2)	(3)=(4)+... (8)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)
	<b>Tổng cộng</b>	<b>69,782</b>	<b>64,162</b>	<b>0,430</b>			<b>4,860</b>				
<b>I</b>	<b>Dự án Khu dân cư đô thị</b>	<b>29,780</b>	<b>28,000</b>				<b>1,780</b>				
1	Khu đô thị phía Bắc thị trấn Vạn Hà, huyện Thiệu Hóa	27,200	25,500				1,700	TT. Vạn Hà	Phù hợp	Công văn số 288/BCS-UBND ngày 11/10/2019 của Ban cán sự UBND tỉnh	
2	Hạ tầng kỹ thuật khu đô thị phía Tây Bắc thị trấn Vạn Hà - Giai đoạn 1 (thực hiện bổ sung phần còn lại)	2,500	2,500					TT. Vạn Hà	Phù hợp	Quyết định số 1616/QĐ-UBND ngày 22/5/2019 của UBND huyện Thiệu Hóa	
3	Đấu giá quyền sử dụng đất các nhà văn hóa cũ các tiểu khu 5; 7; 9; 10; 11 tại thị trấn Vạn Hà	0,080					0,080	TT. Vạn Hà	Phù hợp	Quyết định số 3135/QĐ-UBND ngày 17/9/2019 của UBND huyện Thiệu Hóa	
<b>II</b>	<b>Dự án Khu dân cư nông thôn</b>	<b>21,400</b>	<b>20,060</b>	<b>0,430</b>			<b>0,580</b>				
1	Khu dân cư Hồ Xóm 1	0,150					0,150	Thiệu Phúc	Phù hợp	Quyết định số 3136/QĐ-UBND ngày 17/9/2019 của UBND huyện Thiệu Hóa	
2	Khu dân cư Đông Bong thôn Mật Thôn	0,380	0,380					Thiệu Phúc	Phù hợp		
3	Khu dân cư giáp NVH thôn Chấn Xuyên 1	0,120	0,120					Thiệu Ngọc	Phù hợp	Quyết định 3137/QĐ-UBND ngày 17/9/2019 của UBND huyện Thiệu Hóa	
4	Khu dân cư giáp NVH thôn Thiệu Phong	0,170	0,170					Thiệu Ngọc	Phù hợp		
5	Khu dân cư xen cư thôn Tân Sơn	0,310	0,310					Thiệu Ngọc	Phù hợp		
6	Khu dân cư KV cây đa thôn Đình Tân	0,400	0,400					Thiệu Phú	Phù hợp	Quyết định 3138/QĐ-UBND ngày 17/9/2019 của UBND huyện Thiệu Hóa	
7	Khu dân cư Dọc Bún, thôn Vĩnh Điện	0,730	0,400					Thiệu Phú	Phù hợp		
8	Khu dân cư Đông Đanh thôn Quan Trung 1	0,590	0,590					Thiệu Tiến	Phù hợp	Quyết định 3139/QĐ-UBND ngày 17/9/2019 của UBND huyện Thiệu Hóa	
9	Khu dân cư Bến Trảng thôn Quan Trung 3	0,280	0,280					Thiệu Tiến	Phù hợp		
10	Khu dân cư Bờ Trúm Phúc Lộc 2	0,290	0,290					Thiệu Tiến	Phù hợp		
11	Khu dân cư khu vực Cồn Lau Gốc Cáo thôn Đồng Tiến	0,830	0,830					Thiệu Tâm	Phù hợp	Quyết định 3140/QĐ-UBND ngày 17/9/2019 của UBND huyện Thiệu Hóa	
12	Khu dân cư Bán Hắt Thôn 3	0,200	0,200					Thiệu Viên	Phù hợp		
13	Khu dân cư Đông Trào thôn 1	0,400	0,400					Thiệu Viên	Phù hợp		

TT	Hạng mục	Diện tích cần thu hồi (ha)	Được thu hồi từ các loại đất					Địa điểm (đến cấp xã)	Sự phù hợp điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất đến năm 2020	Chủ trương; nguồn vốn đầu tư	Ghi chú
			LUA	RSX	RPH	RDD	Các loại đất còn lại				
(1)	(2)	(3)=(4)+... (8)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)
14	Khu dân cư dọc đường 515B	2,000	2,000					Thiệu Lý	Phù hợp	Quyết định số 3142/QĐ-UBND ngày 17/9/2019 của UBND huyện Thiệu Hóa	
15	Khu dân cư Đồng Bông thôn 4	0,370	0,370					Thiệu Vận	Phù hợp	Quyết định số 3144/QĐ-UBND ngày 17/9/2019 của QĐ số 3143/QĐ-UBND ngày 17/9/2019 -UBND huyện Thiệu Hóa	
16	Khu dân cư Đồng Thành thôn Lạc Đô 2020	0,440	0,440					Thiệu Vận	Phù hợp	Quyết định 3144/QĐ-UBND ngày 17/9/2019 của UBND huyện Thiệu Hóa	
17	Khu dân cư đồng Mã Quang Thôn 3	0,490	0,490					Thiệu Trung	Phù hợp	Quyết định 3145/QĐ-UBND ngày 17/9/2019 của UBND huyện Thiệu Hóa	
18	Khu dân cư Dọc Sen thôn Dân Quyền	0,120	0,110				0,010	Thiệu Chính	Phù hợp	Quyết định 3146/QĐ-UBND ngày 17/9/2019 của UBND huyện Thiệu Hóa	
19	Khu Tái định cư DA đường cao tốc Bắc Nam - Ao Kho - Vị trí mới	3,500	3,500					Thiệu Tân	Phù hợp	Công văn 8792/UBND-KTTC ngày 06/8/2019 -UBND tỉnh Thiệu Hóa	
20	Khu dân cư thôn 5 xã Thiệu Tân	0,620	0,620					Thiệu Tân	Phù hợp	Quyết định 3147/QĐ-UBND ngày 17/9/2019 của UBND huyện Thiệu Hóa	
21	Khu dân cư Lam Vỹ	0,200	0,200					Thiệu Vũ	Phù hợp	Quyết định 3148/QĐ-UBND ngày 17/9/2019 của UBND huyện Thiệu Hóa	
22	Khu dân cư KV Cồn Bùn, thôn Thành Đông	0,160	0,160					Thiệu Thành	Phù hợp	Quyết định 3149/QĐ-UBND ngày 17/9/2019 của UBND huyện Thiệu Hóa	
23	Khu dân cư KV Đồng Mới, thôn Thành Đức	0,190	0,190					Thiệu Thành	Phù hợp	Quyết định 3149/QĐ-UBND ngày 17/9/2019 của UBND huyện Thiệu Hóa	
24	Khu dân cư Ao Xóm thôn Xuân Quan, xã Thiệu Công	0,170					0,170	Thiệu Công	Phù hợp	Quyết định 3150/QĐ-UBND ngày 17/9/2019 của QĐ số 3150/QĐ-UBND ngày 17/9/2019 - UBND huyện Thiệu Hóa	
25	Khu dân cư Đồng Quan Dưới thôn Xuân Quan, xã Thiệu Công	0,430		0,430				Thiệu Công	Phù hợp		
26	Khu dân cư nông thôn xã Thiệu Giang	1,100	1,100					Thiệu Giang	Phù hợp	Quyết định 3151/QĐ-UBND ngày 17/9/2019 của UBND huyện Thiệu Hóa	
27	Khu dân cư xã Thiệu Quang 2020	0,950	0,950					Thiệu Quang	Phù hợp	Quyết định 3152/QĐ-UBND ngày 17/9/2019 của UBND huyện Thiệu Hóa	
28	Khu dân cư KV Đa Nhân 1, thôn Đương Phong, xã Thiệu Thịnh	0,310	0,310					Thiệu Thịnh	Phù hợp	Quyết định 3153/QĐ-UBND ngày 17/9/2019 của UBND huyện Thiệu Hóa	

TT	Hạng mục	Diện tích cần thu hồi (ha)	Được thu hồi từ các loại đất					Địa điểm (đến cấp xã)	Sự phù hợp điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất đến năm 2020	Chủ trương; nguồn vốn đầu tư	Ghi chú
			LUA	RSX	RPH	RDD	Các loại đất còn lại				
(1)	(2)	(3)=(4)+... (8)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)
29	Khu dân cư KV Bồng Lão, thôn Chấn Long	0,030	0,030					Thiệu Hợp	Phù hợp	Quyết định 3154/QĐ-UBND ngày 17/9/2019 của UBND huyện Thiệu Hóa	
30	Khu dân cư KV Đồng Bàu, Trước trường THCS	0,770	0,770					Thiệu Hợp	Phù hợp	Quyết định 3154/QĐ-UBND ngày 17/9/2019 của UBND huyện Thiệu Hóa	
31	Khu dân cư thôn Nguyên Tiến 2020	0,800	0,800					Thiệu Nguyên	Phù hợp	Quyết định 3155/QĐ-UBND ngày 17/9/2019 của UBND huyện Thiệu Hóa	
32	Khu dân cư thôn Nguyên Thắng 2020	0,280	0,280					Thiệu Nguyên	Phù hợp	Quyết định 3155/QĐ-UBND ngày 17/9/2019 của UBND huyện Thiệu Hóa	
33	Khu dân cư KV Nấp Ma, thôn Khánh Hội	0,950	0,910				0,040	Thiệu Duy	Phù hợp	Quyết định 3156/QĐ-UBND ngày 17/9/2019 của UBND huyện Thiệu Hóa	
34	Khu dân cư KV Kênh Nam, thôn Xứ Nhân	0,510	0,420				0,090	Thiệu Duy	Phù hợp		
35	Khu dân cư Cồn Dừa thôn Đại Đồng	0,390	0,390					Thiệu Giao	Phù hợp	Quyết định 3157/QĐ-UBND ngày 17/9/2019 của UBND huyện Thiệu Hóa	
36	Khu dân cư Đồng Vụng, thôn Đồng Chí	0,170	0,170					Thiệu Minh	Phù hợp	Quyết định 3158/QĐ-UBND ngày 17/9/2019 của UBND huyện Thiệu Hóa	
37	Khu dân cư Ao thâu Thái Dương	0,060	0,060					Thiệu Hòa	Phù hợp	Quyết định 3159/QĐ-UBND ngày 17/9/2019 của UBND huyện Thiệu Hóa	
38	Khu dân cư Bến đốc	0,040	0,040					Thiệu Hòa	Phù hợp	Quyết định 3159/QĐ-UBND ngày 17/9/2019 của UBND huyện Thiệu Hóa	
39	Khu dân cư Sau Nghè	0,070	0,070					Thiệu Hòa	Phù hợp	Quyết định 3159/QĐ-UBND ngày 17/9/2019 của UBND huyện Thiệu Hóa	
40	Khu dân cư đồng Sùng	0,070	0,070					Thiệu Hòa	Phù hợp	Quyết định 3159/QĐ-UBND ngày 17/9/2019 của UBND huyện Thiệu Hóa	
41	Khu dân cư Sân bóng	0,200	0,200					Thiệu Hòa	Phù hợp	Quyết định 3159/QĐ-UBND ngày 17/9/2019 của UBND huyện Thiệu Hóa	
42	Khu dân cư Đường Nghè	0,300	0,300					Thiệu Hòa	Phù hợp	Quyết định 3159/QĐ-UBND ngày 17/9/2019 của UBND huyện Thiệu Hóa	
43	Khu dân cư Đường Nghè	0,300	0,300					Thiệu Hòa	Phù hợp	Quyết định 3159/QĐ-UBND ngày 17/9/2019 của UBND huyện Thiệu Hóa	
44	Dự án xen cư thôn Toán Phúc	0,050	0,050					Thiệu Toán	Phù hợp	Quyết định 3160/QĐ-UBND ngày 17/9/2019 của UBND huyện Thiệu Hóa	
45	Dự án Khu dân cư Cồn Gai Dưới	0,240	0,240					Thiệu Toán	Phù hợp		

TT	Hạng mục	Diện tích cần thu hồi (ha)	Được thu hồi từ các loại đất					Địa điểm (đến cấp xã)	Sự phù hợp điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất đến năm 2020	Chủ trương; nguồn vốn đầu tư	Ghi chú
			LUA	RSX	RPH	RDD	Các loại đất còn lại				
(1)	(2)	(3)=(4)+... (8)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)
46	Khu dân cư thôn Cẩm Vân	0,270	0,150				0,120	Thiệu Vũ	Phù hợp	Quyết định 3148/QĐ-UBND ngày 17/9/2019 của UBND huyện Thiệu Hóa	
<b>III</b>	<b>Dự án Trụ sở cơ quan</b>	<b>1,100</b>	<b>0,600</b>				<b>0,500</b>				
1	Di dời trụ sở UBND xã Thiệu Viên	0,500					0,500	Thiệu Viên	Phù hợp	Công văn số 10623/UBNDTHKH ngày 15/8/2019 - UBND tỉnh Thanh Hóa	
2	Cải tạo, nâng cấp Trạm Bảo vệ thực vật, đảm bảo nhu cầu làm việc của Trung tâm dịch vụ nông nghiệp huyện	0,600	0,600					Thị trấn Vạn Hà	Phù hợp	QĐ số 2542/QĐ-UBND ngày 06/8/2019 - UBND huyện Thiệu Hóa	
<b>IV</b>	<b>Công trình giao thông</b>	<b>12,120</b>	<b>11,520</b>				<b>0,600</b>				
1	Mở rộng đường liên thôn từ gốc Cáo, nhà ông Hậu xóm 1 đến công ông Ty thôn Mật Thôn	0,560	0,560					Thiệu Phúc	Phù hợp	Quyết định 3164/QĐ-UBND ngày 17/9/2019 của UBND huyện Thiệu Hóa	
2	Đường vào Cụm công nghiệp Vạn Hà tại xã Thiệu Phú (đoạn phía Nam)	1,900	1,700				0,200	TT. Vạn Hà - Thiệu Phú	Phù hợp	Quyết định số 2541/QĐ-UBND huyện Thiệu Hóa ngày 06/8/2019	
3	Tuyến đường Bắc - Nam đoạn từ Km0+00 đến Km0+550	1,600	1,400				0,200	TT. Vạn Hà - Thiệu Phú	Phù hợp	Quyết định số 3339a/QĐ-UBND ngày 31/10/2018 - UBND huyện Thiệu Hóa	
4	Đường giao thông bờ Bắc – Kênh Nam thị trấn Vạn Hà (đoạn nối dài) và đường hoa trang trí	0,900	0,700				0,200	TT. Vạn Hà - Thiệu Phú	Phù hợp	Quyết định số 3166/QĐ-UBND ngày 17/9/2019 - UBND huyện Thiệu Hóa	
5	Đường giao thông nối Quốc lộ 217 với Quốc lộ 45 và Quốc lộ 47	7,000	7,000					Thiệu Ngọc	Phù hợp	Quyết định số 4495/QĐ-UBND ngày 31/10/2019 của UBND tỉnh	
6	Mở rộng đường giao thông nội đồng	0,160	0,160					Thiệu Lý	Phù hợp	Quyết định số 3167/QĐ-UBND ngày 17/9/2019 - UBND huyện Thiệu Hóa	
<b>V</b>	<b>Công trình năng lượng</b>	<b>1,932</b>	<b>1,932</b>								

TT	Hạng mục	Diện tích cần thu hồi (ha)	Được thu hồi từ các loại đất					Địa điểm (đến cấp xã)	Sự phù hợp điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất đến năm 2020	Chủ trương; nguồn vốn đầu tư	Ghi chú
			LUA	RSX	RPH	RDD	Các loại đất còn lại				
(1)	(2)	(3)=(4)+... (8)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)
1	Trạm biến áp chống quá tải tại các xã Thiệu Phú; Thiệu Hợp; Thiệu Giang; Thiệu Thành; Thiệu Viên; Thiệu Duy; Thiệu Lý; Thiệu Nguyên; Thiệu Quang	0,093	0,093					Thiệu Phú; Thiệu Hợp; Thiệu Giang; Thiệu Thành; Thiệu Viên; Thiệu Duy; Thiệu Lý; Thiệu Nguyên; Thiệu Quang	Phù hợp	Quyết định 2601/QĐ-EVNNPC ngày 29/8/2019 của Tổng Công ty điện lực	
2	Nâng cao khả năng truyền tải DZ 110kV từ TBA 220kV Ba Chè - Thiệu Yên	0,595	0,595					Thiệu Công, Thiệu Vận, Thiệu Đô, TT. Vạn Hà, Thiệu Phú, Thiệu Long	Phù hợp	Quyết định số 2669/QĐ-EVNNPC Ngày 31/8/2017 của Tổng Giám đốc Tổng Công ty điện lực Miền Bắc	
3	Dự án đường dây 500kV đấu nối Nhà máy nhiệt điện Nghi Sơn 2 vào hệ thống điện quốc gia	0,065	0,065					Thiệu Tâm	Phù hợp	Quyết định số 1954/QĐ-EVNNPT ngày 03/11/2017 của Tổng Công ty truyền tải điện Quốc gia	
4	Chuyển đổi cấp điện áp 10kV lên 22kV các lộ 971 E9.26 và 972 TG Quán Lào - Điện lực Yên Định - tỉnh Thanh Hóa	1,170	1,170					Thiệu Ngọc, Thiệu Vũ, Thiệu Quang, Thiệu Giang	Phù hợp	Quyết định 1780/QĐ-EVNNPC ngày 21/6/2019	
5	Giảm tổn thất TBA >10% ĐL Yên Định, tỉnh Thanh Hóa	0,009	0,009					Thiệu Ngọc	Phù hợp		
<b>VI</b>	<b>Đất công trình văn hóa</b>	<b>0,300</b>	<b>0,300</b>								
1	Nhà Bia tưởng niệm xã Thiệu Vũ	0,300	0,300					Thiệu Vũ	Phù hợp	Quyết định 3161/QĐ-UBND ngày 17/9/2019 của UBND huyện Thiệu Hóa	
<b>VII</b>	<b>Công trình thể dục thể thao</b>	<b>0,920</b>	<b>0,170</b>				<b>0,750</b>				
1	Di dời Trung tâm Văn Hóa - thể thao	0,750					0,750	Thiệu Viên	Phù hợp	Quyết định số 10623/UBNDTHKH ngày 15/8/2019 - UBND tỉnh Thanh Hóa	



TT	Hạng mục	Diện tích cần thu hồi (ha)	Được thu hồi từ các loại đất					Địa điểm (đến cấp xã)	Sự phù hợp điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất đến năm 2020	Chủ trương; nguồn vốn đầu tư	Ghi chú
			LUA	RSX	RPH	RDD	Các loại đất còn lại				
(1)	(2)	(3)=(4)+... (8)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)
2	Sân thể thao thôn Thành Đạt	0,170	0,170					Thiệu Long	Phù hợp	Quyết định 3162/QĐ-UBND ngày 17/9/2019 của UBND huyện Thiệu Hóa	
<b>VIII</b>	<b>Dự án cơ sở giáo dục</b>	<b>0,540</b>	<b>0,430</b>				<b>0,110</b>				
1	Mở rộng trường THCS xã Thiệu Công	0,070					0,070	Thiệu Công	Phù hợp	Quyết định 3163/QĐ-UBND ngày 17/9/2019 của	
2	Mở rộng trường Mầm non xã Thiệu Tiến	0,350	0,350					Thiệu Tiến	Phù hợp		
3	Mở rộng trường trung học cơ sở Thiệu Phúc	0,120	0,080				0,040	Thiệu Phúc	Phù hợp		
<b>IX</b>	<b>Dự án thu gom xử lý rác thải</b>	<b>0,360</b>	<b>0,360</b>								
1	Bãi rác 3 thôn (xóm 1, xóm 2, Mật Thôn)	0,360	0,360					Thiệu Phúc	Phù hợp	Quyết định 1670/QĐ-UBND ngày 30/5/2019 của Nghị Quyết 190/NQ-HĐND ngày 10/7/2019 - HĐND tỉnh Thanh Hóa	
<b>X</b>	<b>Dự án sinh hoạt cộng đồng</b>	<b>0,230</b>	<b>0,190</b>				<b>0,040</b>				
1	Nhà văn hóa thôn Vỹ Thôn	0,230	0,190				0,040	Thiệu Phúc	Phù hợp	Quyết định 1670/QĐ-UBND ngày 30/5/2019 của Nghị Quyết 190/NQ-HĐND ngày 10/7/2019 - HĐND tỉnh Thanh Hóa	
<b>XI</b>	<b>Công trình nghĩa trang, nghĩa địa</b>	<b>0,600</b>	<b>0,600</b>								
1	Khu Cải táng Chu Chi Xóm 2	0,360	0,360					Thiệu Phúc	Phù hợp	Quyết định 1670/QĐ-UBND ngày 30/5/2019 của Nghị Quyết 190/NQ-HĐND ngày	
2	Di dời khu cải táng Thiệu Châu (ảnh hưởng dự án cao tốc Bắc - Nam)	0,110	0,110					Thiệu Châu	Phù hợp	Đã được UBND tỉnh chấp thuận	
3	Di dời khu hưng táng Thiệu Châu (ảnh hưởng dự án cao tốc Bắc - Nam)	0,130	0,130					Thiệu Châu	Phù hợp	Đã được UBND tỉnh chấp thuận	
<b>XII</b>	<b>Dự án di tích lịch sử</b>	<b>0,500</b>					<b>0,500</b>				
1	Tu bổ, tôn tạo di tích lịch sử cách mạng Trụ sở làm việc của Tỉnh ủy Thanh Hóa giai đoạn 1967-1973	0,500					0,500	Thiệu Viên	Phù hợp	Công văn số 10623/UBNDTHKH ngày 15/8/2019 - UBND tỉnh Thanh Hóa	

Phụ biểu II.14

DANH MỤC CÔNG TRÌNH, DỰ ÁN CẦN PHẢI THU HỒI ĐẤT TRONG NĂM 2020 HUYỆN YÊN ĐỊNH

TT	Hạng mục	Diện tích cần thu hồi (ha)	Được thu hồi từ các loại đất					Địa điểm (đến cấp xã)	Sự phù hợp điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất đến năm 2020	Chủ trương; nguồn vốn đầu tư	Ghi chú
			LUA	RSX	RPH	RDD	Các loại đất còn lại				
(1)	(2)	(3)=(4)+... (8)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)
	<b>Tổng cộng</b>	<b>40,850</b>	<b>35,040</b>	<b>1,000</b>			<b>5,810</b>				
<b>I</b>	<b>Dự án Khu dân cư nông thôn</b>	<b>26,020</b>	<b>23,900</b>	<b>1,000</b>			<b>2,120</b>				
1	Quy hoạch khu dân cư nông thôn	1,000		1,000				Yên Lâm	Phù hợp	Quyết định số 2977/QĐ-UBND ngày 04/9/2019 về việc phê duyệt chủ trương đầu tư dự án xây dựng hạ tầng kỹ thuật khu dân cư của các xã trên địa bàn huyện Yên Định	
2	Quy hoạch khu dân cư nông thôn	0,400	0,200				0,200	Yên Tâm	Phù hợp		
3	Quy hoạch khu dân cư nông thôn	1,080	1,080					Yên Giang	Phù hợp		
4	Quy hoạch khu dân cư nông thôn	1,000	1,000					Yên Hùng	Phù hợp		
5	Quy hoạch khu dân cư nông thôn	0,900	0,900					Yên Ninh	Phù hợp		
6	Quy hoạch khu dân cư nông thôn	1,000	1,000					Yên Lạc	Phù hợp		
7	Quy hoạch khu dân cư nông thôn	1,000	1,000					Yên Thịnh	Phù hợp		
8	Quy hoạch khu dân cư nông thôn	0,900	0,900					Yên Trung	Phù hợp		
9	Quy hoạch khu dân cư nông thôn	0,900	0,900					Yên Thọ	Phù hợp		
10	Quy hoạch khu dân cư nông thôn	0,800	0,620				0,180	Yên Bái	Phù hợp		
11	Quy hoạch khu dân cư nông thôn	1,000	1,000					Yên Phong	Phù hợp		
12	Quy hoạch khu dân cư nông thôn	0,080	0,080					Yên Thái	Phù hợp		
13	Quy hoạch khu dân cư nông thôn	1,000	1,000					Định Hoà	Phù hợp		

TT	Hạng mục	Diện tích cần thu hồi (ha)	Được thu hồi từ các loại đất					Địa điểm (đến cấp xã)	Sự phù hợp điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất đến năm 2020	Chủ trương; nguồn vốn đầu tư	Ghi chú
			LUA	RSX	RPH	RDD	Các loại đất còn lại				
(1)	(2)	(3)=(4)+...+(8)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)
14	Quy hoạch khu dân cư nông thôn	0,900	0,900					Định Bình	Phù hợp	QĐ số 2977/QĐ-UBND ngày 04/9/2019 về việc phê duyệt chủ trương đầu tư dự án xây dựng hạ tầng kỹ thuật khu dân cư của các xã trên địa bàn huyện Yên Định	
15	Quy hoạch khu dân cư nông thôn	0,650	0,400				0,250	Định Thành	Phù hợp		
16	Quy hoạch khu dân cư nông thôn	0,900	0,900					Định Công	Phù hợp		
17	Quy hoạch khu dân cư nông thôn	0,800	0,800					Định Tân	Phù hợp		
18	Quy hoạch khu dân cư nông thôn	0,800	0,800				1,000	Định Tiến	Phù hợp		
19	Quy hoạch khu dân cư nông thôn	0,500	0,500					Định Hải	Phù hợp		
20	Quy hoạch khu dân cư nông thôn	0,810	0,810					Định Liên	Phù hợp		
21	Quy hoạch khu dân cư nông thôn	0,800	0,800					Định Long	Phù hợp		
22	Quy hoạch Tái định cư dự án xử lý điểm đen	0,600	0,110				0,490	Xã Định Liên	Phù hợp		
23	Nhà ở xã hội (Cụm công nghiệp)	0,370	0,370					Xã Định Liên	Phù hợp		CV số 11781/UBND-CN về việc điều chỉnh ranh giới, diện tích đất dự án Nhà ở xã hội tại thị trấn Quán Lào
		7,830	7,830					Xã Định Long	Phù hợp		
<b>II</b>	<b>Cụm công nghiệp</b>	<b>7,300</b>	<b>6,720</b>				<b>0,580</b>				
1	Hạ tầng Cụm công nghiệp thị trấn Quán Lào	7,300	6,720				0,580	Định Liên, Định Long	Phù hợp	Quyết định số 1791/QĐ-UBND ngày 14/5/2019 về việc thành lập CCN thị trấn Quán Lào, huyện Yên Định, tỉnh Thanh Hóa	HĐND tỉnh thông qua tại Nghị quyết số 190/NQ-HĐND với diện tích 40,08ha
<b>III</b>	<b>Công trình giao thông</b>	<b>2,200</b>	<b>1,880</b>				<b>0,320</b>				

TT	Hạng mục	Diện tích cần thu hồi (ha)	Được thu hồi từ các loại đất					Địa điểm (đến cấp xã)	Sự phù hợp điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất đến năm 2020	Chủ trương; nguồn vốn đầu tư	Ghi chú
			LUA	RSX	RPH	RDD	Các loại đất còn lại				
(1)	(2)	(3)=(4)+... (8)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)
1	Xử lý điểm đen TNGT đoạn Km46+100 - Km47+200, QL45 (Đoạn qua xã Định Liên huyện Yên Định, tỉnh Thanh Hóa)	2,200	1,880				0,320	Định Liên	Phù hợp	Quyết định số 633/QĐ-CQLĐBII ngày 05/6/2019 của Tổng cục quản lý đường bộ	
<b>IV</b>	<b>Công trình thủy lợi</b>	<b>1,210</b>	<b>0,510</b>				<b>0,700</b>				
1	Xử lý cấp bách đê Sông Cầu chày đoạn K25-K31+800, huyện Thiệu Hóa, huyện Yên Định	0,170	0,170					Định Tăng	Phù hợp	QĐ số 5169/QĐ-UBND ngày 19/12/2018 về việc phê duyệt chủ trương đầu tư dự án Xử lý cấp bách đê Sông Cầu chày đoạn K25-K31+800, huyện Thiệu Hóa, huyện Yên Định	
		1,040	0,340				0,700	Định Bình	Phù hợp		
<b>V</b>	<b>Dự án năng lượng</b>	<b>0,900</b>	<b>0,900</b>								
1	Chuyển đổi cấp điện áp từ 10kV lên 22kV các lộ 971, 972, 973, 974 sau TG Quán Lào, điện lực Yên Định - tỉnh Thanh Hóa	0,070	0,070					TT Quán Lào	Phù hợp	Quyết định số 1780/QĐ-EVNNPC ngày 21/6/2019 về việc duyệt bổ sung danh mục kế hoạch đầu tư xây dựng 2019 cho công ty điện lực Thanh Hóa	
		0,030	0,030					Xã Định Long	Phù hợp		
		0,020	0,020					Xã Định Liên	Phù hợp		
		0,040	0,040					Xã Định Bình	Phù hợp		
		0,060	0,060					Xã Định Hòa	Phù hợp		
		0,040	0,040					Xã Định Thành	Phù hợp		
		0,040	0,040					Xã Định Công	Phù hợp		
		0,050	0,050					Xã Định Tường	Phù hợp		
		0,040	0,040					Xã Định Hưng	Phù hợp		
		0,040	0,040					Xã Định Hải	Phù hợp		
		0,030	0,030					Xã Định Tân	Phù hợp		
		0,040	0,040					Xã Định Tiến	Phù hợp		
2	Chuyển đổi cấp điện áp từ 6kV lên 35 kV các lộ 671, 672, 673 sau TG Yên Trung, Điện lực Yên Định - Thanh Hóa	0,040	0,040					Xã Yên Trung	Phù hợp	Quyết định số 1780/QĐ-EVNNPC ngày 21/6/2019 về việc duyệt bổ sung danh mục kế hoạch đầu tư xây dựng 2019 cho công ty điện lực Thanh Hóa	
		0,050	0,050					Xã Yên Thọ	Phù hợp		
		0,040	0,040					Xã Quý Lộc	Phù hợp		
		0,030	0,030					Xã Yên Phú	Phù hợp		
		0,010	0,010					Xã Yên Hùng	Phù hợp		

TT	Hạng mục	Diện tích cần thu hồi (ha)	Được thu hồi từ các loại đất					Địa điểm (đến cấp xã)	Sự phù hợp điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất đến năm 2020	Chủ trương; nguồn vốn đầu tư	Ghi chú
			LUA	RSX	RPH	RDD	Các loại đất còn lại				
(1)	(2)	(3)=(4)+... (8)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)
		0,030	0,030					Xã Yên Thịnh	Phù hợp		
3	Chuyển đổi cấp điện áp từ 6kV lên 35 kV các lộ 971, 972 sau TG Thống Nhất, Điện lực Yên Định - Thanh Hóa	0,060	0,060					TT Thống Nhất	Phù hợp	Quyết định số 1780/QĐ-EVNNPC ngày 21/6/2019 về việc Duyệt bổ sung danh mục kế hoạch đầu tư xây dựng 2019 cho công ty điện lực Thanh Hóa	
		0,020	0,020					Xã Yên Lâm	Phù hợp		
		0,040	0,040					Xã Yên Giang	Phù hợp		
		0,030	0,030					Xã Yên Phú	Phù hợp		
		0,010	0,010					Xã Yên Hùng	Phù hợp		
		0,030	0,030					Xã Yên Thịnh	Phù hợp		
<b>VI</b>	<b>Công trình văn hóa</b>	<b>0,200</b>	<b>0,200</b>								
1	Xây dựng khu tượng đài xã Định Thành	0,200	0,200					Định Thành	Phù hợp	Quyết định số 3809/QĐ-UBND ngày 31/10/2019 của UBND huyện Yên Định	
<b>VII</b>	<b>Công trình thể dục thể thao</b>	<b>1,940</b>	<b>0,300</b>				<b>1,640</b>				
1	Trung tâm thể dục thể thao TT Thống Nhất	1,640					1,640	Thống Nhất	Phù hợp	Quyết định số 3808/QĐ-UBND ngày 31/10/2019 của UBND huyện Yên Định	
2	Mở rộng sân vận động, thể dục thể thao	0,300	0,300					Định Tân	Phù hợp	Quyết định số 3810/QĐ-UBND ngày 31/10/2019 của UBND huyện Yên Định	
<b>VIII</b>	<b>Công trình xử lý rác thải</b>	<b>0,350</b>	<b>0,350</b>								
1	Xây dựng lò đốt xã Định Tân	0,350	0,350					xã Định Tân	Phù hợp	Quyết định số 3814/QĐ-UBND ngày 31/10/2019 của UBND huyện Yên Định	
<b>IX</b>	<b>Công trình sinh hoạt cộng đồng</b>	<b>0,250</b>					<b>0,250</b>				
	Nhà Văn Hóa thôn Hà Lương	0,250					0,250	Định Hòa	Phù hợp	Quyết định số 3813/QĐ-UBND ngày 31/10/2019 của UBND huyện Yên Định	
<b>X</b>	<b>Công trình nghĩa trang nghĩa địa</b>	<b>0,480</b>	<b>0,280</b>				<b>0,200</b>				
2	Mở rộng khu nghĩa địa xã Định Hòa	0,280	0,280					Định Hòa	Phù hợp	Quyết định số 3812/QĐ-UBND ngày 31/10/2019 của UBND huyện Yên Định	
3	Mở rộng khu nghĩa địa xã Định Tiến	0,200					0,200	Định Tiến	Phù hợp	Quyết định số 3811/QĐ-UBND ngày 31/10/2019 của UBND huyện Yên Định	

## DANH MỤC CÔNG TRÌNH, DỰ ÁN CẦN PHẢI THU HỒI ĐẤT TRONG NĂM 2020 HUYỆN VINH LỘC

TT	Hạng mục	Diện tích cần thu hồi (ha)	Được thu hồi từ các loại đất					Địa điểm (đến cấp xã)	Sự phù hợp điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất đến năm 2020	Chủ trương; nguồn vốn đầu tư	Ghi chú
			LUA	RSX	RPH	RDD	Các loại đất còn lại				
(1)	(2)	(3)=(4)+...+(8)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)
	<b>Tổng cộng</b>	<b>27,418</b>	<b>21,239</b>	<b>1,295</b>			<b>4,884</b>				
<b>I</b>	<b>Khu dân cư đô thị</b>	<b>0,620</b>	<b>0,450</b>				<b>0,170</b>				
1	Đấu giá đất ở khu 1	0,450	0,450					Thị trấn	Phù hợp	QĐ số 1678/QĐ-UBND ngày 06/9/2019 của UBND huyện về chủ trương đầu tư	
2	Đấu giá đất ở khu 3	0,010					0,010	Thị trấn	Phù hợp		
3	Đấu giá đất ở khu 3	0,100					0,100	Thị trấn	Phù hợp		
4	Đấu giá đất ở khu 3	0,060					0,060	Thị trấn	Phù hợp		
<b>II</b>	<b>Dự án Khu dân cư nông thôn</b>	<b>21,933</b>	<b>17,674</b>	<b>1,250</b>			<b>3,009</b>				
1	Đấu giá đất ở dân cư thôn Cẩm Hoàng 2	0,600	0,600					Vĩnh Quang	Phù hợp	Quyết định số 1678/QĐ-UBND ngày 06/9/2019 của UBND huyện về chủ trương đầu tư	
2	Đấu giá đất ở dân cư thôn Lê Sơn	0,520	0,520					Vĩnh Quang	Phù hợp		
3	Đấu giá đất ở dân cư thôn Tiến Ích 1	0,260	0,260					Vĩnh Quang	Phù hợp		
4	Đấu giá đất ở dân cư thôn Tiến Ích 2	0,390	0,390					Vĩnh Quang	Phù hợp		
5	Đấu giá đất ở dân cư thôn Eo Lê	0,540	0,380				0,160	Vĩnh Quang	Phù hợp		
6	Đấu giá đất ở dân cư thôn Eo Lê	0,540	0,400				0,140	Vĩnh Quang	Phù hợp		
7	Đấu giá đất ở dân cư thôn Tiens ích 2 (Mỗ Lợi)	0,470	0,470					Vĩnh Quang	Phù hợp		
8	Đấu giá đất ở dân cư thôn Hạ	0,160					0,160	Vĩnh Yên	Phù hợp		
9	Đấu giá đất ở dân cư thôn Phù Lưu	0,150					0,150	Vĩnh Yên	Phù hợp		
10	Đấu giá đất ở dân cư thôn Mỹ Xuyên	0,130	0,070				0,060	Vĩnh Yên	Phù hợp		
11	Đấu giá đất ở dân cư thôn Mỹ Xuyên (Dọc QL 217)	0,320	0,320					Vĩnh Yên	Phù hợp		
12	Đấu giá đất ở dân cư thôn Mỹ Xuyên (Dọc QL 217)	0,180	0,180					Vĩnh Yên	Phù hợp		
13	Đấu giá đất ở dân cư thôn Mỹ Xuyên (Mỗ Lợi)	0,020	0,020					Vĩnh Yên	Phù hợp		

TT	Hạng mục	Diện tích cần thu hồi (ha)	Được thu hồi từ các loại đất					Địa điểm (đến cấp xã)	Sự phù hợp điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất đến năm 2020	Chủ trương; nguồn vốn đầu tư	Ghi chú
			LUA	RSX	RPH	RDD	Các loại đất còn lại				
(1)	(2)	(3)=(4)+...+(8)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)
14	Đầu giá đất ở dân cư thôn Mỹ Xuyên (Dọc QL 217)	0,020	0,020					Vĩnh Yên	Phù hợp	Quyết định số 1678/QĐ-UBND ngày 06/9/2019 của UBND huyện về chủ trương đầu tư	
15	Đầu giá đất ở dân cư thôn Mỹ Sơn (Dọc QL 217)	0,030	0,030					Vĩnh Yên	Phù hợp		
16	Đầu giá đất ở dân cư thôn Mỹ Xuyên (Dọc QL 217)	0,020	0,020					Vĩnh Yên	Phù hợp		
17	Đầu giá đất ở dân cư thôn Tây Giai	0,530	0,530					Vĩnh Tiến	Phù hợp		
18	Đầu giá đất ở dân cư thôn Xuân Giai	0,390	0,390					Vĩnh Tiến	Phù hợp		
19	KDC ven đường quốc lộ 217, thôn Đông Môn (Từ nhà ông Hoán đi cổng Văn Chỉ)	0,470	0,470					Vĩnh Long	Phù hợp		
20	KDC ven đường QL 217 và từ đường QL 217 vào làng Đông Môn, thôn Đông Môn	0,240	0,240					Vĩnh Long	Phù hợp		
21	KDC xứ đồng Mương Mát thôn Đông Môn,	0,610	0,610					Vĩnh Long	Phù hợp		
22	KDC xứ đồng Mây, ven đường quốc lộ 217, thôn Đông Môn.	0,220	0,170				0,050	Vĩnh Long	Phù hợp		
23	Khu dân cư xứ đồng Mây, thôn Cầu Mư	0,090					0,090	Vĩnh Long	Phù hợp		
24	Khu dân cư xứ đồng Giếng, thôn Cầu Mư	0,040	0,040					Vĩnh Long	Phù hợp		
25	Khu đất ở dân cư thôn Bái Xuân	0,380	0,380					Vĩnh Phúc	Phù hợp		
26	Khu đất ở dân cư thôn Bái Xuân	0,370	0,370					Vĩnh Phúc	Phù hợp		
27	Khu đất ở dân cư thôn Bái Xuân	0,180	0,180					Vĩnh Phúc	Phù hợp		
28	Khu đất ở dân cư thôn Đồng Minh	0,120	0,120					Vĩnh Phúc	Phù hợp		
29	Đầu giá đất ở dân cư thôn 4	0,620	0,620					Vĩnh Hưng	Phù hợp		
30	Đầu giá đất ở dân cư thôn 4	0,020					0,020	Vĩnh Hưng	Phù hợp		
31	Đầu giá đất ở dân cư thôn 3	0,060	0,060					Vĩnh Hưng	Phù hợp		
32	Đầu giá đất ở dân cư thôn 8	0,400	0,400					Vĩnh Hưng	Phù hợp		

TT	Hạng mục	Diện tích cần thu hồi (ha)	Được thu hồi từ các loại đất					Địa điểm (đến cấp xã)	Sự phù hợp điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất đến năm 2020	Chủ trương; nguồn vốn đầu tư	Ghi chú
			LUA	RSX	RPH	RDD	Các loại đất còn lại				
(1)	(2)	(3)=(4)+...+(8)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)
33	Đầu giá đất ở dân cư thôn 6	0,060		0,060				Vĩnh Hưng	Phù hợp	Quyết định số 1678/QĐ-UBND ngày 06/9/2019 của UBND huyện về chủ trương đầu tư	
34	Đầu giá đất ở thôn 1 (Cao San)	0,300	0,300					Vĩnh Thành	Phù hợp		
35	Đầu giá đất ở thôn 5	0,360	0,360					Vĩnh Thành	Phù hợp		
36	Đầu giá đất ở thôn 5	0,300	0,300					Vĩnh Thành	Phù hợp		
37	Đầu giá đất ở dân cư thôn Thọ Vực (Khu Lái)	0,584	0,584					Vĩnh Ninh	Phù hợp		
38	Đầu giá đất ở dân cư thôn Thọ Vực (Khu Núi thần)	0,310	0,310					Vĩnh Ninh	Phù hợp		
39	Đầu giá đất ở dân cư thôn Khang Đình	1,200					1,200	Vĩnh Khang	Phù hợp		
40	Đầu giá đất ở dân cư thôn Khang Tân	0,290	0,290					Vĩnh Khang	Phù hợp		
41	Đầu giá đất ở thôn Nhật Quang (Dọc QL 217)	0,200	0,200					Vĩnh Hòa	Phù hợp		
42	Đầu giá đất ở thôn Quang Biểu (Dọc QL 217)	0,290		0,290				Vĩnh Hòa	Phù hợp		
43	Đầu giá đất ở thôn Nghĩa Kỳ	0,590	0,590					Vĩnh Hòa	Phù hợp		
44	Đầu giá đất ở dân cư xóm Trung (NVH cũ)	0,040					0,040	Vĩnh Hùng	Phù hợp		
45	Đầu giá đất ở dân cư xóm Hát (NVH cũ)	0,024					0,024	Vĩnh Hùng	Phù hợp		
46	Đầu giá đất ở dân cư thôn Đông Thăng (NVH cũ)	0,015					0,015	Vĩnh Hùng	Phù hợp		
47	Khu tái định cư DA mở rộng Phú Trịnh	3,000	3,000					Vĩnh Hùng	Phù hợp		
48	Đầu giá đất ở dân cư thôn Bồng Trung 2	0,480	0,480					Vĩnh Tân	Phù hợp		
49	Đầu giá đất ở dân cư thôn Đa Bút	0,800	0,800					Vĩnh Tân	Phù hợp		
50	Đầu giá đất ở dân cư xóm 5	0,350	0,350					Vĩnh Minh	Phù hợp		
51	Đầu giá đất ở dân cư thôn 4 (Khu Bồng Bọc)	1,500	0,100	0,900			0,500	Vĩnh An	Phù hợp		



TT	Hạng mục	Diện tích cần thu hồi (ha)	Được thu hồi từ các loại đất					Địa điểm (đến cấp xã)	Sự phù hợp điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất đến năm 2020	Chủ trương; nguồn vốn đầu tư	Ghi chú
			LUA	RSX	RPH	RDD	Các loại đất còn lại				
(1)	(2)	(3)=(4)+...+(8)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)
52	Đấu giá đất ở dân cư thôn 4 (Khu Đ Nạy, Đ Pheo, Đ Tròn)	1,620	1,270				0,350	Vĩnh An	Phù hợp	Quyết định số 1678/QĐ-UBND ngày 06/9/2019 của UBND huyện về chủ trương đầu tư	
53	Đấu giá đất ở dân cư khu Nhà văn hóa thôn 9 cũ	0,050					0,050	Vĩnh An	Phù hợp		
54	Đấu giá đất ở dân cư thôn 9	0,480	0,480					Vĩnh An	Phù hợp		
<b>III</b>	<b>Công trình giao thông</b>	<b>0,670</b>	<b>0,650</b>				<b>0,020</b>				
1	Dự án xây dựng đường giao thông	0,390	0,370				0,020	Vĩnh Tân	Phù hợp	Nghị quyết số 15/NQ-HĐND ngày 24/7/2019 của HĐND xã Vĩnh Tân	
2	Dự án mở rộng đường ngõ Phú	0,280	0,280					Vĩnh Tân	Phù hợp		
<b>IV</b>	<b>Dự án năng lượng</b>	<b>0,095</b>	<b>0,045</b>	<b>0,045</b>			<b>0,005</b>				
1	Các chân cột điện nâng cấp đường điện 35 KV	0,006	0,006					Vĩnh Ninh	Phù hợp	Quyết định số 2601/QĐ-EVNNPC ngày 12/9/2109 của tổng công ty điện lực Miền Bắc	
		0,003	0,003					Vĩnh Ninh	Phù hợp		
		0,001	0,001					Vĩnh Ninh	Phù hợp		
2	Xây dựng mới đường điện 35 KV từ TBA Đông Hải đến TBA Vĩnh Phúc 9	0,045		0,045				Vĩnh Hòa	Phù hợp		
3	Xây dựng trạm truyền dẫn năng lượng	0,005					0,005	Thị trấn	Phù hợp		
4	Chống quá tải lộ 376 trạm 110kV Thiệu Yên (E9.5) - Điện lực Vĩnh Lộc	0,001	0,001					Vĩnh Khang	Phù hợp		3011/QĐ-EVN/NPC ngày 11/10/2018 của Tổng CT Điện lực Miền Bắc)
		0,006	0,006					Vĩnh Hòa	Phù hợp		
5	Xây dựng mới đường dây 35kV và TBA-180kVA-35/0,4kV Vĩnh Phúc 9 - Điện lực Vĩnh Lộc	0,005	0,005					Vĩnh Hòa	Phù hợp	Quyết định số 2601/QĐ-EVNNPC ngày 12/9/2109 của tổng công ty điện lực Miền Bắc	
		0,004	0,004					Vĩnh Phúc	Phù hợp		
6	Xây dựng mới đường dây 22kV và TBA-100kVA-10(22)/0,4kV Vĩnh Long 11 - Điện lực Vĩnh Lộc	0,006	0,006					Vĩnh Long	Phù hợp	Quyết định số 2601/QĐ-EVNNPC ngày 12/9/2109 của tổng công ty điện lực Miền Bắc	
7	Xây dựng mới đường dây 22kV và TBA-180kVA-10(22)/0,4kV Vĩnh Long 12 - Điện lực Vĩnh Lộc	0,009	0,009					Vĩnh Long	Phù hợp		
8	Xây dựng mới đường dây 22kV và TBA-180kVA-10(22)/0,4kV Vĩnh Khang 5 - Điện lực Vĩnh Lộc	0,003	0,003					Vĩnh Long	Phù hợp		Quyết định số 2601/QĐ-EVNNPC ngày 12/9/2109 của tổng công ty điện lực Miền Bắc

TT	Hạng mục	Diện tích cần thu hồi (ha)	Được thu hồi từ các loại đất					Địa điểm (đến cấp xã)	Sự phù hợp điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất đến năm 2020	Chủ trương; nguồn vốn đầu tư	Ghi chú
			LUA	RSX	RPH	RDD	Các loại đất còn lại				
(1)	(2)	(3)=(4)+... (8)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)
V	<b>Công trình văn hóa</b>	<b>0,380</b>	<b>0,380</b>								
2	Xây dựng nhà văn hóa đa năng	0,380	0,380					Vĩnh Hòa	Phù hợp	Nghị quyết số 08/NQ-HĐND ngày 18/7/2019 của HĐND xã Vĩnh Hòa	
VI	<b>Công trình thể dục thể thao</b>	<b>1,800</b>	<b>1,100</b>				<b>0,700</b>				
1	Xây dựng sân vận động TDTD	0,600	0,600					Vĩnh Quang	Phù hợp	Nghị quyết số 08/NQ-HĐND ngày 18/7/2019 của HĐND xã Vĩnh Hòa	
2	Xây dựng sân vận động TDTD xóm 8	0,700					0,700	Vĩnh Minh	Phù hợp	Nghị quyết số 47/NQ-HĐND ngày 26/7/2019 của HĐND xã Vĩnh Minh	
3	Xây dựng sân vận động TDTD xóm 9	0,500	0,500					Vĩnh Minh	Phù hợp	Nghị quyết số 47/NQ-HĐND ngày 26/7/2019 của HĐND xã Vĩnh Minh	
VII	<b>Dự án cơ sở giáo dục</b>	<b>1,920</b>	<b>0,940</b>				<b>0,980</b>				
1	XD trường mầm non Vĩnh Yên	0,600	0,600					Vĩnh Yên	Phù hợp	Nghị quyết số 34/NQ-HĐND ngày 15/7/2019 của HĐND xã Vĩnh Yên	
2	XD trường mầm non Vĩnh Hòa	0,420	0,340				0,080	Vĩnh Hòa	Phù hợp	Nghị quyết số 08/NQ-HĐND ngày 18/7/2019 của HĐND xã Vĩnh Hòa	
3	Sân tập rèn luyện thể chất trường THPT Tổng Duy Tân	0,800					0,800	Vĩnh Hùng	Phù hợp	Nghị quyết số 154/NQ-HĐND ngày 21/12/2018 của HĐND huyện Vĩnh Lộc	
4	Mở rộng trường mầm non Vĩnh Phúc (khu A)	0,100					0,100	Vĩnh Phúc	Phù hợp	Nghị quyết số 41/NQ-HĐND ngày 04/01/2019 của HĐND xã Vĩnh Phúc	

## DANH MỤC CÔNG TRÌNH, DỰ ÁN CẦN PHẢI THU HỒI ĐẤT TRONG NĂM 2020 HUYỆN THẠCH THÀNH

TT	Hạng mục	Diện tích cần thu hồi (ha)	Được thu hồi từ các loại đất					Địa điểm (đến cấp xã)	Sự phù hợp điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất đến năm 2020	Chủ trương; nguồn vốn đầu tư	Ghi chú
			LUA	RSX	RPH	RDD	Các loại đất còn lại				
(1)	(2)	(3)=(4)+...+(8)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)
	<b>Tổng cộng</b>	<b>21,980</b>	<b>10,400</b>	<b>4,000</b>			<b>7,280</b>				
<b>I</b>	<b>Dự án Khu dân cư nông thôn</b>	<b>11,380</b>	<b>8,900</b>				<b>2,180</b>				
1	Quy hoạch đầu giá QSD đất ở nông thôn tại thôn Quảng Thắng, thôn Quảng Cộng, xã Thạch Quảng	4,840	4,380				0,460	Xã Thạch Quảng	Phù hợp	Quyết định số 1695/QĐ-UBND ngày 23/5/2019 của UBND huyện về việc phê duyệt chủ trương đầu tư dự án: Khu dân cư	
2	Quy hoạch đầu giá QSD đất ở nông thôn tại thôn Đại Dương xã Thạch Đồng	2,340	0,620				1,720	Xã Thạch Đồng	Phù hợp	Quyết định số 1194/QĐ-UBND ngày 24/4/2019 của UBND huyện về việc phê duyệt MBQH chi tiết khu dân cư	
3	Quy hoạch đầu giá QSD đất ở nông thôn tại thôn Thôn Mặc Hèo, xã Thành Minh.	4,200	3,900					Xã Thành Minh	Phù hợp	Quyết định số 1694/QĐ-UBND ngày 23/5/2019 của UBND huyện về việc phê duyệt chủ trương đầu tư dự án	
<b>II</b>	<b>Công trình giao thông</b>	<b>10,600</b>	<b>1,500</b>	<b>4,000</b>			<b>5,100</b>				
1	Đường giao thông xã Thành Minh đi Thành Yên huyện Thạch Thành	4,000		0,500			3,500	Xã Thành Yên- Thành Minh	Phù hợp	Quyết định số 975/QĐ-UBND ngày 13/6/2019 của UBND tỉnh	
2	Đường vào Khu di tích hang Con Moong, xã Thành Yên	5,000	1,500	3,500				Xã Thành Yên	Phù hợp	Quyết định số 3545/QĐ-UBND ngày 06/9/2019 của UBND tỉnh	
3	Đường vào hang Treo KDT Ngọc Trạo	1,600					1,600	Xã Ngọc Trạo	Phù hợp	Quyết định số 4168/QĐ-UBND ngày 11/10/2019 của UBND tỉnh	

## DANH MỤC CÔNG TRÌNH, DỰ ÁN CẦN PHẢI THU HỒI ĐẤT TRONG NĂM 2020 HUYỆN CẨM THỦY

TT	Hạng mục	Diện tích cần thu hồi (ha)	Được lấy từ các loại đất					Địa điểm (đến cấp xã)	Sự phù hợp điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất đến năm 2020 huyện	Chủ trương; nguồn vốn đầu tư	Ghi chú
			Đất NN				Các loại đất khác				
			LUA	RSX	RPH	RDD					
(1)	(2)	(3)=(4)+... (8)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)
	<b>Tổng cộng</b>	<b>40,870</b>	<b>25,100</b>	<b>0,170</b>			<b>15,600</b>				
<b>I</b>	<b>Khu dân cư đô thị</b>	<b>0,170</b>	<b>0,120</b>				<b>0,050</b>				
1	Khu dân cư giáp Tòa án ND huyện	0,120	0,120					Thị Trấn	Phù hợp	Công văn số 1248/UBND-TNMT ngày 19/9/2019 của UBND huyện v/v chấp thuận địa điểm đầu tư	
2	Khu dân cư tổ 7 (khu đất được cũ)	0,050					0,050	Thị Trấn	Phù hợp	Công văn số 1248/UBND-TNMT ngày 19/9/2019 của UBND huyện v/v chấp thuận địa điểm đầu tư	
<b>II</b>	<b>Dự án Khu dân cư nông thôn</b>	<b>8,950</b>	<b>5,170</b>	<b>0,170</b>			<b>3,610</b>				
1	Khu dân cư khu từ công trào thôn Sở đến hộ nhà ông Niễn	0,200	0,200					Xã Cẩm Bình	Phù hợp	Công văn số 1248/UBND-TNMT ngày 19/9/2019 của UBND huyện về việc chấp thuận địa điểm đầu tư	
2	Khu dân cư khu tại Đồng Kim thôn An Đỗ	0,730	0,730					Xã Cẩm Châu	Phù hợp		
3	Khu dân cư khu tại Cung giao thông cũ huyện Cẩm Thủy thuộc thôn Sơn Lập	0,300					0,300	Xã Cẩm Châu	Phù hợp		
4	Khu dân cư khu xen cư Thôn Khuôn gần trạm y tế xã + khu Rải Sy	0,250	0,250					Xã Cẩm Giang	Phù hợp		
5	Khu dân cư khu xen cư đôi Sồng thôn Đồn	0,130					0,130	Xã Cẩm Giang	Phù hợp		
6	Khu dân cư khu tại Khu Thung Ri thôn Liên Sơn	0,350					0,350	Xã Cẩm Liên	Phù hợp		
7	Khu dân cư khu trụ sở UB xã cũ	0,250					0,250	Xã Cẩm Long	Phù hợp		
8	Khu dân cư khu Đồng Vòng Sồng thôn Nga Hạ	0,200	0,200					Xã Cẩm Ngọc	Phù hợp		

TT	Hạng mục	Diện tích cần thu hồi (ha)	Được lấy từ các loại đất					Địa điểm (đến cấp xã)	Sự phù hợp điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất đến năm 2020 huyện	Chủ trương; nguồn vốn đầu tư	Ghi chú
			Đất NN				Các loại đất khác				
			LUA	RSX	RPH	RDD					
(1)	(2)	(3)=(4)+... (8)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)
9	Khu dân cư khu Cao Lương thôn Nga Hạ	0,170	0,100				0,070	Xã Cẩm Ngọc	Phù hợp	Công văn số 1248/UBND-TNMT ngày 19/9/2019 của UBND huyện về việc chấp thuận địa điểm đầu tư	
10	Khu dân cư khu trước làng thôn Đồng Lão	0,770	0,770					Xã Cẩm Ngọc	Phù hợp		
11	Khu dân cư khu xen Ngọc mèo giao thôn Thái Long 2	0,100					0,100	Xã Cẩm Phú	Phù hợp		
12	Khu dân cư khu xen cư Bai Đàng thôn Hoàng Long 2	0,100					0,100	Xã Cẩm Phú	Phù hợp		
13	Khu dân cư khu xen cư Dọc Lê thôn Thái Long	0,250					0,250	Xã Cẩm Phú	Phù hợp		
14	Khu dân cư khu từ nhà ông Tự đến NVH thôn Chà Đa	0,550					0,550	Xã Cẩm Quý	Phù hợp		
15	Khu dân cư khu trước Công chợ mới thôn Bái (Quý Trung)	0,200	0,200					Xã Cẩm Quý	Phù hợp		
16	Khu dân cư khu Ung Dừng thôn Ân	0,400	0,400					Xã Cẩm Quý	Phù hợp		
17	Khu dân cư khu Cây Trám, thôn An Tâm	0,300					0,300	Xã Cẩm Tâm	Phù hợp		
18	Khu dân cư khu tại cửa hàng cũ thôn Do Hạ	0,040					0,040	Xã Cẩm Tân	Phù hợp		
19	Khu dân cư khu tại các thôn Phiến Thôn, Lữ Trung	0,550	0,550					Xã Cẩm Tân	Phù hợp		
20	Khu dân cư khu tại khu Sạ Hương thôn Vân	0,050	0,050					Xã Cẩm Thạch	Phù hợp		
21	Khu dân cư khu xen cư thôn Thành Long 1	0,050					0,050	Xã Cẩm Thành	Phù hợp		
22	Khu dân cư khu xen cư tại NVH Thôn Khạt	0,030					0,030	Xã Cẩm Thành	Phù hợp		
23	Khu dân cư khu xen cư tại Thôn Trện	0,070	0,070					Xã Cẩm Thành	Phù hợp		
24	Khu dân cư khu xen cư tại thôn Chanh	0,310					0,310	Xã Cẩm Thành	Phù hợp		
25	Khu dân cư khu xen cư tại thôn Ân	0,170		0,170				Xã Cẩm Thành	Phù hợp		

TT	Hạng mục	Diện tích cần thu hồi (ha)	Được lấy từ các loại đất					Các loại đất khác	Địa điểm (đến cấp xã)	Sự phù hợp điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất đến năm 2020 huyện	Chủ trương; nguồn vốn đầu tư	Ghi chú
			Đất NN									
			LUA	RSX	RPH	RDD						
(1)	(2)	(3)=(4)+... (8)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	
26	Khu dân cư thôn Thành Long	0,300					0,300	Xã Cẩm Thành	Phù hợp	Công văn số 1248/UBND-TNMT ngày 19/9/2019 của UBND huyện về việc chấp thuận địa điểm đầu tư		
27	Khu dân cư khu Tại thôn Năm	0,200					0,200	Xã Cẩm Thành	Phù hợp			
28	Khu dân cư khu Sân thể thao thôn Phông Khánh	0,160					0,160	Xã Cẩm Thành	Phù hợp			
29	Khu dân cư khu dọc đường liên xã thôn Phông Khánh	0,200	0,200					Xã Cẩm Thành	Phù hợp			
30	Khu dân cư khu xen cư giáp hộ ông Dộng, ông Ý thôn Lương Thành	0,100	0,050				0,050	Xã Cẩm Tú	Phù hợp			
31	Xen cư giáp sân TT thôn Thuận Lương	0,020					0,020	Xã Cẩm Tú	Phù hợp			
32	Xen cư (cạnh chùa mông) thôn Cẩm Hoa	0,050					0,050	Xã Cẩm Tú	Phù hợp			
33	Khu dân cư khu Tại khu Ban Khiêm đường vào UBND xã thôn 102A (Ngọc Vóc)	0,700	0,700					Xã Cẩm Yên	Phù hợp			
34	Khu dân cư khu Bưởi thôn Vân Bằng	0,700	0,700					Xã Cẩm Vân	Phù hợp			
<b>III</b>	<b>Công trình giao thông</b>	<b>6,030</b>	<b>4,440</b>				<b>1,590</b>					
1	Tuyến đường từ tổ 4 (Quang Trung) đi thôn Đại Đồng xã Cẩm Sơn	1,500	1,500					Thị Trấn	Phù hợp	Quyết định số 1698/QĐ-UBND ngày 11/9/2019 của UBND huyện Cẩm Thủy chấp thuận chủ trương, nguồn vốn đầu tư dự án.		
2	Tuyến đường từ thị trấn (Quang Trung) đi tiếp giáp đoạn tránh 217 (tại sân vận động quy hoạch mới)	1,100	1,100					Xã Cẩm Sơn	Phù hợp			
3	Đường nối từ thị trấn đi cầu cứng Cẩm Giang	1,840	0,250				1,590	Thị Trấn	Phù hợp	Nghị quyết số 03/NQ-HĐND ngày 06/6/2019 của Hội đồng ND huyện Cẩm Thủy.		
4	Bãi đỗ xe thôn Lương Ngọc	1,000	1,000					Xã Cẩm Lương	Phù hợp	Quyết định số 1700/QĐ-UBND ngày 11/9/2019 của UBND huyện Cẩm Thủy chấp thuận chủ trương, nguồn vốn đầu tư dự án.		

TT	Hạng mục	Diện tích cần thu hồi (ha)	Được lấy từ các loại đất					Địa điểm (đến cấp xã)	Sự phù hợp điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất đến năm 2020 huyện	Chủ trương; nguồn vốn đầu tư	Ghi chú
			Đất NN				Các loại đất khác				
			LUA	RSX	RPH	RDD					
(1)	(2)	(3)=(4)+... (8)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)
5	Mở rộng đoạn đường nội đồng từ công ao lò gạch thôn Phú Lai cũ (Trung Giang) đi đầu cầu bến đò cấp nối đường trục xã.	0,220	0,220					Xã Cẩm Giang	Phù hợp	Quyết định số 71/QĐ-UBND ngày 10/9/2019 của UBND xã Cẩm Giang phê duyệt chủ trương đầu tư công trình, dự án	
6	Mở mới đoạn từ đầu cầu bến đò cấp nối đường trục xã, tại khu Khảm Gạo.	0,370	0,370					Xã Cẩm Giang	Phù hợp		
<b>IV</b>	<b>Công trình năng lượng</b>	<b>0,060</b>	<b>0,060</b>								
1	Giảm tổn thất các Trạm biến áp TBA > 10% Điện lực Cẩm Thủy	0,060	0,060					Cẩm Quý, Cẩm Long, Cẩm Phú, Cẩm Ngọc, Cẩm Tâm, Cẩm Tân, Cẩm Vân, Cẩm Thạch	Phù hợp	Công văn số 1818/PCTH-BATH ngày 21/8/2019 của Công ty Điện lực Thanh Hóa; Công văn số 3559/EVNNPC-KH ngày 19/8/2019 của Tổng Công ty Điện lực Miền Bắc bổ sung kế hoạch đầu tư xây dựng năm 2019.	
<b>V</b>	<b>Công trình thể dục thể thao</b>	<b>6,070</b>	<b>5,790</b>				<b>0,280</b>				
1	Xây dựng TT văn hóa - thể thao xã Cẩm Bình	1,220	1,210				0,010	Xã Cẩm Bình	Phù hợp	Quyết định số 88/QĐ-UBND ngày 02/10/2019 của UBND xã Cẩm Bình phê duyệt chủ trương đầu tư công trình, dự án	
2	Khu TTTT - VH huyện	4,850	4,580				0,270	Thị trấn (xã Cẩm Sơn cũ)	Phù hợp	Quyết định số 1699/QĐ-UBND ngày 11/9/2019 của UBND huyện Cẩm Thủy chấp thuận chủ trương, nguồn vốn đầu tư dự án.	
<b>VI</b>	<b>Dự án cơ sở giáo dục</b>	<b>0,810</b>	<b>0,380</b>				<b>0,430</b>				
1	Mở rộng mầm non tại thôn Chiềng	0,430	0,380				0,050	Xã Cẩm Giang	Phù hợp	Quyết định số 71/QĐ-UBND ngày 10/9/2019 của UBND xã Cẩm Giang phê duyệt chủ trương đầu tư công trình, dự án	

TT	Hạng mục	Diện tích cần thu hồi (ha)	Được lấy từ các loại đất					Các loại đất khác	Địa điểm (đến cấp xã)	Sự phù hợp điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất đến năm 2020 huyện	Chủ trương; nguồn vốn đầu tư	Ghi chú
			Đất NN									
			LUA	RSX	RPH	RDD						
(1)	(2)	(3)=(4)+... (8)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	
2	Mở rộng trường THCS Cẩm Tú	0,260					0,260	Xã Cẩm Tú	Phù hợp	Quyết định số 84/QĐ-UBND ngày 05/7/2019 của UBND xã Cẩm Tú phê duyệt chủ trương đầu tư xây dựng công trình, dự án		
3	Mở rộng trường mầm non khu I tại thôn Lương Thành	0,120					0,120	Xã Cẩm Tú	Phù hợp	Quyết định số 84/QĐ-UBND ngày 05/7/2019 của UBND xã Cẩm Tú phê duyệt chủ trương đầu tư xây dựng công trình, dự án		
<b>VII</b>	<b>Dự án thu gom xử lý rác thải</b>	<b>0,400</b>					<b>0,400</b>					
1	Khu tập kết rác thải tại Khu Thung Voi thôn Vọng	0,400					0,400	Xã Cẩm Giang	Phù hợp	Quyết định số 71/QĐ-UBND ngày 10/9/2019 của UBND xã Cẩm Giang phê duyệt chủ trương đầu tư công trình, dự án		
<b>VIII</b>	<b>Công trình sinh hoạt cộng đồng</b>	<b>0,380</b>	<b>0,380</b>									
1	Mở rộng NVH thôn Bến	0,180	0,180					Xã Cẩm Giang	Phù hợp	Quyết định số 71/QĐ-UBND ngày 10/9/2019 của UBND xã Cẩm Giang phê duyệt chủ trương đầu tư công trình, dự án		
2	Xây dựng mới NVH thôn Bắc Sơn	0,200	0,200					Xã Cẩm Tú	Phù hợp	Quyết định số 84/QĐ-UBND ngày 05/7/2019 của UBND xã Cẩm Tú phê duyệt chủ trương đầu tư xây dựng công trình, dự án		
<b>IX</b>	<b>Khu vui chơi giải trí phục vụ công cộng</b>	<b>18,000</b>	<b>8,760</b>				<b>9,240</b>					
1	Khu vui chơi giải trí phục vụ công cộng xã Cẩm Lương	18,000	8,760				9,240	Xã Cẩm Lương	Phù hợp	Công văn số 7790/UBND-CN ngày 24/6/2019 v/v nghiên cứu lập quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/500 khu nghỉ dưỡng xã Cẩm Lương, huyện Cẩm Thủy		



## DANH MỤC CÔNG TRÌNH, DỰ ÁN CẦN PHẢI THU HỒI ĐẤT TRONG NĂM 2020 HUYỆN NGỌC LẠC

TT	Hạng mục	Diện tích cần thu hồi (ha)	Được lấy từ các loại đất					Địa điểm (đến cấp xã)	Sự phù hợp điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất đến năm 2020 huyện	Chủ trương; nguồn vốn đầu tư	Ghi chú
			Đất NN				Các loại đất khác				
			LUA	RSX	RPH	RDD					
(1)	(2)	(3)=(4)+... (8)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)
	<b>Tổng cộng</b>	<b>18,450</b>	<b>11,470</b>	<b>1,600</b>			<b>5,380</b>				
<b>I</b>	<b>Dự án Khu dân cư nông thôn</b>	<b>7,970</b>	<b>4,430</b>	<b>0,520</b>			<b>3,020</b>				
1	MBQH khu dân cư thôn Trung Tâm (xưởng sản xuất đũa)	0,160					0,160	Lam Sơn	Phù hợp	Văn bản số 1338/UBND-TNMT ngày 23/8/2019 của UBND huyện	
2	MBQH khu xen cư làng Trạc	0,310	0,310					Phúc Thịnh	Phù hợp	Văn bản số 1338/UBND-TNMT ngày 23/8/2019 của UBND huyện	
3	MBQH khu dân cư thôn Minh Thuận	0,070	0,070					Minh Sơn	Phù hợp	Văn bản số 1338/UBND-TNMT ngày 23/8/2019 của UBND huyện	
4	MBQH khu dân cư cầu tràn thôn Minh Lai	0,090	0,090					Minh Sơn	Phù hợp	Văn bản số 1338/UBND-TNMT ngày 23/8/2019 của UBND huyện	
5	MBQH khu tái định cư kênh Bắc Cửa Đạt đoạn qua thôn Xuân Minh	0,200	0,200					Ngọc Trung	Phù hợp	Văn bản số 1338/UBND-TNMT ngày 23/8/2019 của UBND huyện	
6	MBQH khu dân cư thôn Yên Thắng	0,260	0,260					Ngọc Trung	Phù hợp	Văn bản số 1338/UBND-TNMT ngày 23/8/2019 của UBND huyện	
7	MBQH khu dân cư thôn Thọ Phú	0,300		0,300				Ngọc Trung	Phù hợp	Văn bản số 1338/UBND-TNMT ngày 23/8/2019 của UBND huyện	
8	MBQH khu dân cư thôn Xuân Minh	0,220		0,220				Ngọc Trung	Phù hợp	Văn bản số 1338/UBND-TNMT ngày 23/8/2019 của UBND huyện	
9	MBQH khu dân cư làng Thành Công	0,130					0,130	Kiên Thọ	Phù hợp	Văn bản số 1338/UBND-TNMT ngày 23/8/2019 của UBND huyện	
10	MBQH khu xen cư thôn Tiền Phong	1,460	0,850				0,610	Ngọc Sơn	Phù hợp	Văn bản số 1338/UBND-TNMT ngày 23/8/2019 của UBND huyện	
11	MBQH khu xen cư làng Me	0,400					0,400	Đồng Thịnh	Phù hợp	Văn bản số 1338/UBND-TNMT ngày 23/8/2019 của UBND huyện	
12	MBQH khu xen cư thôn Lưu Phúc	0,550	0,550					Quang Trung	Phù hợp	Văn bản số 1338/UBND-TNMT ngày 23/8/2019 của UBND huyện	
13	MBQH khu xen cư thôn Thuận Hòa	0,310	0,310					Quang Trung	Phù hợp	Văn bản số 1338/UBND-TNMT ngày 23/8/2019 của UBND huyện	

TT	Hạng mục	Diện tích cần thu hồi (ha)	Được lấy từ các loại đất					Địa điểm (đến cấp xã)	Sự phù hợp điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất đến năm 2020 huyện	Chủ trương; nguồn vốn đầu tư	Ghi chú
			Đất NN				Các loại đất khác				
			LUA	RSX	RPH	RDD					
(1)	(2)	(3)=(4)+... (8)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)
	<b>Tổng cộng</b>	<b>18,450</b>	<b>11,470</b>	<b>1,600</b>			<b>5,380</b>				
14	MBQH khu dân cư cầu làng Thê	0,070					0,070	Nguyệt Ân	Phù hợp	Văn bản số 1338/UBND-TNMT ngày 23/8/2019 của UBND huyện	
15	MBQH dân cư trạm điện làng Mót	1,650					1,650	Nguyệt Ân	Phù hợp	Văn bản số 1338/UBND-TNMT ngày 23/8/2019 của UBND huyện	
16	MBQH dân cư làng Lương Thiện	0,600	0,600					Thạch Lập	Phù hợp	Văn bản số 1338/UBND-TNMT ngày 23/8/2019 của UBND huyện	
17	MBQH dân cư làng Đô Ung 1	0,130	0,130					Thạch Lập	Phù hợp	Văn bản số 1338/UBND-TNMT ngày 23/8/2019 của UBND huyện	
18	MBQH dân cư làng Đô Ung 2	0,160	0,160					Thạch Lập	Phù hợp	Văn bản số 1338/UBND-TNMT ngày 23/8/2019 của UBND huyện	
19	MBQH khu xen cư thôn Trung Sơn	0,900	0,900					Thúy Sơn	Phù hợp	Văn bản số 1338/UBND-TNMT ngày 23/8/2019 của UBND huyện	
<b>II</b>	<b>Công trình thủy lợi</b>	<b>6,380</b>	<b>3,620</b>	<b>0,550</b>			<b>2,210</b>				
1	Gia cố mái thượng lưu và sửa chữa bảo đảm an toàn tràn xã lữ hồ Bai Ao	0,410	0,060	0,300			0,050	Đồng Thịnh	phù hợp	Công văn số 4220/UBND-NN ngày 18/4/2018 của UBND tỉnh	
2	Gia cố chống thấm và đảm bảo an toàn hồ Bai Ngọc	1,030	0,350	0,180			0,500	Quang Trung	phù hợp	Công văn số 4220/UBND-NN ngày 18/4/2018 của UBND tỉnh	
3	Hồ làng Pheo (Chàng Vàng)	4,94	3,21	0,07			1,660	Nguyệt Ân	Phù hợp	Quyết định số 3982/QĐ-UBND ngày 19/10/2017 của UBND tỉnh về phê duyệt danh mục và chủ trương	
<b>III</b>	<b>Công trình năng lượng</b>	<b>0,170</b>	<b>0,120</b>				<b>0,050</b>				

TT	Hạng mục	Diện tích cần thu hồi (ha)	Được lấy từ các loại đất					Địa điểm (đến cấp xã)	Sự phù hợp điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất đến năm 2020 huyện	Chủ trương; nguồn vốn đầu tư	Ghi chú
			Đất NN				Các loại đất khác				
			LUA	RSX	RPH	RDD					
(1)	(2)	(3)=(4)+... (8)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)
	<b>Tổng cộng</b>	<b>18,450</b>	<b>11,470</b>	<b>1,600</b>			<b>5,380</b>				
1	Chống quá tải, giảm tổn thất các TBA > 10% điện lực Ngọc Lặc - tỉnh Thanh Hóa	0,170	0,120				0,050	Nguyệt Ân, Quang Trung, Vân Am, Ngọc Khê, Phúc Thịnh, Kiên Thọ, Thạch Lập, Mỹ Tân, Phùng Giáo, Minh Tiến, Ngọc Trung, Cao Ngọc, Ngọc Sơn, Thúy Sơn, Đồng Thịnh	Phù hợp	Văn bản số 1818/PCTH-BATH ngày 21/8/2019 của Công ty Điện lực Thanh Hóa	
<b>IV</b>	<b>Công trình cơ sở văn hóa</b>	<b>3,300</b>	<b>3,300</b>								
1	Mở rộng khu không gian văn hóa truyền thống huyện Ngọc Lặc	3,300	3,300					Ngọc Khê	Phù hợp	Văn bản số 5258/SKHĐT-KTĐN ngày 27/8/2019 của Sở KHĐT	
<b>V</b>	<b>Dự án chợ</b>	<b>0,530</b>		<b>0,530</b>							
1	Xây dựng chợ mới xã Ngọc Trung	0,530		0,530				Ngọc Trung	Phù hợp	Văn bản số 1338/UBND-TNMT ngày 23/8/2019 của UBND huyện	
<b>VI</b>	<b>Công trình nghĩa trang nghĩa địa</b>	<b>0,100</b>					<b>0,100</b>				
1	Đầu tư xây dựng nghĩa trang liệt sĩ huyện Ngọc Lặc	0,100					0,100	Thị trấn Ngọc Lặc	Phù hợp	Quyết định số 1990/QĐ-UBND ngày 21/5/2019 của UBND huyện Ngọc Lặc về phê duyệt chủ trương đầu tư	

## DANH MỤC CÔNG TRÌNH, DỰ ÁN CẦN PHẢI THU HỒI ĐẤT TRONG NĂM 2020 HUYỆN NHƯ THANH

TT	Hạng mục	Diện tích cần thu hồi (ha)	Được lấy từ các loại đất					Địa điểm (đến cấp xã)	Sự phù hợp điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất đến năm 2020 huyện	Chủ trương; nguồn vốn đầu tư	Ghi chú
			Đất NN				Các loại đất khác				
			LUA	RSX	RPH	RDD					
(1)	(2)	(3)=(4)+... (8)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)
	<b>Tổng cộng</b>	<b>28,435</b>	<b>12,085</b>	<b>6,010</b>	<b>1,190</b>		<b>9,150</b>				
<b>I</b>	<b>Dự án Khu dân cư đô thị</b>	<b>0,690</b>	<b>0,220</b>	<b>0,200</b>			<b>0,270</b>				
1	Dự án đấu giá đất ở dân cư khu phố Hải Tiến	0,300	0,100	0,200				TT Bến Sung	Phù hợp	Quyết định số 1876/QĐ-UBND ngày 19/8/2019 của UBND huyện chấp thuận chủ trương đầu tư	
2	Dự án đấu giá đất ở dân cư khu phố Xuân Điền	0,220	0,120			0,100	TT Bến Sung	Phù hợp			
3	Dự án đấu giá đất xen cư khu phố 1 và khu phố 2	0,170				0,170	TT Bến Sung	Phù hợp			
<b>II</b>	<b>Dự án Khu dân cư nông thôn</b>	<b>8,080</b>	<b>4,420</b>	<b>0,760</b>			<b>2,900</b>				
1	Dự án đấu giá QSD đất thôn Xuân Hòa	0,430	0,200				0,230	Xuân Khang	Phù hợp	Quyết định số 1878/QĐ-UBND ngày 19/8/2019 của UBND huyện chấp thuận chủ trương đầu tư	
2	Dự án đấu giá QSD đất thôn Trạch Khang	0,370					0,370	Xuân Khang	Phù hợp		
3	Dự án bố trí tái định cư cho các hộ khu vực ảnh hưởng sạt lở thôn Xuân Lộc	0,200					0,200	Xuân Khang	Phù hợp	Công văn số 1050/UBND-NN ngày 07/8/2019 của UBND huyện lập dự án đầu tư	
4	Đấu giá QSD đất ở tại Thôn 6,7,8,10	0,670	0,380				0,290	Cán Khê	Phù hợp	Quyết định số 1869/QĐ-UBND ngày 19/8/2019 của UBND huyện chấp thuận chủ trương đầu tư	
5	Đấu giá QSD đất tại thôn Bái Đa 1	0,250	0,040				0,210	Phượng Nghi	Phù hợp	Quyết định số 1875/QĐ-UBND ngày 19/8/2019 của UBND huyện chấp thuận chủ trương đầu tư	
6	Đấu giá QSD đất tại thôn Khe Xanh (Khe Đen)	0,030	0,030					Phượng Nghi	Phù hợp		
7	Đấu giá QSD đất tại thôn Bãi Hùm (Bãi Bò)	0,810	0,530				0,280	Phượng Nghi	Phù hợp		
8	Dự án khu dân cư thôn Hải Hòa	0,800		0,400			0,400	Hải Long	Phù hợp	Quyết định số 1870/QĐ-UBND ngày 19/8/2019 của UBND huyện chấp thuận chủ trương đầu tư	
9	Đấu giá quyền sử dụng đất ở dân cư tại thôn Đồng Lườn	0,450					0,450	Xuân Thái	Phù hợp		

TT	Hạng mục	Diện tích cần thu hồi (ha)	Được lấy từ các loại đất					Địa điểm (đến cấp xã)	Sự phù hợp điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất đến năm 2020 huyện	Chủ trương; nguồn vốn đầu tư	Ghi chú
			Đất NN				Các loại đất khác				
			LUA	RSX	RPH	RDD					
(1)	(2)	(3)=(4)+... (8)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)
10	Đấu giá quyền sử dụng đất ở dân cư tại thôn Cây Nghĩa, Ấp Cũ	0,200					0,200	Xuân Thái	Phù hợp	Quyết định số 1880/QĐ-UBND ngày 19/8/2019 của UBND huyện chấp thuận chủ trương đầu tư	
11	Đấu giá quyền sử dụng đất ở dân cư tại thôn Yên Khang	0,200		0,200				Xuân Thái	Phù hợp		
12	Dự án tái định cư hộ ngập lụt	0,160		0,160				Xuân Thái	Phù hợp	Công văn số 1048/UBND-TNMT ngày 07/8/2019 của UBND huyện	
13	Dự án đấu giá QSD đất khu Đồng Ron 1 thôn Đồng Nghiêm	0,490	0,490					Mậu Lâm	Phù hợp	Quyết định số 1872/QĐ-UBND ngày 19/8/2019 của UBND huyện chấp thuận chủ trương đầu tư	
14	Đấu giá QSD đất khu dân cư thôn 1	0,280	0,280					Phúc Đường	Phù hợp	Quyết định số 1874/QĐ-UBND ngày 19/8/2019 của UBND huyện chấp thuận chủ trương đầu tư	
15	Đấu giá QSD đất ở tại thôn Phú Nhuận	0,140					0,140	Phú Nhuận	Phù hợp	Quyết định số 1873/QĐ-UBND ngày 19/8/2019 của UBND huyện chấp thuận chủ trương đầu tư	
16	Đấu giá QSD đất ở tại thôn Đồi Dê	0,570	0,570					Hải Vân	Phù hợp	Quyết định số 1871/QĐ-UBND ngày 19/8/2019 của UBND huyện chấp thuận chủ trương đầu tư	
17	Đấu giá QSD đất ở tại các thôn 2, 13	0,140	0,140					Xuân Du	Phù hợp	Quyết định số 1877/QĐ-UBND ngày 19/8/2019 của UBND huyện chấp thuận chủ trương đầu tư	
18	Đấu giá quyền sử dụng đất thôn Xuân Thịnh	0,320	0,320					Yên Thọ	Phù hợp	Quyết định số 1881/QĐ-UBND ngày 19/8/2019 của UBND huyện chấp thuận chủ trương đầu tư	
19	Đấu giá quyền sử dụng đất thôn Tân Thọ	0,570	0,570					Yên Thọ	Phù hợp		
20	Đấu giá QSD đất thôn Xuân Thọ	0,140	0,140					Yên Thọ	Phù hợp		
21	Đấu giá xen cư các thôn	0,170	0,040				0,130	Yên Thọ	Phù hợp		
22	Chuyển mục đích đất lúa sang đấu giá đất ở dân cư các thôn 4,5,9,11	0,690	0,690					Xuân Du	Phù hợp	Quyết định số 1877/QĐ-UBND ngày 19/8/2019 của UBND huyện chấp thuận chủ trương đầu tư	
<b>III</b>	<b>Công trình giao thông</b>	<b>13,430</b>	<b>7,140</b>	<b>0,700</b>	<b>1,040</b>		<b>4,550</b>				

TT	Hạng mục	Diện tích cần thu hồi (ha)	Được lấy từ các loại đất					Địa điểm (đến cấp xã)	Sự phù hợp điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất đến năm 2020 huyện	Chủ trương; nguồn vốn đầu tư	Ghi chú
			Đất NN				Các loại đất khác				
			LUA	RSX	RPH	RDD					
(1)	(2)	(3)=(4)+... (8)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)
1	Xây dựng đường giao thông	0,700	0,700					Phú Nhuận	Phù hợp	Quyết định số 86/QĐ-UBND ngày 19/8/2019 của UBND xã	
2	Đường giao thông Xuân Thái - đường ngang Nghi Sơn - Bãi Trành	2,840			1,040		1,800	Xuân Thái	Phù hợp	Công văn số 9272/UBND-THKH ngày 19/7/2019 của UBND tỉnh	
3	Đường giao thông Xuân Điền - cầu Đồng Bưu	0,460	0,370				0,090	TT Bến Sung	Phù hợp	Quyết định số 113/QĐ-UBND ngày 19/8/2019 của UBND thị trấn	
4	Tuyến đường giao thông nối từ đường tỉnh 520 vào khu vực Trang trại nông nghiệp CNC - trang trại gà 4A	2,700	1,700	0,500			0,500	Mậu Lâm	Phù hợp	Quyết định số 2475/QĐ-UBND ngày 01/11/2019 của UBND huyện Như Thanh	
5	Đường nối thành phố Thanh Hóa với cảng hàng không Thọ Xuân, đoạn từ cầu Nỏ Hên đến đường tỉnh 514	6,730	4,370	0,200			2,160	Xuân Du	Phù hợp	Quyết định số 4521/QĐ-UBND ngày 31/10/2019 của UBND tỉnh	
<b>IV</b>	<b>Công trình thủy lợi</b>	<b>4,820</b>	<b>0,200</b>	<b>3,800</b>	<b>0,150</b>		<b>0,670</b>				
1	Dự án nâng cấp, sửa chữa hồ Ao Sen	0,640	0,200				0,440	Yên Lạc	Phù hợp	Công văn số 9699/UBND-NN ngày 13/8/2018 của UBND tỉnh	
2	Dự án sửa chữa nâng cấp đập Suối Đền	0,400		0,400				Thanh Tân	Phù hợp	Công văn số 9881/UBND-NN ngày 31/7/2019 của UBND tỉnh	
3	Dự án nâng cấp, sửa chữa hồ Đá Bàn	3,400		3,400				Phú Nhuận	Phù hợp	Công văn số 9881/UBND-NN ngày 31/7/2019 của UBND tỉnh	
4	Công trình đầu tư xây dựng hệ thống thủy lợi phục vụ thâm canh lúa xã Yên Lạc	0,380			0,150		0,230	Yên Lạc	Phù hợp	Công văn số 8890/UBND-NN ngày 15/11/2018 của UBND tỉnh	
<b>V</b>	<b>Dự án năng lượng</b>	<b>0,015</b>	<b>0,005</b>				<b>0,010</b>				
1	Xây dựng trạm biến áp và đường dây cung cấp điện cho công trình trung tâm hành chính xã	0,015	0,005				0,010	Phúc Đường	Phù hợp	Quyết định số 2334/QĐ-UBND ngày 12/7/2018 của UBND huyện	
<b>VI</b>	<b>Công trình thể dục thể thao</b>	<b>0,200</b>					<b>0,200</b>				
1	Quy hoạch sân thể thao tại thôn 4	0,200					0,200	Phúc Đường	Phù hợp	Quyết định số 184/QĐ-UBND ngày 16/8/2019 của UBND xã; Quyết định số 2334/QĐ-UBND ngày 12/7/2018 của UBND huyện	

TT	Hạng mục	Diện tích cần thu hồi (ha)	Được lấy từ các loại đất					Địa điểm (đến cấp xã)	Sự phù hợp điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất đến năm 2020 huyện	Chủ trương; nguồn vốn đầu tư	Ghi chú
			Đất NN				Các loại đất khác				
			LUA	RSX	RPH	RDD					
(1)	(2)	(3)=(4)+... (8)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)
<b>VII</b>	<b>Dự án cơ sở giáo dục</b>	<b>0,600</b>		<b>0,400</b>			<b>0,200</b>				
1	Mở rộng Trường Tiểu học Xuân Thái	0,400		0,400				Xuân Thái	Phù hợp	Quyết định số 118/QĐ-UBND ngày 19/8/2019 của UBND xã	
2	Mở rộng khuôn viên trường tiểu học 1	0,200					0,200	Yên Thọ	Phù hợp	Quyết định số 49A/QĐ-UBND ngày 26/7/2019 của UBND xã	
<b>VIII</b>	<b>Công trình chợ</b>	<b>0,200</b>					<b>0,200</b>				
1	Xây dựng Chợ Xuân Thái	0,200					0,200	Xuân Thái	Phù hợp	Quyết định số 117/QĐ-UBND ngày 19/8/2019 của UBND xã	
<b>IX</b>	<b>Dự án sinh hoạt cộng đồng</b>	<b>0,400</b>	<b>0,100</b>	<b>0,150</b>			<b>0,150</b>				
1	Mở rộng khuôn viên nhà văn hoá thôn 3	0,100	0,100					Phúc Đường	Phù hợp	Quyết định số 183/QĐ-UBND ngày 16/8/2019 của UBND xã	
2	Xây dựng nhà văn hóa thôn Hợp Tiến	0,150					0,150	Thanh Tân	Phù hợp	Quyết định số 936/QĐ-UBND ngày 03/5/2019 của UBND huyện	
3	Xây dựng nhà văn hóa thôn Hợp Nhất	0,150		0,150				Thanh Tân	Phù hợp	Quyết định số 936/QĐ-UBND ngày 03/5/2019 của UBND huyện	

## DANH MỤC CÔNG TRÌNH, DỰ ÁN CẦN PHẢI THU HỒI ĐẤT TRONG NĂM 2020 HUYỆN LANG CHÁNH

TT	Hạng mục	Diện tích cần thu hồi (ha)	Được lấy từ các loại đất				Các loại đất khác	Địa điểm (đến cấp xã)	Sự phù hợp điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất đến năm 2020	Chủ trương; nguồn vốn đầu tư	Ghi chú
			Đất NN								
			LUA	RSX	RPH	RDD					
(1)	(2)	(3)=(4)+...+(8)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)
	<b>Tổng cộng</b>	<b>1,492</b>	<b>0,440</b>	<b>0,007</b>			<b>1,045</b>				
<b>I</b>	<b>Khu dân cư nông thôn</b>	<b>0,200</b>	<b>0,080</b>				<b>0,120</b>				
1	Khu dân cư thôn En	0,080	0,080					Trí Nang	Phù hợp	Công văn số 779/UBND-TNMT ngày 12/7/2019 của UBND huyện chấp thuận chủ trương đầu tư	
2	Khu dân cư Chiềng Ban I	0,120					0,120	Quang Hiến	Phù hợp	Công văn số 763/UBND-TNMT ngày 09/7/2019 của UBND huyện chấp thuận chủ trương đầu tư	
<b>II</b>	<b>Công trình giao thông</b>	<b>0,020</b>					<b>0,020</b>				
	Mở rộng đường GT khu phố Lê Lai	0,020					0,020	Thị trấn Lang Chánh	Phù hợp	Công văn Số 761/ UBND-KTHT ngày 09/7/2019 của UBND tỉnh	
<b>III</b>	<b>Công trình năng lượng</b>	<b>0,042</b>		<b>0,007</b>			<b>0,035</b>				
1	Chống quá tải lưới Điện lực Lang Chánh, tại Thị trấn Lang Chánh	0,007					0,007	Thị trấn Lang Chánh	Phù hợp	Quyết định số 2601/QĐ-EVVNPC ngày 29/8/2019 của Tổng công ty điện lực	
2	Chống quá tải lưới Điện lực Lang Chánh, tại xã Giao Thiện	0,005					0,005	Giao Thiện	Phù hợp		
3	Chống quá tải lưới Điện lực Lang Chánh, tại xã Tân Phúc	0,003					0,003	Tân Phúc	Phù hợp		
4	Trạm biến áp + Chống quá tải lưới Điện lực Lang Chánh, tại xã Đồng Lương	0,007		0,004			0,003	Đồng Lương	Phù hợp		
5	Chống quá tải lưới Điện lực Lang Chánh, tại xã Yên Khương	0,011		0,001			0,010	Yên Khương	Phù hợp		
6	Chống quá tải lưới Điện lực Lang Chánh, tại xã Giao An	0,009		0,002			0,007	Giao An	Phù hợp		
<b>IV</b>	<b>Công trình thể dục thể thao</b>	<b>0,600</b>					<b>0,600</b>				
1	Sân thể thao Chiềng Ban I	0,600					0,600	Quang Hiến	Phù hợp	Công văn Số 37/ UBND-TNMT ngày 15/01/2019	



TT	Hạng mục	Diện tích cần thu hồi (ha)	Được lấy từ các loại đất					Địa điểm (đến cấp xã)	Sự phù hợp điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất đến năm 2020	Chủ trương; nguồn vốn đầu tư	Ghi chú
			Đất NN				Các loại đất khác				
			LUA	RSX	RPH	RDD					
(1)	(2)	(3)=(4)+...+(8)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)
<b>V</b>	<b>Công trình chợ</b>	<b>0,360</b>	<b>0,360</b>								
1	Dự án xây mới Chợ xã Giao Thiện	0,360	0,360					Giao Thiện	Phù hợp	Công văn Số 1004/ UBND-TNMT ngày 06/9/2019	
<b>VI</b>	<b>Dự án sinh hoạt cộng đồng</b>	<b>0,270</b>					<b>0,270</b>				
1	Nhà văn hóa thôn Chiềng Ban 1	0,270					0,270	Quang Hiến	Phù hợp	Công văn Số 38/ UBND-TNMT ngày 15/01/2019	

## DANH MỤC CÔNG TRÌNH, DỰ ÁN CẦN PHẢI THU HỒI ĐẤT TRONG NĂM 2020 HUYỆN BÁ THƯỚC

TT	Hạng mục	Diện tích cần thu hồi (ha)	Được lấy từ các loại đất					Địa điểm (đến cấp xã)	Sự phù hợp điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất đến năm 2020 huyện	Chủ trương; nguồn vốn đầu tư	Ghi chú
			Đất NN				Các loại đất khác				
			LUA	RSX	RPH	RDD					
(1)	(2)	(3)=(4)+...+(8)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)
	<b>Tổng cộng</b>	<b>7,820</b>	<b>2,380</b>	<b>1,250</b>			<b>4,190</b>				
<b>I</b>	<b>Dự án Khu dân cư nông thôn</b>	<b>1,580</b>	<b>1,410</b>				<b>0,170</b>				
1	Đấu giá QSD đất xã Diên Trung (MBQH 1)	0,760	0,760					Xã Diên Trung	Phù hợp	Quyết định số 3007/QĐ-UBND ngày 31/10/2019 của UBND huyện Bá Thước về việc chấp thuận chủ trương đầu tư	
2	Đấu giá QSD đất xã Diên Trung (MBQH 2)	0,500	0,500					Xã Diên Trung	Phù hợp		
3	Đấu giá QSD đất xã Lương Nội	0,100					0,100	Xã Lương Nội	Phù hợp		
4	Bố trí tái định cư cho hộ dân phải di dời do sạt lở tại xã Lương Nội	0,070					0,070	Xã Lương Nội	Phù hợp	Đề án: 01/ĐA-UBND ngày 04/5/2019 của UBND xã Lương Nội về bố trí, sắp xếp di dân vùng có nguy cơ cao sạt ra sạt lở đất	
5	Đấu giá quyền sử dụng đất tại xã Diên Lư	0,150	0,150					Xã Diên Lư	Phù hợp	Quyết định số 3007/QĐ-UBND ngày 31/10/2019 của UBND huyện Bá Thước về việc chấp thuận chủ trương đầu tư	
<b>II</b>	<b>Cụm công nghiệp</b>	<b>1,250</b>		<b>1,250</b>							
1	Dự án nhà máy chế biến nông sản và sản xuất gạch, ngói không nung (cụm công nghiệp Diên Trung)	1,250		1,250				Xã Diên Trung	Phù hợp	QĐ số 599/QĐ-UBND ngày 22/3/2019 của UBND huyện Bá Thước về việc chấp thuận chủ trương đầu tư dự án nhà máy chế biến nông sản và sản xuất gạch, ngói không nung tại cụm công nghiệp xã Diên Trung	
<b>III</b>	<b>Công trình giao thông</b>	<b>4,640</b>	<b>0,620</b>				<b>4,020</b>				
1	Kiên cố hóa đường GT nội đồng thôn Chiềng Lãm, xã Diên Lư	0,360	0,360					Xã Diên Lư	Phù hợp	QĐ số 2159/QĐ-UBND ngày 16/8/2019 của UBND huyện Bá Thước về việc phê duyệt BC KTKT công trình kiên cố hóa đường giao thông nội đồng thôn Chiềng Lãm, xã Diên Lư	

TT	Hạng mục	Diện tích cần thu hồi (ha)	Được lấy từ các loại đất					Địa điểm (đến cấp xã)	Sự phù hợp điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất đến năm 2020 huyện	Chủ trương; nguồn vốn đầu tư	Ghi chú
			Đất NN				Các loại đất khác				
			LUA	RSX	RPH	RDD					
(1)	(2)	(3)=(4)+...+(8)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)
2	Kiên cố hóa đường GT nội đồng thôn Ba, xã Ban Công	0,220	0,220					Xã Ban Công	Phù hợp	QĐ số 2156/QĐ-UBND ngày 16/8/2019 của UBND huyện Bá Thước về việc phê duyệt BC KTKT công trình kiên cố hóa đường giao thông nội đồng thôn Ba, xã Ban Công	
3	Nối tiếp đường giao thông từ Giầu Cỏ đi Cáo Đạo, xã Lương Ngoại, huyện Bá Thước	4,000					4,000	xã Lương Ngoại	Phù hợp	QĐ số 2833/QĐ-UBND ngày 29/7/2016 của UBND tỉnh về việc phê duyệt chi tiết kế hoạch giao vốn đầu tư cho các dự án thuộc chương trình MTQG giảm nghèo bền vững năm 2016	
4	Dự án xây dựng cầu Mỏ Làn và đường đi Làng Lâm -Thôn Ben	0,060	0,040				0,020	Xã Lương nội	Phù hợp	QĐ: 1297/QĐ-UBND ngày 11/4/2019 của UBND tỉnh Thanh Hóa về phê duyệt chủ trương đầu tư danh mục dự án khởi công mới năm 2019;	
<b>IV</b>	<b>Công trình, dự án năng lượng</b>	<b>0,020</b>	<b>0,020</b>								
1	Giảm tổn thất các Trạm biến áp Điện lực Bá Thước	0,020	0,020					Xã: Hạ Trung, Tân Lập, Thành Lâm, Điền Thượng	Phù hợp	Công văn số 1792/PCTH-P2 ngày 16/8/2019 của Công ty Điện Lực Thanh Hóa về việc đăng ký bổ sung danh mục ĐTXD năm 2019	
<b>V</b>	<b>Dự án cơ sở giáo dục</b>	<b>0,130</b>	<b>0,130</b>								
1	Mở rộng trường tiểu học Điền Lư	0,130	0,130					Xã Điền Lư	Phù hợp	Kế hoạch số 166/KH-UBND ngày 06/8/2019 của UBND huyện V/v triển khai kế hoạch thực hiện hỗ trợ của Tập đoàn công nghệ Viễn thông quân đội tại huyện Bá Thước theo NQ30a(gđ 2019-2020)	
<b>VI</b>	<b>Công trình chợ</b>	<b>0,200</b>	<b>0,200</b>								
1	Mở rộng Chợ Phố Đoàn	0,200	0,200					Xã Lũng Niêm	Phù hợp	Quyết định số 314/QĐ-UBND ngày 22/02/2019 của UBND huyện về việc phê duyệt kế hoạch chuyển đổi mô hình quản lý, kinh doanh, khai thác chợ trên địa bàn huyện Bá Thước	

## Phụ biểu III.22

## DANH MỤC CÔNG TRÌNH, DỰ ÁN CẦN PHẢI THU HỒI ĐẤT TRONG NĂM 2020 HUYỆN THƯỜNG XUÂN

TT	Hạng mục	Diện tích cần thu hồi (ha)	Được lấy từ các loại đất				Các loại đất khác	Địa điểm (đến cấp xã)	Sự phù hợp điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất đến năm 2020 huyện	Chủ trương; nguồn vốn đầu tư	Ghi chú
			Đất NN								
			LUA	RSX	RPH	RDD					
(1)	(2)	(3)=(4)+... (8)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)
	<b>Tổng cộng</b>	<b>18,412</b>	<b>17,401</b>	<b>0,700</b>			<b>0,311</b>				
<b>I</b>	<b>Khu dân cư đô thị</b>	<b>5,800</b>	<b>5,800</b>								
1	MB khu dân cư thị trấn (đường đi tổ rộng)	1,040	1,040					Thị trấn Thường Xuân	Phù hợp	Nghị quyết số 83/NĐ-HĐ ND ngày 04/7/2018 huyện Thường Xuân về kế hoạch đầu tư công giai đoạn 2018-2020	
2	Khu dân cư phía Bắc Thị trấn 6,19ha	5,800	5,800					Thị trấn Thường Xuân	Phù hợp		
<b>II</b>	<b>Dự án Khu dân cư nông thôn</b>	<b>11,911</b>	<b>11,600</b>				<b>0,311</b>				
2	MB khu dân cư thôn Vành xã Xuân Lộc	0,860	0,860					Xã Xuân Lộc	Phù hợp	Quyết định số 2559/QĐ-UBND ngày 01/11/2019 của UBND huyện Thường Xuân về việc phê duyệt chủ trương đầu tư dự án mặt bằng khu dân cư mới, thôn Vành xã Xuân Lộc	
3	Khu xen cư nông thôn xã Thọ Thanh (đài tưởng niệm cũ)	0,087					0,087	xã Thọ Thanh	Phù hợp	Nghị quyết số 83/NĐ-HĐ ND ngày 04/7/2018 huyện Thường Xuân về kế hoạch đầu tư công giai đoạn 2018-2020	
4	Khu xen cư nông thôn xã Xuân Dương (đài tưởng niệm cũ+trạm y tế)	0,204					0,204	xã Xuân Dương	Phù hợp	Quyết định số 2554/QĐ-UBND ngày 01/11/2019 của UBND huyện Thường Xuân về việc phê duyệt chủ trương đầu tư dự án Mặt bằng khu xen cư, thôn Thống Nhất 1 xã Xuân Dương	
5	Khu dân cư mới thôn Chiềng xã Xuân Lộc	0,760	0,740				0,020	Thôn Chiềng xã Xuân Lộc	Phù hợp	Quyết định số 2553/QĐ-UBND ngày 01/11/2019 của UBND huyện Thường Xuân về việc phê duyệt chủ trương đầu tư dự án Mặt bằng khu dân cư mới, thôn Chiềng xã Xuân Lộc	

TT	Hạng mục	Diện tích cần thu hồi (ha)	Được lấy từ các loại đất					Địa điểm (đến cấp xã)	Sự phù hợp điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất đến năm 2020 huyện	Chủ trương; nguồn vốn đầu tư	Ghi chú
			Đất NN				Các loại đất khác				
			LUA	RSX	RPH	RDD					
(1)	(2)	(3)=(4)+... (8)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)
6	Khu dân cư mới xã Xuân Dương	8,000	8,000					Thôn Thống Nhất xã Xuân Dương	Phù hợp	Quyết định số 2564/QĐ-UBND ngày 01/11/2019 của UBND huyện Thường Xuân về việc phê duyệt chủ trương đầu tư dự án Mặt bằng khu dân cư mới, thôn Thống Nhất 2 xã Xuân Dương	
7	Khu dân cư mới Đồng Phước thôn Trung Chính	0,600	0,600					Thôn Trung Chính xã Xuân Cẩm	Phù hợp	Quyết định số 2560/QĐ-UBND ngày 01/11/2019 của UBND huyện Thường Xuân về việc phê duyệt chủ trương đầu tư dự án Mặt bằng khu dân cư mới, thôn Trung Chính xã Xuân Cẩm	
9	Khu dân thôn Liên Thành	1,400	1,400					Thôn Liên Thành xã Luận Thành	Phù hợp	Quyết định số 2550/QĐ-UBND ngày 01/11/2019 của UBND huyện Thường Xuân về việc phê duyệt chủ trương đầu tư dự án Mặt bằng khu dân cư mới, thôn Liên Thành xã Luận Thành	
<b>III</b>	<b>Dự án Trụ sở cơ quan</b>	<b>0,700</b>		<b>0,700</b>							
1	Trạm Kiểm lâm Bàn Khoong	0,400		0,400				Bát Mọt	Phù hợp	Quyết định số 3403/QĐ-UBND ngày 27/8/2019 của UBND tỉnh về việc thành lập Trạm Kiểm lâm Bàn Khoong và Bàn Phổng	
2	Trạm kiểm lâm Bàn Phổng	0,300		0,300				Bát Mọt	Phù hợp		
<b>IV</b>	<b>Công trình năng lượng</b>	<b>0,001</b>	<b>0,001</b>								
1	Giảm tổn thất các TBA > 10% Điện lực Thường Xuân - tỉnh Thanh Hóa	0,001	0,001					Bát Mọt, Xuân Cao,		Quyết định số 2601/QĐ-EVVNPC ngày 29/8/2019 của Tổng công ty điện lực	

DANH MỤC CÔNG TRÌNH, DỰ ÁN CẦN PHẢI THU HỒI ĐẤT TRONG NĂM 2020 HUYỆN NHƯ XUÂN

TT	Hạng mục	Diện tích cần thu hồi (ha)	Được lấy từ các loại đất					Địa điểm (đến cấp xã)	Sự phù hợp điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất đến năm 2020 huyện	Chủ trương; nguồn vốn đầu tư	Ghi chú
			Đất NN				Các loại đất khác				
			LUA	RSX	RPH	RDD					
(1)	(2)	(3)=(4)+...+(8)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)
	<b>Tổng cộng</b>	<b>628,397</b>	<b>13,167</b>	<b>353,430</b>	<b>238,240</b>		<b>23,560</b>				
<b>I</b>	<b>Dự án Khu dân cư đô thị</b>	<b>1,530</b>	<b>1,200</b>				<b>0,330</b>				
1	Đầu giá đất khu dân cư đường Thanh Niên	1,340	1,200				0,140	TT Yên Cát	Phù hợp	Công văn số 53/CV -HĐND ngày 12/6/2019 của HĐND thị trấn Yên Cát	
2	Đầu giá đất ở các điểm dân cư	0,190					0,190	TT Yên Cát	Phù hợp	MBQH tại Quyết định số 1267/QĐ-UBND ngày 25/6/2018 của UBND huyện Như Xuân	
<b>II</b>	<b>Dự án Khu dân cư nông thôn</b>	<b>8,190</b>	<b>0,540</b>	<b>1,000</b>			<b>6,650</b>				
1	Khu tái định cư Bản Mông	6,000					6,000	Xuân Hòa	Phù hợp	Công văn số 8447/UBND-NN ngày 03/7/2019 của UBND tỉnh về lựa chọn phương án bố trí tái định cư	
2	Đầu giá đất điểm dân cư thôn Nghịu	0,020					0,020	Xuân Hòa	Phù hợp	Công văn số 950/UBND-TNMT ngày 09/8/2019 của UBND huyện Như Xuân	
3	Đầu giá đất khu dân cư thôn Thảng Lộc	0,080					0,080	Bình Lương	Phù hợp		
4	Đầu giá đất khu dân cư thôn Quang Trung	0,010					0,010	Bình Lương	Phù hợp		
5	Đầu giá đất ở khu dân cư thôn Đồng Tâm	0,020					0,020	Thượng Ninh	Phù hợp		
6	Đầu giá đất ở khu dân cư thôn Thanh Xuân	0,760	0,540				0,220	Hóa Quý	Phù hợp		
7	Đầu giá đất ở điểm dân cư thôn Chạng Vung	0,040					0,040	Thanh Phong	Phù hợp		
8	Đầu giá đất ở khu dân cư thôn Lâm Chính	0,260					0,260	Thanh Xuân	Phù hợp		
9	Đầu giá đất ở khu dân cư thôn Xuân Thành	1,000		1,000				Xuân Quý	Phù hợp		
<b>III</b>	<b>Công trình giao thông</b>	<b>1,200</b>		<b>1,200</b>							

TT	Hạng mục	Diện tích cần thu hồi (ha)	Được lấy từ các loại đất					Địa điểm (đến cấp xã)	Sự phù hợp điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất đến năm 2020 huyện	Chủ trương; nguồn vốn đầu tư	Ghi chú
			Đất NN				Các loại đất khác				
			LUA	RSX	RPH	RDD					
(1)	(2)	(3)=(4)+...+(8)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)
1	Đường giao thông liên thôn Thanh Hương - Xóm Chuối	1,200		1,200				Xuân Quý	Phù hợp	CT MTQG XD NTM theo Công văn số 881/UBND-NN&PTNT ngày 26/7/2019 của UBND huyện Như Xuân	
<b>IV</b>	<b>Công trình thủy lợi</b>	<b>607,790</b>	<b>9,950</b>	<b>348,210</b>	<b>238,240</b>		<b>11,390</b>				
1	Đập Ná Hiếng	21,340	9,950				11,390	Thanh Quân	Phù hợp	Công văn số 9853/UBND-THKH ngày 31/7/2019 của UBND tỉnh Thanh Hóa	
2	Dự án hồ chứa nước Bàn Mòng	586,450		348,210	238,240			Xuân Hòa, Thanh Hòa	Phù hợp	Công văn số 1378/BNN-XD ngày 27/02/2019 của Bộ NN và PTNT	
<b>VIII</b>	<b>Công trình năng lượng</b>	<b>0,150</b>					<b>0,150</b>				
1	Đường dây 500kV đấu nối NMD Nghi Sơn 2 vào hệ thống điện Quốc gia	0,150					0,150	Xuân Hòa	Phù hợp	Quyết định số 1945/QĐ-EVNNPT ngày 03/11/2017 của Tổng CT Truyền tải điện QG	
<b>V</b>	<b>Công trình thể dục thể thao</b>	<b>1,320</b>	<b>0,180</b>				<b>1,140</b>				
1	Xây dựng Sân vận động xã	0,410					0,410	Bãi Trành	Phù hợp	Quyết định số 30/QĐ-UBND ngày 03/4/2017 của UBND xã Bãi Trành	
2	Xây dựng sân thể thao thôn Trung Thành	0,910	0,180				0,730	Yên Lễ	Phù hợp	Quyết định số 109/QĐ-UBND ngày 14/6/2019 của UBND xã Yên Lễ	
<b>VI</b>	<b>Công trình y tế</b>	<b>0,750</b>					<b>0,750</b>				
1	Phòng khám đa khoa Trung tâm cụm xã Bãi Trành - Xuân Bình	0,600					0,600	Xuân Bình	Phù hợp	Công văn số 8085/UBND-THKH ngày 27/6/2019 của UBND tỉnh	
2	Xây dựng Trạm Y tế xã	0,150					0,150	Thanh Lâm	Phù hợp	Quyết định 1254/QĐ-UBND ngày 21/6/2018 của UBND huyện Như Xuân	
<b>VII</b>	<b>Dự án cơ sở giáo dục</b>	<b>0,667</b>	<b>0,147</b>				<b>0,520</b>				
1	Mở rộng trường Mầm non khu chính	0,080	0,080					Yên Lễ	Phù hợp	Quyết định số 108/QĐ-UBND ngày 14/6/2019 của UBND xã Yên Lễ	
2	Nâng cấp, cải tạo trường Mầm non Thanh Sơn	0,100					0,100	Thanh Sơn	Phù hợp	Quyết định số 1000/QĐ-UBND ngày 24/5/2019 của UBND huyện Như Xuân	
3	Mở rộng trường Mầm Non khu trung tâm xã	0,040					0,040	Thanh Phong	Phù hợp	CT MTQG XD NTM theo Công văn số 881/UBND-NN&PTNT ngày 26/7/2019 của UBND huyện Như Xuân	

TT	Hạng mục	Diện tích cần thu hồi (ha)	Được lấy từ các loại đất					Các loại đất khác	Địa điểm (đến cấp xã)	Sự phù hợp điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất đến năm 2020 huyện	Chủ trương; nguồn vốn đầu tư	Ghi chú
			Đất NN									
			LUA	RSX	RPH	RDD						
(1)	(2)	(3)=(4)+... (8)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	
4	Mở rộng trường Mầm Non khu trung tâm xã	0,140					0,140	Bãi Trảnh	Phù hợp	Quyết định số 692/QĐ-UBND ngày 22/4/2014 của UBND huyện Như Xuân		
5	Mở rộng trường Mầm non thôn Thống Nhất	0,120					0,120	Thanh Quân	Phù hợp	Quyết định số 1060/QĐ-UBND ngày 03/6/2019 của UBND huyện Như Xuân		
6	Nâng cấp khuôn viên trường TH Yên Cát	0,187	0,067				0,120	TT Yên Cát	Phù hợp	Quyết định 175/QĐ-UBND ngày 23/1/2019 của CT UBND huyện		
VIII	<b>Công trình chợ</b>	<b>3,490</b>	<b>1,020</b>				<b>2,470</b>					
1	Xây dựng chợ Yên Cát	1,760	1,020				0,740	TT Yên Cát	Phù hợp	Công văn số 750/UBND-KTHT ngày 18/8/2017 của UBND huyện Như Xuân		
2	Xây dựng chợ Bãi Trảnh	1,730					1,730	Bãi Trảnh	Phù hợp	Công văn số 8085/UBND-THKH ngày 27/6/2019 của UBND tỉnh		
IX	<b>Dự án cơ sở tôn giáo</b>	<b>1,600</b>		<b>1,600</b>								
1	Chùa Yên Cát	1,600		1,600				TT Yên Cát	Phù hợp	Công văn số 6788/UBND-NN ngày 16/6/2017 của UBND tỉnh TH		
X	<b>Dự án sinh hoạt cộng đồng</b>	<b>0,290</b>	<b>0,130</b>				<b>0,160</b>					
1	Mở rộng khuôn viên NVH thôn Cát Tiến	0,130	0,130					Yên Lễ	Phù hợp	Quyết định số 110/QĐ-UBND ngày 14/6/2019 của UBND xã Yên Lễ		
2	Xây dựng Nhà văn hóa thôn Xuân Phong	0,070					0,070	Thanh Phong	Phù hợp	CT 135 theo Quyết định 4973/QĐ-UBND ngày 12/12/2018 của UBND tỉnh TH		
3	Xây dựng nhà văn hóa thôn Làng Kha	0,090					0,090	Thanh Lâm	Phù hợp			
XI	<b>Công trình nghĩa trang, nghĩa địa</b>	<b>1,420</b>		<b>1,420</b>								
1	Mở rộng nghĩa địa Khu phố Thăng Bình	1,200		1,200				TT Yên Cát	Phù hợp	Quyết định số 547/QĐ-UBND ngày 02/4/2019 của UBND huyện Như Xuân		
2	Mở rộng nghĩa địa Khu phố Lúng	0,220		0,220				TT Yên Cát	Phù hợp	Công văn số 51/Công văn-HĐND ngày 12/6/2019 của HĐND thị trấn Yên Cát		



## DANH MỤC CÔNG TRÌNH, DỰ ÁN CẦN PHẢI THU HỒI ĐẤT TRONG NĂM 2020 CỦA HUYỆN QUAN HÓA

TT	Hạng mục	Diện tích cần thu hồi (ha)	Được lấy từ các loại đất					Địa điểm (đến cấp xã)	Sự phù hợp điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất đến năm 2020 huyện	Chủ trương; nguồn vốn đầu tư	Ghi chú
			Đất NN				Các loại đất khác				
			LUA	RSX	RPH	RDD					
(1)	(2)	(3)=(4)+... (8)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)
	<b>Tổng cộng</b>	<b>22,918</b>	<b>0,210</b>	<b>15,308</b>			<b>7,400</b>				
<b>II</b>	<b>Dự án Khu dân cư nông thôn</b>	<b>8,580</b>	<b>0,010</b>	<b>8,480</b>			<b>0,090</b>				
1	Khu dân cư bản Co Me xã Trung Sơn	2,000		2,000				Trung Sơn	Phù hợp	Quyết định số 4857/QĐ-UBND ngày 05/12/2018 của UBND tỉnh về công trình triển khai ngay để khắc phục sự cố do mưa bão	
2	Khu dân cư bản Chiềng xã Trung Sơn	3,000		3,000				Trung Sơn	Phù hợp		
3	Khu dân cư bản Pó xã Trung Sơn	0,100	0,010				0,090	Trung Sơn	Phù hợp		
4	Khu dân cư bản Pạo xã Trung Sơn	1,700		1,700				Trung Sơn	Phù hợp		
5	Khu dân cư bản Ken II xã Nam Tiến	0,280		0,280				Nam Tiến	Phù hợp		
6	Khu dân cư bản chiềng xã Trung Thành	1,500		1,500				Trung Thành	Phù hợp		
<b>III</b>	<b>Dự án Trụ sở cơ quan</b>	<b>0,400</b>					<b>0,400</b>				
1	Trụ sở thi hành án	0,400					0,400	Xuân Phú	Phù hợp	Bộ tư pháp số 4114/BTP-KHTC v/v hoàn thiện các thủ tục lập, thẩm định phê duyệt chủ trương đầu tư các dự án cấp thiết đề nghị bổ sung vào kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2016-2010	
<b>V</b>	<b>Cụm công nghiệp</b>	<b>5,070</b>		<b>2,230</b>			<b>2,840</b>				
1	Kho chứa thức ăn chăn nuôi và xưởng chế biến Lâm Sản tại lô số 2 cụm công nghiệp Xuân Phú	2,230		2,230				Xuân phú	Phù hợp	Quyết định số 1564/QĐ-UBND ngày 17/9/2019 của UBND huyện Quan Hóa	
2	Nhà máy chế biến lâm sản tre luồng thủ công mỹ nghệ xã Xuân Phú cụm công nghiệp	2,840					2,840	Xuân phú	Phù hợp	Quyết định số 1997/QĐ-UBND ngày 27/5/2019	
<b>VI</b>	<b>Công trình giao thông</b>	<b>6,670</b>	<b>0,200</b>	<b>4,030</b>			<b>2,440</b>				
1	Đường giao thông Bản Bá đi bản vui xã Thanh Xuân	4,000		4,000				Thanh Xuân	Phù hợp	Quyết định số 2833/QĐ-UBND ngày 29 tháng 7 năm 2016 của Chủ tịch UBND tỉnh	
2	Sửa chữa nâng cấp đường Sại Hang xã Phú Lệ	2,600	0,200				2,400	Phú Lệ	Phù hợp	Quyết định số 2902/QĐ- UBND ngày 22/7/2019 của UBND tỉnh	

TT	Hạng mục	Diện tích cần thu hồi (ha)	Được lấy từ các loại đất					Địa điểm (đến cấp xã)	Sự phù hợp điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất đến năm 2020 huyện	Chủ trương; nguồn vốn đầu tư	Ghi chú	
			Đất NN				Các loại đất khác					
			LUA	RSX	RPH	RDD						
(1)	(2)	(3)=(4)+... (8)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	
3	Cầu cứng xã Trung Thành	0,070		0,030				0,040	Trung Thành	Phù hợp	Quyết định số 951/QĐ-UBND ngày 19/3/2019 quyết định phê duyệt chủ trương đầu tư dự án xây dựng cầu Trung Thành, khắc phục khẩn cấp cơ sở hạ tầng thiệt hại, hư hỏng do mưa lũ gây ra	
<b>VII</b>	<b>Công trình thủy lợi</b>	<b>1,600</b>						<b>1,600</b>				
1	Đập kênh tưới nước bản Chăm xã Xuân Phú	1,600						1,600	Xuân Phú	Phù hợp	Số 2833/QĐ-UBND ngày 29 tháng 7 năm 2016 của Chủ tịch UBND tỉnh Thanh Hóa	
<b>VIII</b>	<b>Công trình năng lượng</b>	<b>0,058</b>		<b>0,058</b>								
1	Trạm biến áp 320KW thị trấn Quan Hóa	0,014		0,014					TT.Quan Hóa	Phù hợp	Công văn số 1774/UBND-NN ngày 5/9/2019 của UBND tỉnh về việc giao tham mưu giải quyết đề nghị cho phép các công trình, dự án trên địa bàn huyện Quan Hóa được thực hiện trong năm 2019	
2	Trạm biến áp 320KW bản Pan xã Phú Xuân	0,005		0,005					Phú Xuân	Phù hợp		
3	Trạm biến áp 320KW bản Sại 2 xã Phú Lệ	0,004		0,004					Phú Lệ	Phù hợp		
4	Trạm biến áp 320KW xã bản Phai xã Trung Thành	0,007		0,007					Trung Thành	Phù hợp		
5	Trạm biến áp 320KW bản Chiềng xã Trung Sơn	0,008		0,008					Trung Sơn	Phù hợp		
6	Xây dựng đường dây trung áp đi dọc hành lang đường bộ xã Xuân Phú huyện Quan Hóa đi xã Trung Xuân huyện Quan Sơn	0,020		0,020					Xuân Phú	Phù hợp	Công Văn số 1164/UBND-KTHT ngày 23/10/1019 của UBND huyện Quan Hóa về việc chấp thuận Xây dựng đường dây trung áp đi dọc hành lang đường bộ xã Xuân Phú huyện Quan Hóa đi xã Trung Xuân huyện Quan Sơn	
<b>XII</b>	<b>Dự án cơ sở giáo dục</b>	<b>0,540</b>		<b>0,510</b>				<b>0,030</b>				
1	Trường Tiểu học xã Thanh Xuân mở rộng	0,150		0,150					Thanh Xuân	Phù hợp	Quyết định số 2902/QĐ- UBND ngày 22/7/2019 của UBND tỉnh Thanh Hoá	
2	Trường Mầm non khu Éo xã Thanh Xuân	0,360		0,360					Thanh Xuân	Phù hợp	Văn bản số 2107/SGTVT - TĐKHKT ngày 14/6/2019 của sở GTVT	
3	Nhà công vụ giáo viên trường tiểu học bản Sậy xã Trung Thành	0,030						0,030	Trung Thành	Phù hợp	Quyết định số 3039/QĐ-UBND ngày 29 tháng 7 năm 2019 của Chủ tịch UBND tỉnh Thanh Hóa	

Phụ biểu II.25

## DANH MỤC CÔNG TRÌNH, DỰ ÁN CẦN PHẢI THU HỒI ĐẤT TRONG NĂM 2020 CỦA HUYỆN QUAN SƠN

TT	Hạng mục	Diện tích cần thu hồi (ha)	Được lấy từ các loại đất					Địa điểm (đến cấp xã)	Sự phù hợp điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất đến năm 2020 huyện	Chủ trương; nguồn vốn đầu tư	Ghi chú
			Đất NN				Các loại đất khác				
			LUA	RSX	RPH	RDD					
(1)	(2)	(3)=(4)+ ...(8)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)
	<b>Tổng cộng</b>	<b>24,494</b>	<b>0,500</b>	<b>18,844</b>			<b>5,150</b>				
<b>I</b>	<b>Khu dân cư nông thôn</b>	<b>12,040</b>		<b>8,290</b>			<b>3,750</b>				
1	Dự án bố trí dân cư khỏi khu sạt lở	8,790		5,290			3,500	Xã Na Mèo	Phù hợp	Quyết định số 3309/QĐ-UBND ngày 16/08/2019	
2	Dự án dân dân	0,250					0,250	Xã Mường Min	Phù hợp	Công văn số 10685/UBND - NN ngày 16/8/2019	
3	Dự án bố trí dân cư khỏi khu sạt lở	3,000		3,000				Xã Trung Tiến	Phù hợp	Công văn số 11336/UBND - NN ngày 28/8/2019	
<b>II</b>	<b>Công trình giao thông</b>	<b>11,154</b>		<b>10,054</b>			<b>1,100</b>				
1	Đường giao thông từ trung tâm xã đi bản nà Sáng xã Sơn Hà	1,100		1,000			0,100	Xã Sơn Hà	Phù hợp	Kế hoạch số 01/KH-BCĐ ngày 21/01/2019	
2	Tuyến đường giao thông từ bản Bo Hiêng đi các bản Sa Ná - Bản Sơn	3,500		3,500				Xã Na Mèo	Phù hợp	Quyết định số 3309/QĐ-UBND ngày 16/08/2019	
3	Đường giao thông từ bản Sơn đi bản Ché Lầu, xã Na Mèo.	3,500		2,500			1,000	Xã Na Mèo	Phù hợp	Báo cáo số 5198/SKHĐT-TH ngày 23/8/2019	
4	Xây dựng đường giao thông từ bản Muồng đi bản Khà	2,400		2,400				Xã Sơn Thủy	Phù hợp	Quyết định số 1297/QĐ-UBND ngày 11/4/2019	
5	Công trình khắc phục hậu quả thiên tai do mưa lũ trên QL 217	0,654		0,654				Xã Mường Min	Phù hợp	Công văn số 5568/TCĐBVN-ATGT ngày 23/8/2019 của Tổng cục đường bộ Việt Nam	
<b>III</b>	<b>Công trình, dự án văn hóa, thể dục thể thao</b>	<b>0,500</b>	<b>0,500</b>								
1	Sân vận động xã Mường Min	0,500	0,500					Xã Mường Min	Phù hợp	Quyết định số 851/QĐ-UBND ngày 16/5/2019	
<b>IV</b>	<b>Dự án cơ sở giáo dục - đào tạo</b>	<b>0,800</b>		<b>0,500</b>			<b>0,300</b>				
1	Xây dựng trường Mầm non và trường tiểu học Bản Sa Ná	0,500		0,500				Xã Na Mèo	Phù hợp	Quyết định số 3309/QĐ-UBND ngày 16/08/2019	

TT	Hạng mục	Diện tích cần thu hồi (ha)	Được lấy từ các loại đất					Địa điểm (đến cấp xã)	Sự phù hợp điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất đến năm 2020 huyện	Chủ trương; nguồn vốn đầu tư	Ghi chú
			Đất NN				Các loại đất khác				
			LUA	RSX	RPH	RDD					
(1)	(2)	(3)=(4)+ ... (8)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)
2	Xây dựng trường Mầm non và trường tiểu học Bán Mùa Xuân	0,300					0,300	Xã Sơn Thủy	Phù hợp	Công văn số 11336/UBND - NN ngày 28/8/2019	

## DANH MỤC CÔNG TRÌNH, DỰ ÁN CẦN PHẢI THU HỒI ĐẤT TRONG NĂM 2020 HUYỆN MƯỜNG LÁT

TT	Hạng mục	Diện tích cần thu hồi (ha)	Được lấy từ các loại đất					Địa điểm (đến cấp xã)	Sự phù hợp điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất đến năm 2020 huyện	Chủ trương; nguồn vốn đầu tư	Ghi chú
			Đất NN				Các loại đất khác				
			LUA	RSX	RPH	RDD					
(1)	(2)	(3)=(4)+ ...(8)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)
	<b>Tổng cộng</b>	<b>49,506</b>	<b>1,780</b>	<b>42,481</b>	<b>1,300</b>		<b>3,317</b>				
<b>I</b>	<b>Khu dân cư đô thị</b>	<b>0,930</b>					<b>0,930</b>				
1	Khu dân cư phát triển và thương mại 03	0,930					0,930	Thị trấn	Phù hợp	Công văn số 4813/UBND-CN ngày 17/5/2016 của UBND tỉnh	
<b>II</b>	<b>Khu dân cư nông thôn</b>	<b>39,100</b>	<b>1,260</b>	<b>36,100</b>			<b>1,740</b>				
1	Khu tái định cư bản Pọng, xã Tam Chung	3,900		3,500			0,400	Tam chung	Phù hợp	Quyết định số 137/QĐ-UBND ngày 09/01/2019 của UBND tỉnh	
2	Khu tái định cư bản Qua, xã Quang Chiêu	3,450	1,260	1,660			0,530	Quang Chiêu	Phù hợp		
3	Khu tái định cư bản Xim, xã Quang Chiêu	5,500		5,500				Quang Chiêu		Quyết định số 3720/QĐ-UBND ngày 17/09/2019 của UBND tỉnh	
4	Khu tái định cư bản Na Chừa, xã Mường Chanh	4,900		4,090			0,810	Mường Chanh	Phù hợp	Quyết định số 137/QĐ-UBND ngày 09/01/2019 của UBND tỉnh	
6	Khu tái định cư bản Trung Thắng	2,050		2,050				Mường Lý	Phù hợp	Quyết định số 1591/QĐ-UBND ngày 26/4/2019 của UBND tỉnh	
7	Khu tái định cư bản Ún	3,000		3,000				Mường Lý	Phù hợp		
8	Khu tái định cư bản Xa Lung	2,300		2,300				Mường Lý	Phù hợp		
9	Khu tái định cư Pá Hộc (tại bản Chim, xã Nhi Sơn)	7,500		7,500				Nhi Sơn		Quyết định số 3720/QĐ-UBND ngày 17/09/2019 của UBND tỉnh	
10	Khu tái định cư bản Nà Ôn, xã Trung Lý	6,500		6,500				Trung Lý			
<b>III</b>	<b>Dự án Trụ sở cơ quan</b>	<b>0,195</b>					<b>0,195</b>				
1	Trạm Kiểm lâm Suối Hộc, xã Trung Lý	0,160					0,160	Xã Trung Lý	Phù hợp	Quyết định số 4342/QĐ-UBND ngày 06/12/2010 của UBND tỉnh	
6	Nhà ở và nhà làm việc cho 04 đội liên ngành tại huyện Mường Lát	0,035					0,035	Mường Lý	Phù hợp	Quyết định số 4682/QĐ-UBND ngày 23/11/2018 của UBND tỉnh	
<b>VI</b>	<b>Công trình giao thông</b>	<b>0,340</b>		<b>0,300</b>			<b>0,040</b>				
1	Cầu treo Bản Đoàn Kết	0,340		0,300			0,040	Tén Tàn	Phù hợp	Quyết định số 1004/QĐ-UBND ngày 22/3/2019 của UBND tỉnh	

TT	Hạng mục	Diện tích cần thu hồi (ha)	Được lấy từ các loại đất					Địa điểm (đến cấp xã)	Sự phù hợp điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất đến năm 2020 huyện	Chủ trương; nguồn vốn đầu tư	Ghi chú
			Đất NN				Các loại đất khác				
			LUA	RSX	RPH	RDD					
(1)	(2)	(3)=(4)+... (8)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)
<b>VII</b>	<b>Công trình thủy lợi</b>	<b>5,002</b>	<b>0,520</b>	<b>3,856</b>							
1	Sửa chữa kênh Pom Bưởi từ bản Hạ Sơn, xã Pù Nhi về thị trấn Mường Lát	5,002	0,520	3,856				Pù Nhi, Thị trấn	Phù hợp	Quyết định số 622/QĐ-UBND ngày 14/2/2019 của UBND tỉnh	
<b>X</b>	<b>Công trình thể dục thể thao</b>	<b>2,500</b>		<b>1,200</b>	<b>1,300</b>						
1	Sân vận động huyện Mường Lát	2,500		1,200	1,300			Thị trấn Mường Lát	Phù hợp	Công văn số: 7992/UBND - TCKH ngày 20/6/2019 của UBND tỉnh	
<b>XII</b>	<b>Dự án cơ sở giáo dục</b>	<b>1,439</b>		<b>1,025</b>			<b>0,412</b>				
2	Trường PTDTBT THCS Tam Chung	0,667		0,255			0,412	Tam chung	Phù hợp	Quyết định số 191/QĐ-UBND ngày 11/01/2019 của UBND tỉnh	
3	Trường PTDTBT THCS Trung Lý	0,250		0,250				Trung Lý	Phù hợp	Quyết định số 192/QĐ-UBND ngày 11/01/2019 của UBND tỉnh	
4	Trường Mầm non Trung Lý (Bản Lìn)	0,262		0,260				Trung Lý	Phù hợp	Quyết định số 262/QĐ-UBND ngày 14/01/2019 của UBND tỉnh	
5	Trường Tiểu học Trung Lý (Bản Lìn)	0,260		0,260				Trung Lý	Phù hợp	Quyết định số 187/QĐ-UBND ngày 14/01/2019 của UBND tỉnh	

**Biểu số III:****TỔNG HỢP NHU CẦU SỬ DỤNG ĐẤT CÁC DỰ ÁN CHUYÊN MỤC ĐÍCH ĐẤT TRỒNG LÚA, ĐẤT VÀ RỪNG PHÒNG HỘ, RỪNG SẢN XUẤT NĂM 2020 TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH THANH HÓA***(Kèm theo Tờ trình số: 237 /TTr-UBND ngày 29 / 11 /2019 của UBND tỉnh)*

TT	Loại dự án	Mã loại đất	Số công trình dự án	Diện tích thu hồi (ha)	Lấy từ các loại đất				
					LUA	RSX	RPH	RDD	Đất khác còn lại
1	Dự án Khu dân cư đô thị	ODT	33	105,510	90,835	0,200			14,475
2	Dự án Khu dân cư nông thôn	ONT	568	570,047	474,208	60,310			35,529
3	Dự án Trụ sở cơ quan	TSC	4	4,020	3,320	0,700			
4	Dự án Trụ sở cơ quan tổ chức sự nghiệp	DTS							
5	Cụm công nghiệp	SKN	7	67,780	14,000	33,480			20,300
6	Công trình giao thông	DGT	109	145,636	84,599	22,877	1,240		36,920
7	Công trình thủy lợi	DTL	19	81,256	27,020	28,206	1,270		24,760
8	Dự án năng lượng	DNL	53	13,157	12,224	0,110			0,822
9	Công trình văn hóa	DVH	10	8,740	8,490				0,250
10	Công trình thể dục thể thao	DTT	38	37,370	31,640	1,200	1,300		3,230
11	Dự án cơ sở y tế	DYT	1	0,170	0,100				0,070
12	Dự án cơ sở giáo dục	DGD	28	15,454	11,977	2,435			1,042
13	Dự án chợ	DCH	8	5,400	3,930	0,530			0,940
14	Dự án thu gom xử lý chất thải	DRA	9	2,460	2,460				
15	Dự án cơ sở tôn giáo	TON	4	5,200	1,000	4,100	0,100		
16	Đất sinh hoạt cộng đồng	DSH	39	7,330	6,430	0,200			0,700
17	Công trình nghĩa trang nghĩa địa	NTD	25	30,960	11,020	18,620			1,320
18	Dự án Di tích lịch sử - văn hóa	DDT	2	0,640	0,640				
19	Dịch vụ công cộng	DKV	1	18,000	8,760				9,240
20	Bru chính viễn thông	DBV							
21	Dự án sản xuất phi nông nghiệp, thương mại - dịch vụ, chế biến nông, lâm, thủy sản	SKS	45	97,265	51,316	6,956			38,993
<b>Tổng</b>			<b>1.003</b>	<b>1.216,394</b>	<b>843,969</b>	<b>179,924</b>	<b>3,910</b>		<b>188,591</b>

*(Có phụ biểu chi tiết các dự án chuyên mục đích đất trồng lúa, đất và rừng phòng hộ, rừng sản xuất năm 2020 kèm theo)*

Phụ biểu III.1

**TỔNG HỢP NHU CẦU SỬ DỤNG ĐẤT CÁC DỰ ÁN CHUYỂN MỤC ĐÍCH ĐẤT TRỒNG LÚA, ĐẤT VÀ RỪNG PHÒNG HỘ, RỪNG SẢN XUẤT NĂM 2020 TRÊN ĐỊA BÀN THÀNH PHỐ THANH HÓA**

TT	Hạng mục	Diện tích chuyển mục đích (ha)	Được chuyển mục đích từ các loại đất					Địa điểm (đến cấp xã)	Sự phù hợp điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất đến năm 2020	Chủ trương; nguồn vốn đầu tư	Ghi chú
			LUA	RSX	RPH	RDD	Các loại đất còn lại				
(1)	(2)	(3)=(4)+... (8)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)
	<b>Tổng cộng</b>	<b>28,230</b>	<b>20,318</b>				<b>7,911</b>				
<b>I</b>	<b>Dự án Khu dân cư đô thị</b>	<b>13,410</b>	<b>7,830</b>				<b>5,580</b>				
1	Khu xen cư phố Thành Yên	0,090	0,090					Quảng Thành	Phù hợp	Quyết định số 242/UBND-CN, 08/01/2018 của UBND tỉnh	
5	Khu dân cư phố 5 và đường nối với đường vành đai phía Tây thành phố Thanh Hoá	6,410	5,000				1,410	Đông Cương	Phù hợp	Quyết định số 5697/QĐ-UBND, 02/7/2019	
6	Khu dân cư xóm Bắc Sơn 1	6,170	2,000				4,170	An Hoạch	Phù hợp	Quyết định số 3298/QĐ-UBND, 05/10/2012	
7	Khu dân cư phường Quảng Hưng	0,740	0,740					Quảng Hưng	Phù hợp	Quyết định số 1556/QĐ-UBND, 26/4/2019	
<b>II</b>	<b>Dự án Khu dân cư nông thôn</b>	<b>2,730</b>	<b>2,000</b>				<b>0,730</b>				
1	Khu xen cư thôn Đình Cường	2,730	2,000				0,730	Quảng Tâm	Phù hợp	Quyết định số 7258/QĐ-UBND, 12/8/2019	
<b>III</b>	<b>Công trình giao thông</b>	<b>3,850</b>	<b>2,950</b>				<b>0,900</b>				
1	Đường giao thông từ MB 2122 kết nối vào đường gom đại lộ Hùng Vương, hệ thống kênh tiêu ra sông Thống Nhất	1,600	1,200				0,400	Đông Hải	Phù hợp	Quyết định số 1490/QĐ-UBND, 01/02/2019	
2	Tuyến đường giao thông nối đường Đông Lễ từ Trung tâm Y tế phường Đông Hải với MBQH 199	0,250	0,250					Đông Hải	Phù hợp	Quyết định số 1491/QĐ-UBND, 01/02/2019	
3	Đường nối KCN Tây bắc ga với đường vành đai phía Tây	2,000	1,500				0,500	Đông Lĩnh	Phù hợp	Quyết định số 2711/QĐ-UBND, 05/7/2019	
<b>IV</b>	<b>Công trình văn hóa</b>	<b>2,050</b>	<b>1,850</b>				<b>0,200</b>				
1	Công viên tưởng niệm các giáo viên và học sinh đã hy sinh ngày 14/6/1972	2,050	1,850				0,200	Nam Ngạn	Phù hợp	Quyết định số 6533/QĐ-UBND, 25/7/2019	



TT	Hạng mục	Diện tích chuyển mục đích (ha)	Được chuyển mục đích từ các loại đất					Địa điểm (đến cấp xã)	Sự phù hợp điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất đến năm 2020	Chủ trương; nguồn vốn đầu tư	Ghi chú
			LUA	RSX	RPH	RDD	Các loại đất còn lại				
(1)	(2)	(3)=(4)+... (8)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)
V	<i>Dự án sản xuất phi nông nghiệp, thương mại dịch vụ, chế biến nông, lâm, thủy sản</i>	6,190	5,688				0,501				
1	Khu dịch vụ thương mại tổng hợp	0,800	0,800					Quảng Đông	Phù hợp	Quyết định số 261/QĐ-UBND ngày 16/01/2019 của Chủ tịch UBND tỉnh	
2	Công trình dịch vụ thương mại tổng hợp Hồ Thành	1,000	1,000					Đông Lĩnh	Phù hợp	Quyết định số 3714/QĐ-UBND ngày 29/9/2017, số 11575/UBND-THKH ngày 03/9/2019 của UBND tỉnh	
3	Trụ sở làm việc của Công ty TNHH Tâm Đức	0,289	0,288				0,001	Đông Vệ	Phù hợp	Quyết định số 655/QĐ-UBND ngày 25/02/2016, số 11575/UBND-THKH ngày 03/9/2019 của Chủ tịch UBND tỉnh	
4	Khu dịch vụ thương mại và đào tạo Giáo dục Thăng Long	4,100	3,600				0,500	Đông Tân, Đông Thịnh	Phù hợp	Quyết định số 25/QĐ-UBND ngày 02/01/2019 của Chủ tịch UBND tỉnh	

Phụ biểu III.2

**TỔNG HỢP NHU CẦU SỬ DỤNG ĐẤT CÁC DỰ ÁN CHUYỂN MỤC ĐÍCH ĐẤT TRỒNG LÚA, ĐẤT VÀ RỪNG PHÒNG HỘ, RỪNG SẢN XUẤT NĂM 2020 TRÊN ĐỊA BÀN THÀNH PHỐ SẦM SƠN**

TT	Hạng mục	Diện tích chuyển mục đích (ha)	Được chuyển mục đích từ các loại đất					Địa điểm (đến cấp xã)	Sự phù hợp điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất đến năm 2020	Chủ trương; nguồn vốn đầu tư	Ghi chú
			LUA	RSX	RPH	RDD	Các loại đất còn lại				
(1)	(2)	(3)=(4)+... (10)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)
	<b>Tổng cộng</b>	<b>21,950</b>	<b>7,665</b>				<b>14,285</b>				
<b>I .</b>	<b>Dự án Khu dân cư đô thị</b>	<b>7,020</b>	<b>2,355</b>				<b>4,665</b>				
1	Khu xen cư khu phố Công Vinh	0,030	0,015				0,015	Phường Quảng Cư	Phù hợp		
2	Khu dân cư tây đường Ven biển	6,900	2,300				4,600	Phường Quảng Châu	Phù hợp		
3	Khu xen cư Yên Trạch (Khu 1)	0,090	0,040				0,050	Phường Quảng Châu	Phù hợp		
<b>III</b>	<b>Công trình giao thông</b>	<b>14,270</b>	<b>4,700</b>				<b>9,570</b>				
1	Đường Hai Bà Trưng	2,270	0,700				1,570	Phường Quảng Tiến	Phù hợp	Nghị quyết số 154/NQ-HDND ngày 04/4/2019 Hội đồng nhân dân tỉnh Thanh Hóa về việc quyết định chủ trương đầu tư xây dựng tuyến đường Tây Sầm Sơn 5 và tuyến đường Hai bà Trưng, thành phố Sầm Sơn	
2	Hạ tầng kỹ thuật khu du lịch sinh thái FLC Sầm Sơn (đường Đông Tây 2, đường Đông Tây 3)	12,000	4,000				8,000	Phường Quảng Cư	Phù hợp	Quyết định 739/QĐ-UBND ngày 07/3/2019 của UBND tỉnh về việc điều chỉnh dự án đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật khu du lịch sinh thái Quảng Cư	

TT	Hạng mục	Diện tích chuyển mục đích (ha)	Được chuyển mục đích từ các loại đất					Địa điểm (đến cấp xã)	Sự phù hợp điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất đến năm 2020	Chủ trương; nguồn vốn đầu tư	Ghi chú
			LUA	RSX	RPH	RDD	Các loại đất còn lại				
(1)	(2)	(3)=(4)+ ...(10)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)
<b>IV</b>	<b>Công trình sinh hoạt cộng đồng</b>	<b>0,660</b>	<b>0,610</b>				<b>0,050</b>				
1	Nhà văn hóa thôn 3	0,150	0,150					Xã Quảng Hùng	Phù hợp	Quyết định 2186/QĐ-UBND ngày 23/5/2019 của UBND thành phố	
2	Nhà văn hóa thôn 5	0,150	0,150					Xã Quảng Hùng	Phù hợp	Quyết định 3732/QĐ-UBND ngày 20/8/2019 của UBND thành phố	
3	Mở rộng NVH thôn Huệ Nghiêm	0,060	0,010				0,050	Xã Quảng Đại	Phù hợp	Quyết định 3948/QĐ-UBND ngày 03/9/2019 của UBND thành phố	
4	Nhà Văn Hóa khu phố Hồng Hải	0,150	0,150					Phường Quảng Vinh	Phù hợp	Ngị quyết số 15/NQ-HĐND ngày 24/7/2019 của Hội đồng nhân dân thành phố Sầm Sơn về	
5	Nhà Văn Hóa khu phố Nam Bắc	0,150	0,150					Phường Quảng Vinh	Phù hợp	việc bổ sung kế hoạch sử dụng đất năm 2019	

Phụ biểu III.3

**TỔNG HỢP NHU CẦU SỬ DỤNG ĐẤT CÁC DỰ ÁN CHUYÊN MỤC ĐÍCH ĐẤT TRỒNG LÚA, ĐẤT VÀ RỪNG PHÒNG HỘ, RỪNG SẢN XUẤT NĂM 2020 TRÊN ĐỊA BÀN THỊ XÃ BÌM SƠN**

TT	Hạng mục	Diện tích chuyển mục đích (ha)	Được chuyển mục đích từ các loại đất					Địa điểm (đến cấp xã)	Sự phù hợp điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất đến năm 2020	Chủ trương; nguồn vốn đầu tư	Ghi chú
			LUA	RSX	RPH	RDD	Các loại đất còn lại				
(1)	(2)	(3)=(4)+...+(10)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(11)	(12)	(13)	
	<b>Tổng cộng</b>	<b>15,820</b>	<b>0,720</b>	<b>15,000</b>			<b>0,100</b>				
<b>I</b>	<b>Công trình giao thông</b>	<b>0,050</b>	<b>0,020</b>				<b>0,030</b>				
1	Cải tạo đường Trần Phú	0,050	0,020				0,030	P. Ba Đình, Lam Sơn, Đông Sơn	phù hợp	Công văn số 10282/UBND-TCKH ngày 07/8/2019 của UBND tỉnh Thanh Hóa	
<b>II</b>	<b>Công trình thủy lợi</b>	<b>0,600</b>	<b>0,600</b>								
1	Trạm bơm Triết Giang	0,600	0,600					Xã Hà Lan	phù hợp	Công văn số 15628/UBND-NN ngày 12/12/2018 của UBND tỉnh Thanh Hóa	
<b>III</b>	<b>Dự án cơ sở y tế</b>	<b>0,170</b>	<b>0,100</b>				<b>0,070</b>				
1	Trung tâm y tế Thị xã Bim Sơn	0,170	0,100				0,070	P. Lam Sơn	Phù hợp	Quyết định số 2838/QĐ-UBND ngày 16/7/2019 của UBND tỉnh Thanh Hóa phê duyệt điều chỉnh chủ trương đầu tư công trình	
<b>IV</b>	<b>Công trình nghĩa trang, NĐ</b>	<b>15,000</b>		<b>15,000</b>							
1	Nghĩa trang nhân dân phường Bắc Sơn	15,000		15,000				p. Bắc Sơn	phù hợp	Nghị quyết số 55/NQ-HĐND ngày 17/7/2019 của HĐND thị xã Bim Sơn điều chỉnh Kế hoạch đầu tư công trung hạn 2016-2020.	

**Phụ biểu III.4**

**TỔNG HỢP NHU CẦU SỬ DỤNG ĐẤT CÁC DỰ ÁN CHUYỂN MỤC ĐÍCH ĐẤT TRỒNG LÚA, ĐẤT VÀ RỪNG PHÒNG HỘ, RỪNG SẢN XUẤT NĂM 2020 TRÊN ĐỊA BÀN HUYỆN ĐÔNG SƠN**

TT	Hạng mục	Diện tích chuyển mục đích (ha)	Được chuyển mục đích từ các loại đất					Địa điểm (đến cấp xã)	Sự phù hợp điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất đến năm 2020	Chủ trương; nguồn vốn đầu tư	Ghi chú
			LUA	RSX	RPH	RDD	Các loại đất còn lại				
(1)	(2)	(3)=(4)+...(8)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)
	<b>Tổng cộng</b>	<b>155,987</b>	<b>149,181</b>				<b>6,806</b>				
<b>I</b>	<b>Khu dân cư đô thị</b>	<b>22,390</b>	<b>22,390</b>								
1	Điểm dân cư OM -16	5,120	5,120					Thị trấn Rừng Thông	Phù hợp	Quyết định số 2589/QĐ-UBND ngày 14/8/2019 của UBND huyện Đông Sơn về việc chủ trương đầu tư xây dựng dự án khu dân cư đô thị	
2	Khu dân cư mới HH-16 (trước bệnh viện)	2,520	2,520					Thị trấn Rừng Thông	Phù hợp		
3	Khu dân cư OM42,OM43,OM44	7,750	7,750					Thị trấn Rừng Thông	Phù hợp		
4	Đầu giá QSDĐ tại Đồng Nhung	2,000	2,000					Thị trấn Rừng Thông	Phù hợp	Quyết định số 2589/QĐ-UBND ngày 14/8/2019 của UBND huyện Đông Sơn về việc chủ trương đầu tư xây dựng dự án khu dân cư đô thị trên địa bàn huyện Đông Sơn.	
5	Đầu giá QSDĐ tại khu giáp trường cấp III(HH17)	5,000	5,000					Thị trấn Rừng Thông	Phù hợp		
<b>II</b>	<b>Khu dân cư nông thôn</b>	<b>104,780</b>	<b>100,400</b>				<b>4,380</b>				
1	Điểm dân cư Cồn U thôn 2	0,450	0,450					Xã Đông Anh	Phù hợp	Quyết định số 2590/QĐ-UBND ngày 14/8/2019 của UBND huyện Đông Sơn về việc chủ trương đầu tư xây dựng dự án khu dân cư nông thôn	
2	Điểm dân cư Đồng Chùa thôn Phú Bình (Phú Bật)	0,240	0,240					Xã Đông Phú	Phù hợp		
3	Điểm dân cư thôn Yên Trường	0,160	0,160					Xã Đông Yên	Phù hợp		
4	Điểm dân cư Yên Cẩm 2	0,470	0,470					Xã Đông Yên	Phù hợp		
5	Điểm dân cư thôn Yên Trường	0,320	0,320					Xã Đông Yên	Phù hợp		
6	Điểm dân cư thôn Triệu Tiên 1	1,900	1,900					Xã Đông Tiến	Phù hợp		
7	Điểm dân cư Đồng Quán thôn Triệu Xa 1	2,220	2,220					Xã Đông Tiến	Phù hợp		
8	Điểm dân cư Đồng Ngổ thôn 6	1,200	1,200					Xã Đông Thanh	Phù hợp		
9	Điểm dân cư Thôn 10 (giáp hộ ông Lê Văn Vinh)	0,300	0,100				0,200	Xã Đông Thanh	Phù hợp		

TT	Hạng mục	Diện tích chuyển mục đích (ha)	Được chuyển mục đích từ các loại đất					Địa điểm (đến cấp xã)	Sự phù hợp điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất đến năm 2020	Chủ trương; nguồn vốn đầu tư	Ghi chú
			LUA	RSX	RPH	RDD	Các loại đất còn lại				
(1)	(2)	(3)=(4)+...+(8)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)
10	Điểm dân cư thôn Thế Giới (thôn 1)	0,400	0,400					Xã Đông Ninh	Phù hợp		
11	Điểm Dân cư thôn Thành Huy (Cồn Pheo thôn 9)	0,570	0,570					Xã Đông Ninh	Phù hợp		
12	Điểm dân cư thôn Hòa Bình (thôn 4) (sau nhà máy may Ikungvina)	4,500	4,500					Xã Đông Ninh	Phù hợp		
13	Điểm dân cư khu Đồng Hới	1,100	1,100					Xã Đông Ninh	Phù hợp		
15	Điểm dân cư khu Đồng Trật thôn Thọ Phật (thôn 3)	0,960	0,960					Xã Đông Hoàng	Phù hợp		
16	Điểm dân cư khu Mã Tổ thôn Thọ Phật (thôn 3)	0,880	0,880					Xã Đông Hoàng	Phù hợp		
17	Điểm dân cư khu Cống Thông - Ông Cá thôn Hoàng Học (thôn 4)	0,280	0,280					Xã Đông Hoàng	Phù hợp		
18	Điểm dân cư đường vào Xóm Thượng đi đê Sông hoàng	0,400	0,400					Xã Đông Hòa	Phù hợp		
19	Điểm dân cư Vùng 7 đến vùng 8 thôn Phú Minh	0,400	0,400					Xã Đông Hòa	Phù hợp		
22	Điểm tái định cư (Thuộc dự án tái định cư tuyến đường nối với đường cao tốc Nghi Sơn Sao Vàng)	1,800	1,800					Xã Đông Văn	Phù hợp	Quyết định số 2590/QĐ-UBND ngày 14/8/2019 của UBND huyện Đông Sơn về việc chủ trương đầu tư xây dựng dự án khu dân cư nông thôn	
23	Điểm dân cư Đồng Thịnh+Đồng Bản thôn Đức Thắng 1	0,700	0,700					Xã Đông Quang	Phù hợp		
24	Điểm dân cư khu Đồng dọc đọ thôn 3 Thịnh Trị	0,300	0,300					Xã Đông Quang	Phù hợp		
25	Điểm dân cư Đồng Quán Sái thôn Đức Thắng	0,150	0,150					Xã Đông Quang	Phù hợp		
27	Xen cư thôn Đức Thắng xã Đông Quang	0,200	0,200					Xã Đông Quang	Phù hợp		
28	Điểm dân cư khu Đồng Đà thôn Đại từ 2,3 (Cạnh trường mầm non)	2,140	2,140					Xã Đông Thịnh	Phù hợp		

TT	Hạng mục	Diện tích chuyển mục đích (ha)	Được chuyển mục đích từ các loại đất					Địa điểm (đến cấp xã)	Sự phù hợp điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất đến năm 2020	Chủ trương; nguồn vốn đầu tư	Ghi chú
			LUA	RSX	RPH	RDD	Các loại đất còn lại				
(1)	(2)	(3)=(4)+...+(8)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)
29	Điểm dân cư Côn Trôi - Cống Tây thôn Đại Từ 1,2, Đà Ninh (thôn 3,4)	2,030	2,030					Xã Đông Thịnh	Phù hợp		
30	Điểm dân cư khu Dọc Nổ Hốc thôn Đại Từ 2 (giáp trường tiểu học)	0,200	0,140				0,060	Xã Đông Thịnh	Phù hợp	Quyết định số 2590/QĐ-UBND ngày 14/8/2019 của UBND huyện Đông Sơn về việc chủ trương đầu tư xây dựng dự án khu dân cư nông thôn	
31	Điểm dân cư Đồng Bái thôn Đoàn Kết	0,200	0,200					Xã Đông Thịnh	Phù hợp		
32	Khu dân sau trường tiểu học ( mở rộng)	0,780	0,780					Xã Đông Thịnh	Phù hợp		
33	Điểm dân cư thôn Tân Chính	1,070	1,010				0,060	Xã Đông Nam	Phù hợp		
34	Đầu giá QSD đất tại đồng Miếu thôn 1,2	0,410	0,410					Đông Khê	Phù hợp		
35	Đầu giá QSD đất tại khu của trại Măng Vân đò, đồng xin thôn 4,5	1,000	1,000					Đông Khê	Phù hợp		
36	Đầu giá QSDĐ tại thôn Yên Doãn	0,540	0,540					Xã Đông Yên	Phù hợp		
39	Đầu giá QSDĐ tại thôn Phù Bình (thôn 11)	0,090	0,090					Xã Đông Ninh	Phù hợp		
40	Xen cư đầu giá xã Đông Ninh (thôn Phù Chân)	0,010	0,010					Xã Đông Ninh	Phù hợp		
41	Đầu giá QSDĐ tại Đông Khê ( giáp khu quy hoạch thị tứ)	2,000	2,000					Xã Đông Khê +Xã Đông Ninh	Phù hợp	QĐ số 479/QĐ-UBND ngày 30/01/2019 của tỉnh Thanh Hóa; Công văn số 10161/UBND-CN V/v chủ trương lập quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/500 khu dân cư mới xã Đông Khê, Đông Ninh huyện Đông Sơn	
42	Đầu giá QSDĐ tại thôn Hoàng học (Thôn 4)	2,000	2,000					Xã Đông Hoàng	Phù hợp	Quyết định số 2590/QĐ-UBND ngày 14/8/2019 của UBND huyện Đông Sơn về việc chủ trương đầu tư xây dựng dự án khu dân cư nông thôn trên địa bàn huyện Đông Sơn.	

TT	Hạng mục	Diện tích chuyển mục đích (ha)	Được chuyển mục đích từ các loại đất					Địa điểm (đến cấp xã)	Sự phù hợp điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất đến năm 2020	Chủ trương; nguồn vốn đầu tư	Ghi chú
			LUA	RSX	RPH	RDD	Các loại đất còn lại				
(1)	(2)	(3)=(4)+...+(8)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)
43	Đấu giá QSDĐ tại đấu giá xã Đông Hoàng	1,200	1,200					Xã Đông Hoàng	Phù hợp	Quyết định số 1427/QĐ-UBND huyện Đông Sơn phê duyệt chủ trương đầu tư (Nghị quyết 190/NQ-HĐND)	
44	Đấu giá QSDĐ tại Đồng trước thôn Văn Nam	0,700	0,700					Xã Đông Văn	Phù hợp	Quyết định số 2590/QĐ-UBND ngày 14/8/2019 của UBND huyện Đông Sơn về việc chủ trương đầu tư xây dựng dự án khu dân cư nông thôn trên địa bàn huyện Đông Sơn.	
45	Đấu giá QSDĐ tại Ô Kha thôn Văn Thẳng	0,700	0,700					Xã Đông Văn	Phù hợp		
46	Đấu giá QSDĐ tại Đồng Cách thôn Văn Châu	1,000	1,000					Xã Đông Văn	Phù hợp		
47	Dự án khu dân cư đấu giá xã Đông Quang	0,800	0,800					Xã Đông Quang	Phù hợp	Quyết định số 1423/QĐ-UBND huyện Đông Sơn phê duyệt chủ trương đầu tư (Nghị quyết số 190/NQ-HĐND)	
48	Dự án Khu xen cư đấu giá chính trang chuyển mục đích xã Đông Quang	0,500	0,500					Xã Đông Quang	Phù hợp		
49	Đấu giá QSDĐ tại Ngọc Lậu xã Đông Thịnh giáp mặt bằng Nhuệ Sâm	3,000	3,000					Xã Đông Thịnh	Phù hợp	Quyết định số 2590/QĐ-UBND ngày 14/8/2019 của UBND huyện Đông Sơn về việc chủ trương đầu tư xây dựng dự án khu dân cư nông thôn trên địa bàn huyện Đông Sơn.	
50	Đấu giá QSDĐ tại khu dọc 2 bên đường tỉnh lộ 517 đi ngã ba Đông Văn	9,000	9,000					Xã Đông Thịnh	Phù hợp		
51	Đấu giá QSDĐ tại khu dọc 2 bên đường nối từ khu dân cư Nhuệ Sâm đi tỉnh lộ 517	6,000	6,000					Xã Đông Thịnh	Phù hợp		
52	Đấu giá QSDĐ tại khu mở rộng mặt bằng Nhuệ Sâm	4,000	4,000					Xã Đông Thịnh	Phù hợp		
53	Đấu giá QSDĐ tại xã Đông Thịnh (gần trường cấp 3)	5,000	5,000					Xã Đông Thịnh	Phù hợp		
54	Đấu giá QSDĐ tại thôn Phúc Đoàn thôn Hạnh Phúc Đoàn (thôn Phúc Đoàn)	1,390	1,330				0,060	Xã Đông Nam	Phù hợp		



TT	Hạng mục	Diện tích chuyển mục đích (ha)	Được chuyển mục đích từ các loại đất					Địa điểm (đến cấp xã)	Sự phù hợp điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất đến năm 2020	Chủ trương; nguồn vốn đầu tư	Ghi chú
			LUA	RSX	RPH	RDD	Các loại đất còn lại				
(1)	(2)	(3)=(4)+...+(8)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)
55	Đấu giá QSDĐ tại Đồng Xin thôn 1	1,40	1,20				0,20	Đông Minh	Phù hợp	Quyết định số 2590/QĐ-UBND ngày 14/8/2019 của UBND huyện Đông Sơn về việc chủ trương đầu tư xây dựng dự án khu dân cư nông thôn trên địa bàn huyện Đông Sơn.	
56	Đấu giá QSDĐ tại thôn Hoàng Thịnh (thôn Hoàng Lạp)	0,09	0,09					Đông Phú	Phù hợp	Quyết định số 2590/QĐ-UBND ngày 14/8/2019 của UBND huyện Đông Sơn về việc chủ trương đầu tư xây dựng dự án khu dân cư nông thôn trên địa bàn huyện Đông Sơn.	
57	Đấu giá QSDĐ tại Cồn Căng Cao thôn Phú Bình (Phú Bất)	0,45	0,45					Đông Phú	Phù hợp	Quyết định số 2590/QĐ-UBND ngày 14/8/2019 của UBND huyện Đông Sơn về việc chủ trương đầu tư xây dựng dự án khu dân cư nông thôn trên địa bàn huyện Đông Sơn.	
58	Đấu giá QSDĐ tại Đồng Đồi thôn Phú Bình	0,49	0,49					Đông Phú	Phù hợp	Quyết định số 2590/QĐ-UBND ngày 14/8/2019 của UBND huyện Đông Sơn về việc chủ trương đầu tư xây dựng dự án khu dân cư nông thôn trên địa bàn huyện Đông Sơn.	
59	Đấu giá QSDĐ tại Đồng Dọc Thúi thôn Phú Bình	0,30	0,30					Đông Phú	Phù hợp	Quyết định số 2590/QĐ-UBND ngày 14/8/2019 của UBND huyện Đông Sơn về việc chủ trương đầu tư xây dựng dự án khu dân cư nông thôn trên địa bàn huyện Đông Sơn.	
60	Đấu giá QSDĐ tại Đồng Bồn thôn Phú Bình	0,11	0,11					Đông Phú	Phù hợp	Quyết định số 2590/QĐ-UBND ngày 14/8/2019 của UBND huyện Đông Sơn về việc chủ trương đầu tư xây dựng dự án khu dân cư nông thôn trên địa bàn huyện Đông Sơn.	

TT	Hạng mục	Diện tích chuyển mục đích (ha)	Được chuyển mục đích từ các loại đất					Địa điểm (đến cấp xã)	Sự phù hợp điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất đến năm 2020	Chủ trương; nguồn vốn đầu tư	Ghi chú
			LUA	RSX	RPH	RDD	Các loại đất còn lại				
(1)	(2)	(3)=(4)+...+(8)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)
61	Đấu giá QSDĐ tại thôn Hoàng Văn	0,08	0,08					Đông Phú	Phù hợp	Quyết định số 2590/QĐ-UBND ngày 14/8/2019 của UBND huyện Đông Sơn về việc chủ trương đầu tư xây dựng dự án khu dân cư nông thôn trên địa bàn huyện Đông Sơn.	
62	Điểm dân cư Yên Thành xã Đông Yên	1,20	1,00				0,20	Đông Yên	Phù hợp	Quyết định số 2590/QĐ-UBND ngày 14/8/2019 của UBND huyện Đông Sơn về việc chủ trương đầu tư xây dựng dự án khu dân cư nông thôn trên địa bàn huyện Đông Sơn.	
63	Điểm dân cư Yên Doãn 2 xã Đông Yên	1,30	1,20				0,10	Đông Yên	Phù hợp	Quyết định số 2590/QĐ-UBND ngày 14/8/2019 của UBND huyện Đông Sơn về việc chủ trương đầu tư xây dựng dự án khu dân cư nông thôn trên địa bàn huyện Đông Sơn.	
64	Điểm dân cư thôn Chiêu Thượng xã Đông Phú	1,40	1,30				0,10	Đông Phú	Phù hợp	Quyết định số 2590/QĐ-UBND ngày 14/8/2019 của UBND huyện Đông Sơn về việc chủ trương đầu tư xây dựng dự án khu dân cư nông thôn trên địa bàn huyện Đông Sơn.	
65	Điểm dân cư Thôn Phú Bình xã Đông Phú	1,70	1,50				0,20	Đông Phú	Phù hợp	Quyết định số 2590/QĐ-UBND ngày 14/8/2019 của UBND huyện Đông Sơn về việc chủ trương đầu tư xây dựng dự án khu dân cư nông thôn trên địa bàn huyện Đông Sơn.	
66	Điểm dân cư nông thôn thôn 4 xã Đông Anh phía sau cây xăng Minh Hương	2,20	2,00				0,20	Đông Anh	Phù hợp	Quyết định số 2590/QĐ-UBND ngày 14/8/2019 của UBND huyện Đông Sơn về việc chủ trương đầu tư xây dựng dự án khu dân cư nông thôn trên địa bàn huyện Đông Sơn.	

TT	Hạng mục	Diện tích chuyển mục đích (ha)	Được chuyển mục đích từ các loại đất					Địa điểm (đến cấp xã)	Sự phù hợp điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất đến năm 2020	Chủ trương; nguồn vốn đầu tư	Ghi chú
			LUA	RSX	RPH	RDD	Các loại đất còn lại				
(1)	(2)	(3)=(4)+...+(8)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)
67	Điểm dân cư nông thôn giáp mặt bằng Nhuệ Sâm	1,60	1,40				0,20	Đông Anh	Phù hợp	Quyết định số 2590/QĐ-UBND ngày 14/8/2019 của UBND huyện Đông Sơn về việc chủ trương đầu tư xây dựng dự án khu dân cư nông thôn trên địa bàn huyện Đông Sơn.	
68	Điểm dân cư thôn Đà Ninh Đông Thịnh ( Giáp công ty Quang Vinh)	1,80	1,50				0,30	Đông Thịnh	Phù hợp	Quyết định số 2590/QĐ-UBND ngày 14/8/2019 của UBND huyện Đông Sơn về việc chủ trương đầu tư xây dựng dự án khu dân cư nông thôn trên địa bàn huyện Đông Sơn.	
69	Điểm dân cư Đông Anh sau doanh nghiệp Ngọc Ấn	1,30	1,20				0,10	Đông Anh	Phù hợp	Quyết định số 2590/QĐ-UBND ngày 14/8/2019 của UBND huyện Đông Sơn về việc chủ trương đầu tư xây dựng dự án khu dân cư nông thôn trên địa bàn huyện Đông Sơn.	
70	Điểm dân cư Đông Anh cạnh khu dân cư cồn U Đông Anh	1,60	1,40				0,20	Đông Anh	Phù hợp	Quyết định số 2590/QĐ-UBND ngày 14/8/2019 của UBND huyện Đông Sơn về việc chủ trương đầu tư xây dựng dự án khu dân cư nông thôn trên địa bàn huyện Đông Sơn.	
71	Điểm dân cư canh Trường mầm non Đông Anh	1,10	1,00				0,10	Đông Anh	Phù hợp	Quyết định số 2590/QĐ-UBND ngày 14/8/2019 của UBND huyện Đông Sơn về việc chủ trương đầu tư xây dựng dự án khu dân cư nông thôn trên địa bàn huyện Đông Sơn.	
72	Điểm dân cư phía Bắc thôn Đà Ninh Đông Thịnh	2,20	2,10				0,10	Đông Thịnh	Phù hợp	Quyết định số 2590/QĐ-UBND ngày 14/8/2019 của UBND huyện Đông Sơn về việc chủ trương đầu tư xây dựng dự án khu dân cư nông thôn trên địa bàn huyện Đông Sơn.	

TT	Hạng mục	Diện tích chuyển mục đích (ha)	Được chuyển mục đích từ các loại đất					Địa điểm (đến cấp xã)	Sự phù hợp điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất đến năm 2020	Chủ trương; nguồn vốn đầu tư	Ghi chú
			LUA	RSX	RPH	RDD	Các loại đất còn lại				
(1)	(2)	(3)=(4)+...+(8)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)
73	Điểm dân cư xã Đông Thịnh phía Nam trường mầm non Đông Thịnh	2,20	2,00				0,20	Đông Thịnh	Phù hợp	Quyết định số 2590/QĐ-UBND ngày 14/8/2019 của UBND huyện Đông Sơn về việc chủ trương đầu tư xây dựng dự án khu dân cư nông thôn trên địa bàn huyện Đông Sơn.	
74	Điểm dân cư Đông Thịnh ( Giáp khu dân cư dịch vụ phía nam QL 47)	2,30	2,20				0,10	Đông Thịnh	Phù hợp	Quyết định số 2590/QĐ-UBND ngày 14/8/2019 của UBND huyện Đông Sơn về việc chủ trương đầu tư xây dựng dự án khu dân cư nông thôn trên địa bàn huyện Đông Sơn.	
75	Khu dân cư thị tứ xã Đông Khê ( giai đoạn 2)	4,60	3,60				1,00	Đông Khê	Phù hợp	Quyết định số 2590/QĐ-UBND ngày 14/8/2019 của UBND huyện Đông Sơn về việc chủ trương đầu tư xây dựng dự án khu dân cư nông thôn trên địa bàn huyện Đông Sơn.	
76	Khu dân cư Đồng Xín Đông Khê	2,20	2,00				0,20	Đông Khê	Phù hợp	Quyết định số 2590/QĐ-UBND ngày 14/8/2019 của UBND huyện Đông Sơn về việc chủ trương đầu tư xây dựng dự án khu dân cư nông thôn trên địa bàn huyện Đông Sơn.	
77	Khu dân cư trường mầm non Đông Tiến	0,60	0,50				0,10	Đông Tiến	Phù hợp	Quyết định số 2590/QĐ-UBND ngày 14/8/2019 của UBND huyện Đông Sơn về việc chủ trương đầu tư xây dựng dự án khu dân cư nông thôn trên địa bàn huyện Đông Sơn.	
78	Khu dân cư thôn Hiệp Khởi giáp thị trấn Rừng Thông	1,30	1,20				0,10	Đông Tiến	Phù hợp	Quyết định số 2590/QĐ-UBND ngày 14/8/2019 của UBND huyện Đông Sơn về việc chủ trương đầu tư xây dựng dự án khu dân cư nông thôn trên địa bàn huyện Đông Sơn.	

TT	Hạng mục	Diện tích chuyển mục đích (ha)	Được chuyển mục đích từ các loại đất					Địa điểm (đến cấp xã)	Sự phù hợp điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất đến năm 2020	Chủ trương; nguồn vốn đầu tư	Ghi chú
			LUA	RSX	RPH	RDD	Các loại đất còn lại				
(1)	(2)	(3)=(4)+... (8)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)
79	Khu dân cư giáp sân vận động Đông Hoàng	1,30	1,20				0,10	Đông Hoàng	Phù hợp	Quyết định số 2590/QĐ-UBND ngày 14/8/2019 của UBND huyện Đông Sơn về việc chủ trương đầu tư xây dựng dự án khu dân cư nông thôn trên địa bàn huyện Đông Sơn.	
80	Khu dân cư nông thôn đối diện công ty Thái Long	2,10	2,00				0,10	Đông Tiến	Phù hợp	Quyết định số 2590/QĐ-UBND ngày 14/8/2019 của UBND huyện Đông Sơn về việc chủ trương đầu tư xây dựng dự án khu dân cư nông thôn trên địa bàn huyện Đông Sơn.	
81	Điểm dân cư xã Đông Thịnh ( Giáp trường THCS xã Đông Thịnh)	2,20	2,10				0,10	Đông Thịnh	Phù hợp	Quyết định số 2590/QĐ-UBND ngày 14/8/2019 của UBND huyện Đông Sơn về việc chủ trương đầu tư xây dựng dự án khu dân cư nông thôn trên địa bàn huyện Đông Sơn.	
<b>III</b>	<b>Cụm công nghiệp</b>	<b>8,500</b>	<b>7,200</b>				<b>1,300</b>				
1	Cụm công nghiệp Vực	5,000	4,200				0,800	Đông Quang	Phù hợp	Quyết định số 2578/QĐ-UBND ngày 12/8/2019 của UBND huyện Đông Sơn về việc chủ trương đầu tư xây dựng dự án	
2	Cụm công nghiệp Đông Tiến CN-2-CN3	3,500	3,000				0,500	Đông Nam	Phù hợp	Quyết định số 2578/QĐ-UBND ngày 12/8/2019 của UBND huyện Đông Sơn về việc chủ trương đầu tư xây dựng dự án	
<b>IV</b>	<b>Công trình giao thông</b>	<b>6,010</b>	<b>5,310</b>				<b>0,700</b>				
1	Bến xe thị trấn rừng thông	2,700	2,700					Thị trấn Rừng Thông	Phù hợp	Quyết định số 2588/QĐ-UBND ngày 14/8/2019 của UBND huyện Đông Sơn	
2	Mở mới đường trục chính đầu nối trung tâm huyện Đông Sơn nối đại lộ Đông Tây Thành Phố Thanh hóa	1,500	0,800				0,700	Thị trấn Rừng Thông	Phù hợp	Quyết định số 2588/QĐ-UBND ngày 14/8/2019 của UBND huyện Đông Sơn	

TT	Hạng mục	Diện tích chuyển mục đích (ha)	Được chuyển mục đích từ các loại đất					Địa điểm (đến cấp xã)	Sự phù hợp điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất đến năm 2020	Chủ trương; nguồn vốn đầu tư	Ghi chú
			LUA	RSX	RPH	RDD	Các loại đất còn lại				
(1)	(2)	(3)=(4)+...(8)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)
3	Mở mới tuyến đường đoạn vào khu di tích Nguyễn Nhữ Soạn, rộng 13,5m, dài 500m	0,680	0,680					Xã Đông Yên	Phù hợp	Quyết định số 2588/QĐ-UBND ngày 14/8/2019 của UBND huyện Đông Sơn	
4	Mở mới tuyến đường Đông Minh đi Đông Hòa, đoạn từ quốc lộ 47 cũ đi trường học THCS xã Đông Hòa)	1,000	1,000					Xã Đông Minh, Đông Hòa	Phù hợp	Quyết định số 2588/QĐ-UBND ngày 14/8/2019 của UBND huyện Đông Sơn	
5	Mở rộng tuyến đường đoạn từ nhà văn hóa thôn 2 đi Bãi Mã Nàng	0,130	0,130					Xã Đông Khê	Phù hợp	Quyết định số 2588/QĐ-UBND ngày 14/8/2019 của UBND huyện Đông Sơn	
<b>V</b>	<b>Công trình thể dục thể thao</b>	<b>1,320</b>	<b>1,260</b>				<b>0,060</b>				
1	Mở mới sân thể thao thôn 1 (khu Nguyễn Nghi)	0,200	0,200					Xã Đông Thanh	Phù hợp	Quyết định số 2580/QĐ-UBND ngày 12/8/2019 của UBND huyện Đông Sơn về việc chủ trương đầu tư xây dựng dự án	
2	Mở mới sân TT thôn 3	0,240	0,240					Xã Đông Thanh	Phù hợp		
3	Mở mới sân TT Thôn 1 tại Đa Tán (giáp khuôn viên đất NVH)	0,100	0,100					Xã Đông Hoàng	Phù hợp		
4	Mở mới sân TT thôn 4 (tại Đồng Chim)	0,180	0,120				0,060	Xã Đông Hoàng	Phù hợp		
5	Mở rộng đất trung tâm văn hóa thể thao xã	0,400	0,400					Xã Đông Hoàng	Phù hợp		
6	Mở rộng sân thể thao	0,200	0,200					Đông Ninh	Phù hợp		
<b>VI</b>	<b>Dự án cơ sở giáo dục</b>	<b>3,230</b>	<b>3,140</b>				<b>0,090</b>				
1	Mở rộng trường THCS	0,500	0,410				0,090	Xã Đông Thanh	Phù hợp	Quyết định số 2577/QĐ-UBND ngày 12/8/2019 của UBND huyện Đông Sơn về việc chủ trương đầu tư xây dựng dự án	
2	Mở rộng đất trường mầm non	0,600	0,600					Xã Đông Minh	Phù hợp		
3	Mở rộng Khu trường Mầm Non xã Đông Phú	0,040	0,040					Xã Đông Phú	Phù hợp		
4	Mở rộng trường cấp 1+2	0,470	0,470					Xã Đông Hoàng	Phù hợp		
5	Mở rộng đất trường mầm non	0,220	0,220					Xã Đông Hoàng	Phù hợp		

TT	Hạng mục	Diện tích chuyển mục đích (ha)	Được chuyển mục đích từ các loại đất					Địa điểm (đến cấp xã)	Sự phù hợp điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất đến năm 2020	Chủ trương; nguồn vốn đầu tư	Ghi chú
			LUA	RSX	RPH	RDD	Các loại đất còn lại				
(1)	(2)	(3)=(4)+...+(8)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)
6	Mở rộng trường cấp 3 Đông Sơn (GD-4)	0,800	0,800					Thị trấn Rừng Thông	Phù hợp		
7	Mở rộng trường tiểu học	0,600	0,600					Thị trấn Rừng Thông	Phù hợp		
<b>VII</b>	<b>Dự án chợ</b>	<b>0,800</b>	<b>0,800</b>								
1	Mở mới đất chợ khu vực Trung tâm thị trấn	0,800	0,800					Thị trấn Rừng Thông	Phù hợp	Quyết định số 2579/QĐ-UBND ngày 12/8/2019 của UBND huyện Đông Sơn về việc chủ trương đầu tư xây dựng dự án	
<b>VIII</b>	<b>Dự án thu gom xử lý rác thải</b>	<b>0,020</b>	<b>0,020</b>								
1	Điểm tập kết xe trở rác	0,010	0,010					Xã Đông Phú	Phù hợp	Quyết định số 2578/QĐ-UBND ngày 12/8/2019 của UBND huyện Đông Sơn về việc chủ trương đầu tư xây dựng dự án	
2	Điểm tập kết xe trở rác	0,010	0,010					Xã Đông Ninh	Phù hợp		
<b>IX</b>	<b>Công trình sinh hoạt cộng đồng</b>	<b>0,170</b>	<b>0,170</b>								
1	Mở mới đất NVH thôn 3 tại Trục Sen	0,170	0,170					Xã Đông Thịnh	Phù hợp	Quyết định số 2579/QĐ-UBND ngày 12/8/2019 của UBND huyện Đông Sơn về việc chủ trương đầu tư xây dựng dự án	
<b>X</b>	<b>Công trình nghĩa trang, ND</b>	<b>0,500</b>	<b>0,500</b>								
1	Mở rộng nghĩa địa tại Lò Vôi - Chùa Thường thôn 4	0,500	0,500					Xã Đông Hòa	Phù hợp	Quyết định số 2578/QĐ-UBND ngày 12/8/2019 của UBND huyện Đông Sơn về việc chủ trương đầu tư xây dựng dự án	
<b>XI</b>	<b>Dự án sản xuất phi nông nghiệp, thương mại dịch vụ, chế biến nông, lâm, thủy sản</b>	<b>8,267</b>	<b>7,991</b>				<b>0,276</b>				
1	Khu sản xuất kinh doanh tổng hợp, bao bì, hàng da và kho hàng hóa tại xã Đông Tiến	4,000	3,862				0,138	Xã Đông Tiến	Phù hợp	Quyết định số 2575/QĐ-UBND ngày 28/6/2019 của UBND tỉnh về việc chấp thuận chủ trương đầu tư dự án Khu sản xuất kinh doanh tổng hợp	

TT	Hạng mục	Diện tích chuyển mục đích (ha)	Được chuyển mục đích từ các loại đất					Địa điểm (đến cấp xã)	Sự phù hợp điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất đến năm 2020	Chủ trương; nguồn vốn đầu tư	Ghi chú
			LUA	RSX	RPH	RDD	Các loại đất còn lại				
(1)	(2)	(3)=(4)+...+(8)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)
2	Khu sản xuất kinh doanh tổng hợp, bao bì, hàng da và kho hàng hóa	4,00	3,86				0,14	Đông Tiến	Phù hợp	Quyết định số 2575/QĐ-UBND ngày 28/6/2019 của Chủ tịch UBND tỉnh	
3	Khu thu mua nông sản và kinh doanh vật liệu xây dựng Tài Do	0,27	0,27					Đông Hòa	Phù hợp	Quyết định số 4169/QĐ-UBND ngày 11/10/2019	



Phụ biểu III.5

TỔNG HỢP NHU CẦU SỬ DỤNG ĐẤT CÁC DỰ ÁN CHUYỂN MỤC ĐÍCH ĐẤT TRỒNG LÚA, ĐẤT VÀ RỪNG PHÒNG HỘ, RỪNG SẢN XUẤT NĂM 2020 TRÊN ĐỊA BÀN HUYỆN HOÀNG HÓA

TT	Hạng mục	Diện tích chuyển mục đích (ha)	Được chuyển mục đích từ các loại đất					Địa điểm (đến cấp xã)	Sự phù hợp điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất đến năm 2020	Chủ trương; nguồn vốn đầu tư	Ghi chú
			LUA	RSX	RPH	RDD	Các loại đất còn lại				
(1)	(2)	(3)=(4)+... (8)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)
	<b>Tổng cộng</b>	63,116	51,294		0,200		11,622				
<b>I</b>		1,520	1,520								
1	Khu dân cư đô thị	1,520	1,520					thị trấn	phù hợp	Quyết định số 5534/QĐ-UBND ngày 13/9/2019 của UBND huyện Hoàng Hóa	
<b>I</b>	<b>Dự án Khu dân cư nông thôn</b>	32,960	27,580				5,380				
1	Khu dân cư nông thôn xã Hoằng Giang	0,450	0,450					Hoằng Giang	phù hợp	Phê duyệt chủ trương tại Quyết định số 5535/QĐ-UBND ngày 13/9/2019	
2	Khu dân cư nông thôn xã Hoằng Xuân	1,150	1,150					Hoằng Xuân	phù hợp	Phê duyệt chủ trương tại Quyết định số 5536/QĐ-UBND ngày 13/9/2019	
3	Khu dân cư nông thôn xã Hoằng Khánh	1,400	1,150				0,250	Hoằng Khánh	phù hợp	Phê duyệt chủ trương tại Quyết định số 5537/QĐ-UBND ngày 13/9/2019	
4	Khu dân cư nông thôn xã Hoằng Phụng	0,900	0,900					Hoằng Phụng	phù hợp	Phê duyệt chủ trương tại Quyết định số 5538/QĐ-UBND ngày 13/9/2019	
5	Khu dân cư nông thôn xã Hoằng Phú	0,460	0,460					Hoằng Phú	phù hợp	Phê duyệt chủ trương tại Quyết định số 5539/QĐ-UBND ngày 13/9/2019	
6	Khu dân cư nông thôn xã Hoằng Quý	0,300	0,300					Hoằng Quý	phù hợp	Phê duyệt chủ trương tại Quyết định số 5540/QĐ-UBND ngày 13/9/2019	
7	Khu dân cư nông thôn xã Hoằng Trung	0,390	0,390					Hoằng Trung	phù hợp	Phê duyệt chủ trương tại Quyết định số 5541/QĐ-UBND ngày 13/9/2019	
8	Khu dân cư nông thôn xã Hoằng Trinh	1,000	1,000					Hoằng Trinh	phù hợp	Phê duyệt chủ trương tại Quyết định số 5542/QĐ-UBND ngày 13/9/2019	
9	Khu dân cư nông thôn xã Hoằng Sơn	0,720	0,600				0,120	Hoằng Sơn	phù hợp	Phê duyệt chủ trương tại Quyết định số 5543/QĐ-UBND ngày 13/9/2019	

TT	Hạng mục	Diện tích chuyển mục đích (ha)	Được chuyển mục đích từ các loại đất					Địa điểm (đến cấp xã)	Sự phù hợp điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất đến năm 2020	Chủ trương; nguồn vốn đầu tư	Ghi chú
			LUA	RSX	RPH	RDD	Các loại đất còn lại				
(1)	(2)	(3)=(4)+... (8)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)
10	Khu dân cư nông thôn xã Hoàng Lương	0,630	0,630					Hoàng Lương	phù hợp	Phê duyệt chủ trương tại Quyết định số 5544/QĐ-UBND ngày 13/9/2019	
11	Khu dân cư nông thôn xã Hoàng Cát	1,380	1,380					Hoàng Cát	phù hợp	Phê duyệt chủ trương tại Quyết định số 5545/QĐ-UBND ngày 13/9/2019	
12	Khu dân cư nông thôn xã Hoàng Khê	0,540	0,540					Hoàng Khê	phù hợp	Phê duyệt chủ trương tại Quyết định số 5546/QĐ-UBND ngày 13/9/2019	
13	Khu dân cư nông thôn xã Hoàng Quý	0,610	0,610					Hoàng Quý	phù hợp	Phê duyệt chủ trương tại Quyết định số 5547/QĐ-UBND ngày 13/9/2019	
14	Khu dân cư nông thôn xã Hoàng Hợp	0,440	0,440					Hoàng Hợp	phù hợp	Phê duyệt chủ trương tại Quyết định số 5548/QĐ-UBND ngày 13/9/2019	
15	Khu dân cư nông thôn xã Hoàng Minh	1,000	1,000					Hoàng Minh	phù hợp	Phê duyệt chủ trương tại Quyết định số 5549/QĐ-UBND ngày 13/9/2019	
16	Khu dân cư nông thôn xã Hoàng Phúc	0,500	0,500					Hoàng Phúc	phù hợp	Phê duyệt chủ trương tại Quyết định số 5550/QĐ-UBND ngày 13/9/2019	
17	Khu dân cư nông thôn xã Hoàng Đức	1,000	1,000					Hoàng Đức	phù hợp	Phê duyệt chủ trương tại Quyết định số 5551/QĐ-UBND ngày 13/9/2019	
18	Khu dân cư nông thôn xã Hoàng Hà	0,400	0,400					Hoàng Hà	phù hợp	Phê duyệt chủ trương tại Quyết định số 5572/QĐ-UBND ngày 13/9/2019	
19	Khu dân cư nông thôn xã Hoàng Đạt	1,520	1,350				0,170	Hoàng Đạt	phù hợp	Phê duyệt chủ trương tại Quyết định số 5552/QĐ-UBND ngày 13/9/2019	
20	Khu dân cư nông thôn xã Hoàng Vinh	0,520	0,520					Hoàng Vinh	phù hợp	Phê duyệt chủ trương tại Quyết định số 5553/QĐ-UBND ngày 13/9/2019	
22	Khu dân cư nông thôn xã Hoàng Thắng	1,500	0,200				1,300	Hoàng Thắng	phù hợp	Phê duyệt chủ trương tại Quyết định số 5555/QĐ-UBND ngày 13/9/2019	
24	Khu dân cư nông thôn xã Hoàng Thái	1,000	1,000					Hoàng Thái	phù hợp	Phê duyệt chủ trương tại Quyết định số 5557/QĐ-UBND ngày 13/9/2019	
25	Khu dân cư nông thôn xã Hoàng Thịnh	1,320	1,320					Hoàng Thịnh	phù hợp	Phê duyệt chủ trương tại Quyết định số 5558/QĐ-UBND ngày 13/9/2019	
27	Khu dân cư nông thôn xã Hoàng Lộc	1,000	1,000					Hoàng Lộc	phù hợp	Phê duyệt chủ trương tại Quyết định số 5560/QĐ-UBND ngày 13/9/2019	

TT	Hạng mục	Diện tích chuyển mục đích (ha)	Được chuyển mục đích từ các loại đất					Địa điểm (đến cấp xã)	Sự phù hợp điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất đến năm 2020	Chủ trương; nguồn vốn đầu tư	Ghi chú
			LUA	RSX	RPH	RDD	Các loại đất còn lại				
(1)	(2)	(3)=(4)+... (8)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)
28	Khu dân cư nông thôn xã Hoàng Trạch	1,700	0,540				1,160	Hoàng Trạch	phù hợp	Phê duyệt chủ trương tại Quyết định số 5561/QĐ-UBND ngày 13/9/2019	
29	Khu dân cư nông thôn xã Hoàng Lưu	1,440	1,210				0,230	Hoàng Lưu	phù hợp	Phê duyệt chủ trương tại Quyết định số 5562/QĐ-UBND ngày 13/9/2019	
30	Khu dân cư nông thôn xã Hoàng Châu	1,000	1,000					Hoàng Châu	phù hợp	Phê duyệt chủ trương tại Quyết định số 5563/QĐ-UBND ngày 13/9/2019	
31	Khu dân cư nông thôn xã Hoàng Tân	0,430	0,430					Hoàng Tân	phù hợp	Phê duyệt chủ trương tại Quyết định số 5564/QĐ-UBND ngày 13/9/2019	
33	Khu dân cư nông thôn xã Hoàng Tiến	1,000	1,000					Hoàng Tiến	phù hợp	Phê duyệt chủ trương tại Quyết định số 5566/QĐ-UBND ngày 13/9/2019	
34	Khu dân cư nông thôn xã Hoàng Ngọc	0,500	0,500					Hoàng Ngọc	phù hợp	Phê duyệt chủ trương tại Quyết định số 5567/QĐ-UBND ngày 13/9/2019	
35	Khu dân cư nông thôn xã Hoàng Đông	1,460	1,460					Hoàng Đông	phù hợp	Phê duyệt chủ trương tại Quyết định số 5568/QĐ-UBND ngày 13/9/2019	
36	Khu dân cư nông thôn xã Hoàng Thanh	1,570	0,920				0,650	Hoàng Thanh	phù hợp	Phê duyệt chủ trương tại Quyết định số 5569/QĐ-UBND ngày 13/9/2019	
37	Khu dân cư nông thôn xã Hoàng Phụ	2,000	1,380				0,620	Hoàng Phụ	phù hợp	Phê duyệt chủ trương tại Quyết định số 5570/QĐ-UBND ngày 13/9/2019	
38	Khu dân cư nông thôn xã Hoàng Trường	1,730	0,850				0,880	Hoàng Trường	phù hợp	Phê duyệt chủ trương tại Quyết định số 5571/QĐ-UBND ngày 13/9/2019	
<b>II</b>	<b>Công trình giao thông</b>	<b>20,450</b>	<b>14,610</b>		<b>0,200</b>		<b>5,640</b>				
1	Đường giao thông Phú Quý Phương	1,500	1,500					Hoàng Phú	phù hợp	Phê duyệt chủ trương đầu tư tại Quyết định số 223a/QĐ-UBND ngày 24/01/2018	
2	Đường giao thông từ nhà bà Thu thôn 8 đến sông Gòg	0,090	0,090					Hoàng Đức	phù hợp	QĐ phê duyệt chủ trương đầu tư số 37/QĐ-UBND ngày 27/5/2019 của UBND xã Hoàng Đức	
3	Đường nội đồng từ Hà cáo đi Xoai	0,140	0,100				0,040	Hoàng Đức	phù hợp	QĐ phê duyệt chủ trương đầu tư số 38/QĐ-UBND ngày 27/5/2019 của UBND xã Hoàng Đức	

TT	Hạng mục	Diện tích chuyển mục đích (ha)	Được chuyển mục đích từ các loại đất					Địa điểm (đến cấp xã)	Sự phù hợp điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất đến năm 2020	Chủ trương; nguồn vốn đầu tư	Ghi chú
			LUA	RSX	RPH	RDD	Các loại đất còn lại				
(1)	(2)	(3)=(4)+... (8)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)
4	Mở rộng đường giao thông ao cá đi đường tránh QL10 (đường giao thông đi thôn 9;10 xã Hoàng Đức)	0,260	0,190				0,070	Hoàng Đức	phù hợp	QĐ phê duyệt chủ trương đầu tư số 32/QĐ-UBND ngày 03/5/2019 của UBND xã Hoàng Đức	
5	Cải tạo tuyến đường từ thôn Phú Thịnh đi Đồng Thử thôn Phúc Thọ	0,500	0,500					Hoàng Đức	phù hợp	QĐ phê duyệt chủ trương đầu tư số 58/QĐ-UBND ngày 27/6/2019 của UBND xã Hoàng Đức	
6	Tuyến đường từ Cống đá thôn Khang Thọ Hưng đến Đồng thử thôn Phúc Thọ	0,400	0,400					Hoàng Đức	phù hợp	QĐ phê duyệt chủ trương đầu tư số 54/QĐ-UBND ngày 23/6/2019 của UBND xã Hoàng Đức	
7	Nâng cấp, mở rộng đường Bút Sơn - Hoàng Trường đi đê hữu sông Lạch Trường huyện Hoàng Hóa	1,600	1,500				0,100	Hoàng Đạt	phù hợp	QĐ phê duyệt Báo cáo kinh tế kỹ thuật số 3899/QĐ-UBND của UBND huyện Thanh Hóa ngày 25/6/2018	
8	Đường Thành - Tân huyện Hoàng Hóa	1,600	0,740				0,860	Hoàng Thành	phù hợp	Quyết định số 842/QĐ-UBND ngày 02/02/2018 của Chủ tịch UBND huyện Hoàng Hóa về việc phê duyệt chủ trương đầu tư xây dựng Công trình: Đường Hoàng Thành - Hoàng Tân, huyện Hoàng Hóa; Quyết định số 4949/QĐ-UBND ngày 10/8/2018 của Chủ tịch UBND huyện Hoàng Hóa về việc phê duyệt Thiết kế bản vẽ thi công và dự toán công trình: Đường Hoàng Thành - Hoàng Tân, huyện Hoàng Hóa	
		2,200	1,620				0,580	Hoàng Trạch	phù hợp		
		2,210	1,870				0,340	Hoàng Châu	phù hợp		
		2,700	0,800				1,900	Hoàng Tân	phù hợp		
10	Đường giao thông liên xã Hoàng Tân - Hoàng Châu, huyện Hoàng Hóa. Hạng mục: Tuyến đường từ WB2 xã Hoàng Tân đi cầu qua kênh Thành Châu, xã Hoàng Châu tại xã Hoàng Tân.	0,370	0,370					Hoàng Tân	phù hợp	Quyết định số 986/QĐ-UBND ngày 23/02/2018 của Chủ tịch UBND huyện Hoàng Hóa về việc phê duyệt Báo cáo kinh tế - kỹ thuật xây dựng và kế hoạch lựa chọn nhà thầu	

TT	Hạng mục	Diện tích chuyển mục đích (ha)	Được chuyển mục đích từ các loại đất					Địa điểm (đến cấp xã)	Sự phù hợp điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất đến năm 2020	Chủ trương; nguồn vốn đầu tư	Ghi chú
			LUA	RSX	RPH	RDD	Các loại đất còn lại				
(1)	(2)	(3)=(4)+... (8)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)
12	Nâng cấp, sửa chữa cục bộ đường Bút - Trinh (ĐH-HH.05), huyện Hoằng Hóa	0,070	0,070					Hoằng Cát	phù hợp	7208/QĐ-UBND ngày 27/12/2017 của Chủ tịch UBND huyện Hoằng Hóa về việc phê duyệt chủ trương đầu tư XD	
		0,080	0,080					Hoằng Khê	phù hợp		
		0,480	0,480					Hoằng Trinh	phù hợp		
		0,600	0,500				0,100	Hoằng Đồng	phù hợp		
		0,600	0,400				0,200	Hoằng Thịnh	phù hợp		
14	Đường vào cụm công nghiệp Hoằng Phú	0,550			0,200		0,350	Hoằng Phú	phù hợp	Quyết định số 2442/QĐ-UBND ngày 08/5/2018 của UBND huyện Hoằng Hóa về việc phê duyệt chủ trương đầu tư xây dựng công trình: Đường vào cụm công nghiệp Hoằng Phú, huyện Hoằng Hóa.	
15	Đường từ Ngã 4 Hoằng Minh đến ngã 5 Gòng	0,500	0,400				0,100	Hoằng Minh	phù hợp	Được HĐND huyện phê duyệt chủ trương tại Nghị Quyết số 2046/NQ-HĐND ngày 08/7/2019	
		4,000	3,000				1,000	Hoằng Vinh	phù hợp		
<b>III</b>	<b>Dự án năng lượng</b>	<b>0,080</b>	<b>0,050</b>				<b>0,030</b>				
1	Cải tạo 971 E9.14 trạm 110 kV Hoằng Hóa (E9.14) lên vận hành 22 kV	0,030	0,020				0,010	Hoằng Vinh, Hoằng Đồng, Hoằng Thịnh, Hoằng Thái, Hoằng Lộc, Hoằng Thành, Hoằng Trạch, Hoằng Tân	phù hợp	CV số 09/ĐLHH-KH-KT ngày 22/7/2019 của Công ty Điện lực Hoằng Hóa	
2	Cải tạo lộ 973 E9.14 trạm 110kV Hoằng Hóa (E9.14) lên vận hành 22kV	0,020	0,010				0,010	Hoằng Vinh, Hoằng Đồng, Hoằng Thịnh, Hoằng Lộc	phù hợp	CV số 09/ĐLHH-KH-KT ngày 22/7/2019 của Công ty Điện lực Hoằng Hóa	

TT	Hạng mục	Diện tích chuyển mục đích (ha)	Được chuyển mục đích từ các loại đất					Địa điểm (đến cấp xã)	Sự phù hợp điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất đến năm 2020	Chủ trương; nguồn vốn đầu tư	Ghi chú
			LUA	RSX	RPH	RDD	Các loại đất còn lại				
(1)	(2)	(3)=(4)+... (8)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)
3	Cải tạo lộ 975 E9.14 trạm 110kV Hoàng Hóa (E9.14) lên vận hành 22kV	0,030	0,020				0,010	Hoàng Vinh, TT Bút Sơn, Hoàng Đạo, Hoàng Phúc, Hoàng Đạt, Hoàng Hà	phù hợp	CV số 09/ĐLHH-KH-KT ngày 22/7/2019 của Công ty Điện lực Hoàng Hóa	
<b>IV</b>	<b>Dự án cơ sở giáo dục</b>	<b>0,940</b>	<b>0,690</b>				<b>0,250</b>				
1	Trường mầm non Hoàng Thanh	0,940	0,690				0,250	Hoàng Thanh	phù hợp	Công văn số 1347/UBND-TNMT ngày 29/8/2018	
<b>V</b>	<b>Dự án sinh hoạt cộng đồng</b>	<b>0,420</b>	<b>0,420</b>								
1	Nhà văn hóa thôn Vĩnh Gia 1; Vĩnh Gia 2; Vĩnh Gia 3	0,420	0,420					Hoàng Phương	phù hợp	Chấp thuận địa điểm thực hiện dự án tại các Công văn số 1443; 1444; 1445/UBND-TNMT ngày 04/9/2019	
<b>VI</b>	<b>Công trình nghĩa trang nghĩa địa</b>	<b>0,500</b>	<b>0,500</b>								
1	Mở rộng nghĩa địa xã Hoàng Phú	0,500	0,500					Hoàng Phú	phù hợp	Công văn số 2074/UBND-TNMT ngày 27/12/2018 của UBND huyện Hoàng Hóa về việc chấp thuận địa điểm đầu tư xây dựng	
<b>XXI</b>	<b>Dự án sản xuất phi nông nghiệp, thương mại dịch vụ, chế biến nông, lâm, thủy sản</b>	<b>6,246</b>	<b>5,924</b>				<b>0,322</b>				
1	Kinh doanh dịch vụ thương mại tổng hợp	0,099	0,099					Hoàng Đông	Phù hợp	Quyết định số 5198/QĐ-UBND ngày 19/8/2019 của Chủ tịch huyện Hoàng Hóa	
2	Khu kinh doanh dịch vụ thương mại tổng hợp	0,099	0,099					Hoàng Quỳnh	Phù hợp	Quyết định số 5004/QĐ-UBND ngày 08/8/2019 của Chủ tịch huyện Hoàng Hóa	

TT	Hạng mục	Diện tích chuyển mục đích (ha)	Được chuyển mục đích từ các loại đất					Địa điểm (đến cấp xã)	Sự phù hợp điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất đến năm 2020	Chủ trương; nguồn vốn đầu tư	Ghi chú
			LUA	RSX	RPH	RDD	Các loại đất còn lại				
(1)	(2)	(3)=(4)+... (8)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)
3	Kinh doanh vật liệu xây dựng và thương mại tổng hợp	0,099	0,091				0,008	Hoàng Tân	Phù hợp	Quyết định số 4923/QĐ-UBND ngày 31/7/2019 của Chủ tịch huyện Hoàng Hóa	
4	Mở rộng khu kinh doanh vận tải hàng hóa và dịch vụ vật liệu xây dựng	0,061	0,061					Hoàng Tân	Phù hợp	Quyết định số 5003/QĐ-UBND ngày 08/8/2019 của Chủ tịch huyện Hoàng Hóa	
5	Xưởng sản xuất các sản phẩm từ gỗ	0,419	0,419					Hoàng Đạt	Phù hợp	Quyết định số 4671/QĐ-UBND ngày 11/11/2019 của Chủ tịch UBND tỉnh	
6	Trang trại nuôi trồng thủy sản kết hợp trồng cây ăn quả	0,377	0,377					Hoàng Phú	Phù hợp	Quyết định số 8033/QĐ-UBND ngày 11/12/2018 của Chủ tịch huyện Hoàng Hóa	
7	Trang trại trồng cây ăn quả và nuôi trồng thủy sản	1,442	1,340				0,102	Hoàng Hà	Phù hợp	Quyết định số 5199/QĐ-UBND ngày 19/8/2019 của Chủ tịch huyện Hoàng Hóa	
8	Trang trại tổng hợp chăn nuôi trồng trọt theo tiêu chuẩn hữu cơ công nghệ cao	1,950	1,750				0,200	Hoàng Hà	Phù hợp	Quyết định số 5197/QĐ-UBND ngày 19/8/2019 của Chủ tịch huyện Hoàng Hóa	
9	Trang trại nuôi trồng thủy sản và trồng cây ăn quả	1,200	1,200					Hoàng Phú	Phù hợp	Quyết định số 5002/QĐ-UBND ngày 08/8/2019 của Chủ tịch huyện Hoàng Hóa	
10	Trang trại trồng cây ăn quả và nuôi trồng thủy sản	0,500	0,488				0,012	Hoàng Đạt	Phù hợp	Quyết định số 7036/QĐ-UBND ngày 15/11/2019 của Chủ tịch huyện Hoàng Hóa	

Phụ biểu III.6

TỔNG HỢP NHU CẦU SỬ DỤNG ĐẤT CÁC DỰ ÁN CHUYỂN MỤC ĐÍCH ĐẤT TRỒNG LÚA, ĐẤT VÀ RỪNG PHÒNG HỘ, RỪNG SẢN XUẤT NĂM 2020 TRÊN ĐỊA BÀN HUYỆN QUẢNG XƯƠNG

TT	Hạng mục	Diện tích chuyển mục đích (ha)	Được chuyển mục đích từ các loại đất					Địa điểm (đến cấp xã)	Sự phù hợp điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất đến năm 2020	Chủ trương; nguồn vốn đầu tư	Ghi chú
			LUA	RSX	RPH	RDD	Các loại đất còn lại				
(1)	(2)	(3)=(4)+... (8)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)
	<b>Tổng cộng</b>	<b>104,504</b>	<b>95,594</b>				<b>8,909</b>				
<b>I</b>	<b>Dự án, khu dân cư đô thị</b>	<b>5,500</b>	<b>5,500</b>								
1	Xây dựng khu dân cư mới	5,500	5,500					Thị trấn	Phù hợp	Công văn số 1616/UBND-TNMT ngày 10/10/2019 của UBND huyện	
<b>II</b>	<b>Dự án khu dân cư nông thôn</b>	<b>85,962</b>	<b>83,202</b>				<b>2,759</b>				
1	Xây dựng khu dân cư mới Thôn Trung Đình xã Quảng Định, huyện Quảng Xương	3,220	3,190				0,030	Quảng Định	Phù hợp	Công văn số 1616/UBND-TNMT ngày 10/10/2019 của UBND huyện	
2	Xây dựng khu dân cư mới khu vực Đòng giữa đòng thôn Trung Đình	0,550	0,490				0,059	Quảng Định	Phù hợp	Công văn số 1616/UBND-TNMT ngày 10/10/2019 của UBND huyện	
3	Xây dựng khu dân cư mới Đồn cây cạy giữa đòng Thôn Tiên Vệ, xã Quảng Định, huyện Quảng Xương	1,660	1,250				0,410	Quảng Định	Phù hợp quy hoạch	Công văn số 1616/UBND-TNMT ngày 10/10/2019 của UBND huyện	
4	Xây dựng khu dân cư mới	3,500	3,500					Quảng Giao	Phù hợp	Công văn số 1616/UBND-TNMT ngày 10/10/2019 của UBND huyện	
5	Xây dựng khu dân cư mới	0,850	0,850					Quảng Hòa	Phù hợp	Công văn số 1616/UBND-TNMT ngày 10/10/2019 của UBND huyện	
6	Xây dựng khu dân cư mới thôn Bình Danh	0,200	0,200					Quảng Hợp	Phù hợp	Công văn số 1616/UBND-TNMT ngày 10/10/2019 của UBND huyện	
7	Xây dựng khu dân cư mới thôn Hợp Lực	1,100	1,100					Quảng Hợp	Phù hợp	Công văn số 1616/UBND-TNMT ngày 10/10/2019 của UBND huyện	
8	Xây dựng khu dân cư mới thôn Hợp Gia	0,800	0,800					Quảng Hợp	Phù hợp	Công văn số 1616/UBND-TNMT ngày 10/10/2019 của UBND huyện	
9	Xây dựng khu dân cư mới	1,400	1,400					Quảng Lĩnh	Phù hợp	Công văn số 1616/UBND-TNMT ngày 10/10/2019 của UBND huyện	



TT	Hạng mục	Diện tích chuyển mục đích (ha)	Được chuyển mục đích từ các loại đất					Địa điểm (đến cấp xã)	Sự phù hợp điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất đến năm 2020	Chủ trương; nguồn vốn đầu tư	Ghi chú
			LUA	RSX	RPH	RDD	Các loại đất còn lại				
(1)	(2)	(3)=(4)+... (8)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)
10	Xây dựng khu dân cư mới tại thôn Triều Công, Nga Linh, Linh Hương	1,300	0,900				0,400	Quảng Lộc	Phù hợp	Công văn số 1616/UBND-TNMT ngày 10/10/2019 của UBND huyện	
11	Xây dựng khu dân cư mới phía bắc đường Lưu Bình	2,100	2,100					Quảng Lưu	Phù hợp	Công văn số 1616/UBND-TNMT ngày 10/10/2019 của UBND huyện	
12	Xây dựng khu dân cư mới thôn Giang Tây	2,000	2,000					Quảng Lưu	Phù hợp	Công văn số 1616/UBND-TNMT ngày 10/10/2019 của UBND huyện	
13	Xây dựng khu dân cư mới	3,000	3,000					Quảng Ngọc	Phù hợp	Công văn số 1616/UBND-TNMT ngày 10/10/2019 của UBND huyện	
14	Xây dựng khu dân cư mới thôn 1	1,000	0,700				0,300	Quảng Nhân	Phù hợp	Công văn số 1616/UBND-TNMT ngày 10/10/2019 của UBND huyện	
15	Xây dựng khu dân cư mới thôn 3	0,800	0,800					Quảng Nhân	Phù hợp	Công văn số 1616/UBND-TNMT ngày 10/10/2019 của UBND huyện	
16	Xây dựng khu dân cư mới thôn 2	1,100	1,100					Quảng Nhân	Phù hợp	Công văn số 1616/UBND-TNMT ngày 10/10/2019 của UBND huyện	
17	Xây dựng khu dân cư mới thôn Đông Đa	3,000	2,500				0,500	Quảng Phong	Phù hợp	Công văn số 1616/UBND-TNMT ngày 10/10/2019 của UBND huyện	
18	Xây dựng khu dân cư mới thôn Xuân Uyên	2,000	1,800				0,200	Quảng Phong	Phù hợp	Công văn số 1616/UBND-TNMT ngày 10/10/2019 của UBND huyện	
19	Xây dựng khu dân cư mới thôn Ngọc Đới	0,600	0,600					Quảng Phúc	Phù hợp	Công văn số 1616/UBND-TNMT ngày 10/10/2019 của UBND huyện	
20	Xây dựng khu dân cư mới thôn Ngọc Đới	0,400	0,400					Quảng Phúc	Phù hợp	Công văn số 1616/UBND-TNMT ngày 10/10/2019 của UBND huyện	
21	Xây dựng khu dân cư mới	1,030	0,470				0,560	Quảng Thạch	Phù hợp	Công văn số 1616/UBND-TNMT ngày 10/10/2019 của UBND huyện	
22	Xây dựng khu dân cư mới thôn 4	1,200	1,200					Quảng Thái	Phù hợp	Công văn số 1616/UBND-TNMT ngày 10/10/2019 của UBND huyện	
23	Xây dựng khu dân cư mới thôn 10	1,200	1,200					Quảng Thái	Phù hợp	Công văn số 1616/UBND-TNMT ngày 10/10/2019 của UBND huyện	
24	Xây dựng khu dân cư mới thôn Mỹ Trạch	3,200	3,000				0,200	Quảng Trạch	Phù hợp	Công văn số 1616/UBND-TNMT ngày 10/10/2019 của UBND huyện	

TT	Hạng mục	Diện tích chuyển mục đích (ha)	Được chuyển mục đích từ các loại đất					Địa điểm (đến cấp xã)	Sự phù hợp điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất đến năm 2020	Chủ trương; nguồn vốn đầu tư	Ghi chú
			LUA	RSX	RPH	RDD	Các loại đất còn lại				
(1)	(2)	(3)=(4)+... (8)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)
25	Xây dựng khu dân cư mới thôn Cầu Đông	1,000	1,000					Quảng Trạch	Phù hợp	Công văn số 1616/UBND-TNMT ngày 10/10/2019 của UBND huyện	
26	Xây dựng khu dân cư mới thôn Mỹ Trạch	1,900	1,800				0,100	Quảng Trạch	Phù hợp	Công văn số 1616/UBND-TNMT ngày 10/10/2019 của UBND huyện	
27	Xây dựng khu dân cư mới thôn Mỹ Khê	2,000	2,000					Quảng Trạch	Phù hợp	Công văn số 1616/UBND-TNMT ngày 10/10/2019 của UBND huyện	
28	Xây dựng khu dân cư mới	2,500	2,500					Quảng Trường	Phù hợp	Công văn số 1616/UBND-TNMT ngày 10/10/2019 của UBND huyện	
29	Xây dựng khu dân cư mới	1,500	1,500					Quảng Văn	Phù hợp	Công văn số 1616/UBND-TNMT ngày 10/10/2019 của UBND huyện	
30	Xây dựng khu dân cư mới	2,600	2,600					Quảng Vọng	Phù hợp	Công văn số 1616/UBND-TNMT ngày 10/10/2019 của UBND huyện	
31	Xây dựng khu dân cư mới	2,500	2,500					Quảng Yên	Phù hợp	Công văn số 1616/UBND-TNMT ngày 10/10/2019 của UBND huyện	
32	Xây dựng khu dân cư mới thôn Xa Thụ	3,500	3,500					Quảng Bình	Phù hợp	Công văn số 1616/UBND-TNMT ngày 10/10/2019 của UBND huyện	
33	Xây dựng khu dân cư mới thôn Trần Cầu	2,700	2,700					Quảng Bình	Phù hợp	Công văn số 1616/UBND-TNMT ngày 10/10/2019 của UBND huyện	
34	Xây dựng khu dân cư mới	1,800	1,800					Quảng Khê	Phù hợp	Công văn số 1616/UBND-TNMT ngày 10/10/2019 của UBND huyện	
35	Xây dựng khu dân cư mới thôn Ngư Phương	0,800	0,800					Quảng Khê	Phù hợp	Công văn số 1616/UBND-TNMT ngày 10/10/2019 của UBND huyện	
36	Xây dựng khu dân cư mới	2,500	2,500					Quảng Chính	Phù hợp	Công văn số 1616/UBND-TNMT ngày 10/10/2019 của UBND huyện	
37	Xây dựng khu dân cư mới	3,700	3,700					Quảng Đức	Phù hợp	Công văn số 1616/UBND-TNMT ngày 10/10/2019 của UBND huyện	
38	Xây dựng khu dân cư mới	1,800	1,800					Quảng Ninh	Phù hợp	Công văn số 1616/UBND-TNMT ngày 10/10/2019 của UBND huyện	
39	Xây dựng khu dân cư mới	0,800	0,800					Quảng Long	Phù hợp	Công văn số 1616/UBND-TNMT ngày 10/10/2019 của UBND huyện	

TT	Hạng mục	Diện tích chuyển mục đích (ha)	Được chuyển mục đích từ các loại đất					Địa điểm (đến cấp xã)	Sự phù hợp điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất đến năm 2020	Chủ trương; nguồn vốn đầu tư	Ghi chú
			LUA	RSX	RPH	RDD	Các loại đất còn lại				
(1)	(2)	(3)=(4)+... (8)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)
40	Xây dựng khu dân cư mới	7,500	7,500					Quảng Tân	Phù hợp	Công văn số 1616/UBND-TNMT ngày 10/10/2019 của UBND huyện	
41	Xây dựng khu dân cư mới	5,500	5,500					Quảng Lợi	Phù hợp	Công văn số 1616/UBND-TNMT ngày 10/10/2019 của UBND huyện	
42	Khu dân cư thôn Ước Thành	0,950	0,950					Quảng Ninh	Phù hợp	Công văn số 1616/UBND-TNMT ngày 10/10/2019 của UBND huyện	
43	Khu dân cư thôn Ninh Phúc	2,092	2,092					Quảng Ninh	Phù hợp		
44	Khu dân cư thôn Ninh Phạm	0,165	0,165					Quảng Ninh	Phù hợp		
45	Khu dân cư thôn Thọ Thái	0,945	0,945					Quảng Ninh	Phù hợp		
<b>III</b>	<b>Dự án Trụ sở cơ quan</b>	<b>0,220</b>	<b>0,220</b>								
1	Mở rộng trụ sở UBND xã	0,220	0,220					Quảng Đức	Phù hợp	Công văn số 1616/UBND-TNMT ngày 10/10/2019 của UBND huyện	
<b>IV</b>	<b>Công trình giao thông</b>	<b>11,722</b>	<b>5,572</b>				<b>6,150</b>				
1	Đường giao thông thôn 4	0,082	0,082					Quảng Hòa	Phù hợp	Công văn số 1616/UBND-TNMT ngày 10/10/2019 của UBND huyện	
2	Đường giao thông thôn 3	0,140	0,140					Quảng Hòa	Phù hợp	Công văn số 1616/UBND-TNMT ngày 10/10/2019 của UBND huyện	
3	Đường giao thông thôn Mỹ Khê- Mỹ Trạch	1,000	0,800				0,200	Quảng Trạch	Phù hợp	Công văn số 1616/UBND-TNMT ngày 10/10/2019 của UBND huyện	
4	Đường giao thông thôn Câu Đông - Trạch Hồng	0,400	0,400					Quảng Trạch	Phù hợp	Công văn số 1616/UBND-TNMT ngày 10/10/2019 của UBND huyện	
5	Đường GT từ cầu Sông Hoàng đến UBND Quảng Phúc	2,000	1,800				0,200	Quảng Vọng, Phúc	Phù hợp	Công văn số 1616/UBND-TNMT ngày 10/10/2019 của UBND huyện	
6	Đường GT Quảng Phong đi Quảng Hòa	0,400	0,350				0,050	Quảng Phong, Hòa	Phù hợp	Công văn số 1616/UBND-TNMT ngày 10/10/2019 của UBND huyện	
7	Đường giao thông từ Quốc lộ 1A đi khu du lịch sinh thái biển Tiên Trang (đoạn từ cổng Công ty TNHH Soto đến đường 4C) xã Quảng Lợi	7,700	2,000				5,700	Quảng Lợi	Phù hợp	Công văn số 1616/UBND-TNMT ngày 10/10/2019 của UBND huyện	
<b>V</b>	<b>Công trình văn hóa</b>	<b>0,220</b>	<b>0,220</b>								
1	Dự án xây dựng tượng đài Liệt Sỹ	0,220	0,220					Quảng Vọng	Phù hợp		
<b>VI</b>	<b>Dự án thu gom rác thải</b>	<b>0,050</b>	<b>0,050</b>								

TT	Hạng mục	Diện tích chuyển mục đích (ha)	Được chuyển mục đích từ các loại đất					Địa điểm (đến cấp xã)	Sự phù hợp điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất đến năm 2020	Chủ trương; nguồn vốn đầu tư	Ghi chú
			LUA	RSX	RPH	RDD	Các loại đất còn lại				
(1)	(2)	(3)=(4)+... (8)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)
1	Xây dựng bãi tập kết rác thải	0,050	0,050					Quảng Văn	Phù hợp	Công văn số 1616/UBND-TNMT ngày 10/10/2019 của UBND huyện	
<b>VII</b>	<b>Công trình nghĩa trang nghĩa địa</b>	<b>0,830</b>	<b>0,830</b>								
1	Mở rộng nghĩa địa Bái Cây Cọc	0,330	0,330					Quảng Văn	Phù hợp	Công văn số 1616/UBND-TNMT ngày 10/10/2019 của UBND huyện	
2	Mở rộng nghĩa địa	0,500	0,500					Quảng Tân	Phù hợp	Công văn số 1616/UBND-TNMT ngày 10/10/2019 của UBND huyện	

**Phụ biểu III.7**

**TỔNG HỢP NHU CẦU SỬ DỤNG ĐẤT CÁC DỰ ÁN CHUYỂN MỤC ĐÍCH ĐẤT TRỒNG LÚA, ĐẤT VÀ RỪNG PHÒNG HỘ, RỪNG SẢN XUẤT NĂM 2020 TRÊN ĐỊA BÀN HUYỆN NGA SƠN**

(Kèm theo Tờ trình số /TTr-UBND ngày / /2019 của Ủy ban nhân dân tỉnh Thanh Hóa)

TT	Hạng mục	Diện tích chuyển mục đích (ha)	Được chuyển mục đích từ các loại đất					Địa điểm (đến cấp xã)	Sự phù hợp điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất đến năm 2020	Chủ trương; nguồn vốn đầu tư	Ghi chú
			LUA	RSX	RPH	RDD	Các loại đất còn lại				
(1)	(2)	(3)=(4)+...(8)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)
	<b>Tổng cộng</b>	<b>27,059</b>	<b>25,289</b>				<b>1,770</b>				
<b>I</b>	<b>Dự án Khu dân cư đô thị</b>	<b>0,670</b>	<b>0,670</b>								
1	Dự án khu dân cư Thị trấn	0,670	0,670					Thị Trấn	phù hợp	Công văn số; 1142/UBND-TNMT của UBND huyện về chấp thuận lập mặt bằng chi tiết của	
<b>II</b>	<b>Dự án Khu dân cư nông thôn</b>	<b>21,690</b>	<b>19,920</b>				<b>1,770</b>				
1	Khu dân cư nông thôn	0,700	0,700					Nga Phú	phù hợp	Công văn số 1142/UBND-TNMT của UBND huyện về chấp thuận lập mặt bằng chi tiết	
2	Khu dân cư nông thôn	1,050	1,050					Nga Hưng	phù hợp		
3	Khu dân cư nông thôn	0,990	0,990					Nga Trung	phù hợp		
4	Khu dân cư nông thôn	0,680	0,680					Nga Yên	phù hợp		
5	Khu dân cư nông thôn	1,310	1,250			0,060		Nga Văn	phù hợp		
6	Khu dân cư nông thôn	0,900	0,900					Nga Thắng	phù hợp		
7	Khu dân cư nông thôn	1,050	1,050					Nga Bạch	phù hợp		
8	Khu dân cư nông thôn	0,700	0,700					Nga Nhân	phù hợp		
9	Khu dân cư nông thôn	0,900	0,900					Nga Trường	phù hợp		
10	Khu dân cư nông thôn	0,870	0,870					Nga Vịnh	phù hợp		
11	Khu dân cư nông thôn	0,870	0,870					Nga Thạch	phù hợp		
12	Khu dân cư nông thôn	0,820	0,820					Ba Đình	phù hợp		
13	Khu dân cư nông thôn	0,900	0,900					Nga Lĩnh	phù hợp		

TT	Hạng mục	Diện tích chuyển mục đích (ha)	Được chuyển mục đích từ các loại đất					Địa điểm (đến cấp xã)	Sự phù hợp điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất đến năm 2020	Chủ trương; nguồn vốn đầu tư	Ghi chú
			LUA	RSX	RPH	RDD	Các loại đất còn lại				
(1)	(2)	(3)=(4)+...(8)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)
14	Khu dân cư nông thôn	0,900	0,900					Nga Điền	phù hợp	Công văn số; 1142/UBND-TNMT của UBND huyện về chấp thuận lập mặt bằng chi tiết	
15	Khu dân cư nông thôn	0,800	0,600				0,200	Nga Thành	phù hợp		
16	Khu dân cư nông thôn	1,200	1,200					Nga Giáp	phù hợp		
17	Khu dân cư nông thôn	1,540	1,240				0,300	Nga Thiện	phù hợp		
18	Khu dân cư nông thôn	0,900	0,600				0,300	Nga Thái	phù hợp		
19	Khu dân cư nông thôn	0,700	0,200				0,500	Nga Tiến	phù hợp		
20	Khu dân cư nông thôn	0,950	0,950					Nga An	phù hợp		
21	Khu dân cư nông thôn	0,750	0,650				0,100	Nga Hải	phù hợp		
22	Khu dân cư nông thôn	1,310	1,000				0,310	Nga Liên	phù hợp		
23	Khu dân cư nông thôn	0,900	0,900					Nga Mỹ	phù hợp		
<b>III</b>	<b>Công trình giao thông</b>	<b>3,770</b>	<b>3,770</b>								
1	Đường Từ Thước đi QL 10	0,200	0,200					Nga Hải	phù hợp	Công văn số; 1142/UBND-TNMT của UBND huyện về chấp thuận lập mặt bằng chi tiết	
2	Đường giao thông Nga Yên	2,270	2,270					xã Nga Yên	phù hợp		
3	Đường giao thông Nga Lĩnh	1,000	1,000					xã Nga Lĩnh	phù hợp		
4	Đường giao thông Nga Phú	0,300	0,300					xã Nga Phú	phù hợp		
<b>VIII</b>	<b>Công trình năng lượng</b>	<b>0,289</b>	<b>0,289</b>								
1	Xây dựng TBA Nga Điền 9 chống quá tải cho TBA Nga Điền 1	0,0214	0,0214					Nga Điền	phù hợp		
2	Xây dựng TBA Nga Trung 5 chống quá tải cho TBA Nga Trung 3	0,0226	0,0226					Nga Trung	phù hợp		
3	Xây dựng TBA Nga Phú 7 chống quá tải cho TBA Nga Phú 1	0,0234	0,0234					Nga Phú	phù hợp		

TT	Hạng mục	Diện tích chuyển mục đích (ha)	Được chuyển mục đích từ các loại đất					Địa điểm (đến cấp xã)	Sự phù hợp điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất đến năm 2020	Chủ trương; nguồn vốn đầu tư	Ghi chú
			LUA	RSX	RPH	RDD	Các loại đất còn lại				
(1)	(2)	(3)=(4)+...(8)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)
4	Xây dựng TBA Nga Thắng 6 chống quá tải cho TBA Nga Thắng 5 và Nga Thắng 2	0,0414	0,0414					Nga Thắng	phù hợp		
5	Xây dựng TBA Nga Nhân 9 chống quá tải cho TBA Nga Nhân 1	0,0122	0,0122					Nga Nhân	phù hợp		
6	Xây dựng TBA Nga Thái 9 chống quá tải cho TBA Nga Thái 5	0,0132	0,0132					Nga Thái	phù hợp		
7	Xây dựng TBA Nga Hải 7 chống quá tải cho TBA Nga Hải 1	0,0244	0,0244					Nga Hải	phù hợp		
8	Xây dựng Đường dây 0,4 kv sau TBA Nga Tân 4	0,0024	0,0024					Nga Tân	phù hợp		
9	Xây dựng TBA Ba Đình 7 chống quá tải cho TBA Ba Đình 5	0,0112	0,0112					Ba Đình	phù hợp		
10	Xây dựng TBA Nga Thành 6 chống quá tải cho TBA Nga Thành 3	0,0114	0,0114					Nga Thành	phù hợp		
11	Xây dựng TBA Nga Giáp 7 chống quá tải cho TBA Nga Giáp 5	0,0204	0,0204					Nga Giáp	phù hợp		
12	Xây dựng TBA Nga Bạch 6 chống quá tải cho TBA Nga Bạch 1	0,007	0,007					Nga Bạch	phù hợp		
13	Xây dựng TBA Nga Trường 6 chống quá tải cho TBA Nga Trường 4	0,0108	0,0108					Nga Trường	phù hợp		
14	Xây dựng TBA Trung gian chống quá tải cho TBA Trung gian Nga Sơn	0,0672	0,0672					Nga Thạch	phù hợp		
IV	<b>Dự án cơ sở giáo dục</b>	<b>0,400</b>	<b>0,400</b>								

TT	Hạng mục	Diện tích chuyển mục đích (ha)	Được chuyển mục đích từ các loại đất					Địa điểm (đến cấp xã)	Sự phù hợp điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất đến năm 2020	Chủ trương; nguồn vốn đầu tư	Ghi chú
			LUA	RSX	RPH	RDD	Các loại đất còn lại				
(1)	(2)	(3)=(4)+...+(8)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)
1	Trường Mầm non	0,400	0,400					xã Nga Phú	phù hợp	Công văn số; 1142/UBND-TNMT của UBND huyện về chấp thuận lập mặt bằng chi tiết	
<b>V</b>	<b>Dự án chợ</b>	<b>0,240</b>	<b>0,240</b>								
1	Chợ xã Ba Đình	0,240	0,240					xã Ba Đình	phù hợp	Công văn số; 1142/UBND-TNMT của UBND huyện về chấp thuận lập mặt bằng chi tiết	



Phụ biểu III.8

TỔNG HỢP NHU CẦU SỬ DỤNG ĐẤT CÁC DỰ ÁN CHUYỂN MỤC ĐÍCH ĐẤT TRỒNG LÚA, ĐẤT VÀ RỪNG PHÒNG HỘ, RỪNG SẢN XUẤT NĂM 2020 TRÊN ĐỊA BÀN HUYỆN HẬU LỘC

TT	Hạng mục	Diện tích chuyển mục đích (ha)	Được chuyển mục đích từ các loại đất					Địa điểm (đến cấp xã)	Sự phù hợp điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất đến năm 2020	Chủ trương; nguồn vốn đầu tư	Ghi chú
			LUA	RSX	RPH	RDD	Các loại đất còn lại				
(1)	(2)	(3)=(4)+... (8)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(11)		(12)	(13)
	<b>Tổng cộng</b>	<b>51,294</b>	<b>48,478</b>				<b>2,816</b>				
<b>I</b>	<b>Dự án Khu dân cư đô thị</b>	<b>5,030</b>	<b>5,030</b>								
1	Quy hoạch đất ở đô thị dọc đường vành đai hướng nam khu cồn Dừa khu 4	1,800	1,800					TT Hậu Lộc	phù hợp	Công văn 947/UBND-TNMT ngày 05/8/2019 của UBND huyện Hậu Lộc	
2	Quy hoạch đất ở đô thị khu nhà vườn cồn nhân đồng bễ khu 3	2,500	2,500					TT Hậu Lộc	phù hợp		
3	Quy hoạch đất ở đô thị khu liên kề cồn nhân đồng bễ khu 3	0,730	0,730					TT Hậu Lộc	phù hợp		
<b>II</b>	<b>Dự án Khu dân cư nông thôn</b>	<b>23,470</b>	<b>22,090</b>				<b>1,380</b>				
1	Quy hoạch đất ở nông thôn thôn Sơn	0,460	0,460					Tiến Lộc	phù hợp	Công văn 947/UBND-TNMT ngày 05/8/2019 của UBND huyện Hậu Lộc	
2	Quy hoạch đất ở nông thôn tập trung	2,000	2,000					Tiến Lộc	phù hợp		
3	Quy hoạch đất ở nông thôn Đồng Tiến	0,200	0,200					Tuy Lộc	phù hợp		
4	Quy hoạch đất ở nông thôn thôn Trung Hà	0,100	0,100					Tuy Lộc	phù hợp		
5	Quy hoạch đất ở nông thôn thôn Phú Thọ	0,150	0,150					Tuy Lộc	phù hợp		
6	Quy hoạch đất ở nông thôn thôn Thành Tuy	0,100	0,100					Tuy Lộc	phù hợp		
7	Quy hoạch đất ở nông thôn thôn 2	0,170	0,170					Liên lộc	phù hợp		
11	Khu dân cư Công Bạch Hiến Vinh thôn Hiến Vinh	0,180	0,180					Quang Lộc	phù hợp		
14	Khu dân cư tập trung Bắc thôn Đại Hữu	5,260	4,000				1,260	Mỹ Lộc	phù hợp		

TT	Hạng mục	Diện tích chuyển mục đích (ha)	Được chuyển mục đích từ các loại đất					Địa điểm (đến cấp xã)	Sự phù hợp điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất đến năm 2020	Chủ trương; nguồn vốn đầu tư	Ghi chú
			LUA	RSX	RPH	RDD	Các loại đất còn lại				
(1)	(2)	(3)=(4)+... (8)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(11)	(12)	(13)	
15	Quy hoạch đất ở nông thôn thôn Sơn Thượng	0,150	0,150					Triệu Lộc	phù hợp	Công văn 947/UBND-TNMT ngày 05/8/2019 của UBND huyện Hậu Lộc	
16	Quy hoạch đất ở nông thôn thôn Sơn Thượng	0,500	0,500					Triệu Lộc	phù hợp		
17	Quy hoạch đất ở nông thôn thôn Phú Minh	0,200	0,200					Triệu Lộc	phù hợp		
18	Quy hoạch đất ở nông thôn	0,340	0,340					Cầu Lộc	phù hợp		
19	Quy hoạch đất ở nông thôn thôn Thiệu Xá 2	0,560	0,560					Cầu Lộc	phù hợp		
20	Quy hoạch đất ở nông thôn thôn Cầu Thôn	0,470	0,470					Cầu Lộc	phù hợp		
22	Quy hoạch đất ở nông thôn Nam sau đàng thôn 3 Bái Trung	1,000	1,000					Hòa Lộc	phù hợp		
23	Quy hoạch đất ở nông thôn	0,940	0,940					Thuần Lộc	phù hợp		
24	Quy hoạch đất ở nông thôn thôn Đại Sơn	1,500	1,500					Đại Lộc	phù hợp		
25	Quy hoạch đất ở nông thôn thôn Linh Long	1,380	1,380					Lộc Sơn	phù hợp		
26	Khu dân cư nông thôn Phú Mỹ	0,490	0,490					Xuân Lộc	phù hợp		
27	Khu dân cư nông thôn Phú Mỹ	0,600	0,600					Xuân Lộc	phù hợp		
28	Khu dân cư nông thôn Đông Thịnh	0,500	0,500					Xuân Lộc	phù hợp		
29	Khu dân cư nông thôn Đông Thịnh	0,020	0,020					Xuân Lộc	phù hợp		
30	Khu dân cư nông thôn Đông Thịnh	0,020	0,020					Xuân Lộc	phù hợp		
31	Quy hoạch đất ở nông thôn	1,000	0,880				0,120	Châu Lộc	phù hợp		
32	Quy hoạch đất ở nông thôn thôn Lộc Đông	0,300	0,300					Phong Lộc	phù hợp		
33	Quy hoạch đất ở nông thôn thôn Hòa Bình	0,200	0,200					Thịnh Lộc	phù hợp		

TT	Hạng mục	Diện tích chuyển mục đích (ha)	Được chuyển mục đích từ các loại đất					Địa điểm (đến cấp xã)	Sự phù hợp điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất đến năm 2020	Chủ trương; nguồn vốn đầu tư	Ghi chú
			LUA	RSX	RPH	RDD	Các loại đất còn lại				
(1)	(2)	(3)=(4)+ ... (8)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(11)		(12)	(13)
34	Quy hoạch đất ở nông thôn thôn Yên Nội	0,250	0,250					Thịnh Lộc	phù hợp	Công văn 947/UBND-TNMT ngày 05/8/2019 của UBND huyện Hậu Lộc	
35	Quy hoạch đất ở nông thôn thôn Yên Nội	0,080	0,080					Thịnh Lộc	phù hợp		
36	Quy hoạch đất ở nông thôn thôn Trung Phú	0,180	0,180					Thịnh Lộc	phù hợp		
37	Quy hoạch đất ở nông thôn thôn Trung Phú	0,290	0,290					Thịnh Lộc	phù hợp		
38	Quy hoạch đất ở nông thôn thôn Tinh Hoa	0,860	0,860					Văn Lộc	phù hợp		
39	Quy hoạch đất ở nông thôn thôn Tinh anh	0,190	0,190					Văn Lộc	phù hợp		
40	Quy hoạch đất ở nông thôn thôn Phương Lĩnh	0,180	0,180					Đông Lộc	phù hợp		
41	Quy hoạch đất ở nông thôn thôn Nhân Hậu	0,450	0,450					Đông Lộc	phù hợp		
42	Quy hoạch đất ở nông thôn thôn Phương Độ	0,200	0,200					Đông Lộc	phù hợp		
43	Quy hoạch đất ở nông thôn thôn Nhân Hậu, Đại Phú	2,000	2,000					Đông Lộc	phù hợp		
<b>III</b>	<b>Công trình trụ sở cơ quan</b>	<b>2,500</b>	<b>2,500</b>								
1	Xây dựng trụ sở cơ quan huyện (Cồn nhà, Đồng bẻ Khu 2)	1,800	1,800					TT Hậu Lộc	phù hợp	Công văn 948/UBND-TNMT ngày 05/8/2019 của UBND huyện Hậu Lộc	
2	Khuôn viên công sở UBND xã	0,700	0,700					Cầu Lộc	phù hợp		
<b>VI</b>	<b>Công trình giao thông</b>	<b>9,970</b>	<b>9,870</b>				<b>0,100</b>				
1	Mở rộng đường Cầu Độ đi Đồng Cun	0,500	0,500					Tuy Lộc	phù hợp	Nghị quyết số 06/NQ-HĐND ngày 17/7/2019 của HĐND huyện Hậu Lộc	
2	Đất giao thông nội đồng 6 thôn	1,020	1,020					Cầu Lộc	phù hợp	Công văn 948/UBND-TNMT ngày 05/8/2019 của UBND huyện Hậu Lộc	

TT	Hạng mục	Diện tích chuyển mục đích (ha)	Được chuyển mục đích từ các loại đất					Địa điểm (đến cấp xã)	Sự phù hợp điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất đến năm 2020	Chủ trương; nguồn vốn đầu tư	Ghi chú
			LUA	RSX	RPH	RDD	Các loại đất còn lại				
(1)	(2)	(3)=(4)+... (8)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(11)	(12)	(13)	
3	Mở rộng đường quan quận ranh giới giữa 2 xã Đa Lộc và Hưng Lộc	0,640	0,640					Hưng Lộc	phù hợp	Nghị quyết số 06/NQ-HĐND ngày 17/7/2019 của HĐND huyện Hậu Lộc	
4	Giao thông nội đồng	0,300	0,300					Thuần Lộc	phù hợp	Công văn 948/UBND-TNMT ngày 05/8/2019 của UBND huyện Hậu Lộc	
5	Quy hoạch đất giao thông	1,040	1,000			0,040	Thuần Lộc	phù hợp			
6	Đất giao thông nông thôn	0,750	0,750				Xuân Lộc	phù hợp			
7	Giao thông quy hoạch dân cư	0,340	0,280			0,060	Châu Lộc	phù hợp			
8	Giao thông nội đồng	0,160	0,160				Châu Lộc	phù hợp			
9	Giao thông trong khu đấu giá đất ở	0,480	0,480				Thịnh Lộc	phù hợp			
10	Quy hoạch giao thông nân quốc lộ 10	2,500	2,500				Văn Lộc, Mỹ Lộc	phù hợp			
11	Quy hoạch tuyến Đông Lộc đi Đại Lộc mới	1,730	1,730				Đông Lộc	phù hợp			
12	Hạ tầng trong khu đất ở tập trung	0,510	0,510				Tiến Lộc	phù hợp			
<b>VII</b>	<b>Công trình thủy lợi</b>	<b>2,500</b>	<b>1,500</b>			<b>1,000</b>					
1	Nâng cấp đê Trung Ương	2,500	1,500			1,000	Quang Lộc	phù hợp	Công văn 948/UBND-TNMT ngày 05/8/2019 của UBND huyện Hậu Lộc		
<b>VIII</b>	<b>Công trình năng lượng</b>	<b>0,100</b>	<b>0,100</b>								
1	Chống quá tải lưới điện	0,100	0,100				Phú Lộc, Hòa Lộc, Hoa Lộc, Thị trấn, lộc sơn, Lộc Tân, Mỹ Lộc, Tiến Lộc, Thành Lộc, Liên lộc	phù hợp			
<b>IX</b>	<b>Công trình thể dục thể thao</b>	<b>3,700</b>	<b>3,700</b>								
1	Sân thể thao thôn Bùi	3,000	3,000				Tiến Lộc	phù hợp	Công văn 948/UBND-TNMT ngày 05/8/2019 của UBND huyện Hậu Lộc		
2	Đất sân vận động thể dục thể thao thôn Đông Thịnh	0,700	0,700				Xuân Lộc	phù hợp			

TT	Hạng mục	Diện tích chuyển mục đích (ha)	Được chuyển mục đích từ các loại đất					Địa điểm (đến cấp xã)	Sự phù hợp điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất đến năm 2020	Chủ trương; nguồn vốn đầu tư	Ghi chú
			LUA	RSX	RPH	RDD	Các loại đất còn lại				
(1)	(2)	(3)=(4)+... (8)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(11)		(12)	(13)
<b>X</b>	<b>Dự án sinh hoạt cộng đồng</b>	<b>0,160</b>	<b>0,160</b>								
1	Quy hoạch nhà văn hóa thôn Nhân Hậu	0,080	0,080					Đồng Lộc	phù hợp	Công văn 948/UBND-TNMT ngày 05/8/2019 của UBND huyện Hậu Lộc	
2	Quy hoạch nhà văn hóa thôn Phương Lĩnh	0,080	0,080					Đồng Lộc	phù hợp		
<b>XI</b>	<b>Công trình nghĩa trang, NĐ</b>	<b>3,060</b>	<b>3,060</b>								
1	Mở rộng nghĩa địa thôn Bùi	0,700	0,700					Tiến Lộc	phù hợp	Công văn 948/UBND-TNMT ngày 05/8/2019 của UBND huyện Hậu Lộc	
2	Quy hoạch nghĩa địa Mã Phù thôn Tam Hòa	0,660	0,660					Hòa Lộc	phù hợp		
3	Mở rộng nghĩa địa(thôn Tân Lộc, Đa Phạm)	1,700	1,700					Hải Lộc	phù hợp		
<b>XII</b>	<b>Dự án sản xuất phi nông nghiệp, thương mại dịch vụ, chế biến nông, lâm, thủy sản</b>	<b>0,80</b>	<b>0,47</b>				<b>0,34</b>				
21	Dự án Nhà máy may xuất khẩu Hòa Lộc	0,80	0,47				0,34	Hòa Lộc	Phù hợp	Quyết định số 4046/QĐ-UBND ngày 07/10/2019 của Chủ tịch UBND tỉnh.	

Phụ biểu III.9

TỔNG HỢP NHU CẦU SỬ DỤNG ĐẤT CÁC DỰ ÁN CHUYÊN MỤC ĐÍCH ĐẤT TRỒNG LÚA, ĐẤT VÀ RỪNG PHÒNG HỘ, SẢN XUẤT DỤNG  
NĂM 2020 TRÊN ĐỊA BÀN HUYỆN HÀ TRUNG

TT	Hạng mục	Diện tích chuyển mục đích (ha)	Được chuyển mục đích từ các loại đất					Địa điểm (đến cấp xã)	Sự phù hợp điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất đến năm 2020	Chủ trương; nguồn vốn đầu tư	Ghi chú
			LUA	RSX	RPH	RDD	Các loại đất còn lại				
(1)	(2)	(3)=(4)+... (8)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)
	<b>Tổng cộng</b>	<b>85,905</b>	<b>49,565</b>	<b>6,930</b>	<b>0,100</b>		<b>29,311</b>				
<b>I</b>	<b>Dự án Khu dân cư nông thôn</b>	<b>20,125</b>	<b>18,525</b>	<b>0,080</b>			<b>1,520</b>				
2	Khu dân cư Đá Bia	0,250	0,250					Hà Hải	Phù hợp	Quyết định số 3428/QĐ-UBND ngày 11/09/2019 của UBND huyện Hà Trung về việc phê duyệt điều chỉnh quy hoạch đất ở xen cư khu Đá Bia, thôn Đông yên, xã Hà Hải, huyện Hà Trung	
4	Khu xen cư Bãi Cống	0,100	0,100					Hà Hải	Phù hợp	Công văn số 758/UBND-KTHT, ngày 18/4/2019 của UBND huyện Hà Trung v/v chấp thuận chủ trương quy hoạch chi tiết đất ở dân cư xã Hà Hải	
5	Khu dân cư Nhà Thần Lô 2	0,030	0,030					Hà Thái	Phù hợp	Quyết định số 1801/QĐ-UBND ngày 23/05/2019 của UBND huyện Hà Trung về việc phê duyệt mặt bằng chi tiết tỉ lệ 1/500 điểm dân cư khu đồng Nhà Nhân Lô 2, xã Hà Thái, huyện Hà Trung	
6	Khu dân cư Bàn Tọa	0,120	0,120					Hà Thái	Phù hợp	Quyết định số 3730/QĐ-UBND ngày 03/10/2019 của UBND huyện Hà Trung quyết định phê duyệt MBQH chi tiết tỉ lệ 1/500 điểm dân cư đồng Bàn Tọa, xã Hà Thái, huyện Hà Trung	
7	Khu dân cư Ao Hồ Thôn 2	0,060	0,060					Hà Thái	Phù hợp	Quyết định số 1924/QĐ-UBND ngày 14/6/2017 của UBND huyện Hà Trung về việc phê duyệt chi tiết mặt bằng đất ở khu dân cư Ao Hồ Thôn 2, xã Hà Thái	

TT	Hạng mục	Diện tích chuyển mục đích (ha)	Được chuyển mục đích từ các loại đất					Địa điểm (đến cấp xã)	Sự phù hợp điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất đến năm 2020	Chủ trương; nguồn vốn đầu tư	Ghi chú
			LUA	RSX	RPH	RDD	Các loại đất còn lại				
(1)	(2)	(3)=(4)+... (8)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)
8	Khu dân cư khu Trung Tâm Xã	0,200	0,200					Hà Thái	Phù hợp	Quyết định số 2146/QĐ-UBND ngày 4/8/2014 của UBND huyện về việc phê duyệt điều chỉnh quy hoạch tỉ lệ 1/500 khu Trung Tâm xã Hà Thái	
9	Khu dân cư Nhà Thôn Ô1	0,040	0,040					Hà Thái	Phù hợp	Quyết định số 2230/QĐ-UBND ngày 16/6/2018 của UBND huyện Hà Trung về việc phê duyệt chi tiết mặt bằng đất ở khu dân cư Nhà Thôn Ô1	
10	Khu dân cư đồng Gốc Gạo	0,015	0,015					Hà Thái	Phù hợp	Quyết định số 1925/QĐ-UBND ngày 14/06/2017 của UBND huyện Hà Trung về việc phê duyệt mặt bằng quy hoạch chi tiết tỉ lệ 1/500 điểm xen cư khu đồng Gốc Gạo, xã Hà Thái, huyện Hà Trung	
12	Khu dân cư khu trang trại Đồng Đường Cây	1,000	1,000					Hà Thái	Phù hợp	Quyết định 2512/QĐ-UBND ngày 01-11-2019 về việc chấp thuận chủ trương quy hoạch đất ở xã Hà Thái, huyện Hà Trung	
13	Khu dân cư Đồng Giữa thôn 3	0,220	0,220					Hà Lai	Phù hợp	Quyết định 4059/QĐ-UBND ngày 24/10/2019 của UBND huyện Hà Trung về việc phê duyệt mặt bằng chi tiết tỉ lệ 1/500 điểm dân cư Đồng Giữa thôn 3, xã Hà Lai, huyện Hà Trung	
14	Khu dân cư Mã Nác thôn 1	0,500	0,280				0,220	Hà Lai	Phù hợp	Quyết định 4060/QĐ-UBND ngày 24/10/2019 của UBND huyện Hà Trung về việc phê duyệt mặt bằng chi tiết tỉ lệ 1/500 khu dân cư Mã Nác, xã Hà Lai, huyện Hà Trung	

TT	Hạng mục	Diện tích chuyển mục đích (ha)	Được chuyển mục đích từ các loại đất					Địa điểm (đến cấp xã)	Sự phù hợp điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất đến năm 2020	Chủ trương; nguồn vốn đầu tư	Ghi chú
			LUA	RSX	RPH	RDD	Các loại đất còn lại				
(1)	(2)	(3)=(4)+... (8)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)
16	Khu dân cư Gò Súng, Ao Làng	0,200	0,200					Hà Lai	Phù hợp	Quyết định số 10075/QĐ - UBND ngày 19/12/2016 về việc phê duyệt MBQH chi tiết khu Ao Làng 1, thôn 6, xã Hà Lai; Quyết định số 838/QĐ-UBND ngày 10/04/2017 của UBND huyện Hà Trung về việc phê duyệt mặt bằng quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/500 điểm xen cư khu đồng Gò Súng trên, xã Hà Lai, huyện Hà Trung	
17	Khu dân cư trung tâm xã Hà Toại	0,210	0,210					Hà Toại	Phù hợp	Quyết định số 6795/QĐ-UBND ngày 08/09/2015 của UBND huyện Hà Trung về việc phê duyệt quy hoạch MB khu trung tâm, xã Hà Toại	
18	Khu dân cư Đồng Đáng	0,760	0,680				0,080	Hà Lâm	Phù hợp	Quyết định số 3028/QĐ-UBND ngày 31/08/2017 của UBND huyện Hà Trung về việc phê duyệt quy hoạch MB khu dân cư Đồng Đáng, xã Hà Lâm	
20	Khu dân cư trung tâm xã	1,500	1,500					Hà Yên	Phù hợp	Quyết định số 2649/QĐ-UBND ngày 27/7/2017 của UBND huyện Hà Trung Về việc phê duyệt mặt bằng điều chỉnh quy hoạch chi tiết khu trung tâm chính trị - văn hoá - thể thao xã Hà Yên tỷ lệ 1/500	
21	Khu dân cư Đồng Cổ Be thôn 7	0,140	0,140					Hà Ngọc	Phù hợp	Quyết định số 3020/QĐ-UBND ngày 02/8/2018 của UBND huyện Hà Trung Về việc phê duyệt mặt bằng quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/500 khu TTHC xã Hà Ngọc	
22	Khu dân cư Mạ Bặc Nương thôn 2	0,240	0,240					Hà Ngọc	Phù hợp	Quyết định 2592/QĐ-UBND ngày 04/04/2019 của UBND huyện về việc xin chấp thuận của UBND huyện xin chấp thuận chủ trương quy hoạch chi tiết khu dân cư xã Hà Ngọc, huyện Hà Trung	
23	Khu dân cư đồng Bồng thôn 6	0,200	0,200					Hà Ngọc	Phù hợp		
24	Khu dân cư Đồng Đỗ thôn Kim Phú Na	0,300	0,300					Hà Ngọc	Phù hợp		



TT	Hạng mục	Diện tích chuyển mục đích (ha)	Được chuyển mục đích từ các loại đất					Địa điểm (đến cấp xã)	Sự phù hợp điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất đến năm 2020	Chủ trương; nguồn vốn đầu tư	Ghi chú
			LUA	RSX	RPH	RDD	Các loại đất còn lại				
(1)	(2)	(3)=(4)+ ... (8)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)
25	Khu dân cư Thạch Lễ	0,580	0,580					Hà Châu	Phù hợp	Quyết định số 2757/QĐ-UBND ngày 10/10/2014 của UBND huyện Hà Trung về việc phê duyệt MBQH chi tiết đất ở phân lô khu dân cư làng Thạch Lễ	
26	Đất ở xen cư khu Đồi Dồi thôn Vân Hưng	0,100		0,080			0,020	Hà Vân	Phù hợp	Công văn số 759/UBND-KTHT ngày 18/4/2019 của UBND huyện Hà Trung Về việc chấp thuận chủ trương quy hoạch đất ở xen cư xã Hà Vân	
28	Khu dân cư trung tâm - Thùng dầu ao Gạo	1,000	1,000					Hà Bình	Phù hợp	Quyết định số 1411/QĐ-UBND ngày 4/4/2016 của UBND huyện Hà Trung Về việc phê duyệt đồ án điều chỉnh quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/500 khu trung tâm xã Hà Bình, huyện Hà Trung, tỉnh Thanh Hoá	
29	Khu dân cư trung tâm văn hóa cũ	0,320	0,320					Hà Bình	Phù hợp	Quyết định số 1411/QĐ-UBND ngày 4/4/2016 của UBND huyện Hà Trung Về việc phê duyệt đồ án điều chỉnh quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/500 khu trung tâm xã Hà Bình, huyện Hà Trung, tỉnh Thanh Hoá	
32	Khu Tái định cư đường cao tốc Bắc - Nam xã Hà Tiến	0,400	0,400					Hà Tiến	Phù hợp	Quyết định số 2594/QĐ-UBND của UBND huyện ngày 11/7/2019 về việc phê duyệt chủ trương đầu tư Hạ tầng kỹ thuật khu tái định cư xã Hà Tiến	
33	Khu dân cư Đồi	4,300	4,300					Hà Long	Phù hợp	Quyết định số 2091/ QĐ - UBND ngày 4/6/2018 về việc phê duyệt mặt bằng quy hoạch tỷ lệ 1/500 khu dân cư Đồi, xã Hà Long	
34	Khu dân cư Dọc Chuông thôn 11	2,000	1,800				0,200	Hà Lĩnh	Phù hợp	Công văn số 776/UBND-KTHT ngày 24/5/2017 của UBND huyện Hà Trung về việc chấp thuận chủ trương lập quy hoạch chi tiết xây dựng các khu dân cư Hà Lĩnh.	

TT	Hạng mục	Diện tích chuyển mục đích (ha)	Được chuyển mục đích từ các loại đất					Địa điểm (đến cấp xã)	Sự phù hợp điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất đến năm 2020	Chủ trương; nguồn vốn đầu tư	Ghi chú
			LUA	RSX	RPH	RDD	Các loại đất còn lại				
(1)	(2)	(3)=(4)+... (8)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)
35	Khu dân cư Cồn Quy	0,700	0,700					Hà Lĩnh	Phù hợp	Công văn số 776/UBND-KTHT ngày 24/5/2017 của UBND huyện Hà Trung về việc chấp thuận chủ trương lập quy hoạch chi tiết xây dựng các khu dân cư Hà Lĩnh.	
36	Khu dân cư Dọc Thôn 2 (Quốc Lộ 217)	0,400	0,400					Hà Lĩnh	Phù hợp	Công văn số 776/UBND-KTHT ngày 24/5/2017 của UBND huyện Hà Trung về việc chấp thuận chủ trương lập quy hoạch chi tiết xây dựng các khu dân cư Hà Lĩnh.	
37	Khu dân cư thôn Kim Hưng	1,000	1,000					Hà Đông	Phù hợp	Quyết định số 1789/QĐ-UBND của UBND huyện Hà Trung ngày 25/7/2013 về việc phê duyệt quy hoạch chi tiết 1/500 các điểm dân cư xã Hà Đông, huyện Hà Trung	
38	Khu dân cư thôn Kim Hưng, Kim Phát	1,000	1,000					Hà Đông	Phù hợp	Quyết định của UBND huyện Hà Trung ngày 13/7/2011 về việc phê duyệt của mặt bằng quy hoạch chi tiết xây dựng khu dân cư Kim Hưng, Kim Phát xã Hà Đông- huyện Hà Trung	
39	Khu dân cư Đồng Mới thôn Kim Phát	0,350	0,350					Hà Đông	Phù hợp	Quyết định số 1905/QĐ-UBND của UBND huyện Hà Trung ngày 14/6/2017 về việc phê duyệt chi tiết mặt bằng khu dân cư Đồng Mới thôn Kim Phát tỷ lệ 1/500	
40	Khu dân cư Núi Quán thôn Kim Hưng	0,330	0,330					Hà Đông	Phù hợp	Quyết định của UBND huyện Hà Trung ngày 26/1/2005 về việc phê duyệt chi tiết mặt bằng khu dân cư Núi Quán thôn Kim Hưng	
41	Khu dân cư Đồng Mèo (khu dân cư thôn Kim Sơn 2)	0,050	0,050					Hà Đông	Phù hợp	Quyết định số 1904/QĐ-UBND của UBND huyện Hà Trung ngày 14/6/2017 về việc phê duyệt quy hoạch mặt bằng chi tiết xen cư đất ở thôn Kim Sơn 2 tỷ lệ 1/500	
43	Khu dân cư trung tâm xã Hà Giang	1,510	0,510				1,000	Hà Giang	Phù hợp	Quyết định số 1792/QĐ-UBND ngày 22/5/2019 của UBND huyện Hà Trung về việc phê duyệt quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/500 khu trung tâm xã Hà Giang	

TT	Hạng mục	Diện tích chuyển mục đích (ha)	Được chuyển mục đích từ các loại đất					Địa điểm (đến cấp xã)	Sự phù hợp điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất đến năm 2020	Chủ trương; nguồn vốn đầu tư	Ghi chú
			LUA	RSX	RPH	RDD	Các loại đất còn lại				
(1)	(2)	(3)=(4)+... (8)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)
<b>II</b>	<b>Cụm công nghiệp Hà Lĩnh</b>	<b>22,800</b>	<b>3,800</b>				<b>19,000</b>				
1	Cụm công nghiệp Hà Lĩnh	20,000	1,000				19,000	Hà Lĩnh	Phù hợp	Quyết định số 3751/QĐ-UBND ngày 19/9/2019 của UBND tỉnh về việc thành lập cụm công nghiệp Hà Lĩnh II, huyện Hà Trung	
2	Nhà máy sản xuất đồ gỗ nội thất tổng hợp, cán tôn và vật liệu xây dựng tại cụm công nghiệp làng nghề Hà Phong, Hà Đông	2,800	2,800					Hà Đông	Phù hợp	Quyết định số 4355/QĐ-UBND ngày 23/10/2019 của UBND tỉnh về việc chấp thuận chủ trương đầu tư dự	
<b>III</b>	<b>Công trình giao thông</b>	<b>10,890</b>	<b>7,800</b>	<b>2,000</b>			<b>1,090</b>				
1	Mở rộng đường Tỉnh lộ 508 đi Đồng Và	0,060	0,060					Hà Phú	Phù hợp	Quyết định số 5800/QĐ-UBND ngày 28/12/2018 của chủ tịch UBND huyện Hà Trung về việc phê duyệt điều chỉnh chủ trương đầu tư các công trình giao thông nông thôn năm 2018 trên địa bàn huyện Hà Trung	
2	Mở rộng đường Tỉnh lộ 508 đi Trường Tiểu học	0,060	0,060					Hà Phú	Phù hợp	Quyết định số 5800/QĐ-UBND ngày 28/12/2018 của chủ tịch UBND huyện Hà Trung về việc phê duyệt điều chỉnh chủ trương đầu tư các công trình giao thông nông thôn năm 2018 trên địa bàn huyện Hà Trung	
3	Mở rộng đường Tỉnh lộ 508 đi Góc Bạng và vòng về đường 202	0,260	0,260					Hà Phú	Phù hợp	Quyết định số 5800/QĐ-UBND ngày 28/12/2018 của chủ tịch UBND huyện Hà Trung về việc phê duyệt điều chỉnh chủ trương đầu tư các công trình giao thông nông thôn năm 2018 trên địa bàn huyện Hà Trung	
4	Mở rộng đường đê Lèn qua trạm xá đến đường D6	0,700	0,700					Hà Ngọc	Phù hợp	Quyết định số 58/QĐ-UBND ngày 01/10/2019 của UBND xã Hà Ngọc về việc đầu tư xây dựng tuyến đường giao thông nội đồng từ đê Lèn qua trạm xá đến đường D6	

TT	Hạng mục	Diện tích chuyển mục đích (ha)	Được chuyển mục đích từ các loại đất					Địa điểm (đến cấp xã)	Sự phù hợp điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất đến năm 2020	Chủ trương; nguồn vốn đầu tư	Ghi chú
			LUA	RSX	RPH	RDD	Các loại đất còn lại				
(1)	(2)	(3)=(4)+... (8)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)
5	Đường giao thông nội đồng từ Bái Lớn đến nương tiêu trạm bơm thôn Đô Mỹ	0,360	0,360					Hà Tân	Phù hợp	Quyết định số 95/QĐ-UBND ngày 15/01/2018 của UBND huyện HÀ Trung về việc phê duyệt giao kế hoạch kinh phí hỗ trợ cho các địa phương thực hiện cơ chế khuyến khích phát triển giao thông nông thôn của tỉnh năm 2018	
6	Đường giao thông nội đồng thôn Quan Tương dọc từ nhà ông Hiến đến hang Trù	0,400	0,400					Hà Tân	Phù hợp	Quyết định số 95/QĐ-UBND ngày 15/01/2018 của UBND huyện HÀ Trung về việc phê duyệt giao kế hoạch kinh phí hỗ trợ cho các địa phương thực hiện cơ chế khuyến khích phát triển giao thông NT của tỉnh năm 2019	
7	Đường giao thông nội thôn từ cống xéo đến nương Z(thôn Tam Quy, Tân Sơn)	0,300	0,300					Hà Tân	Phù hợp	Quyết định số 95/QĐ-UBND ngày 15/01/2018 của UBND huyện Hà Trung về việc phê duyệt giao kế hoạch kinh phí hỗ trợ cho các địa phương thực hiện cơ chế khuyến khích phát triển giao thông NT của tỉnh năm 2020	
8	Đất giao thông khu trung tâm xã Hà Giang	1,800	1,000				0,800	Hà Giang	Phù hợp	Quyết định số 1792/QĐ-UBND ngày 22/5/2019 của UBND huyện Hà Trung về việc phê duyệt quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/500 khu trung tâm xã Hà Giang, huyện Hà Trung	
9	Đường giao thông ngã ba Trung Dung đi đường Đảng bộ	0,100	0,040				0,060	Hà Sơn	Phù hợp	Quyết định số 111/QĐ-UBND ngày 30/10/2019 của UBND xã Hà Sơn về việc phê duyệt chủ trương đầu tư xây dựng công trình mở rộng đường giao thông nội đồng từ ngã ba nhà Trung Dung đi đường Đảng bộ, xã Hà Sơn, huyện Hà Trung	

TT	Hạng mục	Diện tích chuyển mục đích (ha)	Được chuyển mục đích từ các loại đất					Địa điểm (đến cấp xã)	Sự phù hợp điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất đến năm 2020	Chủ trương; nguồn vốn đầu tư	Ghi chú
			LUA	RSX	RPH	RDD	Các loại đất còn lại				
(1)	(2)	(3)=(4)+... (8)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)
10	Đường giao thông nội đồng từ nhà ông Tạng đến đường Giang Sơn 9 đi trường Mầm non, xã Hà Sơn	0,250	0,020				0,230	Hà Sơn	Phù hợp	Quyết định số 110/QĐ-UBND ngày 30/10/2019 của UBND xã Hà Sơn về việc phê duyệt chủ trương đầu tư xây dựng công trình mở rộng đường giao thông nội đồng từ nhà ông Tạng đến đường Giang Sơn 9 đi trường Mầm non, xã Hà Sơn, huyện Hà Trung	
11	Đường giao thông đi chùa Cao - Hà Lĩnh	2,000		2,000				Hà Lĩnh	Phù hợp	Công văn số 13811/UBND-NN của UBND tỉnh Thanh Hóa về việc giải quyết đề nghị chấp thuận địa điểm và cho phép các công trình, dự án bị ảnh hưởng bởi đường cao tốc Bắc - Nam được thực hiện trong năm 2019, cập nhật kế hoạch sử dụng đất năm 2020, huyện Hà Trung	
12	Đường giao thông Hà Bình - Hà Lai	1,000	1,000					Hà Dương	Phù hợp	Quyết định số 2476/QĐ-UBND ngày 29/6/2018 của UBND tỉnh về việc phê duyệt dự án đầu tư nâng cấp, xây dựng đường gom cụm công nghiệp Hà Bình, huyện Hà Trung	
13	Đường gom phía Tây đường sắt	0,400	0,400					Hà Bình	Phù hợp	Quyết định số 2708/QĐ-BGTVT ngày 17/12/2018 của Bộ Giao thông vận tải về việc phê duyệt chủ trương đầu tư dự án "Cải tạo, nâng cấp các công trình thiết yếu đoạn Hà Nội - Vinh, tuyến đường sắt Hà Nội - TP. Hồ Chí Minh"	
		1,000	1,000					Hà Yên	Phù hợp		
		1,000	1,000					Hà Ninh	Phù hợp		
		1,200	1,200					Hà Ninh	Phù hợp		
IV	<i>Công trình thủy lợi</i>	<i>1,300</i>	<i>1,300</i>								
1	Nâng cấp, mở rộng 02 tuyến mương trước núi Ông	1,000	1,000					Hà Ngọc	Phù hợp	Quyết định số 59/QĐ-UBND ngày 01/10/2019 của UBND xã Hà Ngọc về việc nâng cấp, mở rộng 02 tuyến mương trước núi Ông xã Hà Ngọc, huyện Hà Trung	

TT	Hạng mục	Diện tích chuyển mục đích (ha)	Được chuyển mục đích từ các loại đất					Địa điểm (đến cấp xã)	Sự phù hợp điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất đến năm 2020	Chủ trương; nguồn vốn đầu tư	Ghi chú
			LUA	RSX	RPH	RDD	Các loại đất còn lại				
(1)	(2)	(3)=(4)+... (8)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)
2	Mương tiêu nước vùng Liên Hợp (khu dân cư mới Đông Hang)	0,300	0,300					Hà Sơn	Phù hợp	Quyết định số 131a/QĐ-UBND ngày 08/12/2018 của UBND xã Hà Sơn về việc phê duyệt chủ trương đầu tư xây dựng công trình: Nắn dòng kênh mương và mương tiêu nước khu dân cư mới Đông Hang, xã Hà Sơn, huyện Hà Trung	
V	<b>Công trình năng lượng</b>	<b>0,020</b>	<b>0,010</b>				<b>0,010</b>				
1	Xây dựng đường dây 35KV và trạm biến áp 250KVA-35/0,4 KV	0,020	0,010				0,010	Hà Hải, Hà Ninh, Hà Bắc, Hà Tân	Phù hợp	Quyết định số 2601/QĐ-EVNNPC ngày 29/08/2019 của Tổng công ty Điện lực miền Bắc về việc giao danh mục kế hoạch đầu tư xây dựng năm 2020 cho công ty điện lực Thanh Hóa	
VI	<b>Công trình văn hóa</b>	<b>1,890</b>	<b>1,890</b>								
1	Xây dựng đài tưởng niệm các anh hùng liệt sĩ	0,130	0,130					Hà Ngọc	Phù hợp	Quyết định số 3020/QĐ-UBND ngày 02/8/2018 của UBND huyện Hà Trung Về việc phê duyệt mặt bằng quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/500 khu TTHC xã Hà Ngọc	
2	Đài tưởng niệm liệt sĩ xã Hà Lĩnh (Công trình hoàn trả đường cao tốc Bắc - Nam)	1,500	1,500					Hà Lĩnh	Phù hợp	Công văn số 13811/UBND-NN của UBND tỉnh Thanh Hóa về việc giải quyết đề nghị chấp thuận địa điểm và cho phép các công trình, dự án bị ảnh hưởng bởi đường cao tốc Bắc - Nam được thực hiện trong năm 2019, cập nhật kế hoạch sử dụng đất năm 2020, huyện Hà Trung	
3	Trung tâm văn hóa thể thao xã	0,260	0,260					Hà Giang	Phù hợp	Quyết định số 1297/QĐ-UBND ngày 11/4/2019 của UBND tỉnh về việc phê duyệt chủ trương đầu tư danh mục dự án khởi công 2019	
VII	<b>Công trình thể dục thể thao</b>	<b>12,610</b>	<b>12,310</b>				<b>0,300</b>				

TT	Hạng mục	Diện tích chuyển mục đích (ha)	Được chuyển mục đích từ các loại đất					Địa điểm (đến cấp xã)	Sự phù hợp điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất đến năm 2020	Chủ trương; nguồn vốn đầu tư	Ghi chú
			LUA	RSX	RPH	RDD	Các loại đất còn lại				
(1)	(2)	(3)=(4)+... (8)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)
1	Sân thể thao xã Hà Hải	1,110	0,890				0,220	Hà Hải	Phù hợp	Quyết định 1569/QĐ-UBND ngày 26/04/2019 của chủ tịch UBND tỉnh Thanh Hóa về việc phê duyệt kế hoạch sử dụng đất năm 2019 huyện Hà Trung; Công văn số 2158/UBND-KTHT, ngày 06/12/2016 của UBND huyện Hà Trung v/v chủ trương Quy hoạch chi tiết khu trung tâm xã Hà Hải	
2	Xây dựng sân thể thao Trung tâm xã Hà Yên	1,460	1,460					Hà Yên	Phù hợp	Quyết định số 2649/QĐ-UBND ngày 27/7/2017 của UBND huyện Hà Trung Về việc phê duyệt mặt bằng điều chỉnh quy hoạch chi tiết khu trung tâm chính trị - văn hoá - thể thao xã Hà Yên tỷ lệ 1/500	
3	Xây dựng sân thể thao Trung tâm xã Hà Dương	0,960	0,960					Hà Dương	Phù hợp	Quyết định số 2656/QĐ-UBND ngày 29/6/2019 của UBND huyện Hà Trung Phê duyệt điều chỉnh quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/500 khu trung tâm xã Hà Dương, huyện Hà Trung	
4	Sân vận động xã Hà Giang	1,080	1,000				0,080	Hà Giang	Phù hợp	Quyết định số 1792/QĐ-UBND ngày 22/5/2019 của UBND huyện Hà Trung về việc phê duyệt quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/500 khu trung tâm xã Hà Giang, huyện Hà Trung	
5	Trung tâm văn hóa thể dục thể thao huyện	8,000	8,000					Hà Bình	Phù hợp	Nghị Quyết số 08/NQ-HĐND của HĐND huyện ngày 19/8/2019 về việc Quyết định chủ trương điều chỉnh, bổ sung dự án: Hạ tầng khu dân cư trung tâm văn hóa thể thao huyện Hà Trung; Nghị Quyết số 07/NQ-HĐND của UBND huyện ngày 02/7/2019 về việc phê duyệt chủ trương đầu tư Hạ tầng khu trung tâm văn hóa thể thao huyện	
VIII	Dự án cơ sở giáo dục	2,500	2,500								

TT	Hạng mục	Diện tích chuyển mục đích (ha)	Được chuyển mục đích từ các loại đất					Địa điểm (đến cấp xã)	Sự phù hợp điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất đến năm 2020	Chủ trương; nguồn vốn đầu tư	Ghi chú
			LUA	RSX	RPH	RDD	Các loại đất còn lại				
(1)	(2)	(3)=(4)+... (8)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)
1	Trường Mầm Non, Trường Tiểu Học Hà Lĩnh (Công trình hoàn đường cao tốc)	2,500	2,500					Hà Lĩnh	Phù hợp	Công văn số 13811/UBND-NN của UBND tỉnh Thanh Hóa về việc giải quyết đề nghị chấp thuận địa điểm và cho phép các công trình, dự án bị ảnh hưởng bởi đường cao tốc Bắc - Nam được thực hiện trong năm 2019, cập nhật kế hoạch sử dụng đất năm 2020, huyện Hà Trung	
<b>IX</b>	<b>Công trình cơ sở tôn giáo</b>	<b>0,60</b>		<b>0,50</b>	<b>0,10</b>						
1	Mở rộng Chùa Cao - Thị trấn Hà Trung, xã Hà Ninh	0,100			0,100			TT Hà Trung	Phù hợp	Quyết định số: 3499/QĐ - UBND ngày 15/6/2018 của UBND tỉnh Thanh Hóa về việc phê duyệt phương án nộp tiền trồng rừng thay thế khi chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích trồng tư tôn tạo Chùa Vĩnh Phúc tại TT Hà Trung, huyện Hà Trung của ban trị sự chùa Vĩnh Phúc	
		0,500		0,500				Hà Ninh	Phù hợp		
<b>X</b>	<b>Công trình sinh hoạt cộng đồng</b>	<b>0,330</b>	<b>0,330</b>								
1	Nhà văn hóa thôn Tiên Hòa 2 (Công trình hoàn trả đường cao tốc Bắc - Nam Bắc - Nam)	0,200	0,200					Hà Lĩnh	Phù hợp	Công văn số 13811/UBND-NN của UBND tỉnh Thanh Hóa về việc giải quyết đề nghị chấp thuận địa điểm và cho phép các công trình, dự án bị ảnh hưởng bởi đường cao tốc Bắc - Nam được thực hiện trong năm 2019, cập nhật kế hoạch sử dụng đất năm 2020, huyện Hà Trung	
2	Nhà Văn Hóa thôn Quan Chiêm	0,130	0,130					Hà Giang	Phù hợp	Quyết định số 1792/QĐ-UBND ngày 22/5/2019 của UBND huyện Hà Trung về việc phê duyệt quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/500 khu trung tâm xã Hà Giang, huyện Hà Trung	
<b>XI</b>	<b>Công trình nghĩa trang nghĩa địa</b>	<b>2,200</b>		<b>2,200</b>							



TT	Hạng mục	Diện tích chuyển mục đích (ha)	Được chuyển mục đích từ các loại đất					Địa điểm (đến cấp xã)	Sự phù hợp điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất đến năm 2020	Chủ trương; nguồn vốn đầu tư	Ghi chú
			LUA	RSX	RPH	RDD	Các loại đất còn lại				
(1)	(2)	(3)=(4)+... (8)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)
2	Nghĩa địa thôn Hà Hợp	1,200		1,200				Hà Sơn	Phù hợp	Công văn số 13811/UBND-NN của UBND tỉnh Thanh Hóa về việc giải quyết đề nghị chấp thuận địa điểm và cho phép các công trình, dự án bị ảnh hưởng bởi đường cao tốc Bắc - Nam được thực hiện trong năm 2019, cập nhật kế hoạch sử dụng đất năm 2020, huyện Hà Trung	
3	Nghĩa địa Hà Lĩnh	1,000		1,000				Hà Lĩnh	Phù hợp	Công văn số 13811/UBND-NN của UBND tỉnh Thanh Hóa về việc giải quyết đề nghị chấp thuận địa điểm và cho phép các công trình, dự án bị ảnh hưởng bởi đường cao tốc Bắc - Nam được thực hiện trong năm 2019, cập nhật kế hoạch sử dụng đất năm 2020, huyện Hà Trung	
<b>XII</b>	<b>Di tích lịch sử - văn hóa</b>	<b>0,040</b>	<b>0,040</b>								
1	Xây dựng nhà Thờ họ Lại Thế Khanh	0,040	0,040					Hà Giang	Phù hợp	Công văn số số 12456/UBND ngày 18/09/2019 của UBND tỉnh Thanh Hóa về việc chủ trương đầu tư, tu bổ, tôn tạo đền thờ Lại Thế Khanh, xã Hà Giang, huyện Hà Trung	
<b>XIII</b>	<b>Dự án sản xuất phi nông nghiệp, thương mại dịch vụ, chế biến nông, lâm, thủy sản</b>	<b>10,60</b>	<b>1,06</b>	<b>2,15</b>			<b>7,39</b>				
1	Khu sản xuất và chế biến nông sản tổng hợp Lưu Sướng	0,77	0,77					Hà Long	Phù hợp	Quyết định số 4445/QĐ-UBND ngày 29/10/2019 của Chủ tịch UBND tỉnh	
2	Nhà máy sản xuất phân bón hữu cơ Nông nghiệp xanh	1,33	0,29				1,04	Hà Đông	Phù hợp	Quyết định số 4057/QĐ-UBND ngày 25/10/2017 của Chủ tịch UBND tỉnh.	
3	Khai thác mỏ đá spilit làm vật liệu xây dựng thông thường	8,50		2,15			6,35	Hà Tân	Phù hợp	Quyết định số 1247/UBND ngày 08/4/2019 của Chủ tịch UBND tỉnh	

Phụ biểu III.10

**TỔNG HỢP NHU CẦU SỬ DỤNG ĐẤT CÁC DỰ ÁN CHUYỂN MỤC ĐÍCH ĐẤT TRỒNG LÚA, ĐẤT VÀ RỪNG PHÒNG HỘ, RỪNG SẢN XUẤT NĂM 2020 TRÊN ĐỊA BÀN HUYỆN NÔNG CỐNG**

TT	Hạng mục	Diện tích chuyển mục đích (ha)	Được chuyển mục đích từ các loại đất					Địa điểm (đến cấp xã)	Sự phù hợp điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất đến năm 2020	Chủ trương; nguồn vốn đầu tư	Ghi chú
			LUA	RSX	RPH	RDD	Các loại đất còn lại				
(1)	(2)	(3)=(4)+... (8)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)
	<b>Tổng cộng</b>	<b>89,756</b>	<b>54,580</b>	<b>22,050</b>	<b>1,120</b>		<b>12,006</b>				
<b>I</b>	<b>Dự án Khu dân cư đô thị</b>	<b>11,760</b>	<b>11,570</b>				<b>0,190</b>				
1	Khu dân cư trung tâm Minh Thọ (Giai đoạn 4)	7,660	7,520				0,140	Thị trấn Nông Cống	Phù hợp	Quyết định số 2951/QĐ-UBND ngày 04/11/2019 của Chủ tịch UBND huyện Nông Cống	
2	Khu dân cư Nam thị trấn Nông Cống (Giai đoạn 3)	4,100	4,050				0,050	Thị trấn Nông Cống	Phù hợp	Quyết định số 2951/QĐ-UBND ngày 04/11/2019 của Chủ tịch UBND huyện Nông Cống	
<b>II</b>	<b>Dự án Khu dân cư nông thôn</b>	<b>26,880</b>	<b>25,290</b>				<b>1,590</b>				
1	Đầu giá điểm dân cư mới thôn Vân Thạch	1,000	1,000					Tượng Sơn	Phù hợp	QĐ 2950/QĐ-UBND ngày 04/11/2019 của UBND huyện	
2	Đầu giá các điểm dân cư mới	1,480	1,120				0,360	Thăng Long	Phù hợp		
3	Đầu giá các điểm dân cư mới	2,000	1,960				0,040	Tân Thọ	Phù hợp		
4	Đầu giá các điểm dân cư mới	1,200	1,200					Thăng Bình	Phù hợp		
5	Đầu giá các điểm dân cư mới	0,300	0,030				0,270	Tề Nông	Phù hợp		
6	Đầu giá các điểm dân cư mới	1,180	1,000				0,180	Trung Chính	Phù hợp		
7	Đầu giá các điểm dân cư mới	1,630	1,630					Tề Lợi	Phù hợp		
9	Đầu giá các điểm dân cư mới	0,900	0,900					Minh Khôi	Phù hợp		
10	Đầu giá các điểm dân cư mới	2,000	2,000					Vạn Thắng	Phù hợp		
11	Đầu giá các điểm dân cư mới	0,830	0,830					Hoàng Sơn	Phù hợp		
12	Đầu giá các điểm dân cư mới	1,000	1,000					Trường Giang	Phù hợp		
13	Đầu giá các điểm dân cư mới	0,720	0,720					Tân Phúc	Phù hợp		
14	Đầu giá các điểm dân cư mới	0,830	0,610				0,220	Minh nghĩa	Phù hợp		
15	Điểm dân cư thôn Yên Lãng	0,700	0,700					Trường Trung	Phù hợp		
16	Đầu giá các điểm dân cư mới	0,880	0,860				0,020	Thăng Thọ	Phù hợp		

TT	Hạng mục	Diện tích chuyển mục đích (ha)	Được chuyển mục đích từ các loại đất					Địa điểm (đến cấp xã)	Sự phù hợp điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất đến năm 2020	Chủ trương; nguồn vốn đầu tư	Ghi chú
			LUA	RSX	RPH	RDD	Các loại đất còn lại				
(1)	(2)	(3)=(4)+... (8)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)
17	Đầu giá các điểm dân cư mới	1,200	1,170				0,030	Trường Minh	Phù hợp	QĐ 2950/QĐ-UBND ngày 04/11/2019 của UBND huyện	
18	Đầu giá các điểm dân cư mới	0,950	0,700				0,250	Tân Khang	Phù hợp		
19	Đầu giá các điểm dân cư mới	1,200	1,200					Vạn Hòa	Phù hợp		
20	Đầu giá điểm dân cư thôn Cao Nhuận	0,680	0,680					Vạn Thiện	Phù hợp		
21	Đầu giá các điểm dân cư mới	1,600	1,550				0,050	Hoàng Giang	Phù hợp		
22	Đầu giá các điểm dân cư mới	1,500	1,330				0,170	Tượng Lĩnh	Phù hợp		
23	Đầu giá các điểm dân cư mới	0,600	0,600					Trung Thành	Phù hợp		
24	Đầu giá các điểm dân cư mới	1,000	1,000					Công Liêm	Phù hợp		
25	Đầu giá các điểm dân cư mới	1,500	1,500					Trường Sơn	Phù hợp		
<b>VI</b>	<b>Công trình giao thông</b>	<b>3,090</b>	<b>2,570</b>				<b>0,520</b>				
1	Mở rộng đường giao thông nội đồng từ QL 47C đến đường Nghi Sơn - Sao Vàng	0,200	0,200					Tân Thọ	Phù hợp	Công văn số 1998/UBND-TNMT ngày 04/11/2019	
2	Mở rộng đường vào sân thể thao trung tâm xã	0,060	0,060					Minh Nghĩa	Phù hợp		
3	Mở rộng tuyến đường vào Cụm công nghiệp thị trấn Nông Công	1,880	1,860				0,020	Thị trấn Nông Công	Phù hợp		
4	Mở rộng đường giao thôn nội đồng	0,050	0,050					Tượng Sơn	Phù hợp		
5	Mở rộng đường giao thôn nội đồng thôn Nhuyễn Phú Lâm	0,900	0,400				0,500	Xã Tượng Lĩnh	Phù hợp		
<b>III</b>	<b>Công trình thủy lợi</b>	<b>37,640</b>	<b>7,850</b>	<b>20,000</b>	<b>1,120</b>		<b>8,670</b>				
1	Mở rộng kênh mương nội đồng	0,350	0,350					Công Liêm	Phù hợp	Công văn số 1998/UBND-TNMT ngày 04/11/2019	
2	Bổ sung, điều chỉnh dự án Tiêu úng vùng III huyện Nông Công, tỉnh Thanh Hóa	15,000	7,500				7,500	Thăng Bình, Thăng Long, Thăng Thọ, Vạn Thiện	Phù hợp	QĐ 1064/QĐ-BNN-KH ngày 30/3/2017; Công văn số 207/BNN-XD ngày 31/10/2019	
3	Nâng cấp, sửa chữa đảm bảo an toàn hồ Khe Than	2,290			1,120		1,170	Tượng Sơn	Phù hợp	Quyết định số 3898/QĐ-UBND ngày 09/10/2018	

TT	Hạng mục	Diện tích chuyển mục đích (ha)	Được chuyển mục đích từ các loại đất					Địa điểm (đến cấp xã)	Sự phù hợp điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất đến năm 2020	Chủ trương; nguồn vốn đầu tư	Ghi chú
			LUA	RSX	RPH	RDD	Các loại đất còn lại				
(1)	(2)	(3)=(4)+... (8)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)
4	Dự án tiêu úng vùng 3 huyện Nông Cống	20,000		20,000				Công Liêm		Đã được HĐND tỉnh thông qua danh mục dự án phải thu hồi đất	
IV	<b>Dự án năng lượng</b>	<b>0,270</b>	<b>0,200</b>				<b>0,070</b>				
1	Cải tạo đường dây 10Kv cấp điện 22kV các lộ đường dây 971,972,976 trạm 110KV Nông Cống E9.8	0,020	0,010				0,010	TT Nông Cống	Phù hợp	Quyết định số 1780/QĐ-EVN NPC	
		0,010	0,010					Thăng Long			
		0,010	0,010					Vạn Thiện			
		0,020	0,010				0,010	Tế Lợi			
		0,010	0,010					Vạn Hòa			
		0,020	0,010				0,010	Minh Nghĩa			
		0,010	0,010					Trường Sơn			
		0,010	0,010					Trường Minh			
		0,010	0,010					Tượng Văn			
		0,020	0,010				0,010	Tế Nông			
		0,010	0,010					Tế Thăng			
		0,020	0,010				0,010	Trung Thành			
		0,010	0,010					Tân Khang			
		0,020	0,010				0,010	Trung Chính			
0,010	0,010					Trung Ý					
2	Cải tạo đường dây 10Kv cấp điện 22kV các lộ đường dây 972, 974, 976 trạm 110 kV Nông Cống E9.8	0,020	0,010				0,010		Phù hợp	Quyết định số 1780/QĐ-EVN NPC	
3	Dự án chống quá tải điện	0,010	0,010					Thăng Long	Phù hợp	Quyết định số 1780/QĐ-EVN NPC	
		0,010	0,010					Vạn Hòa			
		0,010	0,010					Trường Sơn			
		0,010	0,010					Tượng Văn			
IX	<b>Đất cơ sở văn hóa</b>	<b>0,400</b>	<b>0,350</b>				<b>0,050</b>				
1	XD khu Công sở và Trung tâm học tập công đồng xã Thăng Bình	0,400	0,350				0,050	Thăng Bình	Phù hợp	Công văn số 1997/UBND-TNMT ngày 04/11/2019	
X	<b>Công trình thể dục thể thao</b>	<b>0,620</b>	<b>0,620</b>								
1	Sân thể thao thôn Giản Hiên	0,500	0,500					Vạn Thắng	Phù hợp	Công văn số 2001/UBND-TNMT ngày 04/11/2019	
2	Mở rộng sân vận động xã Minh Nghĩa	0,120	0,120					Minh Nghĩa	Phù hợp	Công văn số 2001/UBND-TNMT ngày 04/11/2019	

TT	Hạng mục	Diện tích chuyển mục đích (ha)	Được chuyển mục đích từ các loại đất					Địa điểm (đến cấp xã)	Sự phù hợp điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất đến năm 2020	Chủ trương; nguồn vốn đầu tư	Ghi chú	
			LUA	RSX	RPH	RDD	Các loại đất còn lại					
(1)	(2)	(3)=(4)+... (8)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	
V	<b>Công trình tôn giáo</b>	<b>2,000</b>		<b>2,000</b>								
1	Mở rộng, tôn tạo Tịnh xá Linh Sơn	2,000		2,000				Trung Thành	Phù hợp	Công văn số 9626/UBND-NN ngày 26/7/2019 của UBND tỉnh Thanh Hóa		
XVI	<b>Dự án sinh hoạt cộng đồng</b>	<b>3,410</b>	<b>3,000</b>	<b>0,050</b>			<b>0,360</b>					
1	XD nhà văn hóa thôn Lý Đông, Lý Bắc, Thái Lai, Hồng Sơn	0,800	0,800					Thăng Bình	Phù hợp	Công văn số 2000/UBND-TNMT ngày 04/11/2019		
2	Mở rộng NVH thôn Mỹ Giang, Ngọ Hạ, Ngọ Thượng	0,200		0,050			0,150	Thăng Bình	Phù hợp	Công văn số 2000/UBND-TNMT ngày 04/11/2019		
3	XD nhà văn hóa thôn Đông Thăng, Thanh Sơn, Tổng Sở	0,240	0,200				0,040	Trung Chính	Phù hợp			
4	Nhà văn hóa thôn Thống Nhất	0,200	0,200					Minh Khôi	Phù hợp			
5	Nhà văn hóa thôn Tiên Lược	0,220	0,220					Minh Khôi	Phù hợp			
6	Nhà văn hóa thôn Cộng Hòa	0,220	0,200				0,020	Minh Khôi	Phù hợp			
7	Nhà văn hóa thôn Tân Thắng	0,120	0,120					Minh Khôi	Phù hợp			
8	Nhà văn hóa thôn Yên Tuấn	0,100	0,100					Trường Giang	Phù hợp			
9	Nhà văn hóa thôn Trường Thành	0,100	0,100					Trường Giang	Phù hợp			
11	Nhà văn hóa thôn Thượng Hòa	0,100	0,100					Trường Giang	Phù hợp			
12	Nhà văn hóa thôn Tân Ngọc	0,080	0,080					Trường Giang	Phù hợp			
13	Nhà văn hóa thôn Nguyên Ngọc	0,120	0,120					Trường Giang	Phù hợp			
14	Nhà văn hóa thôn Quỳnh Tiến	0,310	0,190				0,120	Tượng Văn	Phù hợp			
15	Nhà văn hóa thôn Phúc Đồi	0,300	0,270				0,030	Trường Minh	Phù hợp			
16	Nhà văn hóa thôn Đặng Đồi	0,300	0,300					Trường Minh	Phù hợp			
XVII	<b>Công trình nghĩa trang, ND</b>	<b>1,810</b>	<b>1,390</b>				<b>0,420</b>					
1	Quy hoạch mở rộng nghĩa trang	1,010	0,590				0,420	Trung Ý	Phù hợp		Công văn số 1999/UBND-TNMT ngày 04/11/2019	
2	Mở rộng nghĩa địa thôn Mau Giáp	0,800	0,800					Trung Chính	Phù hợp			

TT	Hạng mục	Diện tích chuyển mục đích (ha)	Được chuyển mục đích từ các loại đất					Địa điểm (đến cấp xã)	Sự phù hợp điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất đến năm 2020	Chủ trương; nguồn vốn đầu tư	Ghi chú
			LUA	RSX	RPH	RDD	Các loại đất còn lại				
(1)	(2)	(3)=(4)+... (8)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)
XXI	<i>Dự án sản xuất phi nông nghiệp, thương mại dịch vụ, chế biến nông, lâm, thủy sản</i>	1,876	1,740				0,136				
1	Khu thương mại, dịch vụ tổng hợp An Phát	0,480	0,471				0,009	Thị trấn Nông Công	Phù hợp	Quyết định số 4547/QĐ-UBND ngày 01/11/2019 của Chủ tịch UBND tỉnh	
2	Khu thương mại, dịch vụ tổng hợp Sông Yên	0,488	0,464				0,024	Thị trấn Nông Công	Phù hợp	Quyết định số 4548/QĐ-UBND ngày 01/11/2019 của Chủ tịch UBND tỉnh	
3	Khu thương mại dịch vụ tổng hợp	0,100	0,060				0,040	Xã Vạn Thắng	Phù hợp	Quyết định số 1349/QĐ-UBND ngày 10/6/2019 của UBND huyện Nông Công	
4	Khu thương mại dịch vụ tổng hợp	0,100	0,040				0,060	Xã Vạn Thắng	Phù hợp	Quyết định số số 1347/QĐ-UBND ngày 10/6/2019 của UBND huyện Nông Công	
5	Trung tâm thương mại T.H	0,100	0,100					Xã Trung Chính	Phù hợp	Quyết định số số 1348/QĐ-UBND ngày 10/6/2019 của UBND huyện Nông Công	
6	Hợp tác xã dịch vụ nông nghiệp Thăng Long	0,126	0,126					Thăng Long	Phù hợp	Quyết định số 3456/QĐ-UBND ngày 29/8/2019 của UBND tỉnh	
7	Khu thương mại, dịch vụ tổng hợp Huệ Lương	0,482	0,478				0,004	Thị trấn Nông Công	Phù hợp	Quyết định số 4546/QĐ-UBND ngày 01/11/2019 của Chủ tịch UBND tỉnh	

Phụ biểu III.11

TỔNG HỢP NHU CẦU SỬ DỤNG ĐẤT CÁC DỰ ÁN CHUYỂN MỤC ĐÍCH ĐẤT TRỒNG LÚA, ĐẤT VÀ RỪNG PHÒNG HỘ, RỪNG SẢN XUẤT NĂM 2020 TRÊN ĐỊA BÀN HUYỆN TRIỆU SƠN

TT	Hạng mục	Diện tích chuyển mục đích (ha)	Được chuyển mục đích từ các loại đất					Địa điểm (đến cấp xã)	Sự phù hợp điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất đến năm 2020	Chủ trương; nguồn vốn đầu tư	Ghi chú
			LUA	RSX	RPH	RDD	Các loại đất còn lại				
(1)	(2)	(3)=(4)+... (8)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)
	<b>Tổng cộng</b>	<b>63,113</b>	<b>58,538</b>	<b>1,240</b>			<b>3,635</b>				
<b>I</b>	<b>Dự án Khu dân cư nông thôn</b>	<b>42,557</b>	<b>41,377</b>	<b>0,520</b>			<b>0,660</b>				
1	Quy hoạch đất ở khu Đồng Quan Tiên Mộc	1,500	1,500					Xã Dân Lực	Phù hợp	Công văn số 2194/UBND-TNMT, ngày 09/9/2019 của UBND H. Triệu Sơn	
2	Quy hoạch đất ở khu Đồng Mới thôn 10	2,210	2,150				0,060	Xã Dân Lý	Phù hợp		
3	Dân cư thôn Đồng Xá 1	1,500	1,300				0,200	Xã Đồng Tiến	Phù hợp		
4	Dân cư thôn Trúc chuẩn 4	0,300	0,300					Xã Đồng Tiến	Phù hợp		
5	Khu dân cư Đồng Xuân (Khu đường tàu)	0,200	0,200					Xã Đồng Thăng	Phù hợp		
6	Quy hoạch đất ở khu cửa Ông Sự	0,200	0,200					Xã Hợp Lý	Phù hợp		
7	Mở rộng khu dân cư thôn 1	0,540	0,540					Xã Hợp Tiến	Phù hợp		
8	Đất ở xen cư thôn Diễn Ngoại	0,200	0,060				0,140	Xã Hợp Thành	Phù hợp		
9	Khu dân cư thôn Châu Cương (Thôn 4 cũ)	0,700	0,700					Xã Hợp Thăng	Phù hợp		
10	Khu dân cư thôn Quần Thanh 1	0,350	0,350					Xã Khuyến Nông	Phù hợp		
11	Khu dân cư thôn Doãn Thái (thôn 7)	0,700	0,550				0,150	Xã Khuyến Nông	Phù hợp		
12	Quy hoạch đất ở thôn 7	0,600	0,600					Xã Minh Dân	Phù hợp		
13	Quy hoạch đất ở tại khu Đồng Rọc	0,600	0,600					Xã Nông Trường	Phù hợp		
14	Khu dân cư đô thị mới kết hợp thương mại dịch vụ	9,750	9,750					Xã Tân Ninh	Phù hợp		
15	Đất ở nông thôn	0,200	0,200					Xã Thọ Bình	Phù hợp		

TT	Hạng mục	Diện tích chuyển mục đích (ha)	Được chuyển mục đích từ các loại đất					Địa điểm (đến cấp xã)	Sự phù hợp điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất đến năm 2020	Chủ trương; nguồn vốn đầu tư	Ghi chú
			LUA	RSX	RPH	RDD	Các loại đất còn lại				
(1)	(2)	(3)=(4)+... (8)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)
16	Khu dân cư thôn 5,3	1,000	1,000					Xã Thọ Cường	Phù hợp	Công văn số 2194/UBND-TNMT, ngày 09/9/2019 của UBND H. Triệu Sơn	
17	Khu dân cư thôn 5	0,400	0,400					Xã Thọ Cường	Phù hợp		
18	Khu dân cư mới	0,500	0,500					Xã Thọ Dân	Phù hợp		
19	Khu dân cư thôn 1,7	1,210	1,210					Xã Thọ Sơn	Phù hợp		
20	Dự án khu dân cư Đồng Chẹ	0,530	0,530					Xã Thọ Tiến	Phù hợp		
21	Khu dân cư Hòa xa (Khu Đồng Mãng + Khu Đồng Hào)	0,400	0,400					Xã Thọ Tiến	Phù hợp		
22	Quy hoạch đất ở	0,030	0,030					Xã Thọ Thế	Phù hợp		
23	Quy hoạch đất ở	1,500	1,500					Xã Thọ Thế	Phù hợp		
24	Khu dân cư thôn 7 (thôn 9 cũ)	0,750	0,750					Xã Văn Sơn	Phù hợp		
25	Đất ở từ cầu đến QL 47C	1,200	1,200					Xã Xuân Lộc	Phù hợp		
26	Dự án khu dân cư	0,210	0,100				0,110	Xã Xuân Thịnh	Phù hợp		
27	Khu dân cư thôn 4	0,740	0,740					Xã Xuân Thịnh	Phù hợp		
28	Khu dân cư thôn 6,7	0,400	0,400					Xã Xuân Thọ	Phù hợp		
29	Khu dân cư thôn 3	1,100	1,100					Xã Xuân Thọ	Phù hợp		
30	Quy hoạch đất ở khu Đa Thoàn thôn 4	0,150	0,150					Xã Thọ Vực	Phù hợp		
31	Khu dân cư Bồn Dòn	0,300	0,300					Xã Bình Sơn	Phù hợp		
32	Khu dân cư thôn 10	0,400	0,400					Xã Dân Lý	Phù hợp		
33	Khu dân cư thôn 5	2,840	2,840					Xã Dân Lý	Phù hợp		
34	Quy hoạch đất ở khu đường tàu thôn 2 (Đồng Nhón)	0,200	0,200					Xã Đồng Thắng	Phù hợp		
35	khu dân cư thôn Quần Nham 2, Thọ Lộc	1,500	1,500					Xã Đồng Lợi	Phù hợp		
36	Khu dân cư thôn Châu Cương (Thôn 3 cũ)	0,350	0,350					Xã Hợp Thắng	Phù hợp		
37	Khu dân cư thôn Liên Châu (Thôn 2 cũ)	1,350	1,350					Xã Hợp Thắng	Phù hợp		
38	Khu dân cư từ NVH thôn 4 đi Làng Dừa	0,700	0,700					Xã Hợp Thắng	Phù hợp		



TT	Hạng mục	Diện tích chuyển mục đích (ha)	Được chuyển mục đích từ các loại đất					Địa điểm (đến cấp xã)	Sự phù hợp điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất đến năm 2020	Chủ trương; nguồn vốn đầu tư	Ghi chú
			LUA	RSX	RPH	RDD	Các loại đất còn lại				
(1)	(2)	(3)=(4)+... (8)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)
39	Khu dân cư Nam Đồng Năn 2	0,660	0,660					Xã Minh Châu	Phù hợp	8362/QĐ-UBND ngày 14/12/2018 của UBND H.Triệu Sơn	
40	Khu dân cư thôn 12 cũ (thôn 5 mới)	0,600	0,600					Xã Nông Trường	Phù hợp	Công văn số 2194/UBND-TNMT, ngày 09/9/2019 của UBND H.Triệu Sơn	
41	Khu dân cư thôn 1	0,230	0,230					Xã Tiến Nông	Phù hợp		
42	Khu dân cư thôn Nga My Thượng và khu dân cư thôn Hòa Triều	2,090	2,090					Xã Tiến Nông	Phù hợp		
43	Khu dân cư thôn 3	0,800	0,800					Xã Triệu Thành	Phù hợp		
44	Khu dân cư thôn 10	0,060	0,060					Xã Vân Sơn	Phù hợp		
45	Khu dân cư thôn 9,10	0,287	0,287					Xã Xuân Thọ	Phù hợp		
46	Khu xen cư thôn 2	0,520		0,520				Xã Thọ Tân	Phù hợp		
<b>II</b>	<b>Công trình giao thông</b>	<b>1,797</b>	<b>1,797</b>				<b>0,200</b>				
1	Dự án mở rộng bến xe, bãi đỗ xe Huyện Hồng	0,230	0,230					TT Triệu Sơn	Phù hợp	Công văn số 12292/UBND-NN, ngày 04/10/2018 của UBND tỉnh	
2	Mở rộng đường giao thông từ đường Nghi Sơn đi thôn 6	0,100	0,100					Xã Vân Sơn	Phù hợp	Công văn số 2194/UBND-TNMT, ngày 09/9/2019 của UBND H.Triệu Sơn	
3	Mở rộng đường giao thông nông thôn 4	0,020	0,020					Xã Vân Sơn	Phù hợp		
4	Mở rộng đường giao thông nông thôn 2	0,100	0,100					Xã Vân Sơn	Phù hợp		
5	Mở rộng đường từ đầu cầu đến QL47	0,060	0,060					Xã Xuân Lộc	Phù hợp		
6	Đất giao thông khu dân cư thôn 8 (thôn 10 cũ) xã Tân Ninh	0,182	0,182				0,200	Xã Tân Ninh	Phù hợp		
7	Bến xe Anh Phương Cố Định	0,980	0,980					Xã Tân Ninh	Phù hợp	Quyết định số 6214/QĐ-UBND, ngày 20/8/2019 của UBND huyện	
8	Nâng cấp, cải tạo đường tỉnh 515C Đu - Thọ Vực	0,125	0,125					Xã Thọ Vực	Phù hợp	Quyết định số 3850/QĐ-UBND ngày 10/10/2017 của UBND tỉnh về phê duyệt chủ trương đầu tư.	
<b>III</b>	<b>Công trình thủy lợi</b>	<b>0,820</b>	<b>0,700</b>				<b>0,120</b>				

TT	Hạng mục	Diện tích chuyển mục đích (ha)	Được chuyển mục đích từ các loại đất					Địa điểm (đến cấp xã)	Sự phù hợp điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất đến năm 2020	Chủ trương; nguồn vốn đầu tư	Ghi chú
			LUA	RSX	RPH	RDD	Các loại đất còn lại				
(1)	(2)	(3)=(4)+... (8)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)
1	Quy hoạch tuyến kênh tưới tiêu Đồng Khang	0,820	0,700				0,120	Xã Hợp Thắng	Phù hợp	Công văn số 2194/UBND-TNMT, ngày 09/9/2019 của UBND H.Triệu Sơn	
<b>IV</b>	<b>Công trình thể dục thể thao</b>	<b>5,430</b>	<b>5,210</b>				<b>0,220</b>				
1	Quy hoạch sân thể thao xã	2,100	2,100					Xã Nông Trường	Phù hợp	Công văn số 2194/UBND-TNMT, ngày 09/9/2019 của UBND H.Triệu Sơn	
2	Sân vận động thôn 9	0,100	0,100					Xã Thọ Dân	Phù hợp		
3	Sân vận động	0,900	0,680				0,220	Xã Thọ Thế	Phù hợp		
5	Sân thể thao thôn 2	0,200	0,200					Xã Triệu Thành	Phù hợp		
6	Sân thể thao thôn 6	0,370	0,370					Xã Triệu Thành	Phù hợp		
7	Khu thể thao thôn 3	0,320	0,320					Xã Dân Quyền	Phù hợp		
8	NVH Nam Đồng Năn 2	0,080	0,080					TT Triệu Sơn	Phù hợp		Quyết định số 8362/QĐ-UBND ngày 14/12/2018 của UBND H.Triệu Sơn
9	NVH Nam Đồng Năn 1	0,090	0,090					TT Triệu Sơn	Phù hợp		
10	NVH thôn 5	0,070	0,070					Xã Dân Lý	Phù hợp		
12	Quy hoạch Nhà văn hoá thôn Nhạ Lộc	0,210	0,210					Xã Đồng Thắng	Phù hợp	Công văn số 2194/UBND-TNMT, ngày 09/9/2019 của UBND H.Triệu Sơn	
13	NVH Nam Công Chéo	0,090	0,090					Xã Minh Dân	Phù hợp	Quyết định số 8362/QĐ-UBND ngày 14/12/2018 của UBND H.Triệu Sơn	
14	NVH Nam Đồng Thiệu	0,100	0,100					Xã Minh Dân	Phù hợp		
15	Nhà văn hóa thôn 7	0,800	0,800					Xã Tiến Nông	Phù hợp	Công văn số 2194/UBND-TNMT, ngày 09/9/2019 của UBND H.Triệu Sơn	
<b>V</b>	<b>Công trình giáo dục</b>	<b>3,220</b>	<b>3,220</b>								
1	Mở rộng trường THCS	0,070	0,070					Xã Hợp Thành	Phù hợp	Công văn số 2194/UBND-TNMT, ngày 09/9/2019 của UBND H.Triệu Sơn	
2	Mở rộng trường mầm non	0,490	0,490					Xã Nông Trường	Phù hợp		
4	Quy hoạch trường mầm non tập trung	0,430	0,430					Xã Thọ Ngọc	Phù hợp		
5	Quy hoạch trường mầm non xã Thọ Thế	0,420	0,420					Xã Thọ Thế	Phù hợp	QĐ4254/QĐ-UBND, ngày 08/8/2017 của UBND huyện	
6	Trường Tiểu học Thị trấn	2,800	2,800					TT Triệu Sơn, Xã Minh Châu	Phù hợp	Quyết định số 8362/QĐ-UBND ngày 14/12/2018 của UBND H.Triệu Sơn	
<b>VI</b>	<b>Công trình chợ</b>	<b>1,010</b>	<b>1,010</b>								
1	Xây dựng chợ xã Hợp Lý	1,010	1,010					Xã Hợp Lý	Phù hợp	Công văn số 2194/UBND-TNMT, ngày 09/9/2019 của UBND H.Triệu Sơn	

TT	Hạng mục	Diện tích chuyển mục đích (ha)	Được chuyển mục đích từ các loại đất					Địa điểm (đến cấp xã)	Sự phù hợp điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất đến năm 2020	Chủ trương; nguồn vốn đầu tư	Ghi chú
			LUA	RSX	RPH	RDD	Các loại đất còn lại				
(1)	(2)	(3)=(4)+... (8)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)
<b>VII</b>	<b>Công trình bãi thải, xử lý rác thải</b>	<b>1,680</b>	<b>1,680</b>								
1	Quy hoạch đất chôn lấp, xử lý rác thải	0,500	0,500					Xã Nông Trường	Phù hợp	Công văn số 2194/UBND-TNMT, ngày 09/9/2019 của UBND H. Triệu Sơn	
2	Quy hoạch bãi rác tập trung	0,500	0,500					Xã Thọ Tiến	Phù hợp		
3	Quy hoạch bãi rác	0,180	0,180					Xã Xuân Lộc	Phù hợp		
4	Đất bãi thải, xử lý chất thải	0,500	0,500					Xã Xuân Thịnh	Phù hợp		
<b>VIII</b>	<b>Dự án sinh hoạt cộng đồng</b>	<b>0,770</b>	<b>0,770</b>								
1	Nhà văn hóa Thôn Vĩnh Thọ	0,100	0,100					Xã An Nông	Phù hợp	Công văn số 2194/UBND-TNMT, ngày 09/9/2019 của UBND H. Triệu Sơn	
3	Nhà Văn Hóa, sân thể dục thể thao thôn Niệm Thôn 1	0,050	0,050					Xã Khuyến Nông	Phù hợp		
4	Nhà văn hóa thôn Thu Đông	0,200	0,200					Xã Xuân Thịnh	Phù hợp		
5	Nhà văn hóa thôn Hùng Cường	0,200	0,200					Xã Xuân Thịnh	Phù hợp		
6	Nhà văn hóa thôn Khang Thịnh	0,220	0,220					Xã Xuân Thịnh	Phù hợp		
<b>IX</b>	<b>Công trình nghĩa trang, NE</b>	<b>3,100</b>	<b>2,500</b>				<b>0,700</b>				
1	Cải tạo mở rộng nghĩa địa Nổ Củi	2,500	2,100				0,500	TT Triệu Sơn	Phù hợp	Công văn số 2194/UBND-TNMT, ngày 09/9/2019 của UBND H. Triệu Sơn	
2	Quy hoạch đất nghĩa địa	0,600	0,400				0,200	Xã Xuân Thịnh	Phù hợp		
<b>XXI</b>	<b>Dự án sản xuất phi nông nghiệp, thương mại dịch vụ, chế biến nông, lâm, thủy sản</b>	<b>2,729</b>	<b>0,274</b>	<b>0,720</b>			<b>1,735</b>				
1	Cửa hàng thương mại tổng hợp Thọ Dân	0,27	0,27					Thọ Dân	Phù hợp	Quyết định số 2548/QĐ-UBND ngày 26/6/2019 của Chủ tịch UBND tỉnh.	
2	Khu trưng bày và giới thiệu sản phẩm nông lâm sản Nhất Duy	2,46		0,72			1,74	Triệu Thành	Phù hợp	Quyết định số 2077/QĐ-UBND ngày 05/6/2018	

Phụ biểu III.12

TỔNG HỢP NHU CẦU SỬ DỤNG ĐẤT CÁC DỰ ÁN CHUYỂN MỤC ĐÍCH ĐẤT TRỒNG LÚA, ĐẤT VÀ RỪNG PHÒNG HỘ, RỪNG SẢN XUẤT NĂM 2020 TRÊN ĐỊA BÀN HUYỆN THỌ XUÂN

TT	Hạng mục	Diện tích chuyển mục đích (ha)	Được chuyển mục đích từ các loại đất					Địa điểm (đến cấp xã)	Sự phù hợp điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất đến năm 2020	Chủ trương; nguồn vốn đầu tư	Ghi chú
			LUA	RSX	RPH	RDD	Các loại đất còn lại				
(1)	(2)	(3)=(4)+... (8)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)
	<b>Tổng cộng</b>	<b>84,171</b>	<b>76,624</b>	<b>1,710</b>			<b>5,837</b>				
<b>I</b>	<b>Dự án Khu dân cư đô thị</b>	<b>27,400</b>	<b>23,600</b>				<b>3,800</b>				
1	Khu dân cư thôn Đoàn Kết	1,000	0,700				0,300	TT. Lam Sơn	Phù hợp	Quyết định số 1761/QĐ-UBND ngày 9/9/2019 của UBND huyện về việc chấp thuận chủ trương đầu tư	
2	Khu đô thị thị trấn Lam Sơn (Khu dân cư phía Tây đường mòn)	10,400	8,400				2,000	Thọ Xương	Phù hợp	Quyết định số 3065/QĐ-UBND ngày 30/7/2019 của UBND tỉnh Thanh Hóa v/v phê duyệt kết quả lựa chọn nhà đầu tư thực hiện dự án đầu tư có sử dụng đất, Dự án KĐT thị trấn Lam Sơn, huyện Thọ Xuân, tỉnh Thanh Hóa-GĐ2	
3	Khu đô thị thị trấn Lam Sơn, huyện Thọ Xuân, tỉnh Thanh Hóa - giai đoạn 1	11,000	9,500				1,500	Thọ Xương	Phù hợp	QĐ 3243/QĐ-UBND về việc phê duyệt kết quả lựa chọn nhà đầu tư thực hiện dự án đầu tư có sử dụng đất, dự án: Khu đô thị thị trấn Lam Sơn, huyện Thọ Xuân (giai đoạn 1)	
4	Khu dân cư tập trung	5,000	5,000					Hạnh Phúc	Phù hợp	Quyết định số 1761/QĐ-UBND ngày 9/9/2019 của UBND huyện về việc chấp thuận chủ trương đầu tư	
<b>II</b>	<b>Dự án Khu dân cư nông thôn</b>	<b>38,010</b>	<b>34,600</b>	<b>1,710</b>			<b>1,700</b>				
1	Khu dân cư Cầu Đá	1,850	1,850					Xuân Hoà	Phù hợp	Quyết định số 1761/QĐ-UBND ngày 9/9/2019 của UBND huyện về việc chấp thuận chủ trương đầu tư	
2	Khu dân cư công làng Phúc Thượng	0,600	0,400				0,200	Xuân Hoà	Phù hợp		
3	Khu xen cư thôn Phú Hậu 1	0,120	0,120					Xuân Vinh	Phù hợp		
4	Khu dân cư thôn Cao Phú	1,050	0,350				0,700	Xuân Vinh	Phù hợp		
5	Khu dân cư thôn Cốc Thôn	0,400	0,400					Xuân Vinh	Phù hợp		
6	Khu dân cư Trạm Trộn	0,460	0,460					Xuân Tân	Phù hợp		

TT	Hạng mục	Diện tích chuyển mục đích (ha)	Được chuyển mục đích từ các loại đất					Địa điểm (đến cấp xã)	Sự phù hợp điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất đến năm 2020	Chủ trương; nguồn vốn đầu tư	Ghi chú
			LUA	RSX	RPH	RDD	Các loại đất còn lại				
(1)	(2)	(3)=(4)+... (8)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)
7	Khu dân cư Lòng Thuyền thôn Phong Cốc năm 2018	0,140	0,140					Xuân Minh	Phù hợp	Quyết định số 1761/QĐ-UBND ngày 9/9/2019 của UBND huyện về việc chấp thuận chủ trương đầu tư	
8	khu vực Chùa Lào thôn Hoa Lộc năm 2019	0,040	0,040					Xuân Minh	Phù hợp		
9	Khu dân cư thôn 1	0,270	0,200			0,070		Phú Yên	Phù hợp		
10	Khu dân cư Ao Bê thôn 4	0,200	0,200					Phú Yên	Phù hợp		
11	Khu dân cư đất cát thôn 2 mới	0,300	0,300					Phú Yên	Phù hợp		
12	Khu dân cư đồng Lảnh thôn 5; 10	1,730	1,730					Phú Yên	Phù hợp		
13	Khu dân cư mới Cồn Phụng, Cồn Quan, Bờ Đại xã Thọ Lộc	2,700	2,700					Thọ Lộc	Phù hợp		
14	Khu dân cư đồng lò gạch xóm 23	0,700	0,700					Xuân Tín	Phù hợp		
15	Khu dân cư xóm 19;20	0,500	0,500					Xuân Tín	Phù hợp		
16	Khu dân cư xóm 26	0,850	0,850					Xuân Tín	Phù hợp		
17	Khu dân cư đồng công Dưới, đồng Nặng xóm 18;19;20	1,000	1,000					Xuân Tín	Phù hợp		
18	Khu dân cư Mực Núi thôn 4	1,500	1,500					Xuân Bái	Phù hợp		
19	Khu xen cư Ao Rau thôn 4	0,060	0,060					Xuân Thành	Phù hợp		
20	Khu dân cư đồng Mon	0,530	0,530					Xuân Yên	Phù hợp		
21	Khu xen cư xã Xuân Yên	0,210	0,210					Xuân Yên	Phù hợp		
22	Khu dân cư thôn 4	0,530	0,300			0,230		Xuân Yên	Phù hợp		
23	Khu dân cư đồng Cửa Chùa thôn 2	1,100	1,100					Xuân Khánh	Phù hợp		
24	Khu dân cư đồng Ến Mâu	0,500	0,500					Xuân Phong	Phù hợp		
25	Khu dân cư tập trung Cửa Thường thôn Vũ Hạ	0,500	0,500					Xuân Lập	Phù hợp		
26	Khu dân cư Cửa Lăng - Nai Hạ thôn Trung Lập 2 năm 2018	0,900	0,900					Xuân Lập	Phù hợp		
27	Khu xen cư Đồng Trước thôn Phú Xá 2	0,050	0,050					Xuân Lập	Phù hợp		

TT	Hạng mục	Diện tích chuyển mục đích (ha)	Được chuyển mục đích từ các loại đất					Địa điểm (đến cấp xã)	Sự phù hợp điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất đến năm 2020	Chủ trương; nguồn vốn đầu tư	Ghi chú
			LUA	RSX	RPH	RDD	Các loại đất còn lại				
(1)	(2)	(3)=(4)+ ...(8)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)
28	Khu xen thôn Trung Lập 1	0,020	0,020					Xuân Lập	Phù hợp	Quyết định số 1761/QĐ-UBND ngày 9/9/2019 của UBND huyện về việc chấp thuận chủ trương đầu tư	
29	Khu dân cư mới Đồng Hồ	0,340	0,340					Xuân Giang	Phù hợp		
30	Khu dân cư mới Ngọn Khoai	0,460	0,460					Xuân Giang	Phù hợp		
31	Khu dân cư mới đồng Xoa	0,120	0,120					Xuân Giang	Phù hợp		
32	Khu dân cư mới đồng Chùa, đồng Đình	1,000	1,000					Xuân Giang	Phù hợp		
33	Khu dân cư mới đồng Khua Thầy Lão	0,710	0,710					Xuân Giang	Phù hợp		
34	Khu dân cư mới thôn Mỹ Hạ	0,800	0,800					Bắc Lương	Phù hợp		
35	Khu xen cư thôn Mỹ Thượng	0,030	0,030					Bắc Lương	Phù hợp		
36	Khu dân cư phía nam thôn 4	0,260	0,260					Xuân Thắng	Phù hợp		
37	Khu dân cư đồng Trước làng thôn 7	1,100	1,100					Xuân Thắng	Phù hợp		
38	Khu dân cư Cửa Trát (Giáp đường 4)	0,400	0,400					Xuân Phú	Phù hợp		
39	Khu dân cư thôn Bàn Lai (giáp đường 4)	0,300	0,300					Xuân Phú	Phù hợp		
40	Khu dân cư thôn Bàn Lai (trong đường 4)	1,600	1,600					Xuân Phú	Phù hợp		
41	Khu dân cư Đồng Tro (giáp đường 4)	1,320		0,820			0,500	Xuân Phú	Phù hợp		
42	Khu xen cư Vườn Rãnh, thôn Hội Hiền	0,080	0,080					Tây Hồ	Phù hợp		
43	Khu dân cư Đồng Bó, thôn Nam Thượng	0,600	0,600					Tây Hồ	Phù hợp		
44	Khu dân cư Đồng Rạc, thôn Vân Lộ	1,500	1,500					Thọ Nguyên	Phù hợp		

TT	Hạng mục	Diện tích chuyển mục đích (ha)	Được chuyển mục đích từ các loại đất					Địa điểm (đến cấp xã)	Sự phù hợp điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất đến năm 2020	Chủ trương; nguồn vốn đầu tư	Ghi chú
			LUA	RSX	RPH	RDD	Các loại đất còn lại				
(1)	(2)	(3)=(4)+... (8)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)
45	Khu dân cư Đồng Sen, thôn Cánh Trung	0,060	0,060					Thọ Nguyên	Phù hợp	Quyết định số 1761/QĐ-UBND ngày 9/9/2019 của UBND huyện về việc chấp thuận chủ trương đầu tư	
46	Khu xen cư Cầu đất thôn 1 Yên trường	0,010	0,010					Thọ Lập	Phù hợp		
47	Khu dân cư Dọc hàng thôn 3 Phúc bồi	1,080	1,080					Thọ Lập	Phù hợp		
48	Khu dân cư Đường ngang thôn 2 phúc bồi	0,350	0,350					Thọ Lập	Phù hợp		
49	Khu dân cư Dọc Triệu thôn 1 Yên trường	0,200	0,200					Thọ Lập	Phù hợp		
50	Khu dân cư Ao vuông thôn 2 Yên trường	0,700	0,700					Thọ Lập	Phù hợp		
51	Khu dân cư Ngã tư ông Tâm thôn 1 Phúc bồi	0,500	0,500					Thọ Lập	Phù hợp		
52	Khu xen cư Sau kho thôn 2 Phúc bồi	0,150	0,150					Thọ Lập	Phù hợp		
53	Khu dân cư Cửa Hồ thôn 3 phúc bồi	0,200	0,200					Thọ Lập	Phù hợp		
54	Khu dân cư Đồng Hà, thôn Phố Neo	1,100	1,100					Nam Giang	Phù hợp		
55	Khu dân cư mới Đồng Tường, Mã Chứa thôn 8 mới	0,800	0,800					Nam Giang	Phù hợp		
56	Khu dân cư tập trung (thôn 4,5,6 đường Quê Sơn)	0,500	0,500					Hạnh Phúc	Phù hợp		
57	Khu dân cư Đồng Chăn, thôn Bột Thượng	0,640	0,640					Xuân Sơn	Phù hợp		
58	Khu dân cư Vững Cao, thôn Bột Thượng	0,800	0,800					Xuân Sơn	Phù hợp		

TT	Hạng mục	Diện tích chuyển mục đích (ha)	Được chuyển mục đích từ các loại đất					Địa điểm (đến cấp xã)	Sự phù hợp điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất đến năm 2020	Chủ trương; nguồn vốn đầu tư	Ghi chú
			LUA	RSX	RPH	RDD	Các loại đất còn lại				
(1)	(2)	(3)=(4)+... (8)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)
59	Khu dân cư đời Thứ Y, xóm 17	0,890		0,890				Quảng Phú	Phù hợp	Quyết định số 1761/QĐ-UBND ngày 9/9/2019 của UBND huyện về việc chấp thuận chủ trương đầu tư	
60	Khu dân cư đồng Bông, thôn Giao Xá	0,600	0,600					Xuân Lam	Phù hợp		
<b>V</b>	<b>Cụm công nghiệp</b>	<b>3,000</b>	<b>3,000</b>								
1	Nhà máy may sản xuất chăn ga gối đệm xuất khẩu (trong cụm công nghiệp)	3,000	3,000					Xã Thọ Nguyên	Phù hợp	Quyết định số 2246/QĐ-UBND ngày 11/6/2019 của UBND tỉnh về việc chấp thuận chủ trương đầu tư dự án	
<b>III</b>	<b>Công trình giao thông</b>	<b>9,050</b>	<b>9,050</b>								
1	Mở rộng đường giao thông Xuân Thành - Thọ Nguyên	0,200	0,200						Phù hợp	Quyết định số 1761/QĐ-UBND ngày 9/9/2019 của UBND huyện về việc chấp thuận chủ trương đầu tư	
2	Giao thông trong khu dân cư	0,850	0,850					Thọ Lập	Phù hợp	Quyết định số 1761/QĐ-UBND ngày 9/9/2019 của UBND huyện về việc chấp thuận chủ trương đầu tư	
3	Mở mới tuyến đường nối Quốc lộ 217 với Quốc lộ 45 và Quốc lộ 47	1,700	1,700					Xuân Khánh	Phù hợp	Công văn số 6204/UBND-THKH ngày 01/6/2019 về chủ trương đầu tư dự án nối Quốc lộ 217 với QL 45 và QL47	
		1,500	1,500					Thọ Trường	Phù hợp		
		0,500	0,500					Thọ Nguyên	Phù hợp		
		0,300	0,300					Xuân Phong	Phù hợp		
		2,000	2,000					Nam Giang	Phù hợp		
		2,000	2,000					Thọ Lộc	Phù hợp		
<b>IV</b>	<b>Công trình thủy lợi</b>	<b>0,270</b>	<b>0,270</b>								
1	Thủy lợi trong khu dân cư	0,270	0,270					Thọ Lập	Phù hợp	Quyết định số 1761/QĐ-UBND ngày 9/9/2019 của UBND huyện về việc chấp thuận chủ trương đầu tư	
<b>VI</b>	<b>Công trình thể dục thể thao</b>	<b>0,500</b>	<b>0,500</b>								
1	Sân thể thao trung tâm xã	0,500	0,500					Bắc Lương	Phù hợp	Quyết định số 1761/QĐ-UBND ngày 9/9/2019 của UBND huyện về việc chấp thuận chủ trương đầu tư	
<b>VIII</b>	<b>Dự án chợ</b>	<b>0,500</b>	<b>0,300</b>				<b>0,200</b>				
1	Xây dựng chợ xã Xuân Phú	0,500	0,300				0,200	Xuân Phú	Phù hợp	Quyết định số 1761/QĐ-UBND ngày 9/9/2019 của UBND huyện về việc chấp thuận chủ trương đầu tư	



TT	Hạng mục	Diện tích chuyển mục đích (ha)	Được chuyển mục đích từ các loại đất					Địa điểm (đến cấp xã)	Sự phù hợp điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất đến năm 2020	Chủ trương; nguồn vốn đầu tư	Ghi chú
			LUA	RSX	RPH	RDD	Các loại đất còn lại				
(1)	(2)	(3)=(4)+... (8)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)
<b>X</b>	<b>Dự án cơ sở tôn giáo</b>	<b>1,000</b>	<b>1,000</b>								
1	Khôi phục tôn tạo Chùa Linh Ngọc	1,000	1,000					Thọ Diên	Phù hợp	Công văn số 12941/UBND-NN ngày 26/9/2019 của UBND tỉnh Thanh Hoá V/v đồng ý cho Ban trị sự Phật giáo huyện Thọ Xuân khôi phục, tôn tạo và mở rộng chùa Linh Ngọc	
<b>XI</b>	<b>Dự án sinh hoạt cộng đồng</b>	<b>0,170</b>	<b>0,170</b>								
1	Xây dựng mới nhà văn hóa thôn 9	0,170	0,170					Xuân Thắng	Phù hợp	Quyết định số 1761/QĐ-UBND ngày 9/9/2019 của UBND huyện về việc chấp thuận chủ trương đầu tư	
<b>XII</b>	<b>Công trình nghĩa trang, NB</b>	<b>1,360</b>	<b>1,360</b>								
1	Mở rộng nghĩa địa khu Gò Mãn	0,150	0,150					Xuân Thành	Phù hợp	Quyết định số 1761/QĐ-UBND ngày 9/9/2019 của UBND huyện về việc chấp thuận chủ trương đầu tư	
2	Mở rộng nghĩa địa khu Khúc Đản	0,090	0,090					Xuân Thành	Phù hợp	Quyết định số 1761/QĐ-UBND ngày 9/9/2019 của UBND huyện về việc chấp thuận chủ trương đầu tư	
3	Mở rộng nghĩa địa khu Đồng Cón Dài, Chông Phú Cao, xã Xuân Trường	0,950	0,950					Xuân Trường	Phù hợp	Quyết định số 1761/QĐ-UBND ngày 9/9/2019 của UBND huyện về việc chấp thuận chủ trương đầu tư	
4	Mở rộng nghĩa trang, nghĩa địa khu Bàn Canh	0,170	0,170					Phú Yên	Phù hợp	Quyết định số 1761/QĐ-UBND ngày 9/9/2019 của UBND huyện về việc chấp thuận chủ trương đầu tư	
<b>XVIII</b>	<b>Dự án Di tích lịch sử - văn hóa</b>	<b>0,600</b>	<b>0,600</b>								
1	Xây dựng di tích đền Bà	0,600	0,600					Xuân Hòa	Phù hợp	Quyết định số 1761/QĐ-UBND ngày 9/9/2019 của UBND huyện về việc chấp thuận chủ trương đầu tư	
<b>XIX</b>	<b>Dự án sản xuất phi nông nghiệp, thương mại dịch vụ, chế biến nông, lâm, thủy sản</b>	<b>9,831</b>	<b>9,471</b>								
1	Nhà máy may thời trang xuất khẩu Tây Hồ	2,311	2,174					Tây Hồ, Xuân Trường	Phù hợp	Quyết định số 2719/QĐ-UBND ngày 21/7/2016, Công văn số 15726/UBND-THKH ngày 15/11/2019 của Chủ tịch UBND tỉnh	
2,0	Nhà máy may Thọ Xuân Corporation II tại xã Thọ Lộc	7,520	7,297					Thọ Lộc	Phù hợp	Quyết định số 2188/QĐ-UBND ngày 12/6/2018 của UBND tỉnh; Công văn số 12214/UBND-THKH ngày 13/9/2019 của UBND tỉnh	

Phụ biểu III.13

TỔNG HỢP NHU CẦU SỬ DỤNG ĐẤT CÁC DỰ ÁN CHUYỂN MỤC ĐÍCH ĐẤT TRỒNG LÚA, ĐẤT VÀ RỪNG PHÒNG HỘ, RỪNG SẢN XUẤT NĂM 2020 TRÊN ĐỊA BÀN HUYỆN THIỆU HÓA

TT	Hạng mục	Diện tích chuyển mục đích (ha)	Được chuyển mục đích từ các loại đất					Địa điểm (đến cấp xã)	Sự phù hợp điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất đến năm 2020	Chủ trương; nguồn vốn đầu tư	Ghi chú
			LUA	RSX	RPH	RDD	Các loại đất còn lại				
(1)	(2)	(3)=(4)+... (8)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)
	<b>Tổng cộng</b>	<b>41,888</b>	<b>39,640</b>	<b>0,430</b>			<b>2,653</b>				
<b>I</b>	<b>Dự án Khu dân cư đô thị</b>	<b>2,500</b>	<b>2,500</b>								
1	Hạ tầng kỹ thuật khu đô thị phía Tây Bắc thị trấn Vạn Hà - Giai đoạn 1.(thực hiện bổ sung phần còn lại)	2,500	2,500					TT. Vạn Hà	Phù hợp	Quyết định 1616/QĐ-UBND ngày 22/5/2019 của UBND huyện Thiệu Hóa	
<b>II</b>	<b>Dự án Khu dân cư nông thôn</b>	<b>21,080</b>	<b>20,060</b>	<b>0,430</b>			<b>0,260</b>				
1	Khu dân cư Đòng Bong thôn Mật Thôn	0,380	0,380					Thiệu Phúc	Phù hợp	Quyết định 3136/QĐ-UBND ngày 17/9/2019 của QĐ số 3136/QĐ-UBND ngày 17/9/2019 -UBND huyện Thiệu Hóa	
2	Khu dân cư giáp NVH thôn Chân Xuyên 1	0,120	0,120					Thiệu Ngọc	Phù hợp	Quyết định 3137/QĐ-UBND ngày 17/9/2019 của UBND huyện Thiệu Hóa	
3	Khu dân cư giáp NVH thôn Thiệu Phong	0,170	0,170					Thiệu Ngọc	Phù hợp	Quyết định 3137/QĐ-UBND ngày 17/9/2019 của UBND huyện Thiệu Hóa	
4	Khu dân cư xen cư thôn Tân Sơn	0,310	0,310					Thiệu Ngọc	Phù hợp	Quyết định 3137/QĐ-UBND ngày 17/9/2019 của UBND huyện Thiệu Hóa	
5	Khu dân cư KV cây đa thôn Đình Tân	0,400	0,400					Thiệu Phú	Phù hợp	Quyết định 3138/QĐ-UBND ngày 17/9/2019 của UBND huyện Thiệu Hóa	
6	Khu dân cư Dọc Bùn, thôn Vĩnh Điện	0,730	0,400					Thiệu Phú	Phù hợp	Quyết định 3138/QĐ-UBND ngày 17/9/2019 của UBND huyện Thiệu Hóa	
7	Khu dân cư Đổng Đanh thôn Quan Trung 1	0,590	0,590					Thiệu Tiến	Phù hợp	Quyết định 3139/QĐ-UBND ngày 17/9/2019 của UBND huyện Thiệu Hóa	

TT	Hạng mục	Diện tích chuyển mục đích (ha)	Được chuyển mục đích từ các loại đất					Địa điểm (đến cấp xã)	Sự phù hợp điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất đến năm 2020	Chủ trương; nguồn vốn đầu tư	Ghi chú
			LUA	RSX	RPH	RDD	Các loại đất còn lại				
(1)	(2)	(3)=(4)+... (8)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)
8	Khu dân cư Bến Trảng thôn Quan Trung 3	0,280	0,280					Thiệu Tiên	Phù hợp	Quyết định 3139/QĐ-UBND ngày 17/9/2019 của UBND huyện Thiệu Hóa	
9	Khu dân cư Bờ Trúm Phúc Lộc 2	0,290	0,290					Thiệu Tiên	Phù hợp	Quyết định 3139/QĐ-UBND ngày 17/9/2019 của UBND huyện Thiệu Hóa	
10	Khu dân cư KV Cồn Lau Góc Cáo thôn Đồng Tiến	0,830	0,830					Thiệu Tâm	Phù hợp	Quyết định 3140/QĐ-UBND ngày 17/9/2019 của UBND huyện Thiệu Hóa	
11	Khu dân cư Bàn Hắt Thôn 3	0,200	0,200					Thiệu Viên	Phù hợp	Quyết định 3141/QĐ-UBND ngày 17/9/2019 của UBND huyện Thiệu Hóa	
12	Khu dân cư Đồng Trào thôn 1	0,400	0,400					Thiệu Viên	Phù hợp	Quyết định 3141/QĐ-UBND ngày 17/9/2019 của UBND huyện Thiệu Hóa	
13	Khu dân cư dọc đường 515B	2,000	2,000					Thiệu Lý	Phù hợp	Quyết định 3142/QĐ-UBND ngày 17/9/2019 của UBND huyện Thiệu Hóa	
14	Khu dân cư Đồng Bông thôn 4	0,370	0,370					Thiệu Vận	Phù hợp	Quyết định 3144/QĐ-UBND ngày 17/9/2019 của QĐ số 3143/QĐ-UBND ngày 17/9/2019 -UBND huyện Thiệu Hóa	
15	Khu dân cư Đồng Thành thôn Lạc Đố 2020	0,440	0,440					Thiệu Vận	Phù hợp	Quyết định 3144/QĐ-UBND ngày 17/9/2019 của UBND huyện Thiệu Hóa	
16	Khu dân cư đồng Mã Quang Thôn 3	0,490	0,490					Thiệu Trung	Phù hợp	Quyết định 3145/QĐ-UBND ngày 17/9/2019 của UBND huyện Thiệu Hóa	
17	Khu dân cư Dọc Sen thôn Dân Quyền	0,120	0,110				0,010	Thiệu Chính	Phù hợp	Quyết định 3146/QĐ-UBND ngày 17/9/2019 của UBND huyện Thiệu Hóa	
18	Khu Tái định cư DA đường cao tốc Bắc Nam - Ao Kho - Vị trí mới	3,500	3,500					Thiệu Tân	Phù hợp	Công văn 8792/UBND-KTTC ngày 06/8/2019 -UBND tỉnh Thiệu Hóa	

TT	Hạng mục	Diện tích chuyển mục đích (ha)	Được chuyển mục đích từ các loại đất					Địa điểm (đến cấp xã)	Sự phù hợp điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất đến năm 2020	Chủ trương; nguồn vốn đầu tư	Ghi chú
			LUA	RSX	RPH	RDD	Các loại đất còn lại				
(1)	(2)	(3)=(4)+... (8)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)
19	Khu dân cư thôn 5 xã Thiệu Tân	0,620	0,620					Thiệu Tân	Phù hợp	Quyết định 3147/QĐ-UBND ngày 17/9/2019 của UBND huyện Thiệu Hóa	
20	Khu dân cư Lam Vỹ	0,200	0,200					Thiệu Vũ	Phù hợp	Quyết định 3148/QĐ-UBND ngày 17/9/2019 của UBND huyện Thiệu Hóa	
21	Khu dân cư KV Cồn Bùn, thôn Thành Đông	0,160	0,160					Thiệu Thành	Phù hợp	Quyết định 3149/QĐ-UBND ngày 17/9/2019 của UBND huyện Thiệu Hóa	
22	Khu dân cư KV Đồng Mới, thôn Thành Đức	0,190	0,190					Thiệu Thành	Phù hợp	Quyết định 3149/QĐ-UBND ngày 17/9/2019 của UBND huyện Thiệu Hóa	
23	Khu dân cư Đồng Quan Dưới thôn Xuân Quan, xã Thiệu Công	0,430		0,430				Thiệu Công	Phù hợp	Quyết định 3150/QĐ-UBND ngày 17/9/2019 của QĐ số 3150/QĐ-UBND ngày 17/9/2019 -UBND huyện Thiệu Hóa	
24	Khu dân cư nông thôn xã Thiệu Giang	1,100	1,100					Thiệu Giang	Phù hợp	Quyết định 3151/QĐ-UBND ngày 17/9/2019 của UBND huyện Thiệu Hóa	
25	Khu dân cư xã Thiệu Quang 2020	0,950	0,950					Thiệu Quang	Phù hợp	Quyết định 3152/QĐ-UBND ngày 17/9/2019 của UBND huyện Thiệu Hóa	
26	Khu dân cư KV Đa Nhân I, thôn Đương Phong, xã Thiệu Thịnh	0,310	0,310					Thiệu Thịnh	Phù hợp	Quyết định 3153/QĐ-UBND ngày 17/9/2019 của UBND huyện Thiệu Hóa	
27	Khu dân cư KV Bồng Lão, thôn Chấn Long	0,030	0,030					Thiệu Hợp	Phù hợp	Quyết định 3154/QĐ-UBND ngày 17/9/2019 của UBND huyện Thiệu Hóa	
28	Khu dân cư KV Đồng Bầu, Trường THCS	0,770	0,770					Thiệu Hợp	Phù hợp	Quyết định 3154/QĐ-UBND ngày 17/9/2019 của UBND huyện Thiệu Hóa	

TT	Hạng mục	Diện tích chuyển mục đích (ha)	Được chuyển mục đích từ các loại đất					Địa điểm (đến cấp xã)	Sự phù hợp điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất đến năm 2020	Chủ trương; nguồn vốn đầu tư	Ghi chú
			LUA	RSX	RPH	RDD	Các loại đất còn lại				
(1)	(2)	(3)=(4)+... (8)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)
29	Khu dân cư thôn Nguyên Tiến 2020	0,800	0,800					Thiệu Nguyên	Phù hợp	Quyết định 3155/QĐ-UBND ngày 17/9/2019 của UBND huyện Thiệu Hóa	
30	Khu dân cư thôn Nguyên Thắng 2020	0,280	0,280					Thiệu Nguyên	Phù hợp	Quyết định 3155/QĐ-UBND ngày 17/9/2019 của UBND huyện Thiệu Hóa	
31	Khu dân cư KV Nấp Ma, thôn Khánh Hội	0,950	0,910				0,040	Thiệu Duy	Phù hợp	Quyết định 3156/QĐ-UBND ngày 17/9/2019 của UBND huyện Thiệu Hóa	
32	Khu dân cư KV Kênh Nam, thôn Xứ Nhân	0,510	0,420				0,090	Thiệu Duy	Phù hợp	Quyết định 3156/QĐ-UBND ngày 17/9/2019 của UBND huyện Thiệu Hóa	
33	Khu dân cư Cồn Dừa thôn Đại Đồng	0,390	0,390					Thiệu Giao	Phù hợp	Quyết định 3157/QĐ-UBND ngày 17/9/2019 của UBND huyện Thiệu Hóa	
34	Khu dân cư Đồng Vụng, thôn Đồng Chí	0,170	0,170					Thiệu Minh	Phù hợp	Quyết định 3158/QĐ-UBND ngày 17/9/2019 của UBND huyện Thiệu Hóa	
35	Khu dân cư Ao thâu Thái Dương	0,060	0,060					Thiệu Hòa	Phù hợp	Quyết định 3159/QĐ-UBND ngày 17/9/2019 của UBND huyện Thiệu Hóa	
36	Khu dân cư Bến đốc	0,040	0,040					Thiệu Hòa	Phù hợp	Quyết định 3159/QĐ-UBND ngày 17/9/2019 của UBND huyện Thiệu Hóa	
37	Khu dân cư Sau Nghè	0,070	0,070					Thiệu Hòa	Phù hợp	Quyết định 3159/QĐ-UBND ngày 17/9/2019 của UBND huyện Thiệu Hóa	
38	Khu dân cư đồng Sũng	0,070	0,070					Thiệu Hòa	Phù hợp	Quyết định 3159/QĐ-UBND ngày 17/9/2019 của UBND huyện Thiệu Hóa	

TT	Hạng mục	Diện tích chuyển mục đích (ha)	Được chuyển mục đích từ các loại đất					Địa điểm (đến cấp xã)	Sự phù hợp điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất đến năm 2020	Chủ trương; nguồn vốn đầu tư	Ghi chú
			LUA	RSX	RPH	RDD	Các loại đất còn lại				
(1)	(2)	(3)=(4)+... (8)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)
39	Khu dân cư Sân bóng	0,200	0,200					Thiệu Hòa	Phù hợp	Quyết định 3159/QĐ-UBND ngày 17/9/2019 của UBND huyện Thiệu Hóa	
40	Khu dân cư Đường Nghè	0,300	0,300					Thiệu Hòa	Phù hợp	Quyết định 3159/QĐ-UBND ngày 17/9/2019 của UBND huyện Thiệu Hóa	
41	Khu dân cư Đường Nghè	0,300	0,300					Thiệu Hòa	Phù hợp	Quyết định 3159/QĐ-UBND ngày 17/9/2019 của UBND huyện Thiệu Hóa	
42	Dự án xen cư thôn Toán Phúc	0,050	0,050					Thiệu Toán	Phù hợp	Quyết định 3160/QĐ-UBND ngày 17/9/2019 của UBND huyện Thiệu Hóa	
43	Dự án Khu dân cư Cồn Gai Dưới	0,240	0,240					Thiệu Toán	Phù hợp	Quyết định 3160/QĐ-UBND ngày 17/9/2019 của UBND huyện Thiệu Hóa	
44	Khu dân cư thôn Cẩm Vân	0,270	0,150				0,120	Thiệu Vũ	Phù hợp	Quyết định 3148/QĐ-UBND ngày 17/9/2019 của UBND huyện Thiệu Hóa	
<b>III</b>	<b>Dự án Trụ sở cơ quan</b>	<b>0,600</b>	<b>0,600</b>								
1	Cải tạo, nâng cấp Trạm Bảo vệ thực vật, đảm bảo nhu cầu làm việc của Trung tâm dịch vụ nông nghiệp huyện	0,600	0,600					Thị trấn V. hà	Phù hợp	QĐ số 2542/QĐ-UBND ngày 06/8/2019 - UBND huyện Thiệu Hóa	
<b>IV</b>	<b>Công trình giao thông</b>	<b>5,120</b>	<b>4,520</b>				<b>0,600</b>				
1	Mở rộng đường liên thôn từ góc Cáo, nhà ông Hậu xóm 1 đến công ông Ty thôn Mật Thôn	0,560	0,560					Thiệu Phúc	Phù hợp	Quyết định 3164/QĐ-UBND ngày 17/9/2019 của UBND huyện Thiệu Hóa	
2	Đường vào Cụm công nghiệp Vạn Hà tại xã Thiệu Phú (đoạn phía Nam)	1,900	1,700				0,200	TT. Vạn Hà - Thiệu Phú	Phù hợp	Quyết định số 2541/QĐ-UBND huyện Thiệu Hóa ngày 06/8/2019	

TT	Hạng mục	Diện tích chuyển mục đích (ha)	Được chuyển mục đích từ các loại đất					Địa điểm (đến cấp xã)	Sự phù hợp điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất đến năm 2020	Chủ trương; nguồn vốn đầu tư	Ghi chú
			LUA	RSX	RPH	RDD	Các loại đất còn lại				
(1)	(2)	(3)=(4)+ ... (8)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)
3	Tuyến đường Bắc - Nam đoạn từ Km0+00 đến Km0+550	1,600	1,400				0,200	TT. Vạn Hà - Thiệu Phú	Phù hợp	Quyết định số 3339a/QĐ-UBND ngày 31/10/2018 -UBND huyện Thiệu Hóa	
4	Đường giao thông bờ Bắc -- Kênh Nam thị trấn Vạn Hà (đoạn nối dài) và đường hoa trang trí	0,900	0,700				0,200	TT. Vạn Hà - Thiệu Phú	Phù hợp	Quyết định số 3166/QĐ-UBND ngày 17/9/2019 -UBND huyện Thiệu Hóa	
5	Mở rộng đường giao thông nội đồng	0,160	0,160					Thiệu Lý	Phù hợp	Quyết định số 3167/QĐ-UBND ngày 17/9/2019 -UBND huyện Thiệu Hóa	
<b>V</b>	<b>Công trình năng lượng</b>	<b>0,764</b>	<b>1,929</b>								
1	Trạm biến áp chống quá tải tại các xã Thiệu Phú; Thiệu Hợp; Thiệu Giang; Thiệu Thành; Thiệu Viên; Thiệu Duy; Thiệu Lý; Thiệu Nguyên; Thiệu Quang	0,093	0,093					Thiệu Phú; Thiệu Hợp; Thiệu Giang; Thiệu Thành; Thiệu Viên; Thiệu Duy; Thiệu Lý; Thiệu Nguyên; Thiệu Quang	Phù hợp	Quyết định 2601/QĐ-EVNNPC ngày 29/8/2019 của UBND tỉnh	
2	DA truyền tải DZ 110kV từ TBA 220kV Ba Chè - Thiệu Yên	0,650	0,650					Thiệu Long, Thiệu Trung, Thiệu Đô, TT. Vạn Hà, Thiệu Phú, Thiệu Công	Phù hợp		
3	DA điện 500kV	0,007	0,007					Thiệu Tâm	Phù hợp		
4	Chuyển đổi cấp điện áp 10kV lên 22kV các lộ 971 E9.26 và 972 TG Quán Lào - Điện lực Yên Định - tỉnh Thanh Hóa	0,007	1,170					Thiệu Ngọc, Thiệu Vũ, Thiệu Quang, Thiệu Giang	Phù hợp	Quyết định 1780/QĐ-EVNNPC ngày 21/6/2019	
5	Giảm tổn thất TBA >10% ĐL Yên Định, tỉnh Thanh Hóa	0,007	0,009					Thiệu Ngọc	Phù hợp	Quyết định 1780/QĐ-EVNNPC ngày 21/6/2019	

TT	Hạng mục	Diện tích chuyển mục đích (ha)	Được chuyển mục đích từ các loại đất					Địa điểm (đến cấp xã)	Sự phù hợp điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất đến năm 2020	Chủ trương; nguồn vốn đầu tư	Ghi chú
			LUA	RSX	RPH	RDD	Các loại đất còn lại				
(1)	(2)	(3)=(4)+... (8)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)
<b>VI</b>	<b>Đất công trình văn hóa</b>	<b>0,300</b>	<b>0,300</b>								
1	Nhà Bia tưởng niệm xã Thiệu Vũ	0,300	0,300					Thiệu Vũ	Phù hợp	Quyết định 3161/QĐ-UBND ngày 17/9/2019 của UBND huyện Thiệu Hóa	
<b>VII</b>	<b>Công trình thể dục thể thao</b>	<b>0,170</b>	<b>0,170</b>								
1	Sân thể thao thôn Thành Đạt	0,170	0,170					Thiệu Long	Phù hợp	Quyết định 3162/QĐ-UBND ngày 17/9/2019 của UBND huyện Thiệu Hóa	
<b>VIII</b>	<b>Dự án cơ sở giáo dục</b>	<b>0,470</b>	<b>0,430</b>				<b>0,040</b>				
1	Mở rộng trường Mầm non xã Thiệu Tiến	0,350	0,350					Thiệu Tiến	Phù hợp	Quyết định 3163/QĐ-UBND ngày 17/9/2019 của	
2	Mở rộng trường trung học cơ sở Thiệu Phúc	0,120	0,080				<b>0,040</b>	Thiệu Phúc	Phù hợp	Quyết định 3163/QĐ-UBND ngày 17/9/2019 của	
<b>IX</b>	<b>Dự án thu gom xử lý rác thải</b>	<b>0,360</b>	<b>0,360</b>								
1	Bãi rác 3 thôn (xóm 1, xóm 2, Mật Thôn)	0,360	0,360					Thiệu Phúc	Phù hợp	Quyết định 1670/QĐ-UBND ngày 30/5/2019 của Nghị Quyết 190/NQ-HĐND ngày 10/7/2019 - HĐND tỉnh Thanh Hóa	
<b>X</b>	<b>Dự án sinh hoạt cộng đồng</b>	<b>0,230</b>	<b>0,190</b>				<b>0,040</b>				
1	Nhà văn hóa thôn Vỹ Thôn	0,230	0,190				<b>0,040</b>	Thiệu Phúc	Phù hợp	Quyết định 1670/QĐ-UBND ngày 30/5/2019 của Nghị Quyết 190/NQ-HĐND ngày 10/7/2019 - HĐND tỉnh Thanh Hóa	
<b>XI</b>	<b>Công trình nghĩa trang, nghĩa địa</b>	<b>0,600</b>	<b>0,600</b>								
1	Khu Cải táng Chu Chi Xóm 2	0,360	0,360					Thiệu Phúc	Phù hợp	Quyết định 1670/QĐ-UBND ngày 30/5/2019 của Nghị Quyết 190/NQ-HĐND ngày 10/7/2019 - HĐND tỉnh Thanh Hóa	
2	Di dời khu cải táng Thiệu Châu (ảnh hưởng Dự án cao tốc Bắc - Nam)	0,110	0,110					Thiệu Châu	Phù hợp	Đã được UBND tỉnh chấp thuận	



TT	Hạng mục	Diện tích chuyển mục đích (ha)	Được chuyển mục đích từ các loại đất					Địa điểm (đến cấp xã)	Sự phù hợp điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất đến năm 2020	Chủ trương; nguồn vốn đầu tư	Ghi chú
			LUA	RSX	RPH	RDD	Các loại đất còn lại				
(1)	(2)	(3)=(4)+... (8)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)
3	Di dời khu lũng táng Thiệu Châu (ảnh hưởng D.án cao tốc Bắc - Nam)	0,130	0,130					Thiệu Châu	Phù hợp	Đã được UBND tỉnh chấp thuận	
XXI	<i>Dự án sản xuất phi nông nghiệp, thương mại dịch vụ, chế biến nông, lâm, thủy sản</i>	9,694	7,981				1,713				
1	Khu chế biến nông sản thực phẩm công nghệ cao Lam Sơn	9,69	7,98				1,71	Thiệu Phú	Phù hợp	Quyết định số 1170/QĐ-UBND ngày 05/4/2018 của Chủ tịch UBND tỉnh	

Phụ biểu III.14

**TỔNG HỢP NHU CẦU SỬ DỤNG ĐẤT CÁC DỰ ÁN CHUYÊN MỤC ĐÍCH ĐẤT TRỒNG LÚA, ĐẤT VÀ RỪNG PHÒNG HỘ, RỪNG SẢN XUẤT NĂM 2020 TRÊN ĐỊA BÀN HUYỆN YÊN ĐỊNH**

TT	Hạng mục	Diện tích chuyển mục đích (ha)	Được chuyển mục đích từ các loại đất					Địa điểm (đến cấp xã)	Sự phù hợp điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất đến năm 2020	Chủ trương; nguồn vốn đầu tư	Ghi chú
			LUA	RSX	RPH	RDD	Các loại đất còn lại				
(1)	(2)	(3)=(4)+... (8)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)
	<b>Tổng cộng</b>	<b>46,332</b>	<b>39,770</b>	<b>1,000</b>			<b>6,562</b>				
<b>I</b>	<b>Dự án Khu dân cư nông thôn</b>	<b>26,020</b>	<b>23,900</b>	<b>1,000</b>			<b>2,120</b>				
1	Quy hoạch khu dân cư nông thôn	1,000		1,000				Yên Lâm	Phù hợp	Quyết định số 2977/QĐ-UBND ngày 04/9/2019 của UBND huyện Yên Định về việc phê duyệt chủ trương đầu tư dự án xây dựng hạ tầng kỹ thuật khu dân cư của các xã trên địa bàn huyện Yên Định	
2	Quy hoạch khu dân cư nông thôn	0,400	0,200			0,200		Yên Tâm	Phù hợp		
3	Quy hoạch khu dân cư nông thôn	1,080	1,080					Yên Giang	Phù hợp		
4	Quy hoạch khu dân cư nông thôn	1,000	1,000					Yên Hùng	Phù hợp		
5	Quy hoạch khu dân cư nông thôn	0,900	0,900					Yên Ninh	Phù hợp		
6	Quy hoạch khu dân cư nông thôn	1,000	1,000					Yên Lạc	Phù hợp		
7	Quy hoạch khu dân cư nông thôn	1,000	1,000					Yên Thịnh	Phù hợp		
8	Quy hoạch khu dân cư nông thôn	0,900	0,900					Yên Trung	Phù hợp		
9	Quy hoạch khu dân cư nông thôn	0,900	0,900					Yên Thọ	Phù hợp		
10	Quy hoạch khu dân cư nông thôn	0,800	0,620			0,180		Yên Bái	Phù hợp		
11	Quy hoạch khu dân cư nông thôn	1,000	1,000					Yên Phong	Phù hợp		
12	Quy hoạch khu dân cư nông thôn	0,080	0,080					Yên Thái	Phù hợp		
13	Quy hoạch khu dân cư nông thôn	1,000	1,000					Định Hoà	Phù hợp		
14	Quy hoạch khu dân cư nông thôn	0,900	0,900					Định Bình	Phù hợp		
15	Quy hoạch khu dân cư nông thôn	0,650	0,400			0,250		Định Thành	Phù hợp		
16	Quy hoạch khu dân cư nông thôn	0,900	0,900					Định Công	Phù hợp		
17	Quy hoạch khu dân cư nông thôn	0,800	0,800					Định Tân	Phù hợp		
18	Quy hoạch khu dân cư nông thôn	0,800	0,800			1,000		Định Tiến	Phù hợp		
19	Quy hoạch khu dân cư nông thôn	0,500	0,500					Định Hải	Phù hợp		

TT	Hạng mục	Diện tích chuyển mục đích (ha)	Được chuyển mục đích từ các loại đất					Địa điểm (đến cấp xã)	Sự phù hợp điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất đến năm 2020	Chủ trương; nguồn vốn đầu tư	Ghi chú
			LUA	RSX	RPH	RDD	Các loại đất còn lại				
(1)	(2)	(3)=(4)+... (8)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)
20	Quy hoạch khu dân cư nông thôn	0,810	0,810					Định Liên	Phù hợp		
21	Quy hoạch khu dân cư nông thôn	0,800	0,800					Định Long	Phù hợp		
22	Quy hoạch Tái định cư dự án xử lý điểm đen	0,600	0,110				0,490	Xã Định Liên	Phù hợp	Quyết định số 2977/QĐ-UBND ngày 04/9/2019 của UBND huyện Yên Định về việc phê duyệt chủ trương đầu tư dự án xây dựng hạ tầng kỹ thuật khu dân cư của các xã trên địa bàn huyện Yên Định	
23	Nhà ở xã hội (Cụm công nghiệp)	0,370	0,370					Xã Định Liên	Phù hợp	Công văn số 11781/UBND-CN về việc điều chỉnh ranh giới, diện tích đất dự án Nhà ở xã hội tại thị trấn Quán Lào	
		7,830	7,830					Xã Định Long	Phù hợp		
<b>II</b>	<b>Công trình giao thông</b>	<b>2,200</b>	<b>1,880</b>				<b>0,320</b>				
1	Xử lý điểm đen TNGT đoạn Km46+100 - Km47+200, QL45 (Đoạn qua xã Định Liên huyện Yên Định, tỉnh Thanh Hóa)	2,200	1,880				0,320	Định Liên	Phù hợp	Quyết định số 633/QĐ-CQLĐBII ngày 05/6/2019 của Tổng cục quản lý đường bộ	
<b>III</b>	<b>Công trình thủy lợi</b>	<b>1,210</b>	<b>0,510</b>				<b>0,700</b>				
1	Xử lý cấp bách đê Sông Cầu chày đoạn K25-K31+800, huyện Thiệu Hóa, huyện Yên Định	0,170	0,170					Định Tăng	Phù hợp	Quyết định số 5169/QĐ-UBND ngày 19/12/2018 về việc phê duyệt chủ trương đầu tư dự án xử lý cấp bách đê Sông Cầu chày đoạn K25-K31+800, huyện Thiệu Hóa, huyện Yên Định	
		1,040	0,340				0,700	Định Bình	Phù hợp		
<b>IV</b>	<b>Dự án năng lượng</b>	<b>10,028</b>	<b>9,396</b>				<b>0,632</b>				
	Chuyển đổi cấp điện áp từ 10kV lên	0,070	0,070					TT Quán Lào	Phù hợp		
		0,030	0,030					Xã Định Long	Phù hợp		
		0,020	0,020					Xã Định Liên	Phù hợp		
		0,040	0,040					Xã Định Bình	Phù hợp		
		0,060	0,060					Xã Định Hòa	Phù hợp		
		0,040	0,040					Xã Định Thành	Phù hợp		

Quyết định số 1780/QĐ-UBND ngày

TT	Hạng mục	Diện tích chuyển mục đích (ha)	Được chuyển mục đích từ các loại đất					Địa điểm (đến cấp xã)	Sự phù hợp điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất đến năm 2020	Chủ trương; nguồn vốn đầu tư	Ghi chú
			LUA	RSX	RPH	RDD	Các loại đất còn lại				
(1)	(2)	(3)=(4)+ ... (8)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)
1	22kV các lộ 971, 972, 973, 974 sau TG Quán Lào, điện lực Yên Định - tỉnh Thanh Hóa	0,040	0,040					Xã Định Công	Phù hợp	Quyết định số 1780/QĐ-EVNNPC ngày 21/6/2019 về việc duyệt bổ sung danh mục kế hoạch đầu tư xây dựng 2019 cho công ty điện lực Thanh Hóa	
		0,050	0,050					Xã Định Tường	Phù hợp		
		0,040	0,040					Xã Định Hưng	Phù hợp		
		0,040	0,040					Xã Định Hải	Phù hợp		
		0,030	0,030					Xã Định Tân	Phù hợp		
		0,040	0,040					Xã Định Tiến	Phù hợp		
		0,010	0,010					Xã Định Tăng	Phù hợp		
2	Chuyển đổi cấp điện áp từ 6kV lên 35 kV các lộ 671, 672, 673 sau TG Yên Trung, Điện lực Yên Định - Thanh Hóa	0,040	0,040					Xã Yên Trung	Phù hợp	Quyết định số 1780/QĐ-EVNNPC ngày 21/6/2019 về việc Duyệt bổ sung danh mục kế hoạch đầu tư xây dựng 2019 cho công ty điện lực Thanh Hóa	
		0,050	0,050					Xã Yên Thọ	Phù hợp		
		0,040	0,040					Xã Quý Lộc	Phù hợp		
		0,030	0,030					Xã Yên Phú	Phù hợp		
		0,010	0,010					Xã Yên Hùng	Phù hợp		
		0,030	0,030					Xã Yên Thịnh	Phù hợp		
3	Chuyển đổi cấp điện áp từ 6kV lên 35 kV các lộ 971, 972 sau TG Thống Nhất, Điện lực Yên Định - Thanh Hóa	0,060	0,060					TT Thống Nhất	Phù hợp	Quyết định số 1780/QĐ-EVNNPC ngày 21/6/2019 về việc Duyệt bổ sung danh mục kế hoạch đầu tư xây dựng 2019 cho công ty điện lực Thanh Hóa	
		0,020	0,020					Xã Yên Lâm	Phù hợp		
		0,040	0,040					Xã Yên Giang	Phù hợp		
		0,030	0,030					Xã Yên Phú	Phù hợp		
		0,010	0,010					Xã Yên Hùng	Phù hợp		
		0,030	0,030					Xã Yên Thịnh	Phù hợp		
4	Mở rộng nhà máy điện mặt trời Yên Định	9,128	8,50				0,63	Xã Yên Thái	Phù hợp	Quyết định số 2836/QĐ-UBND ngày 16/7/2019 của UBND tỉnh về chấp thuận chủ trương đầu tư dự án	
V	Công trình văn hóa	0,200	0,200								

TT	Hạng mục	Diện tích chuyển mục đích (ha)	Được chuyển mục đích từ các loại đất					Địa điểm (đến cấp xã)	Sự phù hợp điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất đến năm 2020	Chủ trương; nguồn vốn đầu tư	Ghi chú
			LUA	RSX	RPH	RDD	Các loại đất còn lại				
(1)	(2)	(3)=(4)+... (8)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)
1	Xây dựng khu tượng đài xã Định Thành	0,200	0,200					Định Thành	Phù hợp	Quyết định số 3809/QĐ-UBND ngày 31/10/2019 của UBND huyện Yên Định	
<b>VI</b>	<b>Công trình thể dục thể thao</b>	<b>1,940</b>	<b>0,300</b>				<b>1,640</b>				
1	Trung tâm thể dục thể thao TT Thống Nhất	1,640					1,640	Thống Nhất	Phù hợp	Quyết định số 3808/QĐ-UBND ngày 31/10/2019 của UBND huyện Yên Định	
2	Mở rộng sân vận động, thể dục thể thao	0,300	0,300					Định Tân	Phù hợp	Quyết định số 3810/QĐ-UBND ngày 31/10/2019 của UBND huyện Yên Định	
<b>VIII</b>	<b>Công trình xử lý rác thải</b>	<b>0,350</b>	<b>0,350</b>								
1	Xây dựng lò đốt xã Định Tân	0,350	0,350					xã Định Tân	Phù hợp	Quyết định số 3814/QĐ-UBND ngày 31/10/2019 của UBND huyện Yên Định	
<b>IX</b>	<b>Công trình sinh hoạt cộng đồng</b>	<b>0,250</b>					<b>0,250</b>				
1	Nhà văn hóa thôn Hà Lương	0,250					0,250	Định Hòa	Phù hợp	Quyết định số 3813/QĐ-UBND ngày 31/10/2019 của UBND huyện Yên Định	
<b>X</b>	<b>Công trình nghĩa trang nghĩa địa</b>	<b>0,480</b>	<b>0,280</b>				<b>0,200</b>				
1	Mở rộng khu nghĩa địa xã Định Hòa	0,280	0,280					Định Hòa	Phù hợp	Quyết định số 3812/QĐ-UBND ngày 31/10/2019 của UBND huyện Yên Định	
2	Mở rộng khu nghĩa địa xã Định Tiến	0,200					0,200	Định Tiến	Phù hợp	Quyết định số 3811/QĐ-UBND ngày 31/10/2019 của UBND huyện Yên Định	
<b>XXI</b>	<b>Dự án sản xuất phi nông nghiệp, thương mại dịch vụ, chế biến nông, lâm, thủy sản</b>	<b>3,65</b>	<b>2,95</b>				<b>0,70</b>				
1	Cửa hàng kinh doanh thương mại về vật liệu xây dựng	0,65	0,65					Yên Tâm	Phù hợp	Quyết định số 1406/QĐ-UBND ngày 19/4/2019 của Chủ tịch UBND tỉnh	
2	Trung tâm dưỡng lão và trung tâm nghiên cứu, phát triển dược học cổ truyền	3,00	2,30				0,70	Định Tường	Phù hợp	Quyết định số 3494/QĐ-UBND ngày 28/8/2019 của Chủ tịch UBND tỉnh	

Phụ biểu III.15

**TỔNG HỢP NHU CẦU SỬ DỤNG ĐẤT CÁC DỰ ÁN CHUYỂN MỤC ĐÍCH ĐẤT TRỒNG LÚA, ĐẤT VÀ RỪNG PHÒNG HỘ, RỪNG SẢN XUẤT NĂM 2020 TRÊN ĐỊA BÀN HUYỆN VINH LỘC**

TT	Hạng mục	Diện tích chuyển mục đích (ha)	Được chuyển mục đích từ các loại đất					Địa điểm (đến cấp xã)	Sự phù hợp điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất đến năm 2020	Chủ trương; nguồn vốn đầu tư	Ghi chú
			LUA	RSX	RPH	RDD	Các loại đất còn lại				
(1)	(2)	(3)=(4)+...+(8)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)
	<b>Tổng cộng</b>	<b>26,173</b>	<b>23,518</b>	<b>1,295</b>			<b>1,360</b>				
<b>I</b>	<b>Khu dân cư đô thị</b>	<b>0,450</b>	<b>0,450</b>								
1	Đầu giá đất ở khu 1	0,450	0,450					Thị trấn	Phù hợp	Quyết định số 1678/QĐ-UBND ngày 06/9/2019 của UBND huyện Vinh Lộc về chủ trương đầu tư các dự án	
<b>II</b>	<b>Dự án Khu dân cư nông thôn</b>	<b>20,184</b>	<b>17,674</b>	<b>1,250</b>			<b>1,260</b>				
1	Đầu giá đất ở dân cư thôn Cẩm Hoàng 2	0,600	0,600					Vinh Quang	Phù hợp	Quyết định số 1678/QĐ-UBND ngày 06/9/2019 của UBND huyện Vinh Lộc về chủ trương đầu tư các dự án	
2	Đầu giá đất ở dân cư thôn Lê Sơn	0,520	0,520					Vinh Quang	Phù hợp		
3	Đầu giá đất ở dân cư thôn Tiến Ích 1	0,260	0,260					Vinh Quang	Phù hợp		
4	Đầu giá đất ở dân cư thôn Tiến Ích 2	0,390	0,390					Vinh Quang	Phù hợp		
5	Đầu giá đất ở dân cư thôn Eo Lê	0,540	0,380				0,160	Vinh Quang	Phù hợp		
6	Đầu giá đất ở dân cư thôn Eo Lê	0,540	0,400				0,140	Vinh Quang	Phù hợp		
7	Đầu giá đất ở dân cư thôn Tiens ích 2 (Mỗ Lộ)	0,470	0,470					Vinh Quang	Phù hợp		
10	Đầu giá đất ở dân cư thôn Mỹ Xuyên	0,130	0,070				0,060	Vinh Yên	Phù hợp		
11	Đầu giá đất ở dân cư thôn Mỹ Xuyên (Độc QL 217)	0,320	0,320					Vinh Yên	Phù hợp		
12	Đầu giá đất ở dân cư thôn Mỹ Xuyên (Độc QL 217)	0,180	0,180					Vinh Yên	Phù hợp		
13	Đầu giá đất ở dân cư thôn Mỹ Xuyên (Mỗ Lộ)	0,020	0,020					Vinh Yên	Phù hợp		
14	Đầu giá đất ở dân cư thôn Mỹ Xuyên (Độc QL 217)	0,020	0,020					Vinh Yên	Phù hợp		

TT	Hạng mục	Diện tích chuyển mục đích (ha)	Được chuyển mục đích từ các loại đất					Địa điểm (đến cấp xã)	Sự phù hợp điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất đến năm 2020	Chủ trương; nguồn vốn đầu tư	Ghi chú
			LUA	RSX	RPH	RDD	Các loại đất còn lại				
(1)	(2)	(3)=(4)+...(8)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)
15	Đầu giá đất ở dân cư thôn Mỹ Sơn (Dọc QL 217)	0,030	0,030					Vĩnh Yên	Phù hợp	Quyết định số 1678/QĐ-UBND ngày 06/9/2019 của UBND huyện Vĩnh Lộc về chủ trương đầu tư các dự án	
16	Đầu giá đất ở dân cư thôn Mỹ Xuyên (Dọc QL 217)	0,020	0,020					Vĩnh Yên	Phù hợp		
17	Đầu giá đất ở dân cư thôn Tây Giai	0,530	0,530					Vĩnh Tiến	Phù hợp		
18	Đầu giá đất ở dân cư thôn Xuân Giai	0,390	0,390					Vĩnh Tiến	Phù hợp		
19	KDC ven đường quốc lộ 217, thôn Đông Môn (Từ nhà ông Hoán đi công Văn Chi)	0,470	0,470					Vĩnh Long	Phù hợp		
20	KDC ven đường QL 217 và từ đường QL 217 vào làng Đông Môn, thôn Đông Môn	0,240	0,240					Vĩnh Long	Phù hợp		
21	KDC xứ đồng Mương Mát thôn Đông Môn,	0,610	0,610					Vĩnh Long	Phù hợp		
22	KDC xứ đồng Mây, ven đường quốc lộ 217, thôn Đông Môn.	0,220	0,170			0,050		Vĩnh Long	Phù hợp		
24	Khu dân cư xứ đồng Giếng, thôn Cầu Mư	0,040	0,040					Vĩnh Long	Phù hợp		
25	Khu đất ở dân cư thôn Bái Xuân	0,380	0,380					Vĩnh Phúc	Phù hợp		
26	Khu đất ở dân cư thôn Bái Xuân	0,370	0,370					Vĩnh Phúc	Phù hợp		
27	Khu đất ở dân cư thôn Bái Xuân	0,180	0,180					Vĩnh Phúc	Phù hợp		
28	Khu đất ở dân cư thôn Đồng Minh	0,120	0,120					Vĩnh Phúc	Phù hợp		
29	Đầu giá đất ở dân cư thôn 4	0,620	0,620					Vĩnh Hưng	Phù hợp		
31	Đầu giá đất ở dân cư thôn 3	0,060	0,060					Vĩnh Hưng	Phù hợp		
32	Đầu giá đất ở dân cư thôn 8	0,400	0,400					Vĩnh Hưng	Phù hợp		
33	Đầu giá đất ở dân cư thôn 6	0,060		0,060				Vĩnh Hưng	Phù hợp		
34	Đầu giá đất ở thôn 1 (Cao San)	0,300	0,300					Vĩnh Thành	Phù hợp		
35	Đầu giá đất ở thôn 5	0,360	0,360					Vĩnh Thành	Phù hợp		
36	Đầu giá đất ở thôn 5	0,300	0,300					Vĩnh Thành	Phù hợp		

TT	Hạng mục	Diện tích chuyển mục đích (ha)	Được chuyển mục đích từ các loại đất					Địa điểm (đến cấp xã)	Sự phù hợp điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất đến năm 2020	Chủ trương; nguồn vốn đầu tư	Ghi chú
			LUA	RSX	RPH	RDD	Các loại đất còn lại				
(1)	(2)	(3)=(4)+...+(8)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)
37	Đầu giá đất ở dân cư thôn Thọ Vực (Khu Lái)	0,584	0,584					Vĩnh Ninh	Phù hợp	Quyết định số 1678/QĐ-UBND ngày 06/9/2019 của UBND huyện Vĩnh Lộc về chủ trương đầu tư các dự án	
38	Đầu giá đất ở dân cư thôn Thọ Vực (Khu Núi thần)	0,310	0,310					Vĩnh Ninh	Phù hợp		
40	Đầu giá đất ở dân cư thôn Khang Tân	0,290	0,290					Vĩnh Khang	Phù hợp		
41	Đầu giá đất ở thôn Nhật Quang (Dọc QL 217)	0,200	0,200					Vĩnh Hòa	Phù hợp		
42	Đầu giá đất ở thôn Quang Biểu (Dọc QL 217)	0,290		0,290				Vĩnh Hòa	Phù hợp		
43	Đầu giá đất ở thôn Nghĩa Kỳ	0,590	0,590					Vĩnh Hòa	Phù hợp		
47	Khu tái định cư DA mở rộng Phú Trịnh	3,000	3,000					Vĩnh Hùng	Phù hợp		
48	Đầu giá đất ở dân cư thôn Bồng Trung 2	0,480	0,480					Vĩnh Tân	Phù hợp		
49	Đầu giá đất ở dân cư thôn Đa Bút	0,800	0,800					Vĩnh Tân	Phù hợp		
50	Đầu giá đất ở dân cư xóm 5	0,350	0,350					Vĩnh Minh	Phù hợp		
51	Đầu giá đất ở dân cư thôn 4 (Khu Bồng Bọc)	1,500	0,100	0,900			0,500	Vĩnh An	Phù hợp		
52	Đầu giá đất ở dân cư thôn 4 (Khu Đ Nạy, Đ Pheo, Đ Tròn)	1,620	1,270				0,350	Vĩnh An	Phù hợp		
54	Đầu giá đất ở dân cư thôn 9	0,480	0,480					Vĩnh An	Phù hợp		
<b>III</b>	<b>Công trình giao thông</b>	<b>0,670</b>	<b>0,650</b>				<b>0,020</b>				
1	Dự án xây dựng đường giao thông	0,390	0,370				0,020	Vĩnh Tân	Phù hợp	Nghị quyết số 15/NQ-HĐND ngày 24/7/2019 của HĐND xã Vĩnh Tân	
2	Dự án mở rộng đường ngõ Phú	0,280	0,280					Vĩnh Tân	Phù hợp		
<b>IV</b>	<b>Dự án năng lượng</b>	<b>0,090</b>	<b>0,045</b>	<b>0,045</b>							
1	Các chân cột điện nâng cấp đường điện 35 KV	0,006	0,006					Vĩnh Ninh	Phù hợp	Quyết định số 2601/QĐ-EVNNPC ngày 12/9/2109 của tổng công ty điện lực Miền Bắc	
		0,003	0,003					Vĩnh Ninh	Phù hợp		
		0,001	0,001					Vĩnh Ninh	Phù hợp		



TT	Hạng mục	Diện tích chuyển mục đích (ha)	Được chuyển mục đích từ các loại đất					Địa điểm (đến cấp xã)	Sự phù hợp điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất đến năm 2020	Chủ trương; nguồn vốn đầu tư	Ghi chú
			LUA	RSX	RPH	RDD	Các loại đất còn lại				
(1)	(2)	(3)=(4)+...+(8)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)
2	Xây dựng mới đường điện 35 KV từ TBA Đông Hải đến TBA Vĩnh Phúc 9	0,045		0,045				Vĩnh Hòa	Phù hợp		
3	Chống quá tải lộ 376 trạm 110kV Thiệu Yên (E9.5) - Điện lực Vĩnh Lộc	0,001	0,001					Vĩnh Khang	Phù hợp	Quyết định số 3011/QĐ-EVN/NPC ngày 11/10/2018 của Tổng CT Điện lực Miền Bắc	
		0,006	0,006					Vĩnh Hòa	Phù hợp		
4	Xây dựng mới đường dây 35kV và TBA-180kVA-35/0,4kV Vĩnh Phúc 9 - Điện lực Vĩnh Lộc	0,005	0,005					Vĩnh Hòa	Phù hợp	Quyết định số 2601/QĐ-EVNNPC ngày 12/9/2109 của tổng công ty điện lực Miền Bắc	
		0,004	0,004					Vĩnh Phúc	Phù hợp		
5	Xây dựng mới đường dây 22kV và TBA-100kVA-10(22)/0,4kV Vĩnh Long 11 - Điện lực Vĩnh Lộc	0,006	0,006					Vĩnh Long	Phù hợp	Quyết định số 2601/QĐ-EVNNPC ngày 12/9/2109 của tổng công ty điện lực Miền Bắc	
6	Xây dựng mới đường dây 22kV và TBA-180kVA-10(22)/0,4kV Vĩnh Long 12 - Điện lực Vĩnh Lộc	0,009	0,009					Vĩnh Long	Phù hợp		
7	Xây dựng mới đường dây 22kV và TBA-180kVA-10(22)/0,4kV Vĩnh Khang 5 - Điện lực Vĩnh Lộc	0,003	0,003					Vĩnh Long	Phù hợp	Quyết định số 2601/QĐ-EVNNPC ngày 12/9/2109 của tổng công ty điện lực Miền Bắc	
<b>V</b>	<b>Công trình văn hóa</b>	<b>0,380</b>	<b>0,380</b>								
1	Xây dựng nhà văn hóa đa năng	0,380	0,380					Vĩnh Hòa	Phù hợp	Nghị quyết số 08/NQ-HĐND ngày 18/7/2019 của HĐND xã Vĩnh Hòa	
<b>VI</b>	<b>Công trình thể dục thể thao</b>	<b>1,100</b>	<b>1,100</b>								
1	Xây dựng sân vận động TDTD	0,600	0,600					Vĩnh Quang	Phù hợp	Nghị quyết số 06/NQ-HĐND ngày 28/12/2018 của HĐND xã Vĩnh Quang	
2	Xây dựng sân vận động TDTD xóm 9	0,500	0,500					Vĩnh Minh	Phù hợp	Nghị quyết số 47/NQ-HĐND ngày 26/7/2019 của HĐND xã Vĩnh Minh	
<b>VII</b>	<b>Dự án cơ sở giáo dục</b>	<b>1,020</b>	<b>0,940</b>				<b>0,080</b>				
1	XD trường mầm non Vĩnh Yên	0,600	0,600					Vĩnh Yên	Phù hợp	Nghị quyết số 34/NQ-HĐND ngày 15/7/2019 của HĐND xã Vĩnh Yên	
2	XD trường mầm non Vĩnh Hòa	0,420	0,340				0,080	Vĩnh Hòa	Phù hợp	Nghị quyết số 08/NQ-HĐND ngày 18/7/2019 của HĐND xã Vĩnh Hòa	

TT	Hạng mục	Diện tích chuyển mục đích (ha)	Được chuyển mục đích từ các loại đất					Địa điểm (đến cấp xã)	Sự phù hợp điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất đến năm 2020	Chủ trương; nguồn vốn đầu tư	Ghi chú
			LUA	RSX	RPH	RDD	Các loại đất còn lại				
(1)	(2)	(3)=(4)+...+(8)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)
VIII	<i>Dự án sản xuất phi nông nghiệp, thương mại dịch vụ, chế biến nông, lâm, thủy sản</i>	2,28	2,28								
1	Nhà máy sản xuất hàng may mặc xuất khẩu	2,18	2,18					Vĩnh Hùng	Phù hợp	Quyết định số 4356/QĐ-UBND ngày 25/10/2019 của Chủ tịch UBND tỉnh	
2	Xây dựng cơ sở sản xuất và thương mại chổi đót	0,10	0,10					Vĩnh Phúc	Phù hợp	Quyết định số 2115/QĐ-UBND ngày 15/10/2019 của Chủ tịch UBND tỉnh	

Phụ biểu III.16

**TỔNG HỢP NHU CẦU SỬ DỤNG ĐẤT CÁC DỰ ÁN CHUYỂN MỤC ĐÍCH ĐẤT TRỒNG LÚA, ĐẤT VÀ RỪNG PHÒNG HỘ, RỪNG SẢN XUẤT NĂM 2020 TRÊN ĐỊA BÀN HUYỆN THẠCH THÀNH**

TT	Hạng mục	Diện tích chuyển mục đích (ha)	Được chuyển mục đích từ các loại đất					Địa điểm (đến cấp xã)	Sự phù hợp điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất đến năm 2020	Chủ trương; nguồn vốn đầu tư	Ghi chú
			LUA	RSX	RPH	RDD	Các loại đất còn lại				
(1)	(2)	(3)=(4)+...+(8)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)
	<b>Tổng cộng</b>	<b>20,380</b>	<b>10,400</b>	<b>4,000</b>			<b>5,680</b>				
<b>I</b>	<b>Dự án Khu dân cư nông thôn</b>	<b>11,380</b>	<b>8,900</b>				<b>2,180</b>				
1	Quy hoạch đầu giá QSD đất ở nông thôn tại thôn Quảng Thắng, thôn Quảng Cội, xã Thạch Quảng	4,840	4,380				0,460	Xã Thạch Quảng	Phù hợp	Quyết định số 1695/QĐ-UBND ngày 23/5/2019 của UBND huyện phê duyệt chủ trương đầu tư dự án: Khu dân cư	
2	Quy hoạch đầu giá QSD đất ở nông thôn tại thôn Đại Dương xã Thạch Đồng	2,340	0,620				1,720	Xã Thạch Đồng	Phù hợp	Quyết định số 1194/QĐ-UBND ngày 24/4/2019 của UBND huyện phê duyệt MBQH chi tiết khu dân cư	
3	Quy hoạch đầu giá QSD đất ở nông thôn tại thôn Thôn Mặc Hèo, xã Thành Minh.	4,200	3,900					Xã Thành Minh	Phù hợp	Quyết định số 1694/QĐ-UBND ngày 23/5/2019 của UBND huyện về việc phê duyệt chủ trương đầu tư dự án	
<b>II</b>	<b>Công trình giao thông</b>	<b>9,000</b>	<b>1,500</b>	<b>4,000</b>			<b>3,500</b>				
1	Đường giao thông xã Thành Minh đi Thành Yên huyện Thạch Thành	4,000		0,500			3,500	Xã Thành Yên- Thành Minh	Phù hợp	Quyết định số 975/QĐ-UBND ngày 13/6/2019 của UBND tỉnh Thanh Hóa	
2	Đường vào Khu di tích hang Con Moong, xã Thành Yên	5,000	1,500	3,500				Xã Thành Yên	Phù hợp	Quyết định số 3545/QĐ-UBND ngày 06/9/2019 của UBND tỉnh Thanh Hóa	

Phụ biểu III.17

**TỔNG HỢP NHU CẦU SỬ DỤNG ĐẤT CÁC DỰ ÁN CHUYỂN MỤC ĐÍCH ĐẤT TRỒNG LÚA, ĐẤT VÀ RỪNG PHÒNG HỘ, RỪNG SẢN XUẤT NĂM 2020 TRÊN ĐỊA BÀN HUYỆN CẨM THỦY**

TT	Hạng mục	Diện tích chuyển mục đích (ha)	Được chuyển mục đích từ các loại đất					Địa điểm (đến cấp xã)	Sự phù hợp điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất đến năm 2020 huyện	Chủ trương; nguồn vốn đầu tư	Ghi chú
			LUA	RSX	RPH	RDD	Các loại đất còn lại				
(1)	(2)	(3)=(4)+... (8)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)
	<b>Tổng cộng</b>	<b>37,050</b>	<b>25,560</b>	<b>0,170</b>			<b>11,320</b>				
<b>I</b>	<b>Khu dân cư đô thị</b>	<b>0,120</b>	<b>0,120</b>								
1	Khu dân cư giáp Tòa án ND huyện	0,120	0,120					Thị Trấn	Phù hợp	Công văn số 1248/UBND-TNMT ngày 19/9/2019 của UBND huyện về việc chấp thuận địa điểm đầu tư	
<b>II</b>	<b>Dự án Khu dân cư nông thôn</b>	<b>5,460</b>	<b>5,170</b>	<b>0,170</b>			<b>0,120</b>				
1	Khu dân cư khu từ công trào thôn Sô đến hộ nhà ông Niên	0,200	0,200					Xã Cẩm Bình	Phù hợp	Công văn số 1248/UBND-TNMT ngày 19/9/2019 của UBND huyện chấp thuận địa điểm đầu tư	
2	Khu dân cư khu tại Đồng Kim thôn Ân Đỗ	0,730	0,730					Xã Cẩm Châu	Phù hợp		
4	Khu dân cư khu xen cư Thôn Khuên gần trạm y tế xã + khu Rái Sy	0,250	0,250					Xã Cẩm Giang	Phù hợp		
8	Khu dân cư khu Đồng Vòng Sông thôn Nga Hạ	0,200	0,200					Xã Cẩm Ngọc	Phù hợp		
9	Khu dân cư khu Cao Lương thôn Nga Hạ	0,170	0,100				0,070	Xã Cẩm Ngọc	Phù hợp		
10	Khu dân cư khu trước làng thôn Đồng Lão	0,770	0,770					Xã Cẩm Ngọc	Phù hợp		
15	Khu dân cư khu trước Cổng chợ mới thôn Bái (Quý Trung)	0,200	0,200					Xã Cẩm Quý	Phù hợp		
16	Khu dân cư khu Ung Dừng thôn Ân	0,400	0,400					Xã Cẩm Quý	Phù hợp		
19	Khu dân cư khu tại các thôn Phiên Thôn, Lữ Trung	0,550	0,550					Xã Cẩm Tân	Phù hợp		
20	Khu dân cư khu tại khu Sạ Hương thôn Văn	0,050	0,050					Xã Cẩm Thạch	Phù hợp		

TT	Hạng mục	Diện tích chuyển mục đích (ha)	Được chuyển mục đích từ các loại đất					Địa điểm (đến cấp xã)	Sự phù hợp điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất đến năm 2020 huyện	Chủ trương; nguồn vốn đầu tư	Ghi chú
			LUA	RSX	RPH	RDD	Các loại đất còn lại				
(1)	(2)	(3)=(4)+... (8)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)
23	Khu dân cư khu xen cư tại Thôn Trện	0,070	0,070					Xã Cẩm Thành	Phù hợp	Công văn số 1248/UBND-TNMT ngày 19/9/2019 của UBND huyện chấp thuận địa điểm đầu tư	
25	Khu dân cư khu xen cư tại thôn Ẽn	0,170		0,170				Xã Cẩm Thành	Phù hợp		
29	Khu dân cư khu dọc đường liên xã thôn Phăng Khánh	0,200	0,200					Xã Cẩm Thành	Phù hợp		
30	Khu dân cư khu xen cư giáp hộ ông Dộng, ông Ý thôn Lương Thành	0,100	0,050				0,050	Xã Cẩm Tú	Phù hợp		
33	Khu dân cư khu Tại khu Ban Khiêm đường vào UBND xã thôn 102A (Ngọc Vóc)	0,700	0,700					Xã Cẩm Yên	Phù hợp		
34	Khu dân cư khu Bưởi thôn Vân Bằng	0,700	0,700					Xã Cẩm Vân	Phù hợp		
<b>III</b>	<b>Công trình giao thông</b>	<b>6,030</b>	<b>4,440</b>				<b>1,590</b>				
1	Tuyến đường từ tổ 4 (Quang Trung) đi thôn Đại Đồng xã Cẩm Sơn	1,500	1,500					Thị Trấn	Phù hợp	Quyết định số 1698/QĐ-UBND ngày 11/9/2019 của UBND huyện Cẩm Thủy chấp thuận chủ trương, nguồn vốn đầu tư dự án.	
2	Tuyến đường từ thị trấn (Quang Trung) đi tiếp giáp đoạn tránh 217 (tại sân vận động quy hoạch mới)	1,100	1,100					Xã Cẩm Sơn	Phù hợp		
3	Đường nối từ thị trấn đi cầu cứng Cẩm Giang	1,840	0,250				1,590	Thị Trấn	Phù hợp	Nghị quyết số 03/NQ-HĐND ngày 06/6/2019 của HĐND huyện Cẩm Thủy.	
4	Bãi đỗ xe thôn Lương Ngọc	1,000	1,000					Xã Cẩm Lương	Phù hợp	Quyết định số 1700/QĐ-UBND ngày 11/9/2019 của UBND huyện Cẩm Thủy chấp thuận chủ trương, nguồn vốn đầu tư dự án.	
5	Mở rộng đoạn đường nội đồng từ cống ao lò gạch thôn Phú Lai cũ (Trung Giang) đi đầu cầu bến đò cấp nối đường trục xã.	0,220	0,220					Xã Cẩm Giang	Phù hợp	Quyết định số 71/QĐ-UBND ngày 10/9/2019 của UBND xã Cẩm Giang phê duyệt chủ trương đầu tư công trình, dự án	
6	Mở mới đoạn từ đầu cầu bến đò cấp nối đường trục xã, tại khu Khảm Gạo.	0,370	0,370					Xã Cẩm Giang	Phù hợp		

TT	Hạng mục	Diện tích chuyển mục đích (ha)	Được chuyển mục đích từ các loại đất					Địa điểm (đến cấp xã)	Sự phù hợp điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất đến năm 2020 huyện	Chủ trương; nguồn vốn đầu tư	Ghi chú
			LUA	RSX	RPH	RDD	Các loại đất còn lại				
(1)	(2)	(3)=(4)+... (8)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)
<b>IV</b>	<b>Công trình năng lượng</b>	<b>0,060</b>	<b>0,060</b>								
1	Giám tồn thất các Trạm biến áp TBA>10% Điện lực Cẩm Thủy	0,060	0,060					Cẩm Quý, Cẩm Long, Cẩm Phú, Cẩm Ngọc, Cẩm Tâm, Cẩm Tân, Cẩm Vân, Cẩm Thạch		Công văn số 1818/PCTH-BATH ngày 21/8/2019 của Công ty Điện lực Thanh Hóa; Công văn số 3559/EVNNPC-KH ngày 19/8/2019 của Tổng Công ty Điện lực Miền Bắc bổ sung kế hoạch đầu tư xây dựng năm 2019.	
<b>V</b>	<b>Công trình thể dục thể thao</b>	<b>6,070</b>	<b>5,790</b>				<b>0,280</b>				
1	Xây dựng TT văn hóa - thể thao xã Cẩm Bình	1,220	1,210				0,010	Xã Cẩm Bình	Phù hợp	Quyết định số 88/QĐ-UBND ngày 02/10/2019 của UBND xã Cẩm Bình phê duyệt chủ trương đầu tư công trình, dự án	
2	Khu TTTT - VH huyện	4,850	4,580				0,270	Thị trấn (xã Cẩm Sơn cũ)	Phù hợp	Quyết định số 1699/QĐ-UBND ngày 11/9/2019 của UBND huyện Cẩm Thủy chấp thuận chủ trương, nguồn vốn đầu tư dự án.	
<b>VI</b>	<b>Dự án cơ sở giáo dục</b>	<b>0,430</b>	<b>0,380</b>				<b>0,050</b>				
1	Mở rộng mầm non tại thôn Chiềng	0,430	0,380				0,050	Xã Cẩm Giang	Phù hợp	Quyết định số 71/QĐ-UBND ngày 10/9/2019 của UBND xã Cẩm Giang phê duyệt chủ trương đầu tư công trình, dự án	
<b>VII</b>	<b>Công trình sinh hoạt cộng đồng</b>	<b>0,380</b>	<b>0,380</b>								
1	Mở rộng NVH thôn Bền	0,180	0,180					Xã Cẩm Giang	Phù hợp	Quyết định số 71/QĐ-UBND ngày 10/9/2019 của UBND xã Cẩm Giang phê duyệt chủ trương đầu tư công trình, dự án	
2	Xây dựng mới NVH thôn Bắc Sơn	0,200	0,200					Xã Cẩm Tú	Phù hợp	Quyết định số 84/QĐ-UBND ngày 05/7/2019 của UBND xã Cẩm Tú phê duyệt chủ trương đầu tư xây dựng công trình, dự án	
<b>VIII</b>	<b>Khu vui chơi giải trí phục vụ công cộng</b>	<b>18,000</b>	<b>8,760</b>				<b>9,240</b>				
1	Khu vui chơi giải trí phục vụ công cộng xã Cẩm Lương	18,000	8,760				9,240	Xã Cẩm Lương	Phù hợp	Công văn số 7790/UBND-CN ngày 24/6/2019 v/v nghiên cứu lập quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/500 khu nghỉ dưỡng xã Cẩm Lương, huyện Cẩm Thủy	

TT	Hạng mục	Diện tích chuyển mục đích (ha)	Được chuyển mục đích từ các loại đất					Địa điểm (đến cấp xã)	Sự phù hợp điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất đến năm 2020 huyện	Chủ trương; nguồn vốn đầu tư	Ghi chú
			LUA	RSX	RPH	RDD	Các loại đất còn lại				
(1)	(2)	(3)=(4)+ ... (8)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)
IX	Dự án sản xuất phi nông nghiệp, thương mại dịch vụ, chế biến nông, lâm, thủy sản	0,50	0,46				0,04				
1	Dự án Cửa hàng xăng dầu và Khu thương mại dịch vụ	0,50	0,46				0,04	Cẩm Lương	Phù hợp	Quyết định số 4337/QĐ-UBND ngày 23/10/2019 của Chủ tịch UBND tỉnh	

**Phụ biểu III.18**

**TỔNG HỢP NHU CẦU SỬ DỤNG ĐẤT CÁC DỰ ÁN CHUYÊN MỤC ĐÍCH ĐẤT TRỒNG LÚA, ĐẤT VÀ RỪNG PHÒNG HỘ, RỪNG SẢN XUẤT NĂM 2020 TRÊN ĐỊA BÀN HUYỆN NGỌC LẠC**

TT	Hạng mục	Diện tích chuyển mục đích (ha)	Được chuyển mục đích từ các loại đất					Địa điểm (đến cấp xã)	Sự phù hợp điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất đến năm 2020	Chủ trương; nguồn vốn đầu tư	Ghi chú
			LUA	RSX	RPH	RDD	Các loại đất còn lại				
(1)	(2)	(3)=(4)+... (8)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)
	<b>Tổng cộng</b>	<b>36,440</b>	<b>11,490</b>	<b>1,600</b>			<b>23,350</b>				
<b>I</b>	<b>Dự án Khu dân cư nông thôn</b>	<b>5,560</b>	<b>4,430</b>	<b>0,520</b>			<b>0,610</b>				
1	MBQH khu xen cư làng Trạc	0,310	0,310					Phúc Thịnh	Phù hợp	Văn bản số 1338/UBND-TNMT ngày 23/8/2019 của UBND huyện Ngọc Lạc	
2	MBQH khu dân cư thôn Minh Thuận	0,070	0,070					Minh Sơn	Phù hợp		
3	MBQH khu dân cư cầu tràn thôn Minh Lai	0,090	0,090					Minh Sơn	Phù hợp		
4	MBQH khu tái định cư kênh Bắc Cửa Đạt đoạn qua thôn Xuân Minh	0,200	0,200					Ngọc Trung	Phù hợp		
5	MBQH khu dân cư thôn Yên Thắng	0,260	0,260					Ngọc Trung	Phù hợp		
6	MBQH khu xen cư thôn Tiên Phong	1,460	0,850				0,610	Ngọc Sơn	Phù hợp		
7	MBQH khu xen cư thôn Lưu Phúc	0,550	0,550					Quang Trung	Phù hợp		
8	MBQH khu xen cư thôn Thuận Hòa	0,310	0,310					Quang Trung	Phù hợp		
9	MBQH dân cư làng Lương Thiện	0,600	0,600					Thạch Lập	Phù hợp		
10	MBQH dân cư làng Đô Ung 1	0,130	0,130					Thạch Lập	Phù hợp		
11	MBQH dân cư làng Đô Ung 2	0,160	0,160					Thạch Lập	Phù hợp		
12	MBQH khu xen cư thôn Trung Sơn	0,900	0,900					Thủy Sơn	Phù hợp		
13	MBQH khu dân cư thôn Thọ Phú	0,300		0,300				Ngọc Trung	Phù hợp	Văn bản số 1338/UBND-TNMT ngày 23/8/2019 của UBND huyện	
14	MBQH khu dân cư thôn Xuân Minh	0,220		0,220				Ngọc Trung	Phù hợp	Văn bản số 1338/UBND-TNMT ngày 23/8/2019 của UBND huyện	
<b>II</b>	<b>Công trình thủy lợi</b>	<b>6,380</b>	<b>3,620</b>	<b>0,550</b>			<b>2,210</b>				



TT	Hạng mục	Diện tích chuyển mục đích (ha)	Được chuyển mục đích từ các loại đất					Địa điểm (đến cấp xã)	Sự phù hợp điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất đến năm 2020	Chủ trương; nguồn vốn đầu tư	Ghi chú
			LUA	RSX	RPH	RDD	Các loại đất còn lại				
(1)	(2)	(3)=(4)+... (8)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)
<b>Tổng cộng</b>		<b>36,440</b>	<b>11,490</b>	<b>1,600</b>			<b>23,350</b>				
1	Gia cố mái thượng lưu và sửa chữa bảo đảm an toàn tràn xã lũ hồ Bai Ao	0,410	0,060	0,300			0,050	Đồng Thịnh	phù hợp	Công văn số 4220/UBND-NN ngày 18/4/2018 của UBND tỉnh	
2	Gia cố chống thấm và đảm bảo an toàn hồ Bai Ngọc	1,030	0,350	0,180			0,500	Quang Trung	phù hợp		
3	Hồ làng Pheo (Chàng Vàng)	4,94	3,21	0,07			1,660	Nguyệt Ân	Phù hợp	Quyết định số 3982/QĐ-UBND ngày 19/10/2017 của UBND tỉnh về phê duyệt danh mục và chủ trương	
<b>III</b>	<b>Công trình năng lượng</b>	<b>0,170</b>	<b>0,120</b>				<b>0,050</b>				
1	Chống quá tải, giảm tổn thất các TBA > 10% điện lực Ngọc Lặc - tỉnh Thanh Hóa	0,170	0,120				0,050	Nguyệt Ân, Quang Trung, Vân Am, Ngọc Khê, Phúc Thịnh, Kiên Thọ, Thạch Lập, Mỹ Tân, Phùng Giáo, Minh Tiến, Ngọc Trung, Cao Ngọc, Ngọc Sơn, Thúy Sơn, Đồng Thịnh	Phù hợp	Văn bản số 1818/PCTH-BATH ngày 21/8/2019 của Công ty Điện lực Thanh Hóa	
<b>IV</b>	<b>Công trình cơ sở văn hóa</b>	<b>3,300</b>	<b>3,300</b>								
1	Mở rộng khu không gian văn hóa truyền thống huyện Ngọc Lặc	3,300	3,300					Ngọc Khê	Phù hợp	Văn bản số 5258/SKHĐT-KTĐN ngày 27/8/2019 của Sở KHĐT	
<b>V</b>	<b>Dự án chợ</b>	<b>0,530</b>		<b>0,530</b>							
1	Xây dựng chợ mới xã Ngọc Trung	0,530		0,530				Ngọc Trung	Phù hợp	Văn bản số 1338/UBND-TNMT ngày 23/8/2019 của UBND huyện	

TT	Hạng mục	Diện tích chuyển mục đích (ha)	Được chuyển mục đích từ các loại đất					Địa điểm (đến cấp xã)	Sự phù hợp điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất đến năm 2020	Chủ trương; nguồn vốn đầu tư	Ghi chú
			LUA	RSX	RPH	RDD	Các loại đất còn lại				
(1)	(2)	(3)=(4)+... (8)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)
	<b>Tổng cộng</b>	<b>36,440</b>	<b>11,490</b>	<b>1,600</b>			<b>23,350</b>				
<b>VI</b>	<b>Dự án sản xuất phi nông nghiệp, thương mại dịch vụ, chế biến nông, lâm, thủy sản</b>	<b>20,50</b>	<b>0,02</b>				<b>20,48</b>				
1	Khu trang trại sản xuất, kinh doanh giống lợn và chăn nuôi lợn chất lượng cao New Hope Đồng Thịnh	20,50	0,02				20,48	Đồng Thịnh	Phù hợp	Quyết định số 3891/QĐ-UBND ngày 26/9/2019 của Chủ tịch UBND tỉnh	

Phụ biểu III.19

**TỔNG HỢP NHU CẦU SỬ DỤNG ĐẤT CÁC DỰ ÁN CHUYỂN MỤC ĐÍCH ĐẤT TRỒNG LÚA, ĐẤT VÀ RỪNG PHÒNG HỘ, RỪNG SẢN XUẤT NĂM 2020 TRÊN ĐỊA BÀN HUYỆN NHƯ THANH**

TT	Hạng mục	Diện tích chuyển mục đích (ha)	Được chuyển mục đích từ các loại đất					Địa điểm (đến cấp xã)	Sự phù hợp điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất đến năm 2020	Chủ trương; nguồn vốn đầu tư	Ghi chú
			LUA	RSX	RPH	RDD	Các loại đất còn lại				
(1)	(2)	(3)=(4)+... (8)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)
	<b>Tổng cộng</b>	<b>23,319</b>	<b>9,978</b>	<b>5,810</b>	<b>1,190</b>		<b>6,340</b>				
<b>I</b>	<b>Dự án Khu dân cư đô thị</b>	<b>0,520</b>	<b>0,220</b>	<b>0,200</b>			<b>0,100</b>				
1	Dự án đấu giá đất ở dân cư khu phố Hải Tiến	0,300	0,100	0,200				TT Bến Sung	Phù hợp	Quyết định số 1876/QĐ-UBND ngày 19/8/2019 của UBND huyện chấp thuận chủ trương đầu tư	
2	Dự án đấu giá đất ở dân cư khu phố Xuân Điền	0,220	0,120				0,100	TT Bến Sung	Phù hợp		
<b>II</b>	<b>Dự án Khu dân cư nông thôn</b>	<b>6,720</b>	<b>4,420</b>	<b>0,760</b>			<b>1,540</b>				
1	Dự án đấu giá QSD đất thôn Xuân Hòa	0,430	0,200				0,230	Xuân Khang	Phù hợp	Quyết định số 1878/QĐ-UBND ngày 19/8/2019 của UBND huyện chấp thuận chủ trương đầu tư	
2	Đấu giá QSD đất ở tại Thôn 6,7,8,10	0,670	0,380				0,290	Cán Khê	Phù hợp	Quyết định số 1869/QĐ-UBND ngày 19/8/2019 của UBND huyện chấp thuận chủ trương đầu tư	
3	Đấu giá QSD đất tại thôn Bái Đa 1	0,250	0,040				0,210	Phượng Nghi	Phù hợp	Quyết định số 1875/QĐ-UBND ngày 19/8/2019 của UBND huyện chấp thuận chủ trương đầu tư	
4	Đấu giá QSD đất tại thôn Khe Xanh (Khe Đen)	0,030	0,030					Phượng Nghi	Phù hợp		
5	Đấu giá QSD đất tại thôn Bãi Hung (Bái Bò)	0,810	0,530				0,280	Phượng Nghi	Phù hợp		
6	Dự án đấu giá QSD đất khu Đồng Ron 1 thôn Đồng Nghiêm	0,490	0,490					Mậu Lâm	Phù hợp	Quyết định số 1872/QĐ-UBND ngày 19/8/2019 của UBND huyện chấp thuận chủ trương đầu tư	
7	Đấu giá QSD đất khu dân cư thôn 1	0,280	0,280					Phúc Đường	Phù hợp	Quyết định số 1874/QĐ-UBND ngày 19/8/2019 của UBND huyện chấp thuận chủ trương đầu tư	

TT	Hạng mục	Diện tích chuyển mục đích (ha)	Được chuyển mục đích từ các loại đất					Địa điểm (đến cấp xã)	Sự phù hợp điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất đến năm 2020	Chủ trương; nguồn vốn đầu tư	Ghi chú
			LUA	RSX	RPH	RDD	Các loại đất còn lại				
(1)	(2)	(3)=(4)+... (8)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)
8	Đấu giá QSD đất ở tại thôn Đồi Dê	0,570	0,570					Hải Vân	Phù hợp	Quyết định số 1871/QĐ-UBND ngày 19/8/2019 của UBND huyện chấp thuận chủ trương đầu tư	
9	Đấu giá QSD đất ở tại các thôn 2, 13	0,140	0,140					Xuân Du	Phù hợp	Quyết định số 1877/QĐ-UBND ngày 19/8/2019 của UBND huyện chấp thuận chủ trương đầu tư	
10	Đấu giá quyền sử dụng đất thôn Xuân Thịnh	0,320	0,320					Yên Thọ	Phù hợp	Quyết định số 1881/QĐ-UBND ngày 19/8/2019 của UBND huyện chấp thuận chủ trương đầu tư	
11	Đấu giá quyền sử dụng đất thôn Tân Thọ	0,570	0,570					Yên Thọ	Phù hợp		
12	Đấu giá QSD đất thôn Xuân Thọ	0,140	0,140					Yên Thọ	Phù hợp		
13	Đấu giá xen cư các thôn	0,170	0,040				0,130	Yên Thọ	Phù hợp		
14	Đấu giá đất ở dân cư các thôn 4,5,9,11	0,690	0,690					Xuân Du	Phù hợp	Quyết định số 1877/QĐ-UBND ngày 19/8/2019 của UBND huyện chấp thuận chủ trương đầu tư	
15	Dự án khu dân cư thôn Hải Hòa	0,800		0,400			0,400	Hải Long	Phù hợp	Quyết định số 1870/QĐ-UBND ngày 19/8/2019 của UBND huyện chấp thuận chủ trương đầu tư	
16	Đấu giá quyền sử dụng đất ở dân cư tại thôn Yên Khang	0,200		0,200				Xuân Thái	Phù hợp	Quyết định số 1880/QĐ-UBND ngày 19/8/2019 của UBND huyện chấp thuận chủ trương đầu tư	
17	Dự án tái định cư hộ ngập lụt	0,160		0,160				Xuân Thái	Phù hợp	Công văn số 1048/UBND-TNMT ngày 07/8/2019 của UBND huyện	
<b>III</b>	<b>Công trình giao thông</b>	<b>6,700</b>	<b>2,770</b>	<b>0,500</b>	<b>1,040</b>		<b>2,390</b>				
1	Xây dựng đường giao thông	0,700	0,700					Phú Nhuận	Phù hợp	Quyết định số 86/QĐ-UBND ngày 19/8/2019 của UBND xã Phú Nhuận	
2	Đường giao thông Xuân Thái - đường ngang Nghi Sơn - Bãi Trành	2,840			1,040		1,800	Xuân Thái	Phù hợp	Công văn số 9272/UBND-THKH ngày 19/7/2019 của UBND tỉnh	

TT	Hạng mục	Diện tích chuyển mục đích (ha)	Được chuyển mục đích từ các loại đất					Địa điểm (đến cấp xã)	Sự phù hợp điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất đến năm 2020	Chủ trương; nguồn vốn đầu tư	Ghi chú
			LUA	RSX	RPH	RDD	Các loại đất còn lại				
(1)	(2)	(3)=(4)+... (8)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)
3	Đường giao thông Xuân Điền - cầu Đồng Bưu	0,460	0,370				0,090	TT Bến Sung	Phù hợp	Quyết định số 113/QĐ-UBND ngày 19/8/2019 của UBND thị trấn	
4	Tuyến đường giao thông nối từ đường tỉnh 520 vào khu vực Trang trại nông nghiệp CNC - trang trại gà 4A	2,700	1,700	0,500			0,500	Mậu Lâm	Phù hợp	Quyết định số 2475/QĐ-UBND ngày 01/11/2019 của UBND huyện Như Thanh	
<b>IV</b>	<b>Công trình thủy lợi</b>	<b>4,820</b>	<b>0,200</b>	<b>3,800</b>	<b>0,150</b>		<b>0,670</b>				
1	Dự án nâng cấp, sửa chữa hồ Ao Sen	0,640	0,200				0,440	Yên Lạc	Phù hợp	Công văn số 9699/UBND-NN ngày 13/8/2018 của UBND tỉnh	
2	Công trình đầu tư xây dựng hệ thống thủy lợi phục vụ thâm canh lúa xã Yên Lạc	0,380			0,150		0,230	Yên Lạc	Phù hợp	Công văn số 8890/UBND-NN ngày 15/11/2018 của UBND tỉnh	
3	Dự án sửa chữa nâng cấp đập Suối Đền	0,400		0,400				Thanh Tân	Phù hợp	Công văn số 9881/UBND-NN ngày 31/7/2019 của UBND tỉnh	
4	Dự án nâng cấp, sửa chữa hồ Đá Bàn	3,400		3,400				Phú Nhuận	Phù hợp	Công văn số 9881/UBND-NN ngày 31/7/2019 của UBND tỉnh	
<b>V</b>	<b>Dự án năng lượng</b>	<b>0,015</b>	<b>0,005</b>				<b>0,010</b>				
1	Xây dựng trạm biến áp và đường dây cung cấp điện cho công trình trung tâm hành chính xã	0,015	0,005				0,010	Phúc Đường	Phù hợp	Quyết định số 2334/QĐ-UBND ngày 12/7/2018 của UBND huyện	
<b>VI</b>	<b>Dự án cơ sở giáo dục</b>	<b>0,400</b>		<b>0,400</b>							
1	Mở rộng Trường Tiểu học Xuân Thái	0,400		0,400				Xuân Thái	Phù hợp	Quyết định số 118/QĐ-UBND ngày 19/8/2019 của UBND xã	
<b>VII</b>	<b>Dự án sinh hoạt cộng đồng</b>	<b>0,250</b>	<b>0,100</b>	<b>0,150</b>							
1	Mở rộng khuôn viên nhà văn hoá thôn 3	0,100	0,100					Phúc Đường	Phù hợp	Quyết định số 183/QĐ-UBND ngày 16/8/2019 của UBND xã	
2	Xây dựng nhà văn hóa thôn Hợp Nhất	0,150		0,150				Thanh Tân	Phù hợp	Quyết định số 936/QĐ-UBND ngày 03/5/2019 của UBND huyện	
<b>VIII</b>	<b>Dự án sản xuất phi nông nghiệp, thương mại dịch vụ, chế biến nông, lâm, thủy sản</b>	<b>3,89</b>	<b>2,26</b>				<b>1,63</b>				

TT	Hạng mục	Diện tích chuyển mục đích (ha)	Được chuyển mục đích từ các loại đất					Địa điểm (đến cấp xã)	Sự phù hợp điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất đến năm 2020	Chủ trương; nguồn vốn đầu tư	Ghi chú
			LUA	RSX	RPH	RDD	Các loại đất còn lại				
(1)	(2)	(3)=(4)+... (8)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)
1	Nhà máy may xuất khẩu Green - GBM	1,69	1,63				0,07	Phú Nhuận	Phù hợp	Quyết định số 3724/QĐ-UBND ngày 18/9/2019 của Chủ tịch UBND tỉnh	
2	Khu sản xuất, ương trồng, trưng bày sản phẩm phục vụ nông nghiệp	0,40	0,40					Phú Nhuận	Phù hợp	Quyết định số 4638/QĐ-UBND ngày 08/11/2019 của Chủ tịch UBND tỉnh	
3	Khu nuôi trồng nhân giống nấm Trúc Phụng	1,80	0,23				1,57	Yên Thọ	Phù hợp	Quyết định số 4564/QĐ-UBND ngày 01/11/2019 của Chủ tịch UBND tỉnh	

Phụ biểu III.20

TỔNG HỢP NHU CẦU SỬ DỤNG ĐẤT CÁC DỰ ÁN CHUYỂN MỤC ĐÍCH ĐẤT TRỒNG LÚA, ĐẤT VÀ RỪNG PHÒNG HỘ, RỪNG SẢN XUẤT NĂM 2020 TRÊN ĐỊA BÀN HUYỆN LANG CHÁNH

TT	Hạng mục	Diện tích chuyển mục đích (ha)	Được chuyển mục đích từ các loại đất					Địa điểm (đến cấp xã)	Sự phù hợp điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất đến năm 2020	Chủ trương; nguồn vốn đầu tư	Ghi chú
			LUA	RSX	RPH	RDD	Các loại đất còn lại				
(1)	(2)	(3)=(4)+... (8)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)
	<b>Tổng cộng</b>	<b>0,467</b>	<b>0,440</b>	<b>0,007</b>			<b>0,020</b>				
<b>I</b>	<b>Khu dân cư nông thôn</b>	<b>0,080</b>	<b>0,080</b>								
1	Khu dân cư thôn En	0,080	0,080					Trí Nang	Phù hợp	Công văn số 779/UBND-TNMT ngày 12/7/2019 của UBND huyện chấp thuận chủ trương đầu tư	
<b>III</b>	<b>Công trình năng lượng</b>	<b>0,027</b>		<b>0,007</b>			<b>0,020</b>				
1	Trạm biến áp + Chống quá tải lưới Điện lực Lang Chánh, tại xã Đồng Lương	0,007		0,004			0,003	Đồng Lương	Phù hợp	Quyết định số 2601/QĐ-EVVNPC ngày 29/8/2019 của Tổng công ty điện lực	
2	Chống quá tải lưới Điện lực Lang Chánh, tại xã Yên Khương	0,011		0,001			0,010	Yên Khương	Phù hợp		
3	Chống quá tải lưới Điện lực Lang Chánh, tại xã Giao An	0,009		0,002			0,007	Giao An	Phù hợp		
<b>II</b>	<b>Công trình chợ</b>	<b>0,360</b>	<b>0,360</b>								
1	Dự án xây mới Chợ xã Giao Thiện	0,360	0,360					Giao Thiện	Phù hợp	Công văn Số 1004/ UBND-TNMT ngày 06/9/2019	

**Phụ biểu III.21**

**TỔNG HỢP NHU CẦU SỬ DỤNG ĐẤT CÁC DỰ ÁN CHUYỂN MỤC ĐÍCH ĐẤT TRỒNG LÚA, ĐẤT VÀ RỪNG PHÒNG HỘ, RỪNG SẢN XUẤT NĂM 2020 TRÊN ĐỊA BÀN HUYỆN BÁ THƯỚC**

TT	Hạng mục	Diện tích chuyển mục đích (ha)	Được chuyển mục đích từ các loại đất					Địa điểm (đến cấp xã)	Sự phù hợp điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất đến năm 2020	Chủ trương; nguồn vốn đầu tư	Ghi chú
			LUA	RSX	RPH	RDD	Các loại đất còn lại				
(1)	(2)	(3)=(4)+... (8)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)
	<b>Tổng cộng</b>	<b>3,500</b>	<b>2,230</b>	<b>1,250</b>			<b>0,020</b>				
<b>I</b>	<b>Dự án Khu dân cư nông thôn</b>	<b>1,260</b>	<b>1,260</b>								
1	Đấu giá QSD đất xã Diên Trung (MBQH 1)	0,760	0,760					Xã Diên Trung	Phù hợp		
2	Đấu giá QSD đất xã Diên Trung (MBQH 2)	0,500	0,500					Xã Diên Trung	Phù hợp		
<b>II</b>	<b>Cụm công nghiệp</b>	<b>1,250</b>		<b>1,250</b>							
1	Dự án nhà máy chế biến nông sản và sản xuất gạch, ngói không nung (cụm công nghiệp Diên Trung)	1,250		1,250				Xã Diên Trung	Phù hợp	QĐ số 599/QĐ-UBND ngày 22/3/2019 của UBND huyện Bá Thước về việc chấp thuận chủ trương đầu tư dự án nhà máy chế biến nông sản và sản xuất gạch, ngói không nung tại cụm công nghiệp xã Diên Trung	
<b>III</b>	<b>Công trình giao thông</b>	<b>0,640</b>	<b>0,620</b>				<b>0,020</b>				
1	Kiên cố hóa đường GT nội đồng thôn Chiềng Lãm, xã Diên Lư	0,360	0,360					Xã Diên Lư	Phù hợp	QĐ số 2159/QĐ-UBND ngày 16/8/2019 của UBND huyện Bá Thước về việc phê duyệt BC Kinh tế - kỹ thuật công trình kiên cố hóa đường giao thông nội đồng thôn Chiềng Lãm, xã Diên Lư	
2	Kiên cố hóa đường GT nội đồng thôn Ba, xã Ban Công	0,220	0,220					Xã Ban Công	Phù hợp	QĐ số 2156/QĐ-UBND ngày 16/8/2019 của UBND huyện Bá Thước về việc phê duyệt BC Kinh tế - kỹ thuật công trình kiên cố hóa đường giao thông nội đồng thôn Ba, xã Ban Công	



TT	Hạng mục	Diện tích chuyển mục đích (ha)	Được chuyển mục đích từ các loại đất					Địa điểm (đến cấp xã)	Sự phù hợp điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất đến năm 2020	Chủ trương; nguồn vốn đầu tư	Ghi chú
			LUA	RSX	RPH	RDD	Các loại đất còn lại				
(1)	(2)	(3)=(4)+... (8)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)
3	Dự án xây dựng cầu Mố Làn và đường đi Làng Lãm -Thôn Ben	0,060	0,040				0,020	Xã Lương nội	Phù hợp	QĐ: 1297/QĐ-UBND ngày 11/4/2019 của UBND tỉnh Thanh Hóa về phê duyệt chủ trương đầu tư danh mục dự án khởi công mới năm 2019 thuộc chương trình MTQG xây dựng NTM;	
<b>IV</b>	<b>Công trình, dự án năng lượng</b>	<b>0,020</b>	<b>0,020</b>								
1	Giảm tổn thất các Trạm biến áp Điện lực Bá Thước	0,020	0,020					Xã: Hạ Trung, Tân Lập, Thành Lãm, Điền Thượng	Phù hợp	Công văn số 1792/PCTH-P2 ngày 16/8/2019 của Công ty Điện Lực Thanh Hóa về việc đăng ký bổ sung danh mục ĐTXD năm 2019	
<b>V</b>	<b>Dự án cơ sở giáo dục</b>	<b>0,130</b>	<b>0,130</b>								
1	Mở rộng trường tiểu học Điền Lư	0,130	0,130					Xã Điền Lư	Phù hợp	Kế hoạch số 166/KH-UBND ngày 06/8/2019 của UBND huyện V/v triển khai kế hoạch thực hiện hỗ trợ của Tập đoàn công nghệ Viễn thông quân đội tại huyện Bá Thước theo NQ30a (gđ 2019-2020)	
<b>VI</b>	<b>Công trình chợ</b>	<b>0,200</b>	<b>0,200</b>								
1	Mở rộng Chợ Phố Đoàn	0,200	0,200					Xã Lũng Niêm	Phù hợp	Quyết định số 314/QĐ-UBND ngày 22/02/2019 của UBND huyện về việc phê duyệt kế hoạch chuyển đổi mô hình quản lý, kinh doanh, khai thác chợ trên địa bàn huyện Bá Thước	

TT	Hạng mục	Diện tích chuyển mục đích (ha)	Được chuyển mục đích từ các loại đất					Địa điểm (đến cấp xã)	Sự phù hợp điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất đến năm 2020	Chủ trương; nguồn vốn đầu tư	Ghi chú
			LUA	RSX	RPH	RDD	Các loại đất còn lại				
(1)	(2)	(3)=(4)+...+(8)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)
1	Trạm biến áp 320KW thị trấn Quan Hóa	0,014		0,014				TT.Quan Hóa	Phù hợp	Công văn số 1774/UBND-NN ngày 5/9/2019 của UBND tỉnh về việc giao tham mưu giải quyết đề nghị cho phép các công trình, dự án trên địa bàn huyện Quan Hóa được thực hiện trong năm 2019	
2	Trạm biến áp 320KW bản Pan xã Phú Xuân	0,005		0,005			Phú Xuân	Phù hợp			
3	Trạm biến áp 320KW bản Sại 2 xã Phú Lệ	0,004		0,004			Phú Lệ	Phù hợp			
4	Trạm biến áp 320KW xã bản Phai xã Trung Thành	0,007		0,007			Trung Thành	Phù hợp			
5	Trạm biến áp 320KW bản Chiềng xã Trung Sơn	0,008		0,008			Trung Sơn	Phù hợp			
6	Xây dựng đường dây trung áp đi dọc hành lang đường bộ xã Xuân Phú huyện Quan Hóa đi xã Trung Xuân huyện Quan Sơn	0,020		0,020			Xuân Phú	Phù hợp	Công văn số 1164/UBND-KTHT ngày 23/10/1019 của UBND huyện Quan Hóa về việc chấp thuận Xây dựng đường dây trung áp đi dọc hành lang đường bộ xã Xuân Phú huyện Quan Hóa đi xã Trung Xuân huyện Quan Sơn		
XII	<b>Dự án cơ sở giáo dục</b>	<b>0,510</b>		<b>0,510</b>							
1	Trường Tiểu học xã Thanh Xuân mở rộng	0,150		0,150				Thanh Xuân	Phù hợp	Quyết định số 2902/QĐ- UBND ngày 22/7/2019 của UBND tỉnh Thanh Hoá	
2	Trường Mầm non khu Éo xã Thanh Xuân	0,360		0,360				Thanh Xuân	Phù hợp	Văn bản số 2107/SGTVT - TĐKHKT ngày 14/6/2019 của sở GTVT	

Phụ biểu III.24

**TỔNG HỢP NHU CẦU SỬ DỤNG ĐẤT CÁC DỰ ÁN CHUYỂN MỤC ĐÍCH ĐẤT TRỒNG LÚA, ĐẤT VÀ RỪNG PHÒNG HỘ, RỪNG SẢN XUẤT NĂM 2020 TRÊN ĐỊA BÀN HUYỆN QUAN HÓA**

TT	Hạng mục	Diện tích chuyển mục đích (ha)	Được chuyển mục đích từ các loại đất					Địa điểm (đến cấp xã)	Sự phù hợp điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất đến năm 2020	Chủ trương; nguồn vốn đầu tư	Ghi chú
			LUA	RSX	RPH	RDD	Các loại đất còn lại				
(1)	(2)	(3)=(4)+...(8)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)
	<b>Tổng cộng</b>	<b>18,048</b>	<b>0,210</b>	<b>15,308</b>			<b>2,530</b>				
<b>II</b>	<b>Dự án Khu dân cư nông thôn</b>	<b>8,580</b>	<b>0,010</b>	<b>8,480</b>			<b>0,090</b>				
1	Khu dân cư bản Co Me xã Trung Sơn	2,000		2,000				Trung Sơn	Phù hợp	Quyết định số 4857/QĐ-UBND ngày 05/12/2018 của UBND tỉnh về công trình triển khai ngay để khắc phục sự cố do mưa bão	
2	Khu dân cư bản Chiềng xã Trung Sơn	3,000		3,000				Trung Sơn	Phù hợp		
3	Khu dân cư bản Pó xã Trung Sơn	0,100	0,010				0,090	Trung Sơn	Phù hợp		
4	Khu dân cư bản Pạo xã Trung Sơn	1,700		1,700				Trung Sơn	Phù hợp		
5	Khu dân cư bản Ken II xã Nam Tiến	0,280		0,280				Nam Tiến	Phù hợp		
6	Khu dân cư bản chiềng xã Trung Thành	1,500		1,500				Trung Thành	Phù hợp		
<b>V</b>	<b>Cụm công nghiệp</b>	<b>2,230</b>		<b>2,230</b>							
1	Kho chứa thức ăn chăn nuôi và xưởng chế biến Lâm Sản tại lô số 2 cụm công nghiệp Xuân Phú	2,230		2,230				Xuân Phú	Phù hợp	Quyết định số 1564/QĐ-UBND ngày 17/9/2019 của UBND huyện Quan Hóa	
<b>VI</b>	<b>Công trình giao thông</b>	<b>6,670</b>	<b>0,200</b>	<b>4,030</b>			<b>2,440</b>				
1	Đường giao thông Bản Bá đi bản vui xã Thanh Xuân	4,000		4,000				Thanh Xuân	Phù hợp	Quyết định số 2833/QĐ-UBND ngày 29 tháng 7 năm 2016 của Chủ tịch UBND tỉnh Thanh Hóa	
2	Sửa chữa nâng cấp đường Sại Hang xã Phú Lệ	2,600	0,200				2,400	Phú Lệ	Phù hợp	Quyết định số 2902/QĐ-UBND ngày 22/7/2019 của UBND tỉnh Thanh Hoá	
3	Cầu cứng xã Trung Thành	0,070		0,030			0,040	Trung Thành	Phù hợp	Quyết định số 951/QĐ-UBND ngày 19/3/2019 quyết định phê duyệt chủ trương đầu tư dự án xây dựng cầu Trung Thành, khắc phục khẩn cấp cơ sở hạ tầng thiệt hại, hư hỏng do mưa lũ gây ra từ	
<b>VIII</b>	<b>Công trình năng lượng</b>	<b>0,058</b>		<b>0,058</b>							

TT	Hạng mục	Diện tích chuyển mục đích (ha)	Được chuyển mục đích từ các loại đất					Địa điểm (đến cấp xã)	Sự phù hợp điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất đến năm 2020	Chủ trương; nguồn vốn đầu tư	Ghi chú
			LUA	RSX	RPH	RDD	Các loại đất còn lại				
(1)	(2)	(3)=(4)+...+(8)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)
1	Mở rộng trường Mầm non khu chính	0,080	0,080					Yên Lễ	Phù hợp	Quyết định số 108/QĐ-UBND ngày 14/6/2019 của UBND xã Yên Lễ	
2	Nâng cấp khuôn viên trường TH Yên Cát	0,187	0,067				0,120	TT Yên Cát	Phù hợp	Quyết định 175/QĐ-UBND ngày 23/1/2019 của Chủ tịch UBND huyện Như Xuân	
<b>VIII</b>	<b>Công trình chợ</b>	<b>1,760</b>	<b>1,020</b>				<b>0,740</b>				
1	Xây dựng chợ Yên Cát	1,760	1,020				0,740	TT Yên Cát	Phù hợp	Công văn số 750/UBND-KTHT ngày 18/8/2017 của UBND huyện Như Xuân	
<b>IX</b>	<b>Dự án cơ sở tôn giáo</b>	<b>1,600</b>		<b>1,600</b>							
1	Chùa Yên Cát	1,600		1,600				TT Yên Cát	Chưa phù hợp	Công văn số 6788/UBND-NN ngày 16/6/2017 của UBND tỉnh	
<b>X</b>	<b>Dự án sinh hoạt cộng đồng</b>	<b>0,130</b>	<b>0,130</b>								
1	Mở rộng khuôn viên NVH thôn Cát Tiến	0,130	0,130					Yên Lễ	Phù hợp	Quyết định số 110/QĐ-UBND ngày 14/6/2019 của UBND xã Yên Lễ	
<b>XI</b>	<b>Công trình nghĩa trang, nghĩa địa</b>	<b>1,420</b>		<b>1,420</b>							
1	Mở rộng nghĩa địa Khu phố Thăng Bình	1,200		1,200				TT Yên Cát	Phù hợp	Quyết định số 547/QĐ-UBND ngày 02/4/2019 của UBND huyện Như Xuân	
2	Mở rộng nghĩa địa Khu phố Lũng	0,220		0,220				TT Yên Cát	Phù hợp	Công văn số 51/Công văn-HĐND ngày 12/6/2019 của HĐND thị trấn Yên Cát	

Phụ biểu III.23

**TỔNG HỢP NHU CẦU SỬ DỤNG ĐẤT CÁC DỰ ÁN CHUYÊN MỤC ĐÍCH ĐẤT TRỒNG LÚA, ĐẤT VÀ RỪNG PHÒNG HỘ, RỪNG SẢN XUẤT NĂM 2020 TRÊN ĐỊA BÀN HUYỆN NHƯ XUÂN**

TT	Hạng mục	Diện tích chuyển mục đích (ha)	Được chuyển mục đích từ các loại đất					Địa điểm (đến cấp xã)	Sự phù hợp điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất đến năm 2020	Chủ trương; nguồn vốn đầu tư	Ghi chú
			LUA	RSX	RPH	RDD	Các loại đất còn lại				
(1)	(2)	(3)=(4)+...+(8)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)
	<b>Tổng cộng</b>	<b>61,727</b>	<b>13,167</b>	<b>35,220</b>			<b>13,340</b>				
<b>I</b>	<b>Dự án Khu dân cư đô thị</b>	<b>1,340</b>	<b>1,200</b>				<b>0,140</b>				
1	Đầu giá đất khu dân cư đường Thanh Niên	1,340	1,200				0,140	TT Yên Cát	Phù hợp	Công văn số 53/CV -HĐND ngày 12/6/2019 của HĐND thị trấn Yên Cát	
<b>II</b>	<b>Dự án Khu dân cư nông thôn</b>	<b>1,760</b>	<b>0,540</b>	<b>1,000</b>			<b>0,220</b>				
1	Đầu giá đất ở khu dân cư thôn Thanh Xuân	0,760	0,540				0,220	Hóa Quý	Phù hợp	Công văn số 950/UBND-TNMT ngày 09/8/2019 của UBND huyện Như Xuân	
2	Đầu giá đất ở khu dân cư thôn Xuân Thành	1,000		1,000				Xuân Quý	Phù hợp		
<b>V</b>	<b>Cụm công nghiệp</b>	<b>30,000</b>		<b>30,000</b>							
1	Cụm công nghiệp Xuân Hòa	30,000		30,00				Xuân Hòa	Phù hợp	Quyết định số 4414/QĐ-UBND ngày 28/10/2019 của UBND tỉnh Thanh Hóa	
<b>III</b>	<b>Công trình giao thông</b>	<b>1,200</b>		<b>1,200</b>							
1	Đường giao thông liên thôn Thanh Hương - Xóm Chuối	1,200		1,200				Xuân Quý	Phù hợp	CT MTQG XD NTM theo Công văn số 881/UBND-NN&PTNT ngày 26/7/2019 của UBND huyện Như Xuân	
<b>IV</b>	<b>Công trình thủy lợi</b>	<b>21,340</b>	<b>9,950</b>				<b>11,390</b>				
1	Đập Nà Hiêng	21,340	9,950				11,390	Thanh Quân	Phù hợp	Công văn số 9853/UBND-THKH ngày 31/7/2019 của UBND tỉnh Thanh Hóa	
<b>V</b>	<b>Công trình thể dục thể thao</b>	<b>0,910</b>	<b>0,180</b>				<b>0,730</b>				
1	Xây dựng sân thể thao thôn Trung Thành	0,910	0,180				0,730	Yên Lễ	Phù hợp	Quyết định số 109/QĐ-UBND ngày 14/6/2019 của UBND xã Yên Lễ	
<b>VII</b>	<b>Dự án cơ sở giáo dục</b>	<b>0,267</b>	<b>0,147</b>				<b>0,120</b>				

TT	Hạng mục	Diện tích chuyển mục đích (ha)	Được chuyển mục đích từ các loại đất					Địa điểm (đến cấp xã)	Sự phù hợp điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất đến năm 2020	Chủ trương; nguồn vốn đầu tư	Ghi chú
			LUA	RSX	RPH	RDD	Các loại đất còn lại				
(1)	(2)	(3)=(4)+... (8)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)
4	Khu dân cư mới Đồng Phước thôn Trung Chính	0,600	0,600					Thôn Trung Chính xã Xuân Cẩm	Phù hợp	Quyết định số 2560/QĐ-UBND ngày 01/11/2019 của UBND huyện Thường Xuân về việc phê duyệt chủ trương đầu tư dự án Mặt bằng khu dân cư mới, thôn Trung Chính xã Xuân Cẩm	
5	Khu dân thôn Liên Thành	1,400	1,400					Thôn Liên Thành xã Luận Thành	Phù hợp	Quyết định số 2550/QĐ-UBND ngày 01/11/2019 của UBND huyện Thường Xuân về việc phê duyệt chủ trương đầu tư dự án Mặt bằng khu dân cư mới, thôn Liên Thành xã Luận Thành	
<b>III</b>	<b>Dự án Trụ sở cơ quan</b>	<b>0,700</b>		<b>0,700</b>							
1	Trạm Kiểm lâm Bản Khoong	0,400		0,400				Bát Mọt	Phù hợp	Quyết định số 3403/QĐ-UBND ngày 27/8/2019 của UBND tỉnh về việc thành lập Trạm Kiểm lâm Bản Khoong và bản Phổng	
2	Trạm kiểm lâm Bản Phổng	0,300		0,300				Bát Mọt	Phù hợp		
<b>IV</b>	<b>Công trình năng lượng</b>	<b>0,001</b>	<b>0,001</b>								
1	Giảm tổn thất các TBA > 10% Điện lực Thường Xuân - tỉnh Thanh Hóa	0,001	0,001					Bát Mọt, Xuân Cao,	Phù hợp	Quyết định số 2601/QĐ-EVVNPC ngày 29/8/2019 của Tổng công ty điện lực	
<b>V</b>	<b>Dự án sản xuất phi nông nghiệp, thương mại dịch vụ, chế biến nông, lâm, thủy sản</b>	<b>4,700</b>	<b>2,741</b>	<b>1,709</b>			<b>0,250</b>				
1	Nhà máy may H&H Vina Green	2,500	2,310				0,190	Xuân Cẩm	Phù hợp	Quyết định số 3143/QĐ-UBND ngày 05/8/2019 của Chủ tịch UBND tỉnh	
2	Nhà máy chế biến đất sét và thương mại vật liệu xây dựng tổng hợp	2,200	0,431	1,709			0,060	Luận Thành	Phù hợp	Quyết định số 2730/QĐ-UBND ngày 18/7/2018, số 3177/QĐ-UBND ngày 07/8/2019 của UBND tỉnh	

Phụ biểu III.22

**TỔNG HỢP NHU CẦU SỬ DỤNG ĐẤT CÁC DỰ ÁN CHUYỂN MỤC ĐÍCH ĐẤT TRỒNG LÚA, ĐẤT VÀ RỪNG PHÒNG HỘ, RỪNG SẢN XUẤT NĂM 2020 TRÊN ĐỊA BÀN HUYỆN THƯỜNG XUÂN**

TT	Hạng mục	Diện tích chuyển mục đích (ha)	Được chuyển mục đích từ các loại đất					Địa điểm (đến cấp xã)	Sự phù hợp điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất đến năm 2020	Chủ trương; nguồn vốn đầu tư	Ghi chú
			LUA	RSX	RPH	RDD	Các loại đất còn lại				
(1)	(2)	(3)=(4)+... (8)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)
	<b>Tổng cộng</b>	<b>22,821</b>	<b>20,142</b>	<b>2,409</b>			<b>0,270</b>				
<b>I</b>	<b>Khu dân cư đô thị</b>	<b>5,800</b>	<b>5,800</b>								
1	MB khu dân cư thị trấn (đường đi tổ rông)	1,040	1,040					Thị Trấn Thường Xuân	Phù hợp	Nghị quyết số 83/NĐ-HĐ ND ngày 04/7/2018 huyện Thường Xuân về kế hoạch đầu tư công giai đoạn 2018-2020	
2	Khu dân cư phía Bắc Thị trấn 6,19ha	5,800	5,800					Thị Trấn Thường Xuân	Phù hợp	Nghị quyết số 83/NĐ-HĐ ND ngày 04/7/2018 huyện Thường Xuân về kế hoạch đầu tư công giai đoạn 2018-2020, Quyết định số 1867/QĐ-UBND ngày 06/9/2018 của UBND huyện	
<b>II</b>	<b>Dự án Khu dân cư nông thôn</b>	<b>11,620</b>	<b>11,600</b>				<b>0,020</b>				
1	MB khu dân cư thôn Vành xã Xuân Lộc	0,860	0,860					Xã Xuân Lộc	Phù hợp	Quyết định số 2559/QĐ-UBND ngày 01/11/2019 của UBND huyện Thường Xuân về việc phê duyệt chủ trương đầu tư dự án Mặt bằng khu dân cư mới, thôn Vành xã Xuân Lộc	
2	Khu dân cư mới thôn Chiềng xã Xuân Lộc	0,760	0,740				0,020	Thôn Chiềng xã Xuân Lộc	Phù hợp	Quyết định số 2553/QĐ-UBND ngày 01/11/2019 của UBND huyện Thường Xuân về việc phê duyệt chủ trương đầu tư dự án Mặt bằng khu dân cư mới, thôn Chiềng xã Xuân Lộc	
3	Khu dân cư mới xã Xuân Dương	8,000	8,000					Thôn Thống Nhất xã Xuân Dương	Phù hợp	QĐ số 2564/QĐ-UBND ngày 01/11/2019 của UBND huyện Thường Xuân về việc phê duyệt chủ trương đầu tư dự án Mặt bằng khu dân cư mới, thôn Thống Nhất 2 xã Xuân Dương	

Phụ biểu III.25

TỔNG HỢP NHU CẦU SỬ DỤNG ĐẤT CÁC DỰ ÁN CHUYỂN MỤC ĐÍCH ĐẤT TRỒNG LÚA, ĐẤT VÀ RỪNG PHÒNG HỘ, RỪNG SẢN XUẤT NĂM 2020 TRÊN ĐỊA BÀN HUYỆN QUAN SƠN

TT	Hạng mục	Diện tích chuyển mục đích (ha)	Được chuyển mục đích từ các loại đất					Địa điểm (đến cấp xã)	Sự phù hợp điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất đến năm 2020	Chủ trương; nguồn vốn đầu tư	Ghi chú
			LUA	RSX	RPH	RDD	Các loại đất còn lại				
(1)	(2)	(3)=(4)+... (8)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)
	<b>Tổng cộng</b>	<b>23,944</b>	<b>0,500</b>	<b>18,844</b>			<b>4,600</b>				
<b>I</b>	<b>Khu dân cư nông thôn</b>	<b>11,790</b>		<b>8,290</b>			<b>3,500</b>				
1	Dự án bố trí dân cư khỏi khu sạt lở	8,790		5,290			3,500	Xã Na Mèo	Phù hợp	Quyết định số 3309/QĐ-UBND ngày 16/08/2019	
2	Dự án bố trí dân cư khỏi khu sạt lở	3,000		3,000				Xã Trung Tiến	Phù hợp	Công văn số 11336/UBND - NN ngày 28/8/2019	
<b>II</b>	<b>Công trình giao thông</b>	<b>11,154</b>		<b>10,054</b>			<b>1,100</b>				
1	Đường giao thông từ trung tâm xã đi bản nà Sáng xã Sơn Hà	1,100		1,000			0,100	Xã Sơn Hà	Phù hợp	Kế hoạch số 01/KH-BCĐ ngày 21/01/2019	
2	Tuyến đường giao thông từ bản Bo Hiêng đi các bản Sa Ná - Bản Sơn	3,500		3,500				Xã Na Mèo	Phù hợp	Quyết định số 3309/QĐ-UBND ngày 16/08/2019	
3	Đường giao thông từ bản Sơn đi bản Ché Lâu, xã Na Mèo.	3,500		2,500			1,000	Xã Na Mèo	Phù hợp	Báo cáo số 5198/SKHĐT-TH ngày 23/8/2019	
4	Xây dựng đường giao thông từ bản Muống đi bản Khả	2,400		2,400				Xã Sơn Thủy	Phù hợp	Quyết định số 1297/QĐ-UBND ngày 11/4/2019	
5	Công trình khắc phục hậu quả thiên tai do mưa lũ trên QL 217	0,654		0,654				Xã Mường Mìn	Phù hợp	Công văn số 5568/TCĐBVN-ATGT ngày 23/8/2019 của Tổng cục đường bộ Việt Nam	
<b>I</b>	<b>Công trình, dự án văn hóa, thể dục thể thao</b>	<b>0,500</b>	<b>0,500</b>								
1	Sân vận động xã Mường Mìn	0,500	0,500					Xã Mường Mìn	Phù hợp	Quyết định số 851/QĐ-UBND ngày 16/5/2019 của Chủ tịch UBND huyện	
<b>III</b>	<b>Dự án cơ sở giáo dục - đào tạo</b>	<b>0,500</b>		<b>0,500</b>							
1	Xây dựng trường Mầm non và trường tiểu học Bản Sa Ná	0,500		0,500				Xã Na Mèo	Phù hợp	Quyết định số 3309/QĐ-UBND ngày 16/08/2019	



Phụ biểu III.26

TỔNG HỢP NHU CẦU SỬ DỤNG ĐẤT CÁC DỰ ÁN CHUYỂN MỤC ĐÍCH ĐẤT TRỒNG LÚA, ĐẤT VÀ RỪNG PHÒNG HỘ, RỪNG SẢN XUẤT NĂM 2020 TRÊN ĐỊA BÀN HUYỆN MƯỜNG LÁT

TT	Hạng mục	Diện tích chuyển mục đích (ha)	Được chuyển mục đích từ các loại đất					Địa điểm (đến cấp xã)	Sự phù hợp điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất đến năm 2020	Chủ trương; nguồn vốn đầu tư	Ghi chú
			LUA	RSX	RPH	RDD	Các loại đất còn lại				
(1)	(2)	(3)=(4)+ ... (8)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)
	<b>Tổng cộng</b>	<b>48,381</b>	<b>1,780</b>	<b>42,481</b>	<b>1,300</b>		<b>2,192</b>				
<b>I</b>	<b>Khu dân cư nông thôn</b>	<b>39,100</b>	<b>1,260</b>	<b>36,100</b>			<b>1,740</b>				
1	Khu tái định cư bản Pọng, xã Tam Chung	3,900		3,500			0,400	Tam chung	Phù hợp	Quyết định số 137/QĐ-UBND ngày 09/01/2019 của UBND tỉnh	
2	Khu tái định cư bản Qua, xã Quang Chiêu	3,450	1,260	1,660			0,530	Quang Chiêu	Phù hợp		
3	Khu tái định cư bản Xim, xã Quang Chiêu	5,500		5,500				Quang Chiêu		Quyết định số 3720/QĐ-UBND ngày 17/09/2019 của UBND tỉnh	
4	Khu tái định cư bản Na Chùa, xã Mường Chanh	4,900		4,090			0,810	Mường Chanh	Phù hợp	Quyết định số 137/QĐ-UBND ngày 09/01/2019 của UBND tỉnh	
6	Khu tái định cư bản Trung Thắng	2,050		2,050				Mường Lý	Phù hợp	Quyết định số số 1591/QĐ-UBND ngày 26/4/2019 của UBND tỉnh	
7	Khu tái định cư bản Ún	3,000		3,000				Mường Lý	Phù hợp		
8	Khu tái định cư bản Xa Lung	2,300		2,300				Mường Lý	Phù hợp		
9	Khu tái định cư Pá Hộc (tại bản Chim, xã Nhi Sơn)	7,500		7,500				Nhi Sơn		Quyết định số 3720/QĐ-UBND ngày 17/09/2019 của UBND tỉnh	
10	Khu tái định cư bản Nà Ôn, xã Trung Lý	6,500		6,500				Trung Lý			
<b>II</b>	<b>Công trình giao thông</b>	<b>0,340</b>		<b>0,300</b>			<b>0,040</b>				
1	Cầu treo Bản Đoàn Kết	0,340		0,300			0,040	Tén Tàn	Phù hợp	Quyết định số 1004/QĐ-UBND ngày 22/3/2019 của UBND tỉnh	
<b>III</b>	<b>Công trình thủy lợi</b>	<b>5,002</b>	<b>0,520</b>	<b>3,856</b>							

TT	Hạng mục	Diện tích chuyển mục đích (ha)	Được chuyển mục đích từ các loại đất					Địa điểm (đến cấp xã)	Sự phù hợp điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất đến năm 2020	Chủ trương; nguồn vốn đầu tư	Ghi chú
			LUA	RSX	RPH	RDD	Các loại đất còn lại				
(1)	(2)	(3)=(4)+... (8)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)
1	Sửa chữa kênh Pom Búi từ bản Hạ Sơn, xã Pù Nhi về thị trấn Mường Lát	5,002	0,520	3,856				Pù Nhi, Thị trấn	Phù hợp	Quyết định số 622/QĐ-UBND ngày 14/2/2019 của UBND tỉnh	
<b>IV</b>	<b>Công trình thể dục thể thao</b>	<b>2,500</b>		<b>1,200</b>	<b>1,300</b>						
1	Sân vận động huyện Mường Lát	2,500		1,200	1,300			Thị trấn Mường Lát	Phù hợp	Công văn số 7992/UBND - TCKH ngày 20/6/2019 của UBND huyện Mường Lát	
<b>V</b>	<b>Dự án cơ sở giáo dục</b>	<b>1,439</b>		<b>1,025</b>			<b>0,412</b>				
2	Trường PTDTBT THCS Tam Chung	0,667		0,255			0,412	Tam chung	Phù hợp	Quyết định số 191/QĐ-UBND ngày 11/01/2019 của UBND tỉnh	
3	Trường PTDTBT THCS Trung Lý	0,250		0,250				Trung Lý	Phù hợp	Quyết định số 192/QĐ-UBND ngày 11/01/2019 của UBND tỉnh	
4	Trường Mầm non Trung Lý (Bản Lìn)	0,262		0,260				Trung Lý	Phù hợp	Quyết định số 262/QĐ-UBND ngày 14/01/2019 của UBND tỉnh	
5	Trường Tiểu học Trung Lý (Bản Lìn)	0,260		0,260				Trung Lý	Phù hợp	Quyết định số 187/QĐ-UBND ngày 14/01/2019 của UBND tỉnh	

Phụ biểu III.27

**TỔNG HỢP NHU CẦU SỬ DỤNG ĐẤT CÁC DỰ ÁN CHUYỂN MỤC ĐÍCH ĐẤT TRỒNG LÚA, ĐẤT VÀ RỪNG PHÒNG HỘ, RỪNG SẢN XUẤT NĂM 2020 TRÊN ĐỊA BÀN HUYỆN TỈNH GIA**

TT	Hạng mục	Diện tích chuyển mục đích (ha)	Được chuyển mục đích từ các loại đất					Địa điểm (đến cấp xã)	II	Chủ trương; nguồn vốn đầu tư	Ghi chú
			LUA	RSX	RPH	RDD	Các loại đất còn lại				
(1)	(2)	(3)=(4)+... (8)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)
	<b>Tổng cộng</b>	<b>6,29</b>		<b>3,17</b>			<b>3,12</b>				
<b>I</b>	<b>Công trình giao thông</b>	<b>0,79</b>		<b>0,79</b>							
1	Đoạn nối đường 513 với bộ ven biển tỉnh Nghệ An	0,793		0,793				Hải Hà	Phù hợp	Công văn số 16381/UBND-CN ngày 28/12/2018	
<b>II</b>	<b>Dự án sản xuất phi nông nghiệp, thương mại dịch vụ, chế biến nông, lâm, thủy sản</b>	<b>5,500</b>		<b>2,377</b>			<b>3,123</b>				
1	Khu nghỉ dưỡng sinh thái Khánh Thành	5,500		2,377			3,123	Bình Minh	Phù hợp	Quyết định số 4704/QĐ-UBND ngày 26/11/2018 của Chủ tịch UBND tỉnh	

**ỦY BAN NHÂN DÂN  
TỈNH THANH HOÁ**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: **16757**/UBND-NN

Thanh Hoá, ngày **06** tháng 12 năm 2019

V/v chấp thuận bổ sung công trình, dự án phải thu hồi đất, chuyển mục đích sử dụng đất trên địa bàn tỉnh.

Kính gửi: Hội đồng nhân dân tỉnh.

Thực hiện các quy định tại khoản 1, Điều 58, khoản 3, Điều 62, Luật Đất đai năm 2013; Điều 14, Điều 19, Điều 20, Luật Lâm nghiệp năm 2017 và Khoản 3, Điều 41, Điều 42, Nghị định số 156/2018/NĐ-CP ngày 16/11/2018 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Lâm nghiệp.

Trên cơ sở đề nghị của Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 1254/STNMT-CSĐĐ ngày 05/12/2019, Công văn số 7707/STNMT-QLĐĐ ngày 06/12/2019; đồng thời, để có cơ sở phê duyệt Kế hoạch sử dụng đất năm 2020 cấp huyện và triển khai các công trình, dự án theo đúng tiến độ, nội dung được phê duyệt; đảm bảo nhu cầu phát triển kinh tế – xã hội trên địa bàn tỉnh, UBND tỉnh báo cáo, kính trình Hội đồng nhân dân tỉnh chấp thuận bổ sung các công trình, dự án phải thu hồi đất và chuyển mục đích sử dụng đất với một số nội dung chính sau:

- Chấp thuận bổ sung danh mục 2 công trình, dự án phải thu hồi 78,961ha đất năm 2020 theo Phụ lục số 01 đính kèm.

- Cho phép chuyển mục đích 0,05ha đất trồng lúa và 7,230 ha rừng sản xuất để thực hiện 03 dự án theo Phụ lục số 02 đính kèm.

Các dự án nêu trên phù hợp với quy hoạch, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh, phù hợp với điều chỉnh Quy hoạch sử dụng đất đến năm 2020 cấp huyện, quy hoạch xây dựng nông thôn mới, quy hoạch chi tiết xây dựng, quy hoạch ngành, lĩnh vực khác đã được cơ quan nhà nước có thẩm quyền phê duyệt.

Kính trình Hội đồng nhân dân tỉnh xem xét, chấp thuận để UBND tỉnh chỉ đạo, tổ chức các bước tiếp theo theo đúng quy định của pháp luật./.

**Nơi nhận:**

- Như trên;
- Chủ tịch UBND tỉnh (b/cáo);
- Sở Tài nguyên và MT;
- Sở Nông nghiệp và PTNT;
- Lưu: VT, NN.  
(MCbosung 2020)

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN  
KT. CHỦ TỊCH  
PHÓ CHỦ TỊCH**



**Nguyễn Đức Quyền**

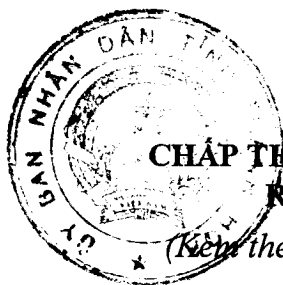
Biểu số 1

BỔ SUNG DANH MỤC CÔNG TRÌNH, DỰ ÁN THU HỒI ĐẤT TRONG NĂM 2020 TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH THANH HÓA

(Kèm theo Công văn số 16757/UBND-NN ngày 06/12/2019 của UBND tỉnh)



TT	Hạng mục	Diện tích đất thu hồi (ha)	Huyện, thị xã, thành phố	Sự phù hợp điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất đến năm 2020	Chủ trương; nguồn vốn đầu tư	Ghi chú
1	Đường giao thông đoạn từ tỉnh lộ 517 huyện Đông Sơn đi xã Quảng Yên	0,051	Xã Quảng Yên, huyện Quảng Xương	Phù hợp	Quyết định số 4519/QĐ-UBND ngày 31/10/2019 của UBND tỉnh phê duyệt dự án đầu tư	
2	Bổ sung thu hồi đất Đường giao thông từ Trung tâm thành phố Thanh Hóa nối với đường giao thông từ Cảng hàng không Thọ Xuân đi Khu kinh tế Nghi Sơn	8,480	Thành phố Thanh Hóa	Phù hợp	Quyết định số 4599/QĐ-UBND ngày 05/11/2019 của Chủ tịch UBND tỉnh	
		21,700	Huyện Đông Sơn	Phù hợp		
		48,730	Huyện Triệu Sơn	Phù hợp		
<b>Tổng cộng</b>		<b>78,961</b>				



**CHẤP THUẬN BỔ SUNG CÁC DỰ ÁN CHUYÊN MỤC ĐÍCH ĐẤT TRỒNG LÚA,  
RỪNG SẢN XUẤT NĂM 2020 TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH THANH HÓA**

(Kèm theo Công văn số 16757/UBND-NN ngày 06/12/2019 của UBND tỉnh)

TT	Hạng mục	Tổng diện tích (ha)	Diện tích chuyển mục đích sử dụng			Địa điểm (đến cấp xã)	Huyện, thị xã, thành phố	Sự phù hợp điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất đến năm 2020	Chủ trương; nguồn vốn đầu tư	Ghi chú
			LUA	RSX	Các loại đất còn lại					
1	Khai thác mỏ sét Kaolin	23,080		2,630	20,450	Xã Trí Nang	Lang Chánh	Phù hợp	Quyết định số 1095/QĐ-UBND ngày 29/3/2019 của UBND tỉnh	HĐND tỉnh thông qua danh mục thu hồi đất tại Nghị quyết số 190/NQ-HĐND ngày 10/7/2019
2	Dự án đầu tư cơ sở hạ tầng phục vụ chăn nuôi lợn tại xã Thanh Sơn	13,000		4,600	8,400	Xã Thanh Sơn	Như Xuân	Phù hợp	Quyết định số 827/QĐ-UBND ngày 07/3/2019 của UBND tỉnh	
3	Điểm trung chuyển heo và trồng cây ăn quả	1,800	0,050		1,750	Xã Vĩnh Hùng	Vĩnh Lộc	Phù hợp	Quyết định số 3140/QĐ-UBND ngày 05/8/2019 của UBND tỉnh	
<b>Tổng cộng</b>		<b>37,880</b>	<b>0,050</b>	<b>7,230</b>	<b>30,600</b>					

Số: /NQ-HĐND

Thanh Hóa, ngày tháng năm 2019

**DỰ THẢO**

**NGHỊ QUYẾT**

**Về việc chấp thuận Danh mục dự án phải thu hồi đất, chuyển mục đích sử dụng đất trồng lúa, đất rừng phòng hộ và Quyết định chủ trương chuyển mục đích sử dụng rừng phòng hộ, rừng sản xuất trên địa bàn tỉnh Thanh Hoá năm 2020**

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH THANH HÓA  
KHOÁ XVII, KỲ HỌP THỨ 11**

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Luật Đất đai ngày 29/11/2013;

Căn cứ Luật Lâm nghiệp năm 2017

Căn cứ các Nghị định của Chính phủ: Số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 về quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai; số 01/2017/NĐ-CP ngày 06/01/2017 về sửa đổi, bổ sung một số Nghị định quy định chi tiết thi hành Luật Đất đai; số 156/2018/NĐ-CP ngày 16/11/2018 của Chính phủ ;

Xét Tờ trình số 237/TTr-UBND ngày 29/11/2019 của UBND tỉnh Thanh Hóa về việc Về việc chấp thuận Danh mục dự án phải thu hồi đất, chuyển mục đích sử dụng đất trồng lúa, đất rừng phòng hộ và Quyết định chủ trương chuyển mục đích sử dụng rừng phòng hộ, rừng sản xuất trên địa bàn tỉnh Thanh Hoá năm 2020; Công văn số /UBND-NN ngày 06/7/2019 của UBND tỉnh về việc chấp thuận bổ sung công trình, dự án phải thu hồi đất, chuyển mục đích sử dụng đất trên địa bàn tỉnh; Báo cáo thẩm tra số /BC-HĐND ngày / /2019 của Ban Kinh tế ngân sách Hội đồng nhân dân tỉnh và ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh,

**QUYẾT NGHỊ:**

**Điều 1.** Thông qua Danh mục dự án phải thu hồi đất, chuyển mục đích sử dụng đất trồng lúa, đất rừng phòng hộ và Quyết định chủ trương chuyển mục đích sử dụng rừng phòng hộ, rừng sản xuất trên địa bàn tỉnh Thanh Hoá năm 2020, như sau:

1) Thông qua danh mục 1.205 công trình, dự án phải thu hồi đất để phát triển kinh tế - xã hội vì lợi ích quốc gia, công cộng trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa năm 2020, với tổng diện tích: 2.379,377 ha đất.

*(Có Biểu I và Phụ lục danh mục chi tiết các dự án phải thu hồi đất kèm theo)*

2) Thông qua danh mục chuyển mục đích sử dụng đất trồng lúa, đất rừng phòng hộ và Quyết định chủ trương chuyển mục đích sử dụng rừng phòng hộ, rừng sản xuất Quyết định danh mục 1.006 công trình, dự án chuyển mục đích 844,019 ha đất trồng lúa, 3,910 ha đất và rừng trồng phòng hộ, 187,154 ha rừng sản xuất.

*(Có Biểu số II và phụ lục chi tiết danh mục các dự án chuyển mục đích sử dụng đất trồng lúa, rừng phòng hộ, rừng sản xuất đính kèm)*

**Điều 2.** Giao Ủy ban nhân dân tỉnh căn cứ Nghị quyết này và các quy định hiện hành của pháp luật tổ chức triển khai thực hiện.

Đối với các dự án phải thu hồi đất, chuyển mục đích sử dụng đất để phục vụ phát triển kinh tế - xã hội vì lợi ích quốc gia, công cộng phát sinh giao Ủy ban nhân dân tỉnh báo cáo Hội đồng nhân dân tỉnh xem xét, quyết định tại kỳ họp gần nhất.

Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, các Ban Hội đồng nhân dân tỉnh, các đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh theo chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của mình giám sát việc thực hiện Nghị quyết này.

*Nghị quyết này được Hội đồng nhân dân tỉnh Khoá XVII, kỳ họp thứ 11 thông qua ngày .... tháng 12 năm 2019 và có hiệu lực kể từ ngày... ./.*

**Nơi nhận:**

- Thủ tướng Chính phủ (b/cáo);
- Văn phòng QH, VP Chủ tịch nước, VP Chính phủ (b/ cáo);
- Thường trực: Tỉnh ủy, HẸND, UBND tỉnh;
- Đại biểu QH, đại biểu HẸND tỉnh;
- VP: Tỉnh ủy, Đoàn ĐBQH và HẸND tỉnh, UBND tỉnh;
- Các sở, ban, ngành cấp tỉnh;
- UBMTTQ tỉnh và các đoàn thể cấp tỉnh;
- HẸND, UBND các huyện, thị xã, thành phố;
- Lưu: VT.

**CHỦ TỊCH**



**Biểu số I:**

**TỔNG HỢP NHU CẦU SỬ DỤNG ĐẤT CÁC DỰ ÁN THUỘC TRƯỜNG HỢP PHẢI THU HỒI ĐẤT NĂM 2020  
THEO QUY ĐỊNH TẠI KHOẢN 3 ĐIỀU 62 LUẬT ĐẤT ĐAI NĂM 2013**  
(Kèm theo Nghị quyết số /NQ-HĐND ngày tháng năm 2019 của Hội đồng nhân dân tỉnh Thanh Hóa)

STT	Loại dự án	Mã loại đất	Số công trình dự án	Diện tích thu hồi (ha)	Lấy từ các loại đất				Các loại đất còn lại
					ĐẤT NN				
					LUA	RSX	RPH	RDD	
1	Dự án Khu dân cư đô thị	ODT	68	459,876	258,225	0,200			201,451
2	Dự án Khu dân cư nông thôn	ONT	691	706,758	484,358	60,310			162,090
3	Dự án Trụ sở cơ quan	TSC	11	5,325	3,320	0,700			1,305
4	Dự án Trụ sở cơ quan tổ chức sự nghiệp	DTS							
5	Cụm công nghiệp	SKN	10	87,545	52,885	3,480			31,180
6	Công trình giao thông	DGT	127	287,345	126,329	25,464	1,240		134,312
7	Công trình thủy lợi	DTL	24	650,466	27,020	356,416	239,510		27,520
8	Dự án năng lượng	DNL	55	4,237	3,731	0,110			0,395
9	Công trình văn hóa	DVH	10	8,740	8,490				0,250
10	Công trình thể dục thể thao	DTT	46	40,750	31,640	1,200	1,300		6,610
11	Dự án cơ sở y tế	DYT	3	0,920	0,100				0,820
12	Dự án cơ sở giáo dục	DGD	46	20,114	11,977	2,435			5,702
13	Dự án chợ	DCH	10	7,330	3,930	0,530			2,870
14	Dự án thu gom xử lý chất thải	DRA	13	3,070	2,460				0,610
15	Dự án cơ sở tôn giáo	TON	8	9,311	1,000	7,100	0,100		1,111
16	Đất sinh hoạt cộng đồng	DSH	50	9,110	6,430	0,200			2,480
17	Công trình nghĩa trang nghĩa địa	NTD	27	31,840	11,020	18,620			2,200
18	Dự án Di tích lịch sử - văn hóa	DDT	5	28,640	20,640				8,000
19	Dịch vụ công cộng	DKV	1	18,000	8,760				9,240
20	Bưu chính viễn thông	DBV							
<b>Tổng</b>			<b>1.205</b>	<b>2.379,377</b>	<b>1.062,315</b>	<b>476,765</b>	<b>242,150</b>		<b>519,185</b>

(Có Danh mục chi tiết các dự án phải thu hồi đất năm 2020 kèm theo)

Biểu số II:

**TỔNG HỢP NHU CẦU SỬ DỤNG ĐẤT CÁC DỰ ÁN CHUYỂN MỤC ĐÍCH ĐẤT TRỒNG LÚA, ĐẤT VÀ RỪNG PHÒNG HỘ, RỪNG SẢN XUẤT NĂM 2020 TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH THANH HÓA**

(Kèm theo Nghị quyết số /NQ-HĐND ngày / /2019 của Hội đồng nhân dân tỉnh Thanh Hóa)

TT	Loại dự án	Mã loại đất	Số công trình dự án	Diện tích thu hồi (ha)	Lấy từ các loại đất				
					LUA	RSX	RPH	RDD	Đất khác còn lại
1	Dự án Khu dân cư đô thị	ODT	33	105,510	90,835	0,200			14,475
2	Dự án Khu dân cư nông thôn	ONT	568	570,047	474,208	60,310			35,529
3	Dự án Trụ sở cơ quan	TSC	4	4,020	3,320	0,700			
4	Dự án Trụ sở cơ quan tổ chức sự nghiệp	DTS							
5	Cụm công nghiệp	SKN	7	67,780	14,000	33,480			20,300
6	Công trình giao thông	DGT	109	145,636	84,599	22,877	1,240		36,920
7	Công trình thủy lợi	DTL	19	81,256	27,020	28,206	1,270		24,760
8	Dự án năng lượng	DNL	53	13,157	12,224	0,110			0,822
9	Công trình văn hóa	DVH	10	8,740	8,490				0,250
10	Công trình thể dục thể thao	DTT	38	37,370	31,640	1,200	1,300		3,230
11	Dự án cơ sở y tế	DYT	1	0,170	0,100				0,070
12	Dự án cơ sở giáo dục	DGD	28	15,454	11,977	2,435			1,042
13	Dự án chợ	DCH	8	5,400	3,930	0,530			0,940
14	Dự án thu gom xử lý chất thải	DRA	9	2,460	2,460				
15	Dự án cơ sở tôn giáo	TON	4	5,200	1,000	4,100	0,100		
16	Đất sinh hoạt cộng đồng	DSH	39	7,330	6,430	0,200			0,700
17	Công trình nghĩa trang nghĩa địa	NTD	25	30,960	11,020	18,620			1,320
18	Dự án Di tích lịch sử - văn hóa	DDT	2	0,640	0,640				
19	Dịch vụ công cộng	DKV	1	18,000	8,760				9,240
20	Bru chính viễn thông	DBV							
21	Dự án sản xuất phi nông nghiệp, thương mại - dịch vụ, chế biến nông, lâm, thủy sản	SKS	48	97,265	51,366	14,186			38,993
<b>Tổng</b>			<b>1.006</b>	<b>1.216,394</b>	<b>844,019</b>	<b>187,154</b>	<b>3,910</b>		<b>188,591</b>

(Có phụ biểu chi tiết các dự án chuyển mục đích đất trồng lúa, đất và rừng phòng hộ, rừng sản xuất năm 2020 kèm theo)



Ký bởi Sở Tư Pháp  
Giờ ký: 2019.12.02 13:57:57  
+07:00

UBND TỈNH THANH HÓA  
**SỞ TƯ PHÁP**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
**Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Số: *694* /BCTĐ-STP

Thanh Hóa, ngày *02* tháng *12* năm 2019

## **BÁO CÁO THẨM ĐỊNH**

**Dự thảo Nghị quyết về việc chấp thuận Danh mục dự án phải thu hồi đất và chuyển mục đích sử dụng đất trồng lúa, đất và rừng phòng hộ, rừng sản xuất trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa năm 2020**

Ngày 28/11/2019, Sở Tài nguyên và Môi trường có Công văn số 7486/STNMT-CSĐĐ đề nghị thẩm định dự thảo Nghị quyết về việc chấp thuận danh mục dự án phải thu hồi đất và chuyển mục đích sử dụng đất trồng lúa, đất và rừng phòng hộ, rừng sản xuất trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa năm 2020. Sở Tư pháp thẩm định như sau:

### **1. Về thẩm quyền ban hành văn bản:**

Khoản 3 Điều 45 Luật Đất đai năm 2013 quy định: "*Ủy ban nhân dân cấp tỉnh trình Hội đồng nhân dân cấp tỉnh thông qua danh mục dự án cần thu hồi đất quy định tại khoản 3 Điều 62 của Luật Đất đai năm 2013 trước khi phê duyệt kế hoạch sử dụng đất hàng năm của cấp huyện*".

Khoản 3 Điều 41 Nghị định số 156/2018/NĐ-CP ngày 16/11/2018 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật lâm nghiệp quy định: "*Ủy ban nhân dân cấp tỉnh trình Hội đồng nhân dân cùng cấp xem xét, quyết định chủ trương chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác*".

Căn cứ quy định nêu trên thì UBND tỉnh trình HĐND tỉnh ban hành Nghị quyết nêu trên là phù hợp và đúng thẩm quyền.

### **2. Về tên gọi:**

Dự thảo văn bản ghi: "*về việc chấp thuận danh mục dự án phải thu hồi đất và chuyển mục đích sử dụng đất trồng lúa, đất và rừng phòng hộ, rừng sản xuất trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa năm 2020*". Đề nghị sửa lại thành: "*về việc thông qua danh mục các dự án thu hồi đất và quyết định danh mục các dự án chuyển mục đích sử dụng đất trồng lúa, rừng phòng hộ, rừng sản xuất trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa năm 2020*" cho phù hợp với quy định của pháp luật.

### 3. Nội dung văn bản:

- Việc tham mưu, đề xuất các dự án thuộc trường hợp thu hồi đất và các dự án chuyển mục đích sử dụng đất trồng lúa, rừng phòng hộ, rừng sản xuất trên địa bàn tỉnh thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của Sở Tài nguyên và Môi trường, do vậy Sở Tài nguyên và Môi trường chịu trách nhiệm về nội dung này.

- Nội dung thông qua của dự thảo Nghị quyết được bố cục ở 02 Điều (Điều 1, Điều 2) và quy định cụ thể về các danh mục là không cần thiết, bởi các nội dung này đã được thể hiện cụ thể trong các Phụ lục. Do vậy, đề nghị cần bố cục trong cùng 01 Điều và đề nghị sửa lại như sau:

*"Điều 1. Thông qua danh mục các dự án thu hồi đất và quyết định danh mục các dự án chuyển mục đích sử dụng đất trồng lúa, rừng phòng hộ, rừng sản xuất trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa năm 2020, như sau:*

*1. Thông qua danh mục 1.203 dự án thu hồi đất với diện tích là ..... ha (Có phụ lục chi tiết kèm theo).*

*2. Quyết định danh mục 1.003 công trình, dự án chuyển mục đích đất trồng lúa, rừng phòng hộ, rừng sản xuất, với diện tích là .....ha (Có phụ lục chi tiết kèm theo)."*

### 4. Về thể thức và kỹ thuật trình bày:

Dự thảo văn bản đã đảm bảo về thể thức và kỹ thuật trình bày văn bản theo đúng quy định của pháp luật hiện hành.

Kính chuyển Sở Tài nguyên và Môi trường tổng hợp./.

#### Nơi nhận:

- Sở Tài nguyên và Môi trường;
- Giám đốc Sở;
- PGD phụ trách;
- Lưu: VT, XDVB.

